**BỘ TÀI LIỆU DẠY THÊM VĂN 7 NGỮ LIỆU NGOÀI SGK**

**DÙNG CHUNG 3 BỘ SÁCH**

Bộ tài liệu gồm: 256 trang

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **NỘI DUNG** | **TRANG** |
| **CHUYÊN ĐỀ 1: RÈN KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU THEO ĐẶC TRƯNG**  **THỂ LOẠI VĂN 7** | | |
| **1** | Truyện ngắn |  |
| **2** | Truyện ngụ ngôn |  |
| **3** | Thơ bốn chữ, năm chữ |  |
| **4** | Truyện khoa học viễn tưởng |  |
| **5** | Nghị luận văn học |  |
| **6** | Văn bản thông tin |  |
| **7** | Truyện ngụ ngôn và tục ngữ |  |
| **8** | Thơ |  |
| **9** | Văn bản nghị luận xã hội |  |
| **10** | Tản văn, tùy bút |  |
| **11** | Văn bản thông tin |  |
| **CHUYÊN ĐỂ 2: PHẦN THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT** | | |
| **1** | Bài 1: Ngôn ngữ vùng miền |  |
| **2** | Bài 2: Thực hành tiếng Việt mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ. |  |
| **3** | Bài 3: Thực hành Tiếng Việt : Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm Chủ - vị |  |
| **4** | Bài 4: Các biện pháp tu từ (Phép đối lập, so sánh, câu hỏi tu từ, Nói giảm nói tránh) |  |
| **5** | Bài 5: Ôn tập Số từ - phó từ |  |
| **6** | Bài 6: Ôn tập Tiếng việt Ngữ cảnh và nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh. |  |
| **7** | Bài 7: Thực hành Tiếng Việt Thành ngữ, nói quá. |  |
| **8** | Bài 8: Ôn tập Tiếng Việt ngữ cảnh và nghĩa của từ trong ngữ cảnh, dấu chấm lửng. |  |
| **9** | Bài 9: Ôn tập tiếng Việt Mạch lạc và liên kết, dấu câu |  |
| **10** | Bài 10. Ôn tập Tiếng Việt Từ Hán Việt, nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng. |  |
| **11** | Bài 11. Ôn tập Tiếng việt Thuật ngữ, biện pháp liên kết và từ liên kết. |  |
| **CHUYÊN ĐỂ 3: PHẦN TẬP LÀM VĂN** | | |
| **1** | Bài 1: Rèn kĩ năng viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. |  |
| **2** | Bài 2: Rèn kĩ năng viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm. |  |
| **3** | Bài 3: Rèn kĩ năng viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc xong một bài thơ bốn chữ, năm chữ. |  |
| **4** | Bài 4: Rèn kĩ năng viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự vật |  |
| **5** | Bài 5: Rèn kĩ năng viết bài văn thuyết minh về quy tắc luật lệ trong một hoạt động hay trò chơi. |  |
| **6** | Bài 6: Rèn kĩ năng viết bài văn nghị luận về vấn đề trong đời sống. |  |
| **7** | Bài 7: Rèn kĩ năng tóm tắt văn bản theo yêu cầu khác nhau về độ dài. |  |

**CHUYÊN ĐỀ 1: RÈN KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU NGỮ LIỆU NGOÀI CHƯƠNG TRÌNH THEO THỂ LOẠI SGK VĂN 7**

**1. TRUYỆN NGẮN**

**I. LÍ THUYẾT**

**1. Tìm hiểu chung về truyện ngắn**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Kiến thức** |
| **1. Khái niệm** | **-** Truyện: Là một loại tác phẩm văn học kể lại một câu chuyện, có cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian, hoàn cảnh diễn ra các sự việc.  - Đề tài là phạm vi đời sống được phản ánh, thể hiện trực tiếp trong tác phẩm văn học. |
| **2. Đặc điểm của truyện** | **- Bối cảnh:**  + Bối cảnh lịch sử: Hoàn cảnh xã hội của một thời kì lịch sử.  + Bối cảnh riêng: Thời gian và địa điểm, quang cảnh cụ thể xảy ra câu chuyện.  **Ngôi kể và tác dụng của việc thay đổi ngôi kể:**  **- Ngôi kể:**  + Ngôi thứ nhất: Xưng tôi.  Tác dụng ngôi kể 1: khiến cho câu chuyện được soi chiếu từ nhiều chiều, trở nên phong phú, hấp dẫn, chứa đựng nhiều ý nghĩa hơn.  + Ngôi thứ ba: Người kể giấu mặt. Tài liệu của Nhung tây  - Tác dụng ngôi kể thứ 3: Cách kể này giúp người kể có thể kể một cách linh hoạt, tự do những gì diễn ra với nhân vật. |
| **3. Tính cách nhân vật** | - Thường được thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, suy nghĩ của nhân vật; qua nhận xét của người kể chuyện và các nhân vật khác. |
| **4. Yêu cầu đọc truyện ngắn** | - Xác định những sự việc được kể, đâu là sự việc chính; ngôi kể.  **-** Nhận biết tính cách nhân vật qua các chi tiết miêu tả ngoại hình, tâm lí, hành động và lời nói. Tài liệu của Nhung tây  - Nhận biết được lời của người kể chuyện và lời của nhân vật; tình cảm của nhà văn.  - Rút ra đề tài, chủ đề của truyện.  **-** Rút ra được bài học cho bản thân. |

**II. Luyện tập đề Đọc hiểu về truyện ngắn**

**1. Dạng đề Đọc – Hiểu ngữ liệu ngoài SGK**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:**  *“Một người đàn ông dừng lại trước cửa hàng bán hoa để đặt mua hoa và gửi điện hoa về cho mẹ, người đang sống cách anh 200 dặm. Khi bước ra khỏi ôtô, anh chú ý đến một bé gái đang ngồi khóc nức nở. Anh đến để hỏi xem có điều gì không ổn và bé gái trả lời: “Con muốn mua tặng một bông hồng đỏ cho mẹ. Nhưng con chỉ có bảy mươi lăm xu, mà một bông hồng giá tớihai đô la.”*  *Người đàn ông mỉm cười rồi nói: “Lại đây nào, chú sẽ mua cho con một bông hồng”. Anh mua cho bé gái một bông hồng và đặt hoa gửi tặng mẹ anh. Khi họ chuẩn bị đi, anh đề nghị được đưa cô bé về nhà. Bé gái trả lời: “Vâng ạ. Chú có thể dẫn cháu đến gặp mẹ cháu”. Cô bé chỉ đường cho anh tới một nghĩa trang rồi cô đặt bông hồng lên trên một phần mộ mới xây.*  *Người đàn ông quay lại tiệm hoa, hủy bỏ dịch vụ điện hoa, rồi cầm bó hoa và lái xe hơn 200 dặm để về nhà tặng mẹ anh.*  *(Trích* *Quà tặng cuộc sống*)  **Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích trên.  **Câu 2.** Nêu nội dung chính của văn bản.  **Câu 3.** Theo em, vì sao người đàn ông ban đầu đã đặt dịch vụ điện hoa gửi về cho mẹ, sau đó hủy bỏ dịch vụ điện hoa, rồi cầm bó hoa và lái xe hơn 200 dặm để về nhà tặng mẹ anh? Tài liệu của Nhung tây  **Câu 4.** Từ nội dung văn bản ở phần Đọc - hiểu cùng với sự tưởng tượng của mình, em hãy viết một đoạn văn ngắn (3-5 câu) kể tiếp phần sau của câu chuyện đó. |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1**: Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

**Câu 2:** Câu chuyện kể về tình cảm yêu thương, kính trọng, biết ơn…của những người con dành cho mẹ.

**Câu 3:**

- Người đàn ông nhớ mẹ đã mua hoa gửi về tặng mẹ vì bận công việc. Nhưng khi chia sẻ với cô bé có mẹ mất sớm thì anh nhận ra tình yêu người con dành cho mẹ không chỉ là những bông hoa hoa mà còn là nỗi nhớ thương. Anh thay đổi quyết định ban đầu, muốn tự lái xe về nhà để gặp mẹ vì anh nhận thấy khi còn mẹ là niềm hạnh phúc nhất và thứ mẹ anh muốn là được gặp anh chứ không phải chỉ đơn giản là những thứ vật chất.

**Câu 3**

- Học sinh có thể tưởng tượng linh hoạt phần kết truyện phù hợp với diễn biến có sẵn của câu chuyện.

- Trong phần kể của học sinh kể linh hoạt nhưng cần thể hiện được một số nội dung cơ bản để toát lên tình cảm của con dành cho mẹ và mẹ dành cho con. Từ đó cho thấy tình mẫu tử vô cùng thiêng liêng….

- Tình cảm yêu kính của người con (người đàn ông) đi hai trăm cây số để về thăm mẹ như thế nào?

- Cảm xúc của người mẹ như thế nào khi thấy con về ….

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Đọc văn bản và trả lời các câu hỏi bên dưới:**  **ĐÔI TAI CỦA TÂM HỒN**  *Một cô bé vừa gầy vừa thấp bị thầy giáo loại khỏi dàn đồng ca. Cũng chỉ tại cô bé ấy lúc nào cũng chỉ mặc mỗi bộ quần áo vừa bẩn, vừa cũ lại vừa rộng nữa. Cô bé buồn tủi ngồi khóc một mình trong công viên. Cô bé nghĩ: Tại sao mình lại không được hát? Chẳng lẽ mình hát tồi đến thế sao? Cô bé nghĩ mãi rồi cô cất giọng hát khe khẽ. Cô bé cứ hát hết bài này đến bài khác cho đến khi mệt lả mới thôi.*  *- Cháu hát hay quá, một giọng nói vang lên: “Cảm ơn cháu, cháu gái bé nhỏ, cháu đã cho ta cả một buổi chiều thật vui vẻ”. Cô bé ngẩn người. Người vừa khen cô bé là một ông cụ tóc bạc trắng. Ông cụ nói xong liền chậm rãi bước đi.*  *Hôm sau, khi cô bé tới công viên đã thấy ông già ngồi ở chiếc ghế đá hôm trước. Khuôn mặt hiền từ mỉm cười chào cô bé. Cô lại hát, cụ già vẫn chăm chú lắng nghe. Ông vỗ tay lớn: “Cảm ơn cháu, cháu gái bé nhỏ của ta, cháu hát hay quá!” Nói xong cụ già lại một mình chậm rãi bước đi. Như vậy, nhiều năm trôi qua, cô bé giờ đây đã trở thành một ca sĩ nổi tiếng. Cô gái vẫn không quên cụ già ngồi tựa lưng vào thành ghế đá trong công viên nghe cô hát. Một buổi chiều mùa đông, cô đến công viên tìm cụ nhưng ở đó chỉ còn lại chiếc ghế đá trống không. Cô hỏi mọi người trong công viên về ông cụ:*  *- Ông cụ bị điếc ấy ư? Ông ấy đã qua đời rồi, một người trong công viên nói với cô.*  *Cô gái sững người, bật khóc. Hóa ra, bao nhiêu năm nay, tiếng hát của cô luôn được khích lệ bởi một đôi tai đặc biệt: đôi tai của tâm hồn.* Tài liệu của Nhung tây  **Câu 1**. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên?  **Câu 2.** Truyện được kể theo ngôi thứ mấy? Nêu tác dụng?  **Câu 3**. Tình huống bất ngờ trong câu chuyện là sự việc nào?  **Câu 4**. Ý nghĩa mà câu chuyện gửi tới chúng ta là gì? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1**. Phương thức biểu đạt chính: Tự sự:

**Câu 2**. Ngôi kể: Thứ ba.

- Tác dụng: Làm cho câu chuyện khách quan, hay hơn.

**Câu 3**. Tình huống bất ngờ trong câu chuyện: Cô gái sững người khi nhận ra người bấy lâu nay luôn khích lệ, động viên cho giọng hát của cô lại là một ông cụ bị điếc.

**Câu 4**. Ý nghĩa câu chuyện gửi tới người đọc:

- Trước khó khăn, thử thách, con người cần có niềm tin, nghị lực vượt lên hoàn cảnh để chiến thắng hoàn cảnh.

- Truyện còn đề cao sức mạnh của tình yêu thương con người.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |
| --- |
| *Trong một tiết dạy vẽ, cô giáo bảo các em học sinh lớp 1 vẽ về điều gì làm các em thích nhất trong đời. Cô giáo thầm nghĩ "Rồi các em cũng lại vẽ những gói quà, những ly kem hoặc những món đồ chơi, quyển truyện tranh". Thế nhưng cô đã hoàn toàn ngạc nhiên trước một bức tranh lạ của một em học sinh Douglas: bức tranh vẽ một bàn tay.*  *Nhưng đây là bàn tay của ai? Cả lớp bị lôi cuốn bởi một hình ảnh đầy biểu tượng này. Một em phán đoán "Đó là bàn tay của bác nông dân". Một em khác cự lại "Bàn tay thon thả thế này phải là bàn tay của một bác sĩ phẫu thuật....". Cô giáo đợi cả lớp bớt xôn xao dần rồi mới hỏi tác giả. Douglas cười ngượng nghịu "Thưa cô, đó là bàn tay của cô ạ!".*  *Cô giáo ngẩn ngơ. Cô nhớ lại những phút ra chơi thường dùng bàn tay để dắt Douglas ra sân, bởi em là một cô bé khuyết tật, khuôn mặt không đuợc xinh xắn như những đứa trẻ khác, gia cảnh từ lâu lâm vào tình cảnh ngặt nghèo. Cô chợt hiểu ra rằng tuy cô vẫn làm điều tương tự với các em khác, nhưng hóa ra đối với Douglas bàn tay cô lại mang ý nghĩa sâu xa, một biểu tượng của tình yêu thương.*  *Top of Form*  *(Trích Bàn tay yêu thương, NXB Trẻ, 2004)*  **Câu 1**:Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì?  **Câu 2***:* Tìm biện pháp tu từ so sánh ở đoạn cuối và cho biết kiểu so sánh gì?  **Câu 3**: Nêu nội dung của văn bản? Tài liệu của Nhung tây  **Câu 4**: Bài học rút ra cho bản thân em qua câu chuyện?  **Câu 5:** Trong câu chuyện trên, nhân vật Đắc-gờ-lốt được miêu tả như thế nào? Bức tranh Đắc-gờ-lốt vẽ có gì khác lạ so với tranh của các bạn?  **Câu 6**: Vì sao bức tranh ấy lại được coi là “*một biểu tượng của tình yêu thương*”?  **Câu 7:** *“Cô chợt hiểu ra rằng tuy cô vẫn làm điều tương tự* *với các em khác, nhưng hoá* *ra với Đắc-gờ-lốt, bàn tay cô lại mang ý nghĩa sâu xa, một biểu tượng của tình yêu thương”.*  Còn em từ câu chuyện trên, em hiểu ra điều gì? Em thấy mình cần phải làm gì khi gặp những người khuyết tật, những người có hoàn cảnh bất hạnh trong cuộc sống? |

**GỢI Ý TRẢ LỜI:**

**Câu 1**: Phương thức biểu đạt chinh được sử dụng trong văn bản: Tự sự.

**Câu 2**: Khuôn mặt không đuợc xinh xắn như những đứa trẻ khác.

- So sánh không ngang bằng

**Câu 3**: Nội dung: Câu ca ngơi ý nghĩa lớn lao của tình yêu thương , nó sẽ là nguồn động viên an ủi để những người bất hạnh có động lực vươn lên trong cuộc sống.

**Câu 4**: Bài học: cần có tình yêu thương , đặc biệt là đối với những người bất hạnh.

|  |
| --- |
| **Câu 5:** Nhân vật Đắc-gờ-lốt được miêu tả qua các chi tiết: *là một cô bé khuyết tật,* |
| *khuôn mặt không được xinh xắn như những đứa trẻ khác, gia cảnh từ lâu lâm vào tình cảnh ngặt nghèo.* |
| - Các bạn em vẽ những gói quà, li kem hoặc những món đồ chơi mà các bạn yêu thích, còn bức trnah em vẽ là một bàn tay. Đó là một bức tranh rất khác lạ gây tò mò cho cả lớp |
| HS có thể viết thành đoạn hoặc thể hiện riêng từng ý, có thể có nhiều |
| cảm nhận nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau: |
| **Câu 6:** Bức tranh được coi là biểu tượng của tình yêu thương vì: |
| - Bức tranh vẽ điều mà Đắc-gờ-lốt yêu thích nhất: bàn tay cô giáo; |
| - Bức tranh bày tỏ lòng biết ơn, tình yêu thương của Đắc-gờ-lốt tới cô giáo; |
| - Bức tranh thể hiện tình cảm, sự dìu dắt yêu thương của cô giáo dànhcho học sinh của mình. |
| **Câu 7.**  Học Sinh tự do thể hiện điều ý nghĩa mà mình cảm nhận được từ câu chuyện |
| - Việc cần làm với những người khuyết tật, những người có hoàn cảnh khó khăn là không kì thị, xa lánh, luôn cảm thông, chia sẻ, giúp đỡ họ…. |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**  *Các bạn lớp tôi thường gọi Lộc là “Lộc còi” vì Lộc bé lắm, mười một tuổi mà bằng đứa chín tuổi. Hẳn vì “còi” nên Lộc có vẻ yếu, thường hôm nào học năm tiết, tiết học hát cuối cùng là Lộc hát chẳng ra hơi, có khi cứ dựa vào tập thể mà Lộc chỉ lí nhí hoặc mấp máy mồm hát theo thôi. Người ta bảo thể lực yếu thì thường học kém, thế mà Lộc học chẳng kém. Còn tôi, trông tôi có vẻ cao lớn hơn Lộc thì học lại chẳng giỏi giang gì. Tôi kém nhất là môn Toán. Cô giáo phân công Lộc giúp đỡ tôi về môn này. Không hiểu sao, mỗi lần giúp tôi học, Lộc thích đến nhà tôi hơn là tôi đến nhà Lộc. Nói cho đúng thì từ đầu năm học, tôi chưa đến nhà Lộc lần nào. Tính Lộc rủ rỉ ít nói. Mẹ tôi rất mến Lộc. Mẹ thường hay nêu Lộc để làm gương cho tôi. Mẹ làm tôi lắm khi tự ái. Mẹ nói là Lộc bé mà học giỏi, chăm, ngoan, lại nền nếp, cẩn thận… Có thể những điều trên mẹ tôi nói đúng, nhưng riêng cái điểm cẩn thận thì tôi không chịu. Tôi nghĩ rằng Lộc “ki bo” thì có. Cả lớp tôi chúng nó đều nhận xét thế. Lộc có cái cặp sách đã cũ mà cứ quý như vàng, không bao giờ vứt cặp xuống đất, không bao giờ dám ngồi lên cặp. Có cái bút máy Trường Sơn nét đã to bè, thế mà cứ viết viết, cất cất chi chút, chỉ dám viết cái bút ấy vào những buổi kiểm tra bài, còn ngày thường thì Lộc viết bút chấm mực. […]*  *Cuối học kì hai, Lộc báo cho tôi một tin chả vui gì:*  *- Bố tớ sắp mù hẳn rồi, Viện mắt người ta bảo phải mổ mới khỏi. Mấy hôm nữa bố tớ vào viện. Tớ phải làm thay cả phần việc của bố ở nhà để kiếm sống, lại còn phải chăm sóc bố nữa chứ. Chắc tớ chả tiếp tục học được nữa. – Lộc giúi vào tay tôi cái bút Trường Sơn: - Cậu cầm lấy cái này mà dùng, tớ giữ mà không dùng nó phí đi!*  *Lúc này giọng Lộc đã run run, không còn bình tĩnh như trước. Tôi nắm chặt tay Lộc và nói:*  *- Cậu cứ giữ lấy cái bút này. Cậu cần phải tiếp tục học. Tớ sẽ giúp cậu trong thời gian bố cậu vào viện. Sau giờ học ở trường, tớ sẽ về nhà cậu, chúng mình cùng học, cùng làm. Vả lại cái việc sửa dép cũng dễ thôi, cậu bảo tớ vài lần là tớ làm được. Mẹ tớ sẽ rất vui lòng nếu như tớ giúp được cậu. Mẹ tớ quý và thương cậu lắm.*  (*Bạn Lộc,* Xuân Quỳnh, *Văn học và Tuổi trẻ, số tháng 10 năm 2021,* tr.48-51)  **Câu 1.** Xác định ngôi kể được sử dụng trong đoạn trích.  **Câu 2.** Chỉ ra số từ trong câu “*Vả lại cái việc sửa dép cũng dễ thôi, cậu bảo tớ vài lần là tớ làm được”* và đặt một câu khác với số từ đó*.*  **Câu 3**. Trong đoạn trích, mẹ của nhân vật tôi nhận xét Lộc là người như thế nào?  **Câu 4**. Xác định và nêu chức năng của thành phần trạng ngữ trong câu văn sau: *Sau giờ học ở trường, tớ sẽ về nhà cậu, chúng mình cùng học, cùng làm.*  **Câu 5**. Thông tin *Lộc có cái cặp sách đã cũ mà cứ quý như vàng, không bao giờ vứt cặp xuống đất, không bao giờ dám ngồi lên cặp* giúp em hiểu gì về Lộc?  **Câu 6**. Nhân vật tôi và Lộc đã có một tình bạn đẹp. Theo em, cần làm gì để có thể xây dựng được một tình bạn đẹp? Viết câu trả lời trong một đoạn văn ngắn (khoảng 3 – 5 câu). |

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:** Ngôi kể thứ nhất.

**Câu 2:** Số từ trong câu là “vài” (Đây là số từ chỉ số lượng không xác định).

Đặt câu: Tôi đã đến Hạ Long **vài** lần rồi.

- Đã **vài** năm trôi qua, em Mi đã không còn là cô bé hay nhõng nhẽo như trước nữa.

**Câu 3:**

Trong đoạn trích, mẹ của nhân vật tôi nhận xétLộc *bé mà học giỏi, chăm, ngoan, lại nền nếp, cẩn thận…*

**Câu 4:**

Câu văn: *Sau giờ học ở trường, tớ sẽ về nhà cậu, chúng mình cùng học, cùng làm.*

*-* Thành phần trạng ngữ trong câu là: *Sau giờ học ở trường*

- Chức năng của trạng ngữ: bổ sung ý nghĩa về thời gian.

**Câu 5:**

- Thông tin “*Lộc có cái cặp sách đã cũ mà cứ quý như vàng, không bao giờ vứt cặp xuống đất, không bao giờ dám ngồi lên cặp”* giúp em Lộc là cậu bé có tính cách cẩn thận, nền nếp, biết quý trọng những đồ dùng học tập.

**Câu 6.** HS viết đoạn văn theo yêu cầu đề bài

**- Hình thức:** đảm bảo dung lượng số dòng, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành;

**- Nội dung:** Cần làm gì để có thể xây dựng được một tình bạn đẹp?

+ Cần lắng nghe, tôn trọng bạn và dành thời gian để vun đắp tình bạn.

+ Biết an ủi, chia sẻ, giúp đỡ khi bạn gặp khó khăn; biết tha thứ những lỗi lầm của nhau.

+ Góp ý chân thành khi bạn mắc khuyết điểm để cùng nhau tiến bộ.

+ Đối xử với nhau chân thành, thân ái, có thiện ý, biết hi sinh cho nhau; không tính toán, vụ lợi.

**2. Dạng đề cấu trúc mới**

**ĐỀ SỐ 1:**

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (6,0 điểm)**

**Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi**:

**CÂU CHUYỆN VỀ HAI HẠT LÚA**

*“Có hai hạt lúa nọ được giữ lại để làm hạt giống cho vụ sau vì cả hai đều là những hạt lúa tốt, đều to khỏe và chắc mẩy.*

*Một hôm, người chủ định đem chúng gieo trên cánh đồng gần đó. Hạt thứ nhất nhủ thầm:“Dại gì ta phải theo ông chủ ra đồng. Ta không muốn cả thân mình phải nát tan trong đất. Tốt nhất ta hãy giữ lại tất cả chất dinh dưỡng trong lớp vỏ này và tìm một nơi lý tưởng để trú ngụ”. Thế là nó chọn một góc khuất trong kho lúa để lăn vào đó.*

*Còn hạt lúa thứ hai thì ngày đêm mong được ông chủ mang gieo xuống đất. Nó thật sự sung sướng khi được bắt đầu một cuộc đời mới.*

*Thời gian trôi qua, hạt lúa thứ nhất bị héo khô nơi góc nhà bởi vì nó chẳng nhận được nước và ánh sáng. Lúc này chất dinh dưỡng chẳng giúp ích được gì - nó chết dần chết mòn. Trong khi đó, hạt lúa thứ hai dù nát tan trong đất nhưng từ thân nó lại mọc lên cây lúa vàng óng, trĩu hạt. Nó lại mang đến cho đời những hạt lúa mới...*

*Đừng bao giờ tự khép mình trong lớp vỏ chắc chắn để cố giữ sự nguyên vẹn vô nghĩa của bản thân mà hãy can đảm bước đi, âm thầm chịu nát tan để góp cho cánh đồng cuộc đời một cây lúa nhỏ - đó là sự chọn lựa của hạt giống thứ hai”.*

*(Dẫn theo*[*http://www.toikhacbiet.vn*](http://www.toikhacbiet.vn/)*)*

**Câu 1:** Câu chuyện trong đoạn trích trên là lời kể của ai?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Hạt lúa thứ nhất | B. Hạt lúa thứ hai |
| C. Người kể chuyện giấu mặt | D. Người chủ |

**Câu 2:** Chủ đề của đoạn trích trên là:

|  |  |
| --- | --- |
| A. Đức tính chăm chỉ. | B. Sự hi sinh. |
| C. Lòng biết ơn | D. Sống cho đi, vì người khác không sống ích kỷ. |

**Câu 3**: Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên là gì ?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Tự sự | B. Miêu tả |
| C. Biểu cảm | D. Nghị luận |

**Câu 4:** Tìm từ trái nghĩa với từ “chết”?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Sống | B. Hy sinh. |
| C. Sinh sôi | D. Nảy nở. |

**Câu 5:** Vì sao hai hạt giống được người chủ để lại làm giống cho mùa sau?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Cả hai là hạt giống chắc mẩy. B. Cả hai là hạt giống tốt, to khoẻ và chắc mẩy. |  |
| C. Cả hai là hạt giống khoẻ. D. Cả hai là hạt giống to, chắc mẩy.  **Câu 6:** Câu văn "Còn hạt lúa thứ hai thì ngày đêm mong được ông chủ mang gieo xuống đất. Nó thật sự sung sướng khi được bắt đầu một cuộc đời mới" sử dụng biện pháp tu từ gì?   |  |  | | --- | --- | | A. So sánh | B. Ẩn dụ. | | C. Nhân hoá | D. Hoán dụ | |  |

**Câu 7:** Hạt giống thứ nhất có số phận như thế nào?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Bị khô héo | B. Không nhận được nước. |
| C. Bị khô héo; chết dần, chết mòn. | D. Không nhận được ánh sáng. |

**Câu 8:** Hạt giống thứ hai có số phận như thế nào?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Trở thành cây lúa non. | B. Trở thành cây lúa trĩu hạt. |
| C. Trở thành cây lúa vàng óng | D. Trở thành cây lúa vàng óng, trĩu hạt; tạo ra những hạt lúa mới. |

# Câu 9. Nêu ý nghĩa của đoạn trích trên. Hãy đặt cho đoạn trích trên một nhan đề.

**Câu 10**. Nếu được lựa chọn, em sẽ chọn cách sống như hạt lúa thứ nhất hay hạt lúa thứ hai? Vì sao?

**PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)**

Viết bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em thích.

**HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI**

**I. PHẦN ĐỌC HIỂU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
|  | **ĐỌC HIỂU** |  |
| 1 | C | 0,5 |
| 2 | D | 0,5 |
| 3 | A | 0,5 |
| 4 | A | 0,5 |
| 5 | B | 0,5 |
| 6 | C | 0,5 |
| 7 | C | 0,5 |
| 8 | D | 0,5 |
| **9** | - Ý nghĩa đoạn trích: Từ sự lựa chọn cách sống của hai hạt lúa, câu chuyện đề cập đến quan niệm sống của con người: nếu bạn chọn cách sống ích kỉ, bạn sẽ bị lãng quên; ngược lại, nếu bạn chọn cách sống biết cho đi, biết hi sinh, bạn sẽ nhận lại quả ngọt của cuộc đời. | **0.5** |
| - Nhan đề: Học sinh tự đặt theo suy nghĩ của mình. **vd : Hai hạt giống, …** | **0.5** |
| **10** | - Học sinh đưa ra quan điểm của bản thân và lí giải thuyết phục không vi phạm đạo đức, pháp luật.  VD: Nếu được lựa chọn, em sẽ chọn cách sống như hạt lúa thứ hai. Vì đó là cách sống biết cho đi, biết hi sinh, sẽ nhận lại quả ngọt của cuộc đời; giúp ích cho đời… | **1,0** |
|  | **1. Mở bài**  - Nêu được sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em sẽ thuật lại trong bài viết.  - Chỉ ra lí do hoặc hoàn cảnh người viết thu thập tư liệu liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử đó.  **2. Thân bài**  a. Gợi lại bối cảnh, câu chuyện, dấu tích liên quan đến nhân vật/sự kiện được nhắc đến:  - Không gian, thời gian xảy ra câu chuyện.  - Dấu tích liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử được nói đến.  b. Thuật lại nội dung, diễn biến của sự việc có thật liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử:  - Bắt đầu - diễn biến - kết thúc.  - Sử dụng được một số bằng chứng (tư liệu, trích dẫn… ), kết hợp kể chuyện, miêu tả.  c. Vai trò, ý nghĩa hoặc tầm ảnh hưởng của sự việc đối với đời sống hoặc đối với nhận thức về nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.  **3. Kết bài**  Khẳng định ý nghĩa của sự việc hoặc nêu cảm nhận của người viết về sự việc hoặc nhân vật lịch sử. |  |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.* |  |
|  | *e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo.* |  |

**ĐỀ SỐ 2:**

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm) Đọc ngữ liệu sau và thực hiện các yêu cầu:**

**QUÀ CỦA BÀ**

*Bà tôi bận lắm, cặm cụi công việc suốt ngày. Nhưng chả lần nào đi chợ mà bà không tạt vào thăm hai anh em tôi, cho chúng tôi khi thì tấm bánh đa, quả thị, khi thì củ sắn luộc hoặc mớ táo. Ăn quà của bà rất thích, nhưng ngồi vào lòng bà nghe bà kể chuyện còn thích hơn nhiều.*

*Gần đây, bà tôi không được khỏe như xưa nữa. Đã hai năm nay, bà bị đau chân. Bà không đi chợ được, cũng không đến chơi với các cháu được. Thế nhưng lần nào chúng tôi đến thăm bà, bà cũng vẫn có quà cho chúng tôi: khi thì mấy củ dong riềng, khi thì cây mía, quả na hoặc mấy khúc sắn dây, toàn những thứ tự tay bà trồng ra. Chiều qua, đi học về, tôi chạy đến thăm bà. Bà ngồi dây, cười cười, rồi tay bà run run, bà mở cái tay nải của bà, đưa cho tôi một gói quà đặc biệt: ô mai sấu!*

*(Theo Vũ Tú Nam)*

**Câu 1**. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là:

A. Biểu cảm B. Miêu tả C. Tự sự D. Nghị luận

**Câu 2**. Văn bản trên được kể theo ngôi thứ ba

A. Đúng B. Sai

**Câu 3.** Người kể chuyện trong văn bản trên là ai?

A. Nhân vật tôi B. Nhân vật bà C. Hai anh em tôi D. Người kể chuyện giấu mình

**Câu 4**. Gói quà đặc biệt bà đưa cho cháu là gì?

A. Bánh đa B. Củ dong riềng, cây mía, quả na,mấy khúc sắn dây

C. Ô mai sấu D. Quả thị

**Câu 5.** Phó từ “lắm” trong câu: “Bà tôi bận lắm, cặm cụi công việc suốt ngày.” Bổ sung ý nghĩa gì?

A. Cầu khiến B. Sự tiếp diễn C. Sự hoàn thành, kết quả D. Mức độ

**Câu 6.** Ngữ liệu trên sử dụng bao nhiêu từ láy

A. 2 B. 3 C. 4 D. 1

**Câu 7.**Trong các cụm từ sau đâu là trạng ngữ?

A. Mấy củ dong riềng B. Ô mai sấu C. Chiểu qua D. Cây mía,

**Câu 8**. Văn bản nào em đã học có nội dung giống câu chuyện trên?

A. Tiếng gà trưa B. Hai anh em C. Cây vú sữa D. Mẹ

**Câu 9 (1 điểm):**Qua câu chuyện em thấy tình cảm người bà dành cho cháu như thế nào?

**Câu 10 (1 điểm):**Câu chuyện gợi cho em suy nghĩ gì về bổn phận của mình đối với ông bà?

**II. VIẾT (4,0 điểm)**

Viết bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em có dịp tìm hiểu.

**HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | 1 | C | 0,5 |
| 2 | B | 0,5 |
| 3 | A | 0,5 |
| 4 | C | 0,5 |
| 5 | D | 0,5 |
| 6 | B | 0,5 |
| 7 | C | 0,5 |
| 8 | A | 0,5 |
| 9 | Tình cảm bà dành cho cháu thật ấm áp yêu thương. Bà luôn quan tâm, chăm sóc, dành dụm cho cháu những món quà nhỏ. | 1,0 |
| 10 | Bổn phận của mình với ông bà: Yêu thương, chăm sóc ông bà, dành nhiều thời gian, tình cảm cho ông bà. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo bố cục bài văn biểu cảm về con người gồm 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài.* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. | 0,25 |
|  | **1. Mở bài:**  - Nêu được sự việc có thật liên quan đến nhân vật, sự kiện ịch sử mà bài viết sẽ thuật lại.  - Nêu lí do hay hoàn cảnh người viết thu thập tư liệu liên quan.  **2. Thân bài**  - Gợi lại bối cảnh câu chuyện, dấu tích liên quan đến nhân vật, sự kiện lịch sử:  + Câu chuyện liên quan đến nhân vật, sự kiện  + Các dấu tích liên quan  - Kể lại nội dung/diễn biến của sự việc có liên quan đến nhân vật, sự kiện lịch sử:  + Mở đầu- diễn biến- kết thúc  + Sử dụng được một số bằng chứng (tư liệu lịch sử, trích dẫn…) kết hợp kể chuyện với miêu tả.  +Nêu ý nghĩa, tác động của nhân vật/sự kiện đó đối với đời sống, với bản thân.  **3. Kết bài:**   - Khẳng định ý nghĩa của sự việc hoặc nêu cảm nhận của người viết về sự việc. | 3,0  *0,5*    *2,0*  *0,5* |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn từ ngữ, hình ảnh, cách kể chuyện. | 0,25 |

**ĐỀ SỐ 3:**

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (6,0 điểm)**

**Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi**:

*Một gia đình nọ mới dọn đến ở trong một khu phố mới. Sáng hôm sau, vào lúc ăn điểm tâm, đứa con thấy bà hàng xóm giăng tấm vải trên giàn phơi. “Tấm vải bẩn thật!" - Cậu bé thốt lên “- Bà ấy không biết giặt, có lẽ bà ấy cần một thứ xà bông mới thì giặt sẽ sạch hơn”. Người mẹ nhìn cảnh ấy nhưng vẫn im lặng. Cậu bé vẫn cứ tiếp tục lời bình phẩm ấy mỗi lần bà hàng xóm phơi tấm vải.*

*Ít lâu sau, vào một buổi sáng, cậu bé ngạc nhiên vì thấy tấm vải của bà hàng xóm rất sạch, nên cậu nói với mẹ “Mẹ nhìn kìa! Bây giờ bà ấy đã biết giặt tấm vải sạch sẽ, trắng tinh rồi". Người mẹ đáp: “Không, sáng nay mẹ đã lau kính cửa sổ nhà mình đấy”.*

*(Phỏng theo “Nhìn qua khung cửa sổ”, www.goctamhon.com)*

**Thực hiện các yêu cầu**

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản trên là gì?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Tự sự | B. Miêu tả |
| C. Biểu cảm | D. Nghị luận |

**Câu 2:** Tại sao nói lời kể trong câu chuyện ở văn bản trên là của người kể chuyện giấu mặt?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Vì câu chuyện sử dụng ngôi kể thứ nhất số ít. | B. Vì câu chuyện sử dụng ngôi kể thứ nhất số nhiều. |
| C. Vì câu chuyện sử dụng ngôi kể thứ ba. | D. Vì câu chuyện sử dụng kết hợp ngôi kể thứ nhất và thứ ba. |

**Câu 3:** Chỉ ra phó từ trong câu văn: *“Tấm vải bẩn thật!"?*

|  |  |
| --- | --- |
| A. Tấm vải | B. vải |
| C. bẩn | D. thật |

**Câu 4:** Chủ đề của văn bản trên là:

|  |  |
| --- | --- |
| A. Lối sống sẻ chia, giàu tình thương yêu | B. Đức tính trung thực |
| C. Sự thay đổi cách nhìn cuộc sống theo hướng tích cực. | D. Lòng hiếu thảo |

**Câu 5:** Lúc ăn điểm tâm, đứa con thấy bà hàng xóm giăng tấm vải trên giàn phơi đã nhận xét: *“Tấm vải bẩn thật!"* và cho rằng “*Bà ấy không biết giặt, có lẽ bà ấy cần một thứ xà bông mới thì giặt sẽ sạch hơn”.* Nhìn cảnh ấy*,* thái độ của người mẹ như thế nào?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Đồng tình với nhận xét của con | B. Vẫn im lặng |
| C. Phản bác với nhận xét của con | D. Đứng dậy, đến giúp bà hàng xóm giặt tấm vải. |

**Câu 6:** Theo em, tại sao khi cậu bé nói với mẹ: *“Mẹ nhìn kìa! Bây giờ bà ấy đã biết giặt tấm vải sạch sẽ, trắng tinh rồi",* người mẹ không im lặng nữa?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Vì mẹ muốn giải đáp, giải thích để con hiểu rõ vấn đề. | B. Vì con cứ nói mãi về một sự việc. |
| C. Vì mẹ không muốn con coi thường bà hàng xóm. | D. Vì bà hàng xóm đã nghe thấy những lời bình phẩm của con. |

**Câu 7:** Qua lời đáp của người mẹ: *"Không, sáng nay mẹ đã lau kính cửa sổ nhà mình đấy”*, em thấy mẹ giải đáp, giải thích điều gì cho con?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Mẹ nói về công việc sáng nay mẹ làm với con. | B. Mẹ giải đáp, giải thích cho con hiểu điều cần thay đổi không phải là tấm vải hay người chủ của nó, điều cần thay đổi là khung cửa sổ nhà cậu bé. |
| C. Mẹ cho con biết mắt con nhìn không rõ. | D. Mẹ nhắc con phải thường xuyên lau kính cửa sổ nhà mình. |

**Câu 8:** Qua những lời bình phẩm của cậu bé, em nhận thấy những tính cách nổi bật nào của nhân vật?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Cậu bé là người tinh ý, biết quan tâm, nhận xét thế giới quanh mình. | B. Cậu bé biết nghĩ tới giải pháp giúp người khác thay đổi |
| C. Cậu bé có cái nhìn chủ quan, đầy định kiến | D. Cả A, B, C đều đúng |

**Câu 9.** Theo em, thái độ sống tích cực sẽ mang lại cho chúng ta điều gì?

**Câu 10**. Từ nội dung văn bản phần Đọc hiểu em rút ra được bài học gì cho mình?

**PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)**

Viết bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.

**HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI**

**I. PHẦN ĐỌC HIỂU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
|  | **ĐỌC HIỂU** |  |
| **1** | A | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | D | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | B | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
| **9** | - Có nhiều cơ hội thành công trong cuộc sống  - Mang lại nhiều niềm vui, niềm hạnh phúc cho bản thân khi thấy cuộc sống của mình có ích, có nghĩa  - Có được sự tự chủ, niềm lạc quan, sự vững vàng từ những trải nghiệm cuộc sống.  - Được quý trọng… | **1,0** |
| **10** | - Chúng ta cần rèn luyện một thái độ sống tích cực, bồi dưỡng lòng tự tin, ý thức tự chủ, luôn giữ cho mình một tâm hồn trong sáng, một niềm tin vào cuộc sống tương lai.  - Trước khi phê bình ai, ta nên kiểm tra trước phẩm chất cái nhìn của ta. Đừng xét nét, hẹp hòi với người khác cũng như đừng vội vàng đánh giá, kết luận về họ mà chưa soi lại cách nhìn nhận, đánh giá của mình… | **1,0** |
|  | |  | | --- | | *a*. *Đảm bảo bố cục bài văn biểu cảm về con người gồm 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài.* | | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. | | **1. Mở bài:**  - Nêu được sự việc có thật liên quan đến nhân vật, sự kiện ịch sử mà bài viết sẽ thuật lại.  - Nêu lí do hay hoàn cảnh người viết thu thập tư liệu liên quan.  **2. Thân bài**  - Gợi lại bối cảnh câu chuyện, dấu tích liên quan đến nhân vật, sự kiện lịch sử:  + Câu chuyện liên quan đến nhân vật, sự kiện  + Các dấu tích liên quan  - Kể lại nội dung/diễn biến của sự việc có liên quan đến nhân vật, sự kiện lịch sử:  + Mở đầu- diễn biến- kết thúc  + Sử dụng được một số bằng chứng (tư liệu lịch sử, trích dẫn…) kết hợp kể chuyện với miêu tả.  +Nêu ý nghĩa, tác động của nhân vật/sự kiện đó đối với đời sống, với bản thân.  **3. Kết bài:**   - Khẳng định ý nghĩa của sự việc hoặc nêu cảm nhận của người viết về sự việc. | | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | | *e. Sáng* tạo: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn từ ngữ, hình ảnh, cách kể chuyện. | |  |
|  | |  | | --- | | *a*. *Đảm bảo bố cục bài văn biểu cảm về con người gồm 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài.* | | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. | | **1. Mở bài:**  - Nêu được sự việc có thật liên quan đến nhân vật, sự kiện ịch sử mà bài viết sẽ thuật lại.  - Nêu lí do hay hoàn cảnh người viết thu thập tư liệu liên quan.  **2. Thân bài**  - Gợi lại bối cảnh câu chuyện, dấu tích liên quan đến nhân vật, sự kiện lịch sử:  + Câu chuyện liên quan đến nhân vật, sự kiện  + Các dấu tích liên quan  - Kể lại nội dung/diễn biến của sự việc có liên quan đến nhân vật, sự kiện lịch sử:  + Mở đầu- diễn biến- kết thúc  + Sử dụng được một số bằng chứng (tư liệu lịch sử, trích dẫn…) kết hợp kể chuyện với miêu tả.  +Nêu ý nghĩa, tác động của nhân vật/sự kiện đó đối với đời sống, với bản thân.  **3. Kết bài:**   - Khẳng định ý nghĩa của sự việc hoặc nêu cảm nhận của người viết về sự việc. | | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | | *e. Sáng* tạo: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn từ ngữ, hình ảnh, cách kể chuyện. | |  |
|  | |  | | --- | | *a*. *Đảm bảo bố cục bài văn biểu cảm về con người gồm 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài.* | | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. | | **1. Mở bài:**  - Nêu được sự việc có thật liên quan đến nhân vật, sự kiện ịch sử mà bài viết sẽ thuật lại.  - Nêu lí do hay hoàn cảnh người viết thu thập tư liệu liên quan.  **2. Thân bài**  - Gợi lại bối cảnh câu chuyện, dấu tích liên quan đến nhân vật, sự kiện lịch sử:  + Câu chuyện liên quan đến nhân vật, sự kiện  + Các dấu tích liên quan  - Kể lại nội dung/diễn biến của sự việc có liên quan đến nhân vật, sự kiện lịch sử:  + Mở đầu- diễn biến- kết thúc  + Sử dụng được một số bằng chứng (tư liệu lịch sử, trích dẫn…) kết hợp kể chuyện với miêu tả.  +Nêu ý nghĩa, tác động của nhân vật/sự kiện đó đối với đời sống, với bản thân.  **3. Kết bài:**   - Khẳng định ý nghĩa của sự việc hoặc nêu cảm nhận của người viết về sự việc. | | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | | *e. Sáng* tạo: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn từ ngữ, hình ảnh, cách kể chuyện. | |  |
|  | |  | | --- | | *a*. *Đảm bảo bố cục bài văn biểu cảm về con người gồm 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài.* | | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. | | **1. Mở bài:**  - Nêu được sự việc có thật liên quan đến nhân vật, sự kiện ịch sử mà bài viết sẽ thuật lại.  - Nêu lí do hay hoàn cảnh người viết thu thập tư liệu liên quan.  **2. Thân bài**  - Gợi lại bối cảnh câu chuyện, dấu tích liên quan đến nhân vật, sự kiện lịch sử:  + Câu chuyện liên quan đến nhân vật, sự kiện  + Các dấu tích liên quan  - Kể lại nội dung/diễn biến của sự việc có liên quan đến nhân vật, sự kiện lịch sử:  + Mở đầu- diễn biến- kết thúc  + Sử dụng được một số bằng chứng (tư liệu lịch sử, trích dẫn…) kết hợp kể chuyện với miêu tả.  +Nêu ý nghĩa, tác động của nhân vật/sự kiện đó đối với đời sống, với bản thân.  **3. Kết bài:**   - Khẳng định ý nghĩa của sự việc hoặc nêu cảm nhận của người viết về sự việc. | | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | | *e. Sáng* tạo: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn từ ngữ, hình ảnh, cách kể chuyện. | |  |

**ĐỀ SỐ 4:**

**Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

**BIỂN ĐẸP**

*Buổi sáng nắng sớm. Những cánh buồm nâu trên biển được nắng chiếu vào hồng rực lên như đàn bướm múa lượn giữa trời xanh. Lại đến một buổi chiều gió mùa đông bắc vừa dừng. Biển lặng đỏ đục, đầy như mâm bánh đúc, loáng thoáng những con thuyền như những hạt lạc ai ai đem rắc lên trên. Rồi ngày mưa rào. Mưa giăng giăng bốn phía. Có quãng nắng xuyên xuống biển óng ánh đủ màu: xanh lá mạ, tím phớt, hồng, xanh biếc,…. Có quãng biển thâm xì, nặng trịch. Những cánh buồm ra khỏi cơn mưa, ướt đẫm, thẫm lại, khỏe nhẹ, bồi hồi, như ngực áo bác nông dân cày xong ruộng về bị ướt. Có buổi sớm nắng mờ, biển bốc hơi nước, không nom thấy núi xa, chỉ một màu trắng đục. Không có thuyền, không có sóng, không có mây, không có sắc biếc của da trời. Một buổi chiều lạnh, nắng tắt sớm. Những núi xa màu lam nhạt pha màu trắng sữa. Không có gió, mà sóng vẫn đổ đều đều, rì rầm. Nước biển dâng đầy, quánh đặc một màu bạc trắng, lăn tăn như bột phấn trên da quả nhót. Chiều nắng tàn, mát dịu. Biển xanh veo màu mảnh chai. Núi xa tím pha hồng. Những con sóng nhè nhẹ liếm lên bãi cát, bọt sóng màu bưởi đào. Mặt trời xế trưa bị mây che lỗ đỗ. Những tia nắng dát vàng một vùng biển tròn, làm nổi bật những cánh buồm duyên dáng như ánh sáng chiếc đèn sân khấu khổng lồ đang chiếu cho các nàng tiên biển múa vui. Thế đấy, biển luôn thay đổi màu tùy theo sắc mây trời. Trời xanh thẳm, biển cũng thẳm xanh như dâng cao lên, chắc nịch. Trời rải mây trắng nhạt, biển mơ màng dịu hơi sương. Trời âm u mây mưa, biển xám xịt nặng nề. Trời ầm ầm dông gió, biển đục ngầu giận dữ,…. Như một con người biết buồn vui, biển lúc tẻ nhạt, lạnh lùng, lúc sôi nổi, hả hê, lúc đăm chiêu, gắt gỏng. Biển nhiều khi rất đẹp, ai cũng thấy như thế. Nhưng có một điều ít ai chú ý là: vẻ đẹp của biển, vẻ đẹp kì diệu muôn màu muôn sắc ấy phần rất lớn là do mây trời và ánh sáng tạo nên.*

*(Theo Vũ Tú Nam)*

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính của văn bản là ?

1. Tự sự B. Biểu cảm C. Nghị luận D. Miêu tả

**Câu 2.** Khi nào thì : "Biển lặng đỏ đục, đầy như mâm bánh đúc, loáng thoáng những con thuyền như những hạt lạc ai đem rắc lên trên." ?

A. Buổi sớm nắng sáng. B. Buổi chiều gió mùa đông bắc vừa dừng.

C. Buổi sớm nắng mờ. D. Một buổi chiều nắng tàn, mát dịu.

**Câu 3.** Trong câu: “Những cánh buồm ra khỏi cơn mưa, ướt đẫm thẫm lại, khoẻ nhẹ, bồi hồi, như ngực bác nông dân cày xong ruộng về bị ướt.” Hình ảnh “ Những cánh buồm” được so sánh với hình ảnh “ngực bác nông dân” dựa vào đặc điểm nào để so sánh?

A. Ướt đẫm B. Bồi hồi C. Khoẻ nhẹ D. Cả ba ý trên.

**Câu 4**. Câu: “Biển lặng đỏ đục, đầy như mâm bánh đúc, loáng thoáng những con thuyền như ....” Từ đồng âm với tiếng “đục ” trong từ “ đỏ đục” là:

1. Đục ngầu. B. Đục đẽo. C. Vẩn đục. D. Trong đục

**Câu 5.** Trong câu: “Những cánh buồm nâu trên biển được nắng chiếu vào hồng rực lên như đàn bướm múa lượn giữa trời xanh.” Sử dụng biện pháp tu từ gì?

A. So sánh B. Nhân hoá C. Điệp ngữ D. Ẩn dụ

**Câu 6.** Tìm các cặp từ trái nghĩa có trong câu sau : Trời trong xanh, biển nhẹ nhàng, trời âm u, biển nặng nề.

1. Trong xanh – nhẹ nhàng, âm u – nặng nề.
2. Trong xanh – âm u , nhẹ nhàng – nặng nề.
3. Trong xanh – nặng nề , âm u – nặng nề.
4. Trong xanh – nặng nề, âm u – nặng nề.

**Câu 7.** *Vẻ đẹp của biển, vẻ đẹp kì diệu muôn màu muôn sắc của biển phần rất lớn là điều gì?*

A. Do mây trời và ánh sáng tạo nên. B. Do ánh sáng mặt trời chiếu vào.

C. Do thay đổi góc quan sát. D. Do mây trời thay đổi

**Câu 8.** Văn bản miêu tả cảnh biển theo trình tự nào?

1. Không gian B. Thời gian
2. C. Diễn biến tâm trạng D. Thời gian, không gian

**Câu 9.** Phân tích giá trị biểu đạt của biện phá tu từ trong câu sau:

*Những cánh buồm ra khỏi cơn mưa, ướt đẫm, thẫm lại, khỏe nhẹ, bồi hồi, như ngực áo bác nông dân cày xong ruộng về bị ướt.*

**Câu 10.**Viết đoạn văn cảm nhận về vẻ đẹp của biển vào buổi chiều lạnh, nắng tắt sớm?

**II. Phần viết:**

Truyện cổ tích thể hiện ước mơ niềm tin của nhân dân về chiến thắng cuối cùng của cái thiện đối với cái ác, sự công bằng đối với sự bất công. Ước mơ đó thường được gửi gắm qua những nhân vật chính diện đại diện cho cái thiện. Hãy viết bài văn phân tích một nhân vật truyện cổ tích đại diện cho cái thiện mà em yêu thích.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Đọc**  **hiểu** | **1** | Miêu tả | 0.5 |
| **2** | Buổi chiều gió mùa đông bắc vừa dừng. | 0.5 |
| **3** | Cả ba ý trên: ướt đẫm, bồi hồi, khoẻ nhẹ | 0.5 |
| **4** | Đục ngầu | 0.5 |
| **5** | So sánh | 0.5 |
| **6** | Trong xanh – âm u , nhẹ nhàng – nặng nề. | 0.5 |
| **7** | Do mây trời và ánh sáng tạo nên. | 0.5 |
| **8** | Thời gian, không gian | 0.5 |
| **9** | - Nhà văn Vũ Tú Nam đã sử dụng thành công biện pháp so sánh rất sinh động trong việc miêu tả hình ảnh cánh buồm *“ cánh buồm ra khỏi cơn mưa, ướt đẫm, thẫm lại, khỏe nhẹ, bồi hồi, như ngực áo bác nông dân cày xong ruộng về bị ướt”.*  - Biện pháp so sánh không chỉ làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho lời văn mà còn cho ta những cảm nhận rất chân thực về cánh buồm: Cánh buồm ấy cũng nhọc nhằn,vất vả mưu sinh và giống như người lao động mang theo cái đẹp kết tinh của cuộc đời. Gửi gắm trong hình ảnh độc đáo ấy, Vũ Tú Nam đã thầm kín bày tỏ sự trân trọng, niềm mến yêu với cánh buồm dong duổi nơi biển khơi xinh đẹp và tình yêu lao động của con người. | 1.0 |
| **10** | - Với sự quan sát tỉ mỉ, ngôn ngữ bình dị cùng tấm lòng đầy yêu thương, nhà văn Vũ Tú Nam đã mang đến cho bạn đọc một bức tranh “ Biển đẹp” thơ mộng, đầy sắc màu do thiên nhiên ban tặng, tạo dựng. Biển được miêu tả ở nhiều góc độ, sắc thái và khoảnh khắc khác nhau đặc biệt là khi chiều lạnh, nắng tắt sớm “*Những núi xa màu lam nhạt pha màu trắng sữa. Không có gió, mà sóng vẫn đổ đều đều, rì rầm. Nước biển dâng đầy, quánh đặc một màu bạc trắng, lăn tăn như bột phấn trên da quả nhót”* Phép so sánh, liên tưởng độc đáo khiến biển trở nên gần gũi ấm áp, dịu dàng. Biển đẹp ở mọi thời điểm, cái rì rào bất tận của biển đã ôm ấp ru vỗ tuổi thơ của rất nhiều bạn trẻ.Biển là món quà vô giá mà mẹ thiên nhiên ban tặng nên ta hãy trân trọng nâng niu món quà vô giá của thiên nhiên. | 1.0 |
| **II** |  | **VIẾT** | 4.0 |
|  | a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn: 3 phần đầy đủ (MB giới thiệu nhân vật, TB tiến hành lời văn phân tích nhân vật, KB khái quát cảm nhận chung về nhân vật) | 0,25 |
|  | b. Xác định đúng yêu cầu của đề.  Phân tích một nhân vật truyện cổ tích đại diện cho cái thiện mà em yêu thích. | 0,25 |
|  | c. Triển khai phân tích nhân vật  Học sinh có thể phân tích theo nhiều các khác nhau nhưng vẫn đảm bảo được các yêu cầu sau: |  |
|  | Dàn ý phân tích đặc điểm nhân vật **1. Mở bài**  - Giới thiệu đôi nét về câu chuyện cổ tích, nhân vật trong chuyện cổ tích cần phân tích.  - Nêu ngắn gọn những đặc điểm nổi bật của nhân vật.  **2. Thân bài**  - Giới thiệu hoàn cảnh xuất thân của nhân vật (nếu có): Tên, tuổi, quê hương…  - Phân tích những đặc điểm về ngoại hình và tính cách của nhân vật.  - Nêu lần lượt các đặc điểm thứ nhất, thứ hai… của nhân vật.  - Trích dẫn các chi tiết, câu văn trong bài liên quan đến đặc điểm đó của nhân vật; rồi dùng lí lẽ phân tích làm sáng tỏ.  - Đánh giá về nhân vật:  - Nhân vật đó đại diện cho tầng lớp xã hội nào?  - Qua nhân vật đó, tác giả muốn gửi gắm điều gì?  - Nghệ thuật xây dựng nhân vật có gì đặc sắc?  **3. Kết bài**  - Khẳng định lại những đặc điểm nổi bật của nhân vật qua câu chuyện cổ tích.  - Đánh giá và suy nghĩ về nhân vật. | 0,5  2,0  0,5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt* | 0,25 |
|  | *e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn thuyết phục, cảm xúc tình cảm chân thực.* | 0,25 |

**ĐỀ SỐ 5:**

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 ĐIỂM)**

**Đọc văn bản sau thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

**NHỮNG QUẢ BÓNG BAY**

*Một cậu bé da đen đang chơi đùa trên bãi cỏ. Phía bên kia đường, một người đàn ông đang thả nhẹ những quả bóng lên bầu trời, những quả bóng đủ màu sắc, xanh, đỏ, tím, vàng và có cả màu đen nữa.*

*Cậu bé nhìn khoái chí, chạy tới chỗ người đàn ông, hỏi nhỏ:*

*-Chú ơi! Những quả bóng màu đen có bay cao được như những quả bóng khác không ạ?*

*Người đàn ông quay lại, bất giác giấu đi những giọt nước mắt sắp lăn nhẹ trên đôi gò má, ông chỉ lên đám bóng bay lúc này chỉ còn những chấm nhỏ và trả lời cậu bé:*

*-Những quả bóng màu đen cũng sẽ bay cao như những quả bóng màu khác cháu ạ!*

*Cậu bé nở nụ cười rạng rỡ cảm ơn người đàn ông và không quên ngắm nhìn những quả bóng đang bay trên bầu trời rộng lớn.*

*(Chuyên mục Phong cách của báo điện tử ngoisao.net, ngày 22/10/2013)*

**Câu 1:** Văn bản trên sử dụng phương thức biểu đạt chính nào?

A.Biểu cảm B.Tự sự C. Miêu tả. D. Thuyết minh.

**Câu 2**: Văn bản trên có những nhân vật nào?

A.Cậu bé da đen và bạn. C. Cậu bé da đen.

B.Cậu bé da đen và người đàn ông. D. Cậu bé da đen và Chú.

**Câu 3:** Trong văn bản có mấy từ láy?

A.Một từ. B.Hai từ. C. Ba từ. D. Bốn từ.

**Câu 4**: Tại sao chú bé lại nở nụ cười rạng rỡ cảm ơn người đàn ông?TH

A. Vui vì hiểu ra mình cũng như quả bóng màu đen.

B. Vui vì có một người nói chuyện, chia sẻ với mình.

C. Chú hiểu ra giá trị của các quả bóng với những màu sắc khác nhau.

D. Vì cảm thấy cuộc sống xung quanh mình thật đẹp và có ý nghĩa.

**Câu 5**: Nghĩa của từ “khoái trí” trong câu: “Cậu bé nhìn khoái chí, chạy tới chỗ người đàn ông.” được hiểu là:

A. Lạc quan, hào hứng. B. Thích thú, vui vẻ.

C. Phấn khích, mộng mơ. D. Vui vẻ xen lẫn buồn rầu.

**Câu 6**: Tại sao “người đàn ông lại giấu đi những giọt nước mắt sắp lăn nhẹ trên đôi gò má”?

A. Vì không muốn cậu bé thấy mình khóc.

B. Vì thương cho hoàn cảnh xuất thân của cậu bé.

C. Vì muốn cậu bé hiểu trong xã hội không có sự phân biệt màu da.

D. Vì thể hiện mình là một người đàn ông có bản lĩnh..

**Câu 7**: Câu trả lời của người đàn ông: “Những quả bóng màu đen cũng sẽ bay cao như những quả bóng màu khác cháu ạ!” gợi cho em những suy nghĩ gì?

A. Quả bóng màu đen cũng như những quả bóng khác.

B. Quả bóng màu đen cũng như những quả bóng khác nó đều có thể bay xa.

C. Quả bóng màu gì không quan trọng miễn nó mang đến niềm vui cho mọi người.

D. Giá trị của mỗi cá nhân được nhìn từ bên trong chứ không phải vẻ đẹp bênngoài

**Câu 8:** Theo em cậu bé trong văn bản là người như thế nào?

A. Cậu bé rất thông minh. B. Cậu bé hiểu chuyện.

C. Cậu bé ý thức được bản thân. D. Cậu bé rất tò mò.

**Câu 9**: Thông điệp ý nghĩa nhất mà em rút ra sau khi đọc văn bản là gì?

**Câu 10**: Em hiểu như thế nào về hình ảnh: “Những quả bóng bay” trong văn bản?

**II. Viết (4.0 điểm)**

Phát biểu cảm nghĩ về người thân mà em yêu quý nhất.

**HƯỚNG DẪN LÀM BÀI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHẦN** | **CÂU** | **NỘI DUNG** | **ĐIỂM** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | B | 0,5 |
| **2** | B | 0,5 |
| **3** | C | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | B | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
| **9** | **HS chỉ cần nêu ra 01 trong các thông điệp sau:**   * - Niềm tin vào khả năng, năng lực bên trong con người. * - Con người có thể thành công hay thất bại, hạnh phúc hay đau khổ điều đó không phụ thuộc vào vẻ bề ngoài, vào sự khác biệt của hình thức mà phụ thuộc vào nội lực bên trong: phẩm chất, ý chí, năng lực…. | 1,0 |
| **10** | * Hình ảnh: Những quả bóng bay là hình ảnh ẩn dụ cho những con người trong cuộc sống, mỗi người có đặc điểm, hình thức và phẩm chất, năng lực khác nhau, ai cũng có thể thành công, bay cao và vươn xa….. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  *Cảm nghĩ về người thân mà em yêu quý nhất* | 0,25 |
|  | *c. Kiểu bài văn biểu cảm về con người.* | 0,5 |
|  | **Dàn ý**[**Cảm nghĩ về người mẹ thân yêu của em**](https://vndoc.com/van-mau-lop-7-cam-nghi-ve-nguoi-me-than-yeu-cua-em-119184).  **1. Mở bài:**  - Giới thiệu về mẹ và tình mẫu tử thiêng liêng cao quý.  - Mẹ em người phụ nữ tuyệt vời chỉ có một trên đời.  - Tình mẹ luôn chân thành, thiêng liêng và cao quý, hi sinh suốt đời vì con.  **2. Thân bài:**  - Mẹ tôi năm nay 35 tuổi  - Dáng vóc: thanh mảnh, làn dan trắng trẻo, mái tóc đen và dài, đôi mắt to tròn, và khuôn mặt phúc hậu.  - Mẹ là người dịu dàng, hòa nhã và luôn đối xử tốt với mọi người. Trong nhà mẹ là người lo lắng, chăm sóc các thành viên trong gia đình.  - Buổi sáng mẹ dậy sớm, chuẩn bị bữa sáng và chuẩn bị cho em đi học và bố đi làm.  - Buổi trưa mẹ giặt giũ quần áo, dọn dẹp nhà cửa, sân vườn gọn gàng, sạch sẽ.  - Buổi tối mẹ chuẩn bị bữa cơm tối cho cả gia đình, nấu những món mà em thích. Bữa ăn là thành quả vất vả của mẹ trong cả ngày.  - Những lúc em không nghe lời, hay mắc lỗi nhưng mẹ cũng không bao giờ lớn tiếng hay dùng đòn roi mà mẹ cần em trình bày rõ chuyện rồi phê bình, nhắc nhở không tái phạm. Mẹ thật tâm lý và tình cảm.  - Mẹ em làm kế toán ở cơ quan công việc thường xuyên bận rộn nấy là cuối tuần. Đây là công việc cần sự tỉ mỉ, cận thận.  - Những lúc rảnh rỗi mẹ thường đọc sách và hướng dẫn em làm bài tập.  - Mẹ luôn cho chu toàn cho gia đình và cả công việc. Mẹ em là người phụ nữ thật tuyệt vời.  **3. Kết bài:** Bày tỏ tình cảm, sự yêu thương đối với mẹ.  - Mẹ là cả một thế giới mẹ luôn chăm lo và hi sinh vì con cái.  - Em yêu mẹ rất nhiều và chắc chắn sẽ học thật tốt để mẹ luôn vui. | **2,5**  0,5  1,5  0,5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.* | 0,25 |
|  | *e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn giàu cảm xúc, sáng tạo.* | 0,25 |

**2. ÔN TẬP TRUYỆN NGỤ NGÔN**

**I. Lí thuyết**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Kiến thức** |
| **1. Khái niệm:** | - Truyện ngụ ngôn là truyện kể có tính chất thế sự, dùng cách ẩn dụ để thuyết minh cho một chủ đề luân lý, triết lý một quan niệm nhân sinh hay một nhận xét về thực tế xã hội. |
| **2. Nguồn gốc truyện ngụ ngôn** | - Một bộ phận truyện ngụ ngôn bắt nguồn từ truyện loài vật. Trong quá trình sống gần gũi với tự nhiên và chưa hoàn toàn tách mình ra khỏi tự nhiên, người cổ đạị đã từng quan sát, tìm hiểu các con vật (để dễ săn bắt và tự vệ). Cũng do sự phân biệt giữa con người và tự nhiên chưa rõ ràng nên người ta đã gán cho mọi vật tính cách của con người. Truyện loài vật ra đời trên cơ sở đó. Khi con người có ý thức mượn truyện loài vật để nói về con người thì truyện ngụ ngôn xuất hiện.  - Truyện ngụ ngôn có liên quan đến cách nói bằng hình tượng của nhân dân. Trong cách nói của mình, nhân dân thường dùng những sự vật cụ thể, những so sánh, ví von để diễn đạt cái trừu tượng (chẳng hạn cách nói ngu như bò, nhanh như cắt…Khi lối nói tỉ dụ về sự vật, con vật cụ thể nầy chuyển thành tỉ dụ có tính chất thế sự thì truyện ngụ ngôn ra đời. |
| **3. Cốt truyện và kết cấu:** | - Truyện ngụ ngôn là câu chuyện kể có tính chất thế sự. Tuy nhiên cốt truyện của truyện ngụ ngôn khác với cổ tích ở chỗ: Cuộc đời trong ngụ ngôn gần với hiện thực hơn trong khi cuộc đời trong cổ tích gắn với lý tưởng và ước mơ  - Kết cấu: Truyện ngụ ngôn thường ngắn, ít tình tiết thường mỗi truyện chỉ một tình tiết trong khi câu chuyện cổ tích thường có đầu có đuôi. Nét đặc biệt trong kết cấu của truyện ngụ ngôn là phần truyện kể nổi lên còn phần ý nghĩa lắng đọng lại mà người đọc tự rút ra. |
| **4. Nhân vật:** | Nhân vật trong ngụ ngôn rất đa dạng, có thể là bất cứ cái gì trong vũ trụ: từ con người, thần linh đến loài vật, cây cỏ … Nhân vật trong truyện ngụ ngôn được xây dựng qua sự đối lập giữa thông minh và ngu ngốc, tốt bụng và xấu xa, bé nhỏ và to lớn (Voi và kiến) Tác giả dân gian cũng dùng biện pháp phủ định để khẳng định trong xây dựng nhân vật ngụ ngôn (Ðẽo cày giữa đường) |
| **5. Biện pháp nghệ thuật trong truyện ngụ ngôn:** | - Truyện ngụ ngôn thường dùng những ẩn dụ thông qua ngôn ngữ hàm súc. Tác giả dân gian còn miêu tả đặc điểm phổ biến của các con vật để biểu trưng cho con người. Từng con vật tiêu biểu cho từng loại người trong xã hội. Chẳng hạn, cáo xảo quyệt, mèo giả dối … |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:**  *“Nhân buổi ế hàng, năm ông thầy bói ngồi chuyện gẫu với nhau. Thầy nào cũng phàn nàn không biết hình thù con voi nó như thế nào. Chợt nghe người ta nói có voi đi qua, năm thầy chung nhau tiền biếu người quản voi, xin cho voi đứng lại để cùng xem. Thầy thì sờ vòi, thây thì sờ ngà, thầy thì sờ tai, thầy thì sờ chân, thầy thì sờ đuôi.”*  *(Trích Thầy bói xem voi )*  **Câu 1**: Đoạn văn trích trong văn bản nào? Văn bản ấy thuộc thể loại nào của truyện dân gian, nêu khái niệm về thể loại đó? Cho biết phương thức biểu đạt chính của văn bản em vừa tìm được? Hãy kể tên hai tác phẩm trong chương trình Ngữ văn 6 cùng thể loại với văn bản đó?  **Câu 2**: Nhân vật chính trong văn bản em vừa tìm được là ai? Giữa họ có những điểm chung gì?  **Câu 3**: Cách xem voi của họ có gì đặc biệt?  **Câu 4**: Tìm 2 cụm danh từ trong đoạn văn trên và sắp xếp vào mô hình cụm danh từ.  **Câu 5**: Văn bản em vừa tìm được đem đến bài học gì cho bản thân em? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1**

-Văn bản: Thầy bói xem voi

- Thể loại: Truyện ngụ ngôn

- Khái niệm: ***Truyện ngụ ngôn***:

+ Là loại truyện dân gian kể bằng văn xuôi hoặc văn vần.

+ Nhân vật: Mượn chuyện về loài vật, con vật hay chính con người để nói bóng gió, kín đáo chuyện con người.

+ Ý nghĩa: Nhằm khuyên nhủ, răn dạy con người ta bài học nào đó trong cuộc sống.

- PTBĐ chính: Tự sự

- Hai tác phẩm: Ếch ngồi đáy giếng , Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng

**Câu 2:**

- Nhân vật chính: 5 ông thầy bói

- Điểm chung: đều bị mù và chưa biết hình thù con voi

**Câu 3:**

- Điểm đặc biệt trong cách xem voi: Năm ông thầy bói “xem voi” bằng cách “sờ” con voi, con voi lại rất to nên mỗi thầy chỉ sờ một bộ phận của con voi mà thôi. Nhưng thầy nào cũng nghĩ mình đã xem đủ cả con voi rồi.

- Cách xem voi của năm ông thầy bói không phải là cách xem thông thường, rất chủ quan, phiến diện nên nhận thức của các thầy về con voi còn chưa đầy đủ.Cách xem voi đó rất dễ dẫn tới chỗ có những nhận định không đúng về đối tượng được xem. Năm ông thầy bói này đã đưa ra những kết luận sai lầm khi xem voi bằng cách đó.

**Câu 4**

2 CDT: Năm ông thầy bói, năm thầy

**Câu 5**

Bài học:

+ Muốn kết luận đúng về một sự vật, hiện tượng, cần xem xét toàn diện, nhìn nhận trên nhiều khía cạnh

+ Đối với các sự vật khác nhau, phải có cách xem xét sự vật phù hợp với từng đối tượng

+ Trong cuộc sống, con người không nên bảo thủ, cần lắng nghe ý kiến của người khác

+ Không nên dùng vũ lực để giải quyết vấn đề.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**  **THỎ VÀ RÙA**  *Ngày xưa, thỏ lúc nào cũng cười mũi con rùa về sự chậm chạp. Nhưng rùa thì dằn lòng trước sự khoe khoang của thỏ.*  *Một hôm, trước đông đủ bá thú, rùa thách thỏ chạy thi. Thỏ trả lời:*  *- Đừng có đùa! Bạn không biết là tôi có thể chạy cả chục vòng quanh bạn hay sao.*  *Rùa mỉm cười:*  *- Không cần nhiều lời. Muốn biết ai nhanh thì cứ việc thi.*  *Thế là trường đua được vạch ra. Con cáo làm trọng tài. Nó hú ba tiếng là cuộc thi bắt đầu.*  *Thoắt một cái, con thỏ đã biến mất. Con rùa cứ chậm chạp bước theo. Các thù khác ở dọc đường cổ võ1.*  *Một lúc sau, thỏ đứng lại đợi rùa, nhân tiện diễu2 chơi cho bõ ghét. Đợi một lúc mà rùa vẫn chưa tới. Thỏ vừa thiêm thiệp vừa lẩm bẩm:*  *- Ta cứ chợp mắt một tí trên bãi cỏ này. Khi trời mát xuống, ta sẽ chạy tiếp cũng chẳng muộn gì!*  *Thế rồi nó dạng chân, duỗi tay, nhắm mắt ngủ ngon lành. Một lúc sau, con rùa ì ạch bò tới.*  *Nó bò qua chỗ con thỏ đang ngủ say, rồi đến được mức cuối. Tiếng reo hò náo nhiệt.*  *Lúc đó, con thỏ vừa mở mắt. Biết mình thua cuộc, thỏ xấu hổ trốn vào rừng.*  *(158 Truyện ngụ ngôn Aesop, Phan Như Huyên, 1995)*  **Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính và ngôi kể của văn bản.  **Câu 2:** Đề tài của văn bản trên là gì?  **Câu 3:** Xác định nhân vật, không gian, thời gian, tình huống của truyện?  **Câu 4:** Em hãy lí giải vì sao con rùa chạy chậm hơn mà lại chiến thắng thỏ trong cuộc thi chạy?  **Câu 5:** Câu chuyện trên đem đến cho chúng ta bài học gì? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

Ngôi kể: ngôi thứ ba.

**Câu 2: Đề tài:** Thất bại và sự kiêu ngạo, chủ quan.

**Câu 3:**

- Nhân vật: thỏ và rùa (loài vật).

- Không gian: Trong khu rừng, nơi có nhiều loài vật sinh sống.

- Thời gian: Ngày xưa (không xác định cụ thể).

- Tình huống truyện: Bị thỏ chê là chậm chạp, rùa thách thỏ chạy thi trước sự chứng kiến của bá thú. Thỏ ỷ mình chạy nhanh, xem thường đôí thủ nên thua cuộc; rùa chăm chỉ chạy hết sức mình nên đã chiến thắng.

=>Các yếu tố mang đặc điểm của truyện ngụ ngôn.

**Câu 4:** Con rùa chạy chậm hơn mà lại chiến thắng thỏ trong cuộc thi chạy vì:

+ Con rùa chăm chỉ, cần mẫn, tự tin, nhẫn nại nên dù chậm, mệt con rùa vẫn không dừng lại -> rùa về đích sớm hơn.

+ Con thỏ chạy nhanh nhưng kiêu ngạo, chủ quan, ỷ lại, trên đường đua còn mải ngủ nên đã thua cuộc.

**Câu 5:** Bài học rút ra từ câu chuyện:

- Sự chăm chỉ, cần mẫn, tự tin có thể làm nên chiến thắng. Chậm mà chắc, tự biết sức mình còn hơn nhanh mà ỷ lại, kiêu ngạo, cần phải biết người, biết ta.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**  **ĐEO NHẠC CHO MÈO**  *Tự bao giờ đến giờ, mèo cứ xơi chuột mãi, nên chuột mới đẻ ra là đã sợ mèo rồi.*  *Nhưng, con giun xéo lắm cũng quằn, chuột ta lấy thế làm giận. Một hôm, mới hội cả nhau lại làm một làng chuột để chống mèo. Thôi thì đủ mặt: nào anh Chù, mùi hôi đến nỗi thành câu ca; nào chú Nhắt, có tính nhí nhắt đã nên câu ví; nào lại ông Cống, rung rinh béo tốt, quan trường lại chấm cho ở trên ông Đồ; …*  *Khi làng dài răng đã tề tựu đông đủ cả rồi, ông Cống mới lên giọng rằng:*  *- Cái giống quái kia sở dĩ nó chụp được anh em mình chỉ vì trời phú cho nó cái tài rình mò và khéo bắt lén mà thôi. Bây giờ, bà con ta nên mua một cái nhạc buộc vào cổ nó, để khi nào nó đến, nghe tiếng nhạc, ta biết đường chạy trước, thì nó còn làm gì nổi ta nữa.*  *Cả làng chuột nghe nói, dẩu mõm, quật đuôi, đều lấy làm phục cái câu chí lí của ông Cống và đồng thanh ưng thuận.*  *Khi nhạc đã kiếm được rồi, hội đồng chuột lại họp. Con nào con nấy lao xao hớn hở, bảo nhau đã sắp tới ngày thoát được cái ách ông Miu ranh mãnh rồi.*  *Nhưng kịp lúc hội đồng hỏi ai dám đem nhạc đeo vào cổ mèo, thì thấy cả hội đồng im phăng phắc, không một cái tai nào nhích, một cái răng nào nhe cả.*  *Không biết cử ai nào việc đại sự ấy, bất đắc dĩ làng cắt ông Cống phải đi, vì chính ông Cống đã xướng lên cái thuyết đeo nhạc vậy.*  *Ấy mới khốn! Nhưng Cống ta trong lòng tuy nao, mà ngoài mặt làm ra bộ bệ vệ kẻ cả, nói rằng:*  *- Tôi đây, chẳng gì nhờ tổ ấm cũng được vào bậc ông Cống, ông Nghè, ăn trên ngồi trước trong làng, có đâu làng lại cắt tôi đi làm cái việc tầm thường ấy được! Trong làng ta nào có thiếu chi người! Tôi xin cử anh Nhắt, anh ấy nhanh nhảu, chắc làm được việc.*  *Ấy mới hay! Nhưng Nhắt ta trở mặt láu, cãi lí rằng:*  *- Làng cắt tôi đi, tôi cũng xin vâng, không dám chối từ. Nhưng tôi, dù bé vậy, mà cũng còn ở chiếu trên, chưa đến nỗi nào. Ông Cống không đi, phải; tôi đây không đi, cũng phải. Để xin cắt anh Chù, anh ấy tuy chậm, nhưng chắc chắn, làng không lo hỏng việc.*  *Ấy mới không có gì lạ! Chù ta thật thà, không biết cãi sao, ụt ịt nói rằng:*  *- Tôi là đầy tớ làng, làng sai tôi đi là phải lắm. Nhưng tôi chỉ sợ, nếu tôi đến gần mèo mà mèo thịt tôi đi, thì rồi lấy ai thay tôi mà buộc nhạc được nữa.*  *Chuột Cống nhanh miệng bảo:*  *- Mèo nó có vờn là vờn chúng tao, vờn cái anh Nhắt kia, chớ chú mày hôi hám như thế, thì nó bắt mà thèm vào. Thôi cứ nhận đi ngay đi, không được nói lôi thôi gì nữa.*  *Chuột Chù ì ạch phải nhận, vác nhạc đi tìm mèo thật. Khốn chưa trông thấy mèo, mới nghe thấy tiếng, Chù đã sợ run cả mình, không dám tiến. Nhưng sợ lệ làng, sau đánh bạo, phải lại gần, thì thấy mèo quả nhiên không thèm vờn đến thật. Song mèo cũng nhe nanh, giương vuốt, làm cho Chù cắm đầu, vác cái thân ì ạch chạy không chạy khổ về báo cho làng hay. Cả làng nghe báo cũng sợ, bỏ chạy tán loạn, chẳng ai hỏi đến cái nhạc, nó bon đi đâu, và bon tự bao giờ không biết.*  *Thành ra từ đó, chuột vốn sợ mèo, vẫn hoàn sợ mèo mãi.*  *Theo Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc, In trong sách Ngữ văn 6, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016)*  **Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.  **Câu 2**. Mèo có biệt tài gì làm cho cả làng chuột phải khiếp sợ?  **Câu 3**. Trong truyện, tính cách của chuột Cống được bộc lộ như thế nào?  **Câu 4**. Bài học rút ra từ truyện Đeo nhạc cho mèo là gì?  **Câu 5**. Truyện *Đeo nhạc cho mèo* nhằm phê phán ai? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1**: Phương thức biểu đạt: Tự sự

**Câu 2**: Mèo có biệt tài là Mèo có tài rinh mò và khéo bắt lén

**Câu 3**. Trong truyện, tính cách của chuột Cống được bộc lộ: Là kẻ thích huênh hoang nhưng lại hèn nhát

**Câu 4**. Bài học rút ra từ truyện Đeo nhạc cho mèo là: Ý tưởng phải có tính thực tiễn và tính khả thi cao.

- Kế hoạch đề ra thì phải có người thực hiện, nếu không thì chẳng mang lại kết quả gì.

- Trong cuộc họp, chỉ có một cá nhân thao túng dễ dấn đến quyết định ảo tưởng, viển vông

**Câu 5**. Truyện *Đeo nhạc cho mèo* nhằm phê phán: Kẻ đề ra những ý tưởng viển vông, ham sống sợ chết, chỉ bàn mà không dám hành động, trút công việc khó khăn, nguy hiểm cho những người khác.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

|  |
| --- |
| **Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**  **CHÚ RÙA HỌC BAY**  *Bên bờ sông có một chú Rùa đang ra sức tập bay.*  *- Cố lên nào… 1, 2, 3… Cố lên…*  *Một con Chim Sẻ bay ngang qua, thấy thế liền hỏi:*  *- Anh Rùa ơi, anh đang làm gì thế?*  *Rùa thở dài đáp:*  *- Tôi đang tập bay đấy, Chim Sẻ ạ.*  *Nghe vậy, Chim Sẻ rất ngạc nhiên, hỏi lại Rùa:*  *- Sao cơ? Chẳng phải anh đã chiến thắng trong*[*cuộc thi chạy với Thỏ*](https://thegioicotich.vn/rua-va-tho/)*đó sao? Tất cả là nhờ bốn chiếc chân của anh mà.*  *Rùa nhăn mặt trả lời:*  *- Thôi thôi, anh đừng nhắc nữa. Tôi và Thỏ đã thi lại lần nữa. Thỏ không ngủ quên giữa cuộc nữa nên đã dễ dàng thắng tôi. Lần này, khi tập bay được, tôi sẽ quyết đấu một trận nữa với Thỏ.*  *Chim Sẻ cười:*  *- Nhưng mà anh đâu có cánh!*  *Nhưng Rùa vẫn không lay chuyển.*  *- Bất kể thế nào tôi cũng phải học bay cho bằng được, Chim Sẻ ạ!*  *Chim Sẻ lại nói:*  *- Nhưng anh đâu có cánh thì làm sao mà bay được, tôi khuyên anh nên từ bỏ ý định đó đi thì hơn. Thôi, tôi đi chơi đây!*  *Chim Sẻ bỏ đi rồi, Rùa đi kiếm về rất nhiều lông chim, may cho mình một đôi cánh tuyệt đẹp. Nó ra sức tập luyện, nhưng đã mấy ngày trôi qua mà vẫn không có gì tiến triển. Rùa nghĩ:*  *- Thế này không ổn. Mình phải đi mời thầy về dạy mới được.*  *Ngày hôm sau, Rùa lên đường đi tìm thầy dạy bay. Ròng rã mấy ngày, nó đi đến một vách núi cheo leo, hi vọng sẽ tìm được thầy.*  *Một hôm, Rùa đi tới một vách đá, đột nhiên có một đôi cánh lớn liệng qua. Rùa ta vô cùng ngưỡng mộ, nghĩ bụng:*  *- Đây chính là người thầy mà mình đang tìm kiếm.*  *Rùa liền hét to:*  *- Đại Bàng ơi, xin hãy dạy tôi bay với!*  *Đại Bàng ân cần nhắc nhở Rùa:*  *- Tôi và Rùa không giống nhau. Rùa không có cánh, làm sao mà bay được!*  *Rùa cầm ra đôi cánh tự làm, liên tục xin:*  *- Đại Bàng xem, tôi có cánh rồi đây này. Xin anh hãy nhận tôi làm đồ đệ đi.*  *Đại Bàng đành phải chấp nhận lời thỉnh cầu của Rùa.*  *- Thôi được, nếu Rùa đã quyết thì tôi sẽ giúp. Nhưng tôi không chắc là Rùa sẽ bay được đâu nhé!*  *Rùa tự lắp thêm đôi cánh, Đại Bàng nhấc bổng Rùa lên, bay cao hơn những ngọn cây. Rùa thích quá reo lên:*  *- A ha! Mình sắp biết bay rồi!*  *Đang bay trên không trung thì Đại Bàng bỏ Rùa ra. Rùa ta giống như diều đứt dây, rơi tự do xuống, mặc cho Rùa cố gắng vỗ đôi cánh tới tấp nhưng không ăn thua gì.*  *- Cứu với! Ai cứu tôi với…*  *Rùa rơi thẳng xuống một tảng đá to, khiến cho mai Rùa bị vỡ rạn.*  *Kể từ đó, trên mai của Rùa có những vết rạn ngang dọc, đó là dấu tích của lần*[*Rùa học bay với Đại Bàng*](https://thegioicotich.vn/rua-va-dai-bang/)*.*  **Câu 1**. Văn bản *Chú rùa học bay* thuộc thể loại truyện dân gian nào?  **Câu 2.** Để tập bay, Rùa đã chuẩn bị những gì?  **Câu 3**. Dấu ba chấm trong câu sau có công dụng gì?  *- Cố lên nào… 1, 2, 3… Cố lên…*  **Câu 4**. Lời khuyên của Chim Sẻ: “*Nhưng anh đâu có cánh thì làm sao mà bay được, tôi khuyên anh nên từ bỏ ý định đó đi thì hơn”* gợi cho em suy nghĩa gì?  **Câu 5**. Bài học tâm đắc nhất mà em rút ra từ văn bản trên? (Trình bày bằng đoạn văn từ 5-7 câu) |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.** Văn bản *Chú rùa học bay* thuộc thể loại truyện ngụ ngôn

**Câu 2.** Để tập bay, Rùa đã chuẩn bị:

Kiếm thật nhiều lông chim, may cho mình đôi cánh, đi tìm thầy dạy bay

**Câu 3.** Thể hiện lời nói ngập ngừng, bỏ dở, ngắt quãng

**Câu 4**. - Học sinh trình bày được ý nghĩa lời khuyên của Chim Sẻ. Có thể trình bày ý sau:

+ Hãy nhìn vào thực tế, khả năng của bản thân, đừng ảo tưởng sức mạnh.

**Câu 5.** - Trình bày bằng một đoạn văn (có độ dài khoảng 5-7 câu)

- Học sinh có thể trình bày nhiều bài học mà bản thân tâm đắc rút ra từ câu chuyện trên, tuy nhiên phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.

Sau đây là một vài gợi ý: Bài học tâm đắc rút ra:

VD: Tài sản lớn nhất mà bạn có chính là năng lực thực tế của bản thân, chỉ có tự đi trên đôi chân của mình, chúng ta mới có thể vững vàng vượt qua sóng gió và đạt được thành công.

Hoặc: trong cuộc sống, thay vì mù quáng học theo những điều mà mình ngưỡng mộ từ người khác mà không phù hợp với khả năng của bản thân thì hãy phát huy hết sở trường, ưu thế của mình, tự đi trên con đường riêng của mình

Hoặc:

Cuộc sống muôn màu, mỗi người sinh ra mang một sắc màu khác nhau, một năng lực khác nhau hãy luôn cố gắng sống là chính mình, bước đi bằng chính đôi chân của mình, rồi thành công sẽ mỉm cười với bạn.

**2. Đề cấu trúc mới**

**ĐỀ SỐ 1:**

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc câu chuyện sau và trả lời các câu hỏi:**

**RÙA VÀ THỎ**

*Trời mùa thu mát mẻ. Trên bờ sông, Rùa đang cố sức tập chạy. Thỏ trông thấy liền mỉa mai Rùa:*

*- Đồ chậm như sên. Mày mà cũng đòi tập chạy à ?*

*- Anh đừng giễu tôi. Anh với tôi thử chạy thi, coi ai hơn ?*

*Thỏ vểnh tai tự đắc:*

*- Được, được! Dám chạy thi với ta sao ? Ta chấp mi một nửa đường đó.*

*Rùa không nói gì. Nó biết mình chậm chạp, nên có sức chạy thật nhanh. Thỏ nhìn theo mỉm cười. Nó nghĩ : Ta chưa cần chạy vội, đợi Rùa gần đến đích ta phóng cũng vừa. Nó nhởn nhơ trên đường, nhìn trời, nhìn mây. Thỉnh thoảng nó lại nhấm nháp vài ngọn cỏ non, có vẻ khoan khoái lắm.*

*Bỗng nó nghĩ đến cuộc thi, ngẩng đầu lên thì đã thấy Rùa chạy gần tới đích. Nó cắm cổ chạy miết nhưng không kịp nữa. Rùa đã tới đích trước nó.*

*(Theo Truyện La Phông-ten)*

**Câu 1.** Truyện *Rùa và Thỏ* thuộc thể loại nào?

A. Truyền thuyết B. Thần thoại C. Truyện cổ tích D. Truyện ngụ ngôn

**Câu 2.** Nhân vật chính trong truyện *Rùa và Thỏ* là ai?

A. Rùa B. Thỏ C. Rùa và Thỏ D. Sên

**Câu 3.** Thỏ chế giễu Rùa như thế nào?

A.Bảo Rùa là chậm như sên.

B.Bảo Rùa thử chạy thi xem ai hơn .

C.Bảo Rùa *“Anh đừng giễu tôi”*

D.Bảo Rùa là đồ đi cả ngày không bằng một bước nhảy của Thỏ.

**Câu 4.** Vì sao có cuộc chạy thi giữa Rùa và Thỏ?

A.Rùa thích chạy thi với Thỏ

B.Thỏ thách Rùa chạy thi

C.Thỏ chê Rùa chậm chạp khiến Rùa quyết tâm chạy thi.

D.Rùa muốn thách Thỏ chạy thi với mình.

**Câu 5.** Vì sao Thỏ thua Rùa?

A.Rùa chạy nhanh hơn Thỏ.

B.Rùa cố gắng còn Thỏ chủ quan, coi thường Rùa.

C**.**Rùa dùng mưu mà Thỏ không biết.

D**.**Rùa vừa chạy vừa chơi mà vẫn tới đích trước.

**Câu 6.** Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu “*Đồ chậm như sên*.”

A. Nhân hóa B. Ẩn dụ C. So sánh D. Điệp ngữ

**Câu 7.** Truyện *Thỏ và Rùa* phê phán điều gì?

A. Phê phán những những người lười biếng, khoe khoang.

B. Phê phán những người lười biếng khoe khoang, chủ quan, kiêu ngạo.

C. Phê phán những người chủ quan, ích kỉ.

D. Phê phán những người coi thường người khác.

**Câu 8.** Hậu quả của thái độ chủ quan, kiêu ngạo của Thỏ là gì?

A. Thỏ đi học muộn. B. Thỏ thua Rùa, bị mọi người cười nhạo.

C. Thỏ cắm cổ chạy, bị ngã. D. Thỏ mải mê bắt bướm, quên đường về.

**Trả lời câu hỏi /Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9.** Qua câu chuyện trên, em rút ra được bài học gì?

**Câu 10.** Em có nhận xét gì về nhân vật Thỏ qua câu nói:“*Dám chạy thi với ta sao? Ta chấp mi một nửa đường đó*”.

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Viết một bài văn trình bày ý kiến của em về vấn đề đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy.

**HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | D | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | B | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
| **9** | Bài học: Chậm mà kiên trì sẽ chiến thắng nhanh mà chủ quan kiêu ngạo. Chỉ cần chúng ta kiên trì chắc chắn thì sẽ thành công. | 1,0 |
| **10** | Qua câu nói trên ta nhận thấy: Thỏ là kẻ kiêu căng ngạo mạn, chủ quan, coi thường người khác. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4.0** |
|  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:* 3 phần đầy đủ(MB nêu được vấn đề, TB triển khai được vấn đề, KB khái quát được vấn đề) | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề.*  **Nghị luận vấn đề đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy.** | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  **1. Mở bài:**  Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: Hiện nay khi tham gia giao thông có nhiều không sinh đi xe đạp điện không đội mũ bảo hiểm.  *Gợi ý:*  - Khi tham gia giao thông, người điều khiển phương tiện giao thông (xe đạp điện, xe máy) cần đội mũ bảo hiểm theo quy định.  - Nhưng hiện nay, còn một số học sinh đi xe đạp điện vẫn chưa chấp hành đúng quy định.  **2. Thân bài:**  ***a. Giải thích***  - Khoa học công nghệ phát triển kéo theo sự ra đời của nhiều phương tiện giao thông hiện đại, trong đó có xe đạp điện.  - Với giá cả hợp lý, đa dạng mẫu mã thì xe đạp điện đã trở thành một phương tiện được giới trẻ yêu thích, đặc biệt là học sinh THCS và THPT.  - Tuy nhiên, khi tham gia giao thông, người điều khiển phương tiện này phải đội mũ bảo hiểm đúng theo quy định của Luật giao thông đường bộ.  ***b. Thực trạng:***  - Đa số học sinh đều có ý thức đội mũ bảo hiểm khi điều khiển xe đạp điện.  - Tuy nhiên, tại các trường học, có thể dễ dàng quan sát thấy rõ nhất vào thời điểm tan học, hình ảnh một số học sinh đi xe đạp điện nhưng không đội mũ bảo hiểm.  - Hoặc có nhiều học sinh đội mũ bảo hiểm nhưng chỉ để đối phó: khi có sự giám sát của nhà trường, lực lượng cảnh sát giao thông…  ***c. Nguyên nhân:***  - Các em học sinh chưa có ý thức chấp hành nghiêm chỉnh Luật giao thông.  - Do còn xem nhẹ tính mạng của bản thân.  - Cho rằng đội mũ bảo rất nặng nề, nóng bức và cản trở tầm nhìn.  - Thích thể hiện mình khác người.  - Do sự giám sát của lực lượng giao thông, gia đình và nhà trường còn chưa chặt chẽ…  ***d. Hậu quả:***  - Không đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông, nếu xảy ra tai nạn sẽ gặp phải những chấn thương nghiêm trọng ảnh hưởng đến cuộc sống sau này của bản thân.  - Không đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông làm mất đi nét đẹp văn minh đô thị.  ***e. Biện pháp:***  - Tích cực tổ chức các buổi trò chuyện để tuyên truyền về Luật giao thông đường bộ: đặc biệt chú ý đến vai trò của chiếc mũ bảo hiểm đối với người tham gia điều khiển phương tiện giao thông (xe đạp điện, xe máy).  - Gia đình và nhà trường phải tích cực giám sát và phối hợp với lực lượng chức năng để xử lý những hành vi không chấp hành đúng quy định.  - Mỗi cá nhân phải tự ý thức chấp hành để bảo vệ bản thân và cũng là bảo vệ mọi người.  **3. Kết bài:**  - Mỗi học sinh khi tham gia giao thông hãy nghiêm chỉnh chấp hành để xây dựng một đất nước văn minh, hiện đại.  - Đội mũ bảo hiểm chính là bảo vệ bản thân và gia đình. | 3,0 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt* | 0,25 |
|  | *e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lí lẽ thuyết phục, dẫn chứng xác thực.* | 0,25 |

**ĐỀ SỐ 2:**

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

**CON CÁO VÀ CHÙM NHO**

*Một ngày nọ, Cáo ta xuống triền núi và phát hiện ra phía trước có một vườn nho. Dưới tán lá xanh, từng chùm nho căng tròn mọng nước, dưới ánh sáng mặt trời trông lại càng hấp dẫn. Những chùm nho này khiến người ta thèm thuồng. Cáo thèm tới mức bước bọt cứ trào ra hai bên mép.*

*- Ái chà chà, ngon quá đi mất!*

*Cáo ta nhìn trước ngó sau thấy chẳng có ai, nho lại nhiều thế này, cũng muốn chén ngay mấy chùm.*

*Cáo đứng thẳng người, vươn tay hái nho. Nhưng giàn nho thì cao quá, Cáo ta dù có vươn người đến đâu cũng không thể tới được.*

*- Nào! Cố lên nào. Cố lên!*

*Cáo nhanh trí nghĩ ra một cách, thử nhảy lên xem sao.*

*- Một, hai, ba. Nhảy nào…*

*Nhưng cố lắm cũng chỉ với tới lá nho mà thôi. Cáo ta không đành lòng rời khỏi vườn nho khi chưa chén được quả nào. Nó nói một mình:*

*- Hừ! Không thể bỏ đi dễ dàng như vậy được!*

*Thế là nó lượn mấy vòng quanh vườn, cuối cùng cũng phát hiện ra một cây nho khá thấp. Cáo ta lại nhảy lên, không tới được*[*chùm nho*](https://truyendangian.com/con-cao-va-chum-nho/)*, lại gắng sức nhảy lên lần nữa, vẫn không hái được quả nho nào. Cáo ta lại lượn xung quanh giàn nho. Và kia, sau một tán lá, Cáo ta phát hiện ra một chùm nho còn thấp hơn chùm lúc nãy. Thích chí quá, Cáo tự đắc:*

*- Không có việc gì có thể làm khó ta được. Ha ha! Lần này thì ta có nho ăn rồi!*

*Nước dãi trong cổ họng cứ trào ra, lùi lại mấy bước lấy đà, Cáo nhảy lên.*

*- Hai, ba. Nhảy nào!*

*Nhưng hỡi ôi, vẫn chẳng với tới được.*

*- Hừ, tức thật. Làm thế nào bây giờ?*

*Cáo ta dù có làm thế nào cũng không thể hái được nho, thở đánh thượt một cái rồi nói:*

*- Làm sao mà mình lại cứ phải cố ăn mấy cái chùm nho này nhỉ? Vỏ thì xanh thế, chắc chắn là chưa chín rồi. Không biết chừng còn vừa chua vừa chát, không nuốt được, có khi còn phải nhổ ra, đúng là chả ra làm sao cả.*

*Nói xong, Cáo rầu rĩ rời khỏi vườn nho.*

*(* [*https://truyendangian.com/con-cao-va-chum-nho/*](https://truyendangian.com/con-cao-va-chum-nho/)*)*

**Câu 1**. **Truyện *Con Cáo và chùm nho* thuộc thể loại nào?**

A. Truyện thần thoại. B. Truyện ngụ ngôn. C. Truyền thuyết. D. Truyện cổ tích.

**Câu 2**. **Trong văn bản con Cáo đã rơi vào tình huống nào?**

A. Cáo đói khát, lẻn vào vườn trộm nho.

B. Vườn nho không có quả để Cáo hái.

C. Con Cáo bị ông chủ vườn nho bắt nhốt.

D. Con Cáo không thể vào được vườn nho.

**Câu 3. Hai câu sau được liên kết với nhau bởi phép nối, đúng hay sai?**

*“Cáo đứng thẳng người, vươn tay hái nho(1). Nhưng giàn nho thì cao quá, Cáo ta dù có vươn người đến đâu cũng không thể tới được(2).”*

A. Đúng. B. Sai.

**Câu 4*.* Dấu ba chấm** **trong câu sau có tác dụng gì?**

- Một, hai, ba. Nhảy nào…

A. Giãn nhịp điệu câu văn.

B. Thể hiện lời nói ngập ngừng, bỏ dở, ngắt quãng.

C. Cho biết sự vật, hiện tượng chưa liệt kê hết.

D. Thể hiện sự bất ngờ.

**Câu 5**. **Vì sao Cáo quyết định rời khỏi vườn nho?**

A. Vì bị chủ vườn nho đuổi đi.

B. Vì Cáo cảm thấy có lỗi với việc làm của mình.

C.Vì nho còn xanh và không thể với tới được.

D. Vì Cáo thấy vườn nho có sâu và ong.

**Câu 6**. **Theo em, “*Ha ha*” trong văn bản diễn tả điều gì?**

A. Mệt mỏi. B. Vui mừng, phấn khởi.

C. Bực tức, khó chịu. D. Thất vọng.

**Câu 7. Vì sao Cáo lại tìm đến cây nho khác?**

A. Vườn nho không hấp dẫn với Cáo. B. Vì các bạn của Cáo rủ đi.

C. Vì bị ong đốt. D. Hi vọng có chùm nho thấp hơn để hái.

**Câu 8. Dòng nào dưới đây, thể hiện đúng nhất về tính cách của Cáo?**

A. Nhút nhát, sợ chết. B. Chủ quan, tự đắc.

C. Điềm tĩnh. D. Nóng vội nhưng dũng cảm.

**Trả lời các câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9.** Em hãy hình dung tâm trạng của con Cáo sau khi rời khỏi vườn nho?

**Câu 10.** Bài học tâm đắc nhất mà em rút ra từ câu chuyện?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Có ý kiến cho rằng: *“Một cuốn sách tốt là một người bạn hiền”.* Em hãy viết bài văn nghị luận thể hiện sự tán thành của mình về ý kiến trên?

**HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | B | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
|  | **9** | - Học sinh bày tỏ suy nghĩ cá nhân, có thể theo hướng sau:  + Cáo buồn, thất vọng, hụt hẫng…. | 1,0 |
|  | **10** | - HS có thể bày tỏ quan điểm của mình, có thể theo các ý sau:  + Tự biết lượng sức mình cho phù hợp với hoàn cảnh.  + Hoặc phải biết sáng tạo, có kỹ năng ứng phó trong mọi tình huống. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a. Đảm bảo thể thức, dung lượng yêu cầu của một bài văn.*  Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến tán thành của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và dẫn chứng cụ thể. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng nội dung chủ yếu cần nghị luận:* Sách tốt là người bạn hiền. | 0,25 |
|  | *c. Triển khai hợp lí nội dung bài văn. Có thể viết bài văn theo hướng sau:*  **1. Mở bài**  - Giới thiệu vấn đề nghị luận: “Một quyển sách tốt là một người bạn hiền” (La Rochefoucault).  **2. Thân bài**  **a. Giải thích**  - Thế nào là sách tốt và tại sao ví sách tốt là người bạn hiền?  + Sách tốt là loại sách mở ra cho ta chân trời mới, giúp ta mở mang kiến thức về nhiều mặt: cuộc sống, con người, trong nước, thế giới, đời xưa, đời nay, thậm chí cả những dự định tương lai, khoa học viễn tưởng.  + Bạn hiền đó là người bạn có thể giúp ta chia sẻ những nỗi niềm trong cuộc sống, giúp ta vươn lên trong học tập, cuộc sống.  → Do tác dụng tốt đẹp như nhau mà có nhận định ví von: Một quyển sách tốt là một người bạn hiền.  **b. Bàn bạc, mở rộng vấn đề**  - Sách cung cấp cho ta những tri thức, kinh nghiệm quý báu về mọi lĩnh vực trong cuộc sống để ta giải quyết được những nhiệm vụ của cuộc sống.  - Sách tốt là người bạn hiền kể cho ta bao điều yêu thương, bao kiếp người điêu linh đói khổ mà vẫn giữ trọn vẹn nghĩa tình.  - Sách cho ta hiểu và cảm thông với bao kiếp người, với những mảnh đời ở những nơi xa xôi, giúp ta vươn tới chân trời của ước mơ, ước mơ một xã hội tốt đẹp.  - Sách giúp ta chia sẻ, an ủi những lúc buồn chán.  => Sách giúp ta nâng cao hiểu biết và hoàn thiện nhân cách, nuôi dưỡng tâm hồn.  - Ý kiến là một chân lí rút ra từ thực tiễn học tập và giao tiếp của con người, có tác dụng định hướng con người tiếp cận tri thức trong cuộc sống.  **c. Bài học nhận thức**  - Trong xã hội có sách tốt và sách xấu, bạn tốt và bạn xấu do đó cần chọn bạn mà chơi cũng như chọn sách mà đọc.  - Phê phán những người lười đọc sách.  **3. Kết bài**  - Khẳng định tính đúng đắn của câu nói trên.  - Liên hệ bản thân |  |
| 0.5  2.25  0.25 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp:*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.* | 0,25 |
|  | *e. Sáng tạo: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục.* | 0,25 |

**ĐỀ SỐ 3:**

**I. ĐỌC-HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau rồi khoanh vào đáp án đúng trước câu trả lời từ câu 1 đến câu 8**

**CHÂN, TAY, TAI, MẮT, MIỆNG**

*1. Cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay, bác Tai, lão Miệng từ xưa vẫn sống với nhau rất thân thiết. Bỗng một hôm, cô Mắt đến than thở với cậu Chân, cậu Tay rằng:*

*- Bác Tai, hai anh và tôi làm việc mệt nhọc quanh năm, còn lão Miệng chẳng làm gì cả, chỉ ngồi ăn không. Nay chúng ta đừng làm gì nữa, thử xem lão Miệng có sống được hay không?*

*Cậu Chân, cậu Tay cũng nói:*

*- Phải đấy, chúng ta phải đi nói cho lão Miệng biết để lão tự lo lấy. Chúng ta vất vả nhiều rồi. Nay đã đến lúc lão phải tự mình tìm lấy thức ăn, xem lão có làm nổi không.*

*Cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay cùng kéo nhau đến lão Miệng. Đi qua nhà bác Tai, họ thấy bác ta đang ngồi im lặng như nghe ngóng điều gì. Cả ba cùng chạy vào cùng nói:*

*- Bác tai ơi, bác có đi với chúng cháu đến nhà lão Miệng không? Chúng cháu đến nói cho lão biết từ nay chúng cháu không làm cho lão ăn nữa. Chúng cháu cũng như bác, lâu nay vất vả nhiều rồi, nay phải nghỉ ngơi mới được.*

*Bác Tai gật đầu lia lịa:*

*- Phải, phải… Bác sẽ đi với các cháu!*

*Bốn người hăm hở đến nhà lão Miệng. Ðến nơi, họ không chào hỏi gì cả. Cậu Chân, cậu Tay nói thẳng luôn với lão:*

*- Chúng tôi hôm nay đến không phải để thăm hỏi, trò chuyện gì với ông, mà để nói cho ông biết: từ nay chúng tôi không làm để nuôi ông nữa. Lâu nay, chúng tôi đã cực khổ, vất vả vì ông nhiều rồi.*

*Lão Miệng nghe nói, rất lấy làm ngạc nhiên. Lão nói:*

*- Có chuyện gì muốn bàn với nhau thì hãy vào nhà đã. Làm gì mà nóng nảy thế?*

*Bác Tai, cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay đều lắc đầu mà rằng:*

*- Không, không phải bàn bạc gì nữa. Từ nay trở đi, ông phải lo lấy mà sống. Còn chúng tôi, chúng tôi sẽ không làm gì cả. Xưa nay, chúng tôi có biết cái gì ngọt bùi ngon lành mà làm cho cực!*

*Nói rồi cả bọn kéo nhau về.*

*2. Từ hôm đó, bác Tai, cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay không làm gì nữa. Một ngày, hai ngày, rồi ba ngày, cả bọn thấy mệt mỏi, rã rời. Cậu Chân, cậu Tay không còn muốn cất mình lên để chạy nhảy vui đùa như trước nữa; cô Mắt thì ngày cũng như đêm lúc nào cũng lờ đờ, thấy hai mi nặng trĩu như buồn ngủ mà ngủ không được. Bác Tai trước kia hay đi nghe hò nghe hát, nghe tiếng gì cũng rõ, nay bỗng thấy lúc nào cũng ù như xay lúa ở trong. Cả bọn lừ đừ mệt mỏi như thế, cho đến ngày thứ bảy thì không chịu được nữa, đành họp nhau lại để bàn.*

*3. Bác Tai nói với cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay:*

*- Chúng ta lầm rồi các cháu ạ. Chúng ta nếu không làm cho lão Miệng có cái ăn thì chúng ta sẽ bị tê liệt tất cả. Lão Miệng không đi làm, nhưng lão có công việc là nhai. Như vậy cũng là làm việc chứ không phải ăn không ngồi rồi. Trước kia sống với nhau thân thiết như thế, nay tự dưng chúng ta gây nên chuyện. Lão Miệng có ăn thì chúng ta mới khỏe khoắn được. Chúng ta nên đến nói lại với lão, các cháu có đi không?*

*Cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay cố gượng dậy đi theo bác Tai đến nhà lão Miệng. Ðến nơi, họ thấy lão Miệng cũng nhợt nhạt cả hai môi, hàm răng thì khô như rang, không buồn nhếch mép. Bác Tai, cô Mắt vực lão Miệng dậy. Còn cậu Chân, cậu Tay thì đi tìm thức ăn. Lão Miệng ăn xong dần dần tỉnh lại. Bác Tai, cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay tự nhiên thấy đỡ mệt nhọc, rồi thấy trong mình khoan khoái như trước. Từ đó*[*lão Miệng, bác Tai, cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay*](https://truyendangian.com/chan-tay-tai-mat-mieng/)*lại thân mật sống với nhau, mỗi người một việc, không ai tị ai cả.*

*( Truyên dân gian Việt Nam)*

**Câu 1. Truyện Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng thuộc thể loại nào?**

A. Truyện ngụ ngôn. B. Truyện cổ tích.

C. Truyện ngắn D. Thần thoại

**Câu 2. Trong câu văn: “Từ đó, lão Miệng, bác Tai, cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay lại thân mật sống với nhau mỗi người một việc, không ai tị ai cả.” đã sử dụng phép liên kết gì?**

A. Phép nối. B. Phép thế. C. phép lặp. D. Phép điệp.

**Câu 3 : Em hiểu “*so bì*” là gì?**

A. Không muốn người khác hơn mình. B. Kèn cựa, tỵ nạnh.

C. Ích kỷ cá nhân. D. Coi thường người khác.

**Câu 4: Tại sao các bộ phận khác cho rằng lão Miệng là người sướng nhất?**

A. Vì lão Miệng nhai thức ăn suốt ngày.

B. Vì lão Miệng không phải làm gì cả.

C. Vì lão Miệng không phải làm gì cả, chỉ ngồi ăn không**.**

D. Vì lão Miệng làm ít mà vẫn có ăn.

**Câu 5. Biện pháp tu từ được sử dụng nổi bật trong câu chuyện là:**

A. Hoán dụ B. So sánh. C.Nói giảm nói tránh. D. Nhân hóa**.**

**Câu 6. Khi lão Miệng có thức ăn trở lại thì điều gì đã diễn ra?**

A. Các bộ phận khác như Chân, Tay, Tai, Mắt đều cảm thấy khỏe mạnh, tươi tỉnh ra.

B. Lão Miệng được hồi sinh và tiếp tục làm nhiệm vụ của mình.

C. Lão Miệng cảm thấy được ăn ngon hơn trước.

D. Các bộ phận khác như Chân, Tay, Tai, Mắt không dám phân bì với lão Miệng nữa.

**Câu 7. Truyện Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng phê phán điều gì?**

A. Phê phán thói quen sống dựa dẫm vào người khác.

B. Phê phán thói quen sống bất chấp quyền lợi của người khác.

C. Phê phán lối sống lãng phí, không biết tiết kiệm cho bản thân.

D. Phê phán thái độ ích kỉ, sống cho bản thân, không coi trọng quyền lợi chung của tập thể.

**Câu 8. Viết tiếp nhận định sau : “Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng” là truyện ngụ ngôn đã:**

A. Nhân hóa các bộ phận trên thân thể con người để nói về vị trí quan trọng riêng của mỗi người trong cộng đồng

B. Ẩn dụ các bộ phận trên cơ thể người để nói về vị trí quan trọng riêng của mỗi người trong cộng đồng

C. Hoán dụ các bộ phận trên cơ thể người để nói về vị trí quan trọng riêng của mỗi người trong cộng đồng

D. So sánh các bộ phận trên cơ thể người để nói về vị trí quan trọng riêng của mỗi người trong cộng đồng

**Câu 9**: a. Em hãy tìm những câu tục ngữ có nội dung gần gũi với nội dung của truyện?

b. Hãy đặt câu với mỗi thành ngữ vừa tìm được?

**Câu 10**:

a. Theo em vì sao tác giả dân gian lại chọn những bộ phận trên cơ thể con người để chỉ con người?

b. Đọc xong câu chuyện em rút ra được bài học gì cho bản thân?

**II. VIẾT**:

Phát biểu cảm ngĩ của em về một người thân mà em yêu quý nhất.

**HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU** | **NỘI DUNG** | **ĐIỂM** |
| **Phần I** | **ĐỌC HIỂU VĂN BẢN** | **6đ** |
| 1 | A | 0,5đ |
| 2 | B | 0,5đ |
| 3 | B | 0,5đ |
| 4 | C | 0,5đ |
| 5 | D | 0,5đ |
| 6 | A | 0,5đ |
| 7 | D | 0,5đ |
| 8 | A | 0,5đ |
| **Câu 9**  **a.** | \* Hs tìm đúng từ 2 thành ngữ trở lên  - Môi hở răng lạnh.  - Bầu ơi thương lấy bí cùng  Tuy rằng khác giống nhưng chung một dàn.  - Máu chảy ruột mềm.  - Tay đứt ruột xót | 0.5đ |
| **b.** | Đặt câu với mỗi thành ngữ vừa tìm được. | 0.5đ |
| **Câu 10**  **a.** | - Mỗi bộ phận trên cơ thể có một chức năng, nhiệm vụ riêng cũng như mỗi con người có chức năng, nhiệm vụ riêng và lại có mối liên hệ chặt chẽ với nhau.  - Mỗi hành động ứng xử của cá nhân không chỉ đơn thuần là tác động đến chính cá nhân ấy mà còn ảnh hưởng đến cả tập thể. | 0.5đ |
| **b.** | - Mỗi cá nhân không thể tồn taị nếu tách rời mối quan hệ với cộng đồng, tập thể.  - Sống trong tập thể cần có tinh thần đoàn kết, gắn bó, nương tựa vào nhau, hợp tác để cùng tồn tại, phát triển.  - Trong một tập thể không được so bì, tị nạnh vì mỗi người có một nhiệm vụ, một vai trò riêng. | 0.5đ |
| **Phần II** | **VIẾT** | **4.0đ** |
|  | **Dàn ý**[**Cảm nghĩ về người mẹ thân yêu của em**](https://vndoc.com/van-mau-lop-7-cam-nghi-ve-nguoi-me-than-yeu-cua-em-119184).  **1. Mở bài:**  - Giới thiệu về mẹ và tình mẫu tử thiêng liêng cao quý.  - Mẹ em người phụ nữ tuyệt vời chỉ có một trên đời.  - Tình mẹ luôn chân thành, thiêng liêng và cao quý, hi sinh suốt đời vì con.  **2. Thân bài:**  - Mẹ tôi năm nay 35 tuổi  - Dáng vóc: thanh mảnh, làn dan trắng trẻo, mái tóc đen và dài, đôi mắt to tròn, và khuôn mặt phúc hậu.  - Mẹ là người dịu dàng, hòa nhã và luôn đối xử tốt với mọi người. Trong nhà mẹ là người lo lắng, chăm sóc các thành viên trong gia đình.  - Buổi sáng mẹ dậy sớm, chuẩn bị bữa sáng và chuẩn bị cho em đi học và bố đi làm.  - Buổi trưa mẹ giặt giũ quần áo, dọn dẹp nhà cửa, sân vườn gọn gàng, sạch sẽ.  - Buổi tối mẹ chuẩn bị bữa cơm tối cho cả gia đình, nấu những món mà em thích. Bữa ăn là thành quả vất vả của mẹ trong cả ngày.  - Những lúc em không nghe lời, hay mắc lỗi nhưng mẹ cũng không bao giờ lớn tiếng hay dùng đòn roi mà mẹ cần em trình bày rõ chuyện rồi phê bình, nhắc nhở không tái phạm. Mẹ thật tâm lý và tình cảm.  - Mẹ em làm kế toán ở cơ quan công việc thường xuyên bận rộn nấy là cuối tuần. Đây là công việc cần sự tỉ mỉ, cận thận.  - Những lúc rảnh rỗi mẹ thường đọc sách và hướng dẫn em làm bài tập.  - Mẹ luôn cho chu toàn cho gia đình và cả công việc. Mẹ em là người phụ nữ thật tuyệt vời.  **3. Kết bài:** Bày tỏ tình cảm, sự yêu thương đối với mẹ.  - Mẹ là cả một thế giới mẹ luôn chăm lo và hi sinh vì con cái.  - Em yêu mẹ rất nhiều và chắc chắn sẽ học thật tốt để mẹ luôn vui. | 1đ  3 đ |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.* |  |
|  | *e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn giàu cảm xúc, sáng tạo.* |  |

**ĐỀ SỐ 4:**

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (6,0 điểm)**

**CÂU CHUYỆN MÈO DẠY HỔ**

*Ngày xưa, Hổ không biết cách bắt mồi như Mèo. Một hôm, Hổ đến gần Mèo dỗ dành:*

*- Bác Mèo ơi, tôi là người cùng họ với bác. Tôi và bác giống nhau như hệt. Mình tôi cũng vằn vằn như mình bác. Tôi có râu, bác cũng có râu. Tôi có vuốt sắc bác cũng có. Tôi có đuôi dài, đuôi bác cũng dài. Thế mà bác lại biết rình mồi, biết nhày, biết trèo tài hơn tôi. Chỗ họ hàng với nhau, bác dạy cho tôi biết với.*

*Mèo nghe lời ngọt ngào, thương Hổ là chỗ họ hàng, liền nói:*

*- Nhưng bác đừng ăn thịt tôi cơ.*

*Hổ vỗ về:*

*- Ai lại ăn thịt người cùng họ bao giờ? Bác nói dở quá, bác cứ tin ở tôi.*

*Mèo yên tâm dạy Hổ học cách ngồi thu hình rình mồi, cách nhảy bắt mồi, cách vờn, cách mài giũa vuốt.*

*Hổ học xong lấy làm đắc chí. Đương lúc đói bụng, hổ định vồ Mèo ăn thịt. Hổ bảo:*

*- Mẻo mèo meo!*

*Ta bắt được Mèo*

*Ta nhai ngấu nghiến!*

*Mèo vội trèo tót lên cây, bảo Hổ:*

*- Mẻo mèo meo!*

*Ta có võ trèo*

*Ta chưa dạy Hổ.*

*Hổ tức quá, gầm nhảy dưới đất, nhưng không làm gì được Mèo. Vì thế, bây giờ Hổ không biết trèo như Mèo.*

*(Nguồn:Tập đọc lớp 1, tập 1 Sách giáo khoa trường phổ thông, trang 56. NXB Giáo dục – 1958.)*

**Câu 1:** Văn bản trên thuộc thể loại nào?

A. Truyện cổ tích B. Truyện đồng thoại.

C. Truyện truyền thuyết D. Truyện ngụ ngôn

**Câu 2:** Văn bản trên được kể bằng lời của ai?

A. Lời nhân vật Hổ. B. Lời nhân vật Mèo.

C. Lời của người kể chuyện. D. Lời của cả Hổ và Mèo .

**Câu 3:** Vì sao Mèo nhận lời dạy Hổ?

A. Vì Hổ dỗ dành Mèo. B. Vì Mèo thấy thương Hổ .

C. Vì Mèo bị Hổ đe dọa. D. Vì Mèo nhẹ dạ và thương Hổ.

**Câu 4:** Dấu hai chấm trong văn bản trên có công dụng gì?

A. Thể hiện lời nói được dùng với nghĩa nhấn mạnh đặc biệt.

B. Thể hiện lời nói trực tiếp của nhân vật.

C. Thể hiện phần chú thích, giải thích.

D. Thể hiện phần liệt kê cụ thể.

**Câu 5:** Tại sao Mèo lại không dạy hết võ trèo cho Hổ?

A. Vì Mèo có tinh thần cảnh giác. B. Vì Mèo chưa có đủ thời gian.

C. Vì Hổ chưa tiếp thu được. D. Vì Hổ không cần học.

**Câu 6:**  Câu tục ngữ nào thể hiện được đúng tính cách của nhân vật Hổ?

A. Học một biết mười. B. Ăn cháo đá bát.

C. Mở cờ trong bụng. D. Chia ngọt sẻ bùi.

**Câu 7:** “đắc trí’ trong văn bản trên có nghĩa là?

A. Dụ dỗ được người khác.

B. Được mọi người cổ vũ nhiệt tình.

C. Tỏ rõ thích thú vì đạt được điều mong muốn.

D. Rất hào hứng, vui sướng vì được động viên.

**Câu 8:**  Phép liên kết được sử dụng trong câu văn: *“Tôi có râu, bác cũng có râu. Tôi có vuốt sắc bác cũng có. Tôi có đuôi dài, đuôi bác cũng dài.*” là gì?

A. Phép lặp. B. Phép thế. C. Phép nối. D. Phép tương phản.

**Câu 9:**  Theo em văn bản trên muốn nhắn nhủ điều gì?

**Câu 10:** Qua văn bản em rút ra được bài học gì cho bản thân ?

**II. VIẾT: (4.0 điểm)**

Kể lại một sự việc có thật liên quan đến một nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.

**HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | D | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | D | 0,5 |
| **4** | B | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | C | 0,5 |
| **8** | A | 0,5 |
|  | **9** | HS xác định được điều văn bản nhắn nhủ là sống phải biết trân trọng tình cảm bạn bè, đặc biệt phải biết ơn người đã giúp đỡ mình. | 1,0 |
|  | **10** | HS nêu được bài học cho bản thân theo cách riêng. Có thể hướng tới các bài học sau:  + Có thái độ rõ ràng, lên án những kẻ vô ơn.  + Dành quan tâm, yêu thương cho bạn bè.  + Biết nâng niu, trân trọng tình bạn  + Luôn có ý thức biết ơn những người đã giúp đỡ mình.  + Chung tay xây dựng tình bạn ngày càng thêm đẹp đẽ.  *Lưu ý*: Học sinh nêu được 1 bài học cho 0,5  2 bài học cho 0,75 điểm. Nếu từ 3 bài học trở lên cho tối đa. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | a. Đảm bảo cấu trúc bài tự sự | 0,25 |
|  | b. Xác định đúng yêu cầu của đề.  Kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử | 0,25 |
|  | **1. Mở bài**  - Giới thiệu đôi nét về tác phẩm, nhân vật cần phân tích. Nêu ngắn gọn những đặc điểm nổi bật của nhân vật.  **2. Thân bài**  - Giới thiệu hoàn cảnh xuất thân của nhân vật (nếu có): Tên, tuổi, quê hương…  - Phân tích những đặc điểm về ngoại hình và tính cách của nhân vật.  - Nêu lần lượt các đặc điểm thứ nhất, thứ hai… của nhân vật.  - Trích dẫn các chi tiết, câu văn trong bài liên quan đến đặc điểm đó của nhân vật; rồi dùng lí lẽ phân tích làm sáng tỏ.  - Đánh giá về nhân vật:  - Nhân vật đó đại diện cho tầng lớp xã hội nào?  - Qua nhân vật đó, tác giả muốn gửi gắm điều gì?  - Nghệ thuật xây dựng nhân vật có gì đặc sắc?  **3. Kết bài**  Khẳng định lại những đặc điểm nổi bật của nhân vật. Đánh giá và suy nghĩ về nhân vật. | 2,5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.* | 0,5 |
|  | *e. Sáng tạo: Thể hiện sự hiểu biết sâu sắc của bản thân về đặc điểm nhân vật; bố cục mạch lạc, lời văn thuyết phục.* | 0,5 |

**ĐỀ SỐ 5:**

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

**CÁO CỤT ĐUÔI**

*Một con Cáo bị mắc bẫy, sau nhiều lần giật mạnh đau đớn vùng vẫy thoát ra được, bèn chạy đi. Nhưng nó phải bỏ lại cái đuôi đẹp đẽ của nó lại trong bẫy. Trong một thời gian dài, nó không dám gặp mặt những con Cáo khác, vì nó biết rất rõ rằng, tất cả lũ Cáo kia sẽ lấy nó làm trò cười, chế giễu và đùa cợt sau lưng nó. Nhưng nó sống một mình cũng khó, nó cuối cùng cũng nghĩ ra được một kế để giải quyết cái vấn đề hóc búa này. Nó kêu gọi triệu tập một cuộc họp mặt tất cả lũ Cáo, nói rằng nó có một vài điều quan trọng cần phải nói cho cả làng biết.*

*Khi chúng đã đến tham dự đông đủ, con Cáo cụt đuôi đứng dậy và diễn thuyết một hồi rất lâu về việc những con Cáo đã mắc nạn chỉ vì cái đuôi của mình. Con này thì đã bị chó săn vồ vì khi chạy đuôi bị vướng vào bụi gai. Con kia thì không thể chạy đủ nhanh để thoát vì cái đuôi quá nặng nề. Ngoài ra, như ai cũng đã biết, nó nói, rằng con người bây giờ đi săn Cáo cũng chỉ là muốn có được cái đuôi Cáo, họ cắt đuôi để treo làm chiến tích đi săn thú. Với những chứng cứ về tính nguy hiểm và vô dụng của cái đuôi, Cáo Già nói, nó khuyên tất cả các con Cáo nên về cắt đuôi đi, nếu muốn được sống cho an toàn.*

*Khi nó vừa nói xong, một cụ Cáo đứng dậy, nói và cười mỉm: “Lão Cáo, xin lão vui lòng quay mặt đi chỗ khác một chút, rồi chúng tôi sẽ trả lời lão.”*

*Khi con Cáo Cụt Đuôi tội nghiệp quay mặt đi, cả làng Cáo ồ lên cười và la ó, lúc đó Cáo Cụt Đuôi biết là có thuyết phục lũ Cáo kia bỏ cái đuôi của chúng thì cũng chẳng có ích gì nữa.*

*(*[*https://toplist.vn/top-list/truyen-ngu-ngon-ke-cho-be-hay-y-nghia-nhat-46507.htm*](https://toplist.vn/top-list/truyen-ngu-ngon-ke-cho-be-hay-y-nghia-nhat-46507.htm)*)*

**Câu 1:** Câu chuyện trên được kể theo ngôi thứ mấy?

A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ hai

C. Ngôi thứ ba D. Kết hợp nhiều ngôi kể

**Câu 2:** Câu chuyện trên thuộc thể loại nào ?

A. Truyền thuyết B. Cổ tích C. Ngụ ngôn D. Truyện cười

**Câu 3:** Vì sao Cáo Già bị mất đuôi?

A. Cáo Già bị sập bẫy B. Cáo Già bị bệnh

C. Cáo Già tự cắt đuôi mình D. Bị con Cáo khác cắt đuôi

**Câu 4:** Trong câu văn: *“Trong một thời gian dài, nó không dám gặp mặt những con Cáo khác, vì nó biết rất rõ rằng, tất cả lũ Cáo kia sẽ lấy nó làm trò cười, chế giễu và đùa cợt sau lưng nó*” có mấy phó từ chỉ số lượng ?

A. Một B. Hai C. Ba D. Bốn

**Câu 5:** Sắp xếp các sự việc sau theo trình tự hợp lí?

1. Cáo Già triệu tập một cuộc họp mặt tất cả lũ Cáo, nói rằng nó có một vài điều quan trọng cần phải nói cho cả làng biết.
2. Cáo Già sập bẫy và bị mất cái đuôi
3. Cả làng Cáo ồ lên cười và la ó vì thấy cáo già bị mất cái đuôi.
4. Cáo Già khuyên tất cả các con Cáo nên về cắt đuôi đi, nếu muốn được sống cho an toàn.

A. (2) – (1) – (4) – (3) B. (1) – (2) – (3) – (4)

C. (4) – (3) – (2) – (1) D. (3) – (1) – (2) – (4)

**Câu 6:** Hành động “*Cáo Già khuyên tất cả các con Cáo nên về cắt đuôi đi*.” nhằm mục đích gì?

A. Để bảo vệ các con Cáo khác

B. Để mình không bị cười vì tất cả đều giống mình.

C. Để đánh lừa bầy Cáo

D. Để lấy đuôi của các con Cáo khác

**Câu 7:** Việc cả làng Cáo ồ lên cười và la ó khi thấy Cáo Già cụt đuôi cho thấy thái độ gì của đàn Cáo ?

A. Buồn cười khi thấy Cáo Già bị cụt đuôi B. Cười nhạo và giễu cợt Cáo Già

C. Cảm thông và chia sẻ với Cáo Già D. Tức giận và căm ghét Cáo Già

**Câu 8:** Dấu ngoặc kép trong câu: Khi nó vừa nói xong, một cụ Cáo đứng dậy, nói và cười mỉm: “Lão Cáo, xin lão vui lòng quay mặt đi chỗ khác một chút, rồi chúng tôi sẽ trả lời lão.” có tác dụng gì*?*

A. Nhấn mạnh ý B. Dẫn lời nói trực tiếp của nhân vật

C. Hiểu theo nghĩa khác D. Thể hiện chỗ lời nói ngập ngừng, ngắt quãng

**Câu 9:** Em rút ra được bài học gì từ câu chuyện trên?

**Câu 10:** Em có đồng tình với việc làm của Cáo Già trong câu chuyện không? Vì sao?

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Bằng trí tưởng tượng hoặc bằng trải nghiệm thực của mình, em hãy viết bài văn kể lại một giấc mơ đẹp.

**HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | B | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
|  | **9** | HS rút ra được bài học phù hợp. | 1,0 |
|  | **10** | HS nêu được ý kiến đồng tình / không đồng tình và lí giải hợp lí (phù hợp với chuẩn mực đạo đức). | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự:* Mở bài nêu được sự việc có thật liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử. Thân bài triển khai sư việc. Kết bài khẳng định ý nghĩa sự việc. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề.*  Kể về một giấc mơ đẹp | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề:*  HS triển khai vấn đề theo nhiều cách, nhưng cần lựa chọn chi tiết, thông tin chọn lọc, tin cậy về sự việc. Đồng thời, vận dụng tốt kĩ năng kể chuyện có kết hợp yếu tố miêu tả trong bài viết; sau đây là một số gợi ý: |  |
|  | **1. Mở bài:**  - Giới thiệu về giấc mơ sẽ kể.  - Cách 1: Suy nghĩ về giấc mơ; giấc mơ đẹp của em: Sự kì diệu của giấc mơ cho em gặp lại người thân đã xa cách lâu ngày.  - Cách 2: Tình huống dẫn đến giấc mơ (một món quà, một kỉ niệm, trở lại nơi cùng người thân đã sống, nỗi khao khát được gặp người thân...).  **2. Thân bài:**  - Giới thiệu chung về người thân: Người thân bây giờ ở đâu? Làm gì? Tình huống nào em gặp lại người thân?  - Khi gặp lại quan sát thấy người thân như thế nào? Diện mạo? Hình dáng? Y phục? Cử chỉ? Nét mặt? Động tác? Lời nói…(Chủ yếu tả người và hành động)  - Người thân có những nét gì khác so với lúc trước khi xa không? (So sánh từ hình dáng bên ngoài với tính cách bên trong trước đó và bây giờ?) Nhận xét và suy nghĩ của em.  - Nhớ và kể lại những kỉ niệm gắn bó với người thân.  - Em và người thân đã trò chuyện như thế nào? Nói với nhau những gì? (Kể lại sinh động và lồng vào cảm xúc)  - Cuối buổi gặp gỡ những việc gì xảy ra? Cảm xúc của em?  - Cái gì đã đánh thức em dậy? Tâm trạng em như thế nào? Cảm xúc sâu lắng?  **3. Kết bài:**  - Giấc mơ tan biến, trở về hiện thực, ấn tượng sâu sắc nhất của em và người thân là gì?  - Cảm xúc của em ra sao, khi nhớ lại cuộc gặp gỡ này?  - Em có cảm nghĩ gì? Sẽ làm gì để người thân vui lòng?  Gợi ý bổ sung: Có thể người thân đã qua đời: (ông, bà, cô….)  + Nhắc nhở em: Sống tốt, phấn đấu có tương lại sáng lạng hơn.  + Là anh (hoặc chị) chết sớm (do lầm lỗi… hoặc tai nạn…) nhắc nhở em biết suy nghĩ chính chắn để có hành động đúng để người thân vui lòng ở cõi hư không | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.* | 0,5 |
|  | *e. Sáng tạo: Có những suy nghĩ, cảm nhận mới mẻ, sáng tạo.* | 0,5 |

**3. THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ**

**I. Lí thuyết**

**1. Thể thơ 4 chữ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Kiến thức** |
| **a. Đặc điểm nhận biết:** | + Mỗi dòng thơ gồm bốn chữ.  + Không hạn chế về số dòng trong mỗi khổ, số khổ trong mỗi bài. |
| **b. Cách gieo vần** | + Vần được đặt ở cuối mỗi dòng thơ => vần chân.  + Có thể được gieo liên tiếp hai câu thơ liền nhau => vần liền.  + Vần có thể được gieo cách một hoặc hai dòng thơ => vần cách.  + Vần được đặt ở cuối mỗi dòng thơ => vần chân.  + Vần được gieo ở giữa dòng thơ, tiếng cuối của dòng trên vần với tiếng giữa của dòng dưới => vần lưng.  => Vần hỗn hợp. |
| **c. Nhịp thơ** | Thơ bốn chữ thường ngắt nhịp: 2/2; 1/3 hoặc 3/1) =>Cách ngắt nhịp linh hoạt. |
| **2. Thể thơ năm chữ**  **a. Đặc điểm nhận biết:** | + Mỗi dòng thơ gồm năm chữ.  + Không hạn chế về số dòng trong mỗi khổ, số khổ trong mỗi bài. |
| **b. Cách gieo vần** | + Vần được đặt ở cuối mỗi dòng thơ => vần chân.  + Có thể được gieo liên tiếp hai câu thơ liền nhau => vần liền.  + Vần có thể được gieo cách một hoặc hai dòng thơ => vần cách.  + Vần được đặt ở cuối mỗi dòng thơ => vần chân. (quốc- thuộc)  + Vần được gieo ở giữa dòng thơ, tiếng cuối của dòng trên vần với tiếng giữa của dòng dưới => vần lưng. (bà- gà)  => Vần hỗn hợp. |
| **c. Nhịp thơ:** | - Thơ năm chữ thường ngắt nhịp: 2/3; 3/2 hoặc 1/4 => Cách ngắt nhịp linh hoạt  Điểm giống nhau giữa thơ bốn chữ năm chữ?  + Đều là những thể thơ gần gũi, nhất là với trẻ thơ vì các thể thơ này thường được sử dụng trong các bài đồng dao, bài vè.  + Sử dụng hình ảnh thơ gần gũi, dung dị, thích hợp với việc kể chuyện.  Vai trò của vần và nhịp trong thơ là gì?  + Vần có vai trò liên kết các câu thơ và khổ thơ, đánh dấu nhịp thơ, tạo nhịp điệu, sự hài hòa, sức âm vang cho thơ, đồng thời làm cho câu thơ dễ nhớ, dễ thuộc.  + Nhịp thơ có tác dụng tạo tiết tấu làm nên nhạc điệu của bài thơ, đồng thời cũng góp phần biểu đạt nội dung thơ. |

**II. THỰC HÀNH**

**1. Dạng đề Đọc Hiểu thơ bốn chữ, năm chữ**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi**  *Lưng mẹ còng rồi Cau thì vẫn thẳng Cau - ngọn xanh rờn Mẹ - đầu bạc trắng  Cau ngày càng cao Mẹ ngày một thấp Cau gần với giời Mẹ thì gần đất!  Ngày con còn bé Cau mẹ bổ tư Giờ cau bổ tám Mẹ còn ngại to!  Một miếng cau khô Khô gầy như mẹ Con nâng trên tay Không cầm được lệ  Ngẩng hỏi giời vậy - Sao mẹ ta già? Không một lời đáp Mây bay về xa.*  *(Trích Mẹ - Đỗ Trung Lai)*  **Câu 1.** Bài thơ được làm theo thể thơ nào? Chỉ ra đặc điểm của thể thơ đó ở các yếu tố: Số tiếng và nhịp ở các dòng thơ; vần của bài thơ. **Câu 2.** Xác định phương thức biểu đạt chính của bài thơ. **Câu 3.** Bài thơ Mẹ là lời của ai? Bộc lộ cảm xúc gì? Nêu cảm nhận chung của em sau khi đọc bài thơ. **Câu 4.** Hình ảnh mẹ trong bài thơ được đặt trong sự đối sánh với hình ảnh nào, trên những phương diện nào? Vì sao tác giả lại chọn hình ảnh đó? **Câu 5.** Liệt kê những từ ngữ được tác giả dùng để nói về mẹ và cau trong bài thơ. Để thể hiện hình tượng mẹ và cau, tác giả sử dụng những biện pháp tu từ nào? Hãy chỉ ra tác dụng của các biện pháp tu từ đó. |

**Gợi ý​ trả lời**

**Câu 1.**  
- Bài thơ được làm theo thể thơ 4 chữ.  
- Đặc điểm của thể thơ 4 chữ:  
+ Số tiếng và nhịp ở các dòng thơ: Số tiếng 4, nhịp chủ yếu là 2/2, có câu ngắt nhịp 1/3 (*Cau - ngọn xanh rờn - Mẹ - đầu bạc trắng* ).  
+ Vần của bài thơ: Bài thơ gieo vần ở cuối câu 2 và câu 4 của mối khổ thơ.  
**Câu 2.** Phương thức biểu đạt chính của bài thơ: Biểu cảm  
**Câu 3.**  
- Bài thơ *Mẹ* là lời của người con  
- Bài thơ bộc lộ nhiều cung bậc cảm xúc: Yêu thương, xót xa, ngậm ngùi trước tuổi già của mẹ; trách giận thời gian.  
- Cảm nhận chung của em sau khi đọc bài thơ: Bài thơ ngắn, ngôn ngữ, hình ảnh giản dị mà đọng lại cảm xúc, thể hiện được tình cảm yêu kính đối với mẹ và tâm trạng buồn, day dứt của người con khi mẹ ngày càng già và đến gần hơn với sự chia lìa cõi sống. Không nhiều dụng công nghệ thuật nhưng bài thơ vẫn gây xúc động người đọc bởi cảm xúc chân thành, chạm đến những gì thiêng liêng nhất của mỗi người: Tình mẫu tử.  
**Câu 4.**  
- Hình ảnh mẹ trong bài thơ được đặt trong sự đối sánh với hình ảnh cau. Đối sánh trên những phương diện: Hình dáng, màu sắc (màu lá, màu tóc) ; chiều cao.  
- Tác giả chọn hình ảnh cau vì: Cau là thứ cây gần gũi trong đời sống ở mỗi làng quê. Cau gắn liền với mẹ trong thói quen sinh hoạt hàng ngày: Thói quen ăn trầu. Cau và mẹ luôn song hành trên hành trình sống. Đặc biệt là nhà thơ đã nhận thấy nhiều điểm tương đồng và khác biệt giữa mẹ và cau.  
**Câu 5.**  
- Liệt kê những từ ngữ được tác giả dùng để nói về mẹ và cau trong bài thơ:  
Lưng còng – thẳng  
Ngọn xanh rờn - đầu bạc trắng  
Cao – thấp  
Gần giời – gần đất  
Cau khô – (mẹ) gầy  
- Để thể hiện hình tượng mẹ và cau, tác giả sử dụng những biện pháp tu từ:  
+ Đối lập: Giữa mẹ và cau trong dáng hình, màu sắc, chiều cao..  
+ So sánh: *Một miếng cau khô - Khô gầy như mẹ*  
- Tác dụng của các biện pháp tu từ đó:  
+ Gợi lên một cách xót xa hình ảnh người mẹ khi già đi, biểu đạt niềm thương cảm của người con đối với mẹ.  
+ Làm cho bài thơ tăng tính gợi hình, biểu cảm.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**  *Hạt gạo làng ta*  *Có bão tháng bảy*  *Có mưa tháng ba*  *Giọt mồ hôi sa*  *Những trưa tháng sáu*  *Nước như ai nấu*  *Chết cả cá cờ*  *Cua ngoi lên bờ*  *Mẹ em xuống cấy…*  *(Trích - Hạt gạo làng ta - Trần Đăng Khoa)*  **Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt của văn bản.  **Câu 2.** Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ nào?  **Câu 3.** Chỉ ra và nêu hiệu quả biểu đạt của phép tu từ được sử dụng trong hai câu thơ *Nước như ai nấu/Chết cả cá cờ*  **Câu 4.** Đoạn thơ gợi cho anh/chị suy nghĩ, tình cảm gì đối với những người làm ra hạt gạo? (Trình bày khoảng 5 đến 7 dòng) |

**Đáp án**

**Câu 1**. Phương thức biểu đạt: Miêu tả

**Câu 2**. Thể thơ 4 chữ

**Câu 3**. Phép tu từ so sánh: Nước như ai nấu.

- Hiệu quả: Làm hình ảnh hiện lên cụ thể hơn, gợi được sức nóng của nước - mức độ khắc nghiệt của thời tiết, đồng thời gợi ra được nỗi vất vả, cơ cực của người nông dân trong quá trình tạo ra hạt gạo.

**Câu 4.** Đoạn văn Thể hiện suy nghĩ, tình cảm tích cực: thấu hiểu nỗi vất vả của người dân, trân trọng sản phẩm lao động của họ… từ đó nâng niu, trân trọng những sản phẩm lao động, biết ơn và quý trọng những người đã làm ra những sản phẩm ấy.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |
| --- |
| **Đọc kĩ khổ thơ sau trong bài Đồng dao mùa xuânvà trả lời các câu hỏi:**  *Có một người lính Đi vào núi xanh Những năm máu lửa.  Một ngày hoà bình Anh không về nữa.  Có một người lính Chưa một lần yêu Cà phê chưa uống Còn mê thả diều  Một lần bom nổ Khói đen rừng chiều Anh thành ngọn lửa Bạn bè mang theo  Mười, hai mươi năm Anh không về nữa Anh vẫn một mình Trường Sơn núi cũ*  *(Trích Đồng dao mùa xuân- Nguyễn Khoa Điềm)*  **Câu 1:** Đoạn thơ trên được trích trong văn bản nào? Tác giả là ai?  **Câu 2:** Xác định phương thức biểu đạt?  **Câu 3.** Dấu hiệu nào giúp em biết bài thơ *Đồng dao mùa xuân* thuộc thể thơ bốn chữ?  **Câu 4.** Bài thơ *Đồng dao mùa xuân* được gieo vần như thế nào ?  **Câu 5.** Hãy xác định một số hình ảnh tiêu biểu trong bài thơ. Hình ảnh nào là trung tâm, xuyên suốt bài thơ? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1 :** Đoạn thơ trên được trích trong văn bản Đồng dao mùa xuân của tác giả Nguyễn Khoa Điềm.

**Câu 2 :** Phương thức biểu đạt : Biểu cảm

**Câu 3:** Đếm số câu số chữ của bài thơ

**Câu 4:** Gieo vần cách

**Câu 5.** Một số hình ảnh tiêu biểu trong bài thơ: người lính, Trường Sơn núi cũ, bom nổ, hoa đại ngàn, suối biếc, ngày xuân,…

Hình ảnh trung tâm bao trùm, xuyên suốt cả bài thơ là hình ảnh người lính. Đó là người còn rất trẻ (*Chưa một lần yêu/Cà phê chưa uống/Còn mê thả diều*); dũng cảm kiên cường; giản dị, khiêm nhường (*Ba lô con cóc/Tấm áo màu xanh/Làn da sốt rét/Cái cười hiền lành*); Yêu nước và sẵn sàng hi sinh tuổi xuân để bảo vệ đất nước, Tổ quốc (*Một lần bom nổ/Khói đen rừng chiều/Anh thành ngọn lửa/Bạn bè mang theo*).

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi**  *Anh ngồi lặng lẽ Dưới cội mai vàng Dài bao thương nhớ Mùa xuân nhân gian  Anh ngồi rực rỡ Màu hoa đại ngàn Mắt như suối biếc Vai đầy núi non...  Tuổi xuân đang độ Ngày xuân ngọt lành Theo chân người lính Về từ núi xanh...*  *( Tháng 12-1994 Trích Đồng dao mùa xuân – Nguyễn Khoa Điềm SGK Ngữ văn 7)*  **Câu 1.** Em hãy chỉ ra cách ngắt nhịp và tác dụng của cách ngắt nhịp trong bài thơ.  **Câu 2.** Em cảm nhận như thế nào về ba khổ thơ cuối?  **Câu 3.** Cảm xúc chủ đạo của bài thơ *Đồng dao mùa xuân* là gì?  **Câu 4.** Tình cảm của tác giả được thể hiện trong bài thơ như thế nào? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Cách ngắt nhịp gieo vần linh hoạt

=>Tác dụng: Tạo nên sự nhịp nhàng sinh động cho bài thơ, gây ấn tượng với người đọc.

**Câu 2.** Đây là câu hỏi mở, tuỳ cảm nhận của học sinh, nhưng cần chú ý các yếu tố như: Tư thế của người lính, không gian, thời gian được miêu tả…

=>Ba khổ thơ thể hiện sự hiện hữu của người lính bất tử cùng thời gian và nhân gian, tấm lòng trân trọng, biết ơn những người lính đã hi sinh để làm nên mùa xuân cho đất nước.

**Câu 3.** Bài thơ *Đồng dao muà xuân* là một khúc hát đồng dao ca ngợi sự bất tử của người lính trẻ. Hình ảnh của các anh còn mãi trong lòng nhân dân như mùa xuân trường tồn cùng vũ trụ. Bài thơ cũng là sự biết ơn sâu sắc của nhân dân và những người đang sống trong hoà bình dành cho các anh - những người lính dũng cảm đã hi sinh cả cuộc đời mình cho đất nước bình yên. Có những tuổi hai mươi như thế: trẻ trung, dũng cảm và sẵn sàng hiến dâng cho Tổ quốc: “*Chúng tôi đã đi không tiếc đời mình/Nhưng tuổi hai mươi làm sao không tiếc/ Nhưng ai cũng tiếc tuổi hai mươi thì còn chi Tổ quốc?”*

**Câu 4.** Tình cảm: Tiếc thương, lòng biết ơn, trân trọng và tự hào về những người lính còn rất trẻ đã sẵn sàng hi sinh tuổi xanh và cuộc đời mình cho độc lập của dân tộc. Đất nước Việt Nam đã có biết bao những người con hi sinh như thế để đem lại hoà bình cho chúng ta hôm nay. Dân tộc Việt Nam và các thế hệ hôm nay vẫn luôn nhớ tới các anh.

**PHIẾU HOC TẬP SỐ 5**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:**  *“Mỗi năm hoa đào nở Lại thấy*[*ông đồ*](https://dembuon.vn/tags/ong-do/)*già Bày mực tày giấy đỏ Bên phố đông người qua*  *Bao nhiêu người thuê viết Tấm tắc ngợi khen tài Hoa tay thảo những nét Như phượng múa rồng bay*  *{…} Năm nay đào lại nở*  *Không thấy ông đồ xưa.*  *Những người muôn năm cũ*  *Hồn ở đâu bây giờ?”*  *(Trích*[*bài thơ*](https://dembuon.vn/tags/bai-tho/) *Ông đồ, Vũ Đình Liên)*  **Câu 1:** Chỉ ra thể thơ và phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên  **Câu 2:** Bài thơ trên đã thể hiên cảm xúc gì của nhà thơ?  **Câu 3**. Khái quát nội dung chính của bài thơ  **Câu 4**: Khái quát giá trị nội dung - nghệ thuật văn bản.  **Câu 5.** Hai câu thơ sau sử dụng biện pháp tu từ gì? Hiệu quả diễn đạt?  *Giấy đỏ buồn không thắm* *Mực đọng trong nghiên sầu…*  **Câu 6**. Thông điệp mà tác giả gửi tới trong khổ thơ trên?  **Câu 7.** Ý nghĩa của hình ảnh ông đồ trong đoạn thơ ? **Câu 8**. Cho câu chủ đề sau: "Đoạn thơ là hình ảnh ông đồ những ngày huy hoàng, đắc ý". Con hãy viết đoạn văn theo cấu trúc diễn dịch khoảng 8 câu làm sáng tỏ câu chủ đề trên. Trong đoạn văn có sử dụng một câu ghép và một tình thái từ hoặc trợ từ hoặc thán từ. |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:**  Thể thơ Thơ ngũ ngôn  
- Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm

**Câu 2:** Đoạn thơ trên đã thể hiên nỗi niềm xót xa, thương tiếc của nhà thơ trước việc vắng bóng hình ảnh ông đồ vào mỗi dịp xuân về. Từ hình ảnh ông đồ, thi sĩ đã liên tưởng tới hình ảnh “Những người muôn năm cũ” và tự hỏi. Câu hỏi tu từ đặt ra là một lời tự vấn, tiềm ẩn sự ngậm ngùi day dứt. Đó là nỗi niềm trắc ẩn, xót thương cho những người như ông đồ đã bị thời thế khước từ.

**Câu 3**. Nội dung chính của đoạn thơ  
- Bài thơ khắc họa thành công hình cảnh đáng thương của ông đồ thời vắng bóng, qua đó gửi gắm niềm thương cảm chân thành của nhà thơ trước một lớp người dần bị lãng quên và những giá trị văn hóa cổ truyền bị mai một.

**Câu 4:**

\* Giá trị nội dung

- Tác phẩm khắc họa thành công hình cảnh đáng thương của ông đồ thời vắng bóng, đồng thời gửi gắm niềm thương cảm chân thành của nhà thơ trước một lớp người dần đi vào quá khứ, khới gợi được niềm xúc động tự vấn của nhiều độc giả

\* Giá trị nghệ thuật

- Bài thơ được viết theo thể thơ ngũ ngôn gồm nhiều khổ

- Kết cấu đối lập đầu cuối tương ứng, chặt chẽ

- Ngôn từ trong sáng bình dị, truyền cảm.

**Câu 5.** *Giấy đỏ buồn không thắm;*  
*Mực đọng trong nghiên sầu…*  
- Biện pháp nhân hóa, qua từ buồn, sầu  
- Ẩn dụ (hình ảnh giấy, mực, nghiên ẩn dụ cho tâm trạng, nỗi lòng cô đơn, sầu, tủi của ông đồ)  
=> Tác dụng:  
+ Giúp cho lời thơ sinh động, gợi cảm  
+ Nhấn mạnh cảm ông đồ đã vắng khách lâu, đến nỗi giấy cũng phai nhạt, mực như khô đọng lại.  
+ Làm nổi bật hình ảnh ông đồ tội nghiệp, đáng thương, cô đơn, lạc lõng.

**Câu 6.** - Thông điệp cần trân trọng, giữ gìn những giá trị tốt đẹp của văn hóa truyền thống của dân tộc, như thú chơi câu đối ngày tết cổ truyền.

- Biểu tượng cho lớp nhà nho học rộng, tài hoa.  
**Câu 7.** Cùng mực tàu, giấy đỏ, ông đồ như một biểu tượng cho một truyền thống văn hóa cổ truyền, ý nghĩa của dân tộc. **Câu 8.**\*Định hướng:  
Viết một đoạn văn, theo hình thức diễn dịch (có câu chủ đề ở đầu đoạn)  
Đảm bảo số câu theo yêu cầu  
\*Nội dung chính cần nêu:  
- Giới thiệu tác giả, nội dung chính đoạn trích:  
Đoạn trên trích trong bài thơ Ông đồi của tác giả Vũ Đình Liên thể hiện hình ảnh ông đồ thời huy hoàng, được trọng vọng.  
- Cảm nhận về giá trị nội dung:  
Ông xuất hiện vào mỗi dịp tết đến xuân về, bên phố đông người qua lại

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6**

|  |
| --- |
| **Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:**  *“Trên đường hành quân xa*  *Dừng chân bên xóm nhỏ*  *Tiếng gà ai nhảy ổ:*  *“Cục...cục tác cục ta”*  *Nghe xao động nắng trưa*  *Nghe bàn chân đỡ mỏi*  *Nghe gọi về tuổi thơ*  *(Ngữ văn 7- tập 1)*  **Câu 1**: Đoạn thơ trên trích trong văn bản nào? Tác giả là ai ?  **Câu 2**: Bài thơ được viết theo thể thơ nào?  **Câu 3**: Xác định biện pháp nghệ thuật được sử dụng thông qua các từ in đậm và nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó?  **Câu 4**: Khái quát nội dung khổ thơ trên bằng một câu văn ?  **Câu 5:** Viết đoạn văn nêu cảm nghĩ của em về tình bà cháu trong bài thơ |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** - Đoạn thơ trên trích trong văn bản “ Tiếng gà trưa”

- Tác giả: Xuân Quỳnh

**Câu 2:**  Thể thơ: thơ 5 chữ (hoặc ngũ ngôn)

**Câu 3:** - Biện pháp nghệ thuật: điệp ngữ

- Tác dụng:

+ Diễn tả tâm trạng vô cùng xúc động của người chiến sĩ khi nghe âm thanh quen thuộc của làng quê. (hoặc nhấn mạnh cảm xúc dâng trào của người chiến sĩ)

+ Tác động của tiếng gà: Tiếng gà đã làm xao động nắng trưa và cả hồn người, gợi âm thanh của tiếng gà nơi quê hương và gợi về quá khứ của tuổi thơ.

**Câu 4**: Đoạn thơ nói về tâm trạng của người chiến sĩ trên đường hành quân xa. (Hoặc: Tác động của tiếng gà đối với người chiến sĩ, hoặc cảm xúc của người chiến sĩ khi nghe tiếng gà trưa...)

**Câu 5:** Trong bài thơ “tiếng gà trưa” nổi bật lên tình cảm bà cháu vô cùng đẹp đẽ, thiêng liêng. Tình cảm ấy được gợi lại từ tiếng gà trưa thân thuộc trong một lần hành quân xa của người chiến sĩ. Tiếng gà trưa khơi nguồn những kỉ niệm tuổi thơ, những kí ức vui tươi, ấm áp bên bà. Trong kí ức của cháu bà là người tần tảo chắt chiu, luôn yêu thương cháu hết mực. Cháu cũng luôn dành tới bà tình yêu và niềm biết ơn vô bờ. Tình cảm già đình, tình bà cháu tốt đẹp đó sẽ mãi là hành trang theo bước chân của người chiến sĩ, tiếp thêm sức mạnh cho anh trong cuộc chiến đấu hôm nay.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 7**

|  |
| --- |
| **Đọc khổ thơ sau và trả lời câu hỏi:**  *Trên đường hành quân xa*  *Dừng chân bên xóm nhỏ*  *Tiếng gà ai nhảy ổ:*  *“Cục... cục tác cục ta”*  *Nghe xao động nắng trưa*  *Nghe bàn chân đỡ mỏi*  *Nghe gọi về tuổi thơ*  *(Trích Tiếng gà trưa - Xuân Quỳnh Ngữ văn 7 Tập 1)*  **Câu 1.** Tiếng gà trưa vọng vào tâm trí người chiến sĩ vào thời điểm nào?  **Câu 2.** Chỉ ra biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong khổ thơ và nêu tác dụng của nó.  **Câu 3.** Tại sao trong rất nhiều âm thanh, người chiến sĩ lại chỉ ám ảnh với âm thanh của tiếng gà trưa?  **Câu 4.** Tiếng gà trưa đem lại cho người chiến sĩ cảm xúc nào? Cảm nhận của em về cảm xúc gợi lên trong lòng anh chiến sĩ. |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.** Thời điểm cụ thể :

*+Trên đường hành quân xa*

*+ Dừng chân bên xóm nhỏ*

*+ Buổi trưa nắng*

**Câu 2.** Biện pháp nghệ thuật:

+ Hình ảnh ngôn ngữ chân thực, giản dị;

+ Điệp từ “nghe”,điệp cấu trúc câu “nghe…”, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: “Tiếng gà trưa” được cảm nhận bằng thính giác qua điệp từ “nghe” cùng tâm tưởng, hồi ức, cảm xúc của tâm hồn.

+ Tác dụng: Tạo giọng điệu nhịp nhàng cho câu thơ, tạo sự liên kết chặt chẽ; nhấn mạnh sự tác động mạnh của tiếng gà trưa đến tình cảm cảm xúc của người chiến sĩ.

**Câu 3.Âm thanh:**

*Tiếng gà ai nhảy ổ:  
Cục... cục tác cục ta*

+ Âm thanh của làng quê bình dị, thân thuộc

+ Phá tan cái tĩnh lặng buổi trưa của làng quê

+ Mang lại niềm vui cho con người chốn thôn quê

+ Gợi kỉ niệm ấu thơ.

**Câu 4.**

- Âm thanh bình dị, gần gũi của quê hương, biểu hiện những giây phút bình yên của cuộc chiến,

-Làm cho cho cái nắng hè trở nên xao động, bàn chân không thấy mỏi sau cuộc hành trình chiến đấu.

- Khơi dậy kí ức tuổi thơ trong lòng người chiến sĩ, đem lại những cảm giác vừa bồi hồi, xúc động, vừa hạnh phúc.

=> Đó chính là tình làng quê thắm thiết, sâu nặng.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 8**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi**  *Tiếng gà trưa Ổ rơm hồng những trứng Này con gà mái mơ Khắp mình hoa đốm trắng Này con gà mái vàng Lông óng như màu nắng  Tiếng gà trưa Có tiếng bà vẫn mắng: - Gà đẻ mà mày nhìn Rồi sau này lang mặt! Cháu về lấy gương soi Lòng dại thơ lo lắng*  *Tiếng gà trưa Tay bà khum soi trứng Dành từng quả chắt chiu Cho con gà mái ấp*  *(Trích Tiếng gà trưa - Xuân Quỳnh Ngữ văn 7 Tập 1)*  **Câu 1.** Tiếng gà trưa lặp lại mấy lần trong bài thơ? Điều đó có tác dụng gì?  **Câu 2.** Tiếng gà trưa đã khơi gợi ở người cháu hình ảnh và kỉ niệm nào của tuổi thơ?  **Câu 3.** Em ấn tượng với hình ảnh, kỉ niệm nào nhất? Vì sao?  **Câu 4.** Hình ảnh người bà hiện lên qua những chi tiết, hình ảnh nào? Qua đó em có cảm nhận như thế nào về tình cảm của bà và tình cảm của người cháu đối với bà? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.** Tiếng gà trưa lặp lại ba lần trong bài thơ. Điều đó có tác dụng: Kết nối các đoạn thơ; điểm nhịp cho từng cảm xúc; nhấn mạnh ấn tượng, tình cảm của người cháu với âm thanh thân thuộc….

**Câu 2.** Mỗi lần “*Tiếng gà trưa*” vang lên là một kỉ niệm được gợi về:

*+* Kỉ niệm về ổ trứng và đàn gà;

+ Kỉ niệm về nỗi lo lắng của bà, niềm hạnh phúc tuổi thơ của cháu;

+ Kỉ niệm giấc mơ hạnh phúc tuổi thơ.

**Câu 3.** Hình ảnh ấn tượng:

**- Kỉ niệm ổ trứng và đàn gà:**

*Ổ rơm hồng những trứng*

*Này con gà mái mơ*

*Khắp mình hoa đốm trắng*

*Này con gà mái vàng*

*Lông óng như màu nắng…*

- Nghệ thuật kể, tả, điệp từ “này”, đảo ngữ“Khắp mình hoa đốm trắng”;

- Tính từ chỉ màu sắc: “hồng, đốm trắng, vàng óng”.

*- Tạo bức tranh kí ức nhiều màu sắc hài hòa, tươi sáng, bình dị của làng quê;*

*- Gợi tả màu sắc tươi sáng, hình ảnh đẹp, bình dị, thân thuộc.*

**- Hình ảnh bà chăm chút từng quả trứng:**

*Tiếng gà trưa*

*Tay bà khum soi trứng*

*Dành từng quả chắt chiu*

*Cho con gà mái ấp*

+ Động từ: “khum”, “soi”

+ Từ láy “chắt chiu”

*=>Người bà thôn quê tần tảo, chịu thương chịu khó, chắt chiu từng niềm vui nhỏ trong cuộc sống đầy lo toan, vất vả.*

**- Hình ảnh nỗi lo lắng của bà và niềm vui tuổi thơ của cháu:**

*Cứ hàng năm hàng năm*

*Khi gió mùa đông tới*

*Bà lo đàn gà toi*

*Mong trời đừng sương muối*

*Để cuối năm bán gà*

*Cháu được quần áo mới*

+ Điệp ngữ: “hằng năm”: *Gợi ra một quãng thời gian dài, triền miên những nỗi lo âu của bà*. Cho thấy tuổi thơ của người chiến sĩ gắn liền với niềm vui, trong trẻo, đầy tình yêu thương của gia đình, làng quê.

**- Hạnh phúc tuổi thơ của cháu:**

*Ôi cái quần chéo go*

*Ống rộng dài quét đất*

*Cái áo cánh trúc bâu*

*Đi qua nghe sột soạt.*

-Những ước mơ nhỏ bé, đơn sơ, giản dị đó được gợi ra hình ảnh người bà chắt chiu từng quả trứng, nâng niu từng sự sống để cuối năm có tiền mua quần áo mới cho cháu.

*=> Bà đã thực hiện ước mơ tuổi thơ của cháu.*

**Câu 4.**

*- Hình ảnh bà hiện lên:*

+ Cách bà chăm chút từng quả trứng;

+ Những lỗi lo âu của bà.

*- Thể hiện tình cảm của bà:*

+ Yêu thương, quan tâm tha thiết -một tình thương bao la, to lớn, cho đi mà không cần nhận lại điều gì.

+ Bà chăm lo cho đàn gà, nâng niu những quả trứng với niềm ao ước, mong muốn một điều ước nhỏ nhoi để cuối năm bán gà mua cho cháu quần áo mới.

- *Tình cảm của người cháu:*

+ Cháu luôn nhớ và biết ơn bà về những lo to toan quan tâm.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 9**

|  |
| --- |
| **Đọc kỹ bài thơ rồi trả lời các câu hỏi sau:**  **ĐÁNH THỨC TRẦU**  *Đã ngủ rồi hả trầu ?*  *Tao đã đi ngủ đâu*  *Mà trầu mày đã ngủ*  *Bà tao vừa đến đó*  *Muốn có mấy lá trầu*  *Tao không phải ai đâu*  *Đánh thức mày để hái*  *Trầu ơi hãy tỉnh lại*  *Mở mắt xanh ra nào*  *Lá nào muốn cho tao*  *Thì mày chìa ra nhé*  *Tay tao hái rất nhẹ*  *Không làm mày đau đâu*  *Đã dậy chưa hả trầu ?*  *Tao hái vài lá nhé*  *Cho bà và cho mẹ*  *Đừng lụi đi trầu ơi !*  *(*1966 *Trần Đăng Khoa, Góc sân và khoảng trời, NXB Văn hóa dân tộc, 1999)*  **Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính và thể thơ của bài thơ.  **Câu 2:** Chỉ ra phép tu từ mà nhà thơ sử dụng trong bài thơ.  **Câu 3:** Nêu tác dụng của phép tu từ mà tác giả sử dụng trong bài thơ  **Câu 4:** Vẻ đẹp tâm hồn của con người nhà thơ hiện lên qua bài thơ như thế nào? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính của bài thơ: biểu cảm

Thể thơ: 5 chữ

**Câu 2**: Phép tu từ được tác giả sử dụng trong bài thơ: nhân hóa

**Câu 3**: Tác dụng:

+ Cây trầu trở nên gần gũi như một người bạn. Cây trầu cũng có suy nghĩ, buồn vui, đau đớn

+ Con người và thiên nhiên có mối giao hòa

**Câu 4**: Vẻ đẹp tâm hồn nhà thơ:

- Tâm hồn trong sáng, hồn nhiên, nhạy cảm, yêu mến, nâng niu cỏ cây vạn vật xung quanh mình (yêu thiên nhiên)

- Yêu quý, quan tâm người thân (bà, mẹ)

**2. Dạng đề cấu trúc mới**

**ĐỀ SỐ 1:**

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

**MẸ VẮNG NHÀ NGÀY BÃO**

*Mấy ngày mẹ về quê  
Là mấy ngày bão nổi  
Con đường mẹ đi về  
Cơn mưa dài chặn lối.*

*Hai chiếc giường ướt một  
Ba bố con nằm chung  
Vẫn thấy trống phía trong  
Nằm ấm mà thao thức.*

*Nghĩ giờ này ở quê  
Mẹ cũng không ngủ được  
Thương bố con vụng về  
Củi mùn thì lại ướt.*

*Nhưng chị vẫn hái lá  
Cho thỏ mẹ, thỏ con  
Em thì chăm đàn ngan  
Sớm lại chiều no bữa  
Bố đội nón đi chợ  
Mua cá về nấu chua…*

*Thế rồi cơn bão qua  
Bầu trời xanh trở lại  
Mẹ về như nắng mới  
Sáng ấm cả gian nhà.*

*(Tác giả: Đặng Hiển - Trích Hồ trong mây)*

**Câu 1**. Bài thơ được sáng tác theo thể thơ nào?

A**.** Thơ lục bát B. Thơ bốn chữ C. Thơ năm chữ D. Thơ tự do

**Câu 2**. Ý nào sau đây nêu lên đặc điểm của thể thơ năm chữ ?

A. Mỗi dòng thơ có năm chữ, không giới hạn số câu.

B. Mỗi dòng thơ có năm chữ, có giới hạn số câu.

C. Mỗi dòng thơ có bốn chữ, không giới hạn số câu.

D. Mỗi dòng thơ có bốn chữ, có giới hạn số câu.

**Câu 3.** Trong bài thơ trên có mấy số từ?

A. Một B. Hai C. Ba D. Bốn

**Câu 4**. Tình cảm, cảm xúc của con dành cho mẹ trong bài thơ là gì?

A. Tình cảm yêu thương và nhớ mong mẹ.

B. Tình cảm yêu thương và biết ơn mẹ.

C. Niềm vui sướng khi có mẹ bên cạnh.

D. Cô đơn, trống vắng khi mẹ vắng nhà.

**Câu 5**. Câu thơ nào nói lên niềm vui của cả nhà khi mẹ về?

A. Mấy ngày mẹ về quê B. Thế rồi cơn bão qua

C. Bầu trời xanh trở lại D. Mẹ về như nắng mới

**Câu 6**. Chủ đề của bài thơ này là gì?

A. Vai trò của người mẹ và tình cảm gia đình.

B. Tình cảm nhớ thương của con dành cho mẹ.

C. Ca ngợi đức hạnh người phụ nữ Việt Nam.

D. Ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng.

**Câu 7**. Bài thơ ca ngợi ai, về điều gì ?

A. Ca ngợi trách nhiệm nặng nề của người mẹ trong gia đình

B. Ca ngợi đức hi sinh và tình yêu thương của mẹ.

C. Ca ngợi sự cần cù, siêng năng, chăm chỉ của người mẹ.

D. Ca ngợi tình cảm của những người thân trong gia đình.

**Câu 8**. Câu thơ nào dưới đây có hình ảnh so sánh?

A. Cơn mưa dài chặn lối. B. Bố đội nón đi chợ.

C. Mẹ về như nắng mới D. Mẹ cũng không ngủ được

**Câu 9**. Cảm nhận của em về hình ảnh mẹ trong hai dòng thơ cuối.

**Câu 10**. Hãy rút ra bài học sau khi đọc bài thơ.

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Em hãy viết bài văn nêu suy nghĩ của em về một người thân trong gia đình (cha, mẹ, anh, chị, em).

**HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | C | 0,5 |
| **4** | B | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | C | 0,5 |
|  | **9** | Mẹ trở về làm cả ngôi nhà toả rạng ánh sáng của niềm vui, niềm hạnh phúc. | 1,0 |
|  | **10** | - HS nêu được bài học từ ý nghĩa của bài thơ: *lòng biết ơn người mẹ đã hi sinh cho gia đình; b*iết *đoàn kết giúp đỡ anh chị em khi gia đình gặp khó khăn.* | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn phát biểu cảm nghĩ* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  *Phát biểu cảm nghĩ về người thân* | 0,25 |
|  | *c. Phát biểu cảm nghĩ về người thân*  HS có thể triển khai các ý theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
|  | **Dàn ý**[**Cảm nghĩ về người mẹ thân yêu của em**](https://vndoc.com/van-mau-lop-7-cam-nghi-ve-nguoi-me-than-yeu-cua-em-119184).  **1. Mở bài:**  - Giới thiệu về mẹ và tình mẫu tử thiêng liêng cao quý.  - Mẹ em người phụ nữ tuyệt vời chỉ có một trên đời.  - Tình mẹ luôn chân thành, thiêng liêng và cao quý, hi sinh suốt đời vì con.  **2. Thân bài:**  - Mẹ tôi năm nay 35 tuổi  - Dáng vóc: thanh mảnh, làn dan trắng trẻo, mái tóc đen và dài, đôi mắt to tròn, và khuôn mặt phúc hậu.  - Mẹ là người dịu dàng, hòa nhã và luôn đối xử tốt với mọi người. Trong nhà mẹ là người lo lắng, chăm sóc các thành viên trong gia đình.  - Buổi sáng mẹ dậy sớm, chuẩn bị bữa sáng và chuẩn bị cho em đi học và bố đi làm.  - Buổi trưa mẹ giặt giũ quần áo, dọn dẹp nhà cửa, sân vườn gọn gàng, sạch sẽ.  - Buổi tối mẹ chuẩn bị bữa cơm tối cho cả gia đình, nấu những món mà em thích. Bữa ăn là thành quả vất vả của mẹ trong cả ngày.  - Những lúc em không nghe lời, hay mắc lỗi nhưng mẹ cũng không bao giờ lớn tiếng hay dùng đòn roi mà mẹ cần em trình bày rõ chuyện rồi phê bình, nhắc nhở không tái phạm. Mẹ thật tâm lý và tình cảm.  - Mẹ em làm kế toán ở cơ quan công việc thường xuyên bận rộn nấy là cuối tuần. Đây là công việc cần sự tỉ mỉ, cận thận.  - Những lúc rảnh rỗi mẹ thường đọc sách và hướng dẫn em làm bài tập.  - Mẹ luôn cho chu toàn cho gia đình và cả công việc. Mẹ em là người phụ nữ thật tuyệt vời.  **3. Kết bài:** Bày tỏ tình cảm, sự yêu thương đối với mẹ.  - Mẹ là cả một thế giới mẹ luôn chăm lo và hi sinh vì con cái.  - Em yêu mẹ rất nhiều và chắc chắn sẽ học thật tốt để mẹ luôn vui. | 2.5 |
|  | - Biểu cảm về vai trò của người đó đối với mình . | 0,5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.* | 0,5 |
|  |  | *e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, cảm xúc chân thành, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về đối tượng biểu cảm.* |  |

**ĐỀ SỐ 2:**

**I. ĐỌC- HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc ngữ liệu và thực hiện các yêu cầu dưới đây:**

**CHIỀU SÔNG THƯƠNG**

*Đi suốt cả ngày thu*

*Vẫn chưa về tới ngõ*

*Dùng dằng hoa quan họ*

*Nở tím bên sông Thương*

*Nước vẫn nước đôi dòng*

*Chiều vẫn chiều lưỡi hái*

*Những gì sông muốn nói*

*Cánh buồm đang hát lên*

*Đám mây trên Việt Yên*

*Rủ bóng về Bố Hạ*

*Lúa cúi mình giấu quả*

*Ruộng bời con gió xanh*

*Nước màu đang chảy ngoan*

*Giữa lòng mương máng nổi*

*Mạ đã thò lá mới*

*Trên lớp bùn sếnh sang*

*Cho sắc mặt mùa màng*

*Đất quê mình thịnh vượng*

*Những gì ta gửi gắm*

*Sắp vàng hoe bốn bên*

*Hạt phù sa rất quen*

*Sao mà như cổ tích*

*Mấy cô coi máy nước*

*Mắt dài như dao cau*

*Ôi con sông màu nâu*

*Ôi con sông màu biếc*

*Dâng cho mùa sắp gặt*

*Bồi cho mùa phôi phai*

*Nắng thu đang trải đầy*

*Đã trăng non múi bưởi*

*Bên cầu con nghé đợi*

*Cả chiều thu sang sông.*

*(Hữu Thỉnh - trong “Từ chiến hào đến thành phố”, NXB văn học, Hà Nội, 1991)*

**Câu 1**. Bài thơ trênthuộc thể thơ nào?

A. Thơ bốn chữ B. Thơ năm chữ C. Thơ sáu chữ D. Thơ bảy chữ

**Câu 2**. Trong khổ thơ sau có bao nhiêu phó từ?

*“Nước màu đang chảy ngoan*

*Giữa lòng mương máng nổi*

*Mạ đã thò lá mới*

*Trên lớp bùn sếnh sang”*

A. 1 B. 3 **C. 2**  D. 4

**Câu 3**. Xác định biện pháp tu từ có trong khổ thơ sau:

*“Nước màu đang chảy ngoan*

*Giữa lòng mương máng nổi*

*Mạ đã thò lá mới*

*Trên lớp bùn sếnh sang”*

**A. Nhân hóa** B. So sánh C. Ẩn dụ D. Hoán dụ

**Câu 4**. Cảm xúc bao trùm trong bài thơ là gi?

A. Kí ức tuổi thơ tươi đẹp

B. Tình cảm yêu mến gắn bó với dòng sông Thương

**C. Nỗi xúc bồi hồi, bâng khuâng và tình yêu quê hương tha thiết**

D. Những rung động nhẹ nhàng mà tinh tế khi ngắm nhìn dòng sông Thương

**Câu 5**. Cảm xúc của nhà thơ được bộc lộ như thế nào qua khổ thơ sau:

*“Ôi con sông màu nâu*

*Ôi con sông màu biếc*

*Dâng cho mùa sắp gặt*

*Bồi cho mùa phôi phai”*

A. Bồi hồi, xao xuyến B. Đau đớn, xót xa

C. Nhớ nhung, tiếc nuối D. Vui mừng, phấn khởi

**Câu 6**. Giọng điệu chính của bài thơ trên được thể hiện như thế nào?

A. Sôi nổi, hào hứng B. Nhẹ nhàng, trong sáng

C. Trang trọng, thành kính D. Thiết tha, xúc động

**Câu 7**. Em hiểu từ *“dùng dằng”* trong hai câu thơ sau có nghĩa là gì?

*“Dùng dằng hoa quan họ*

*Nở tím bên sông Thương”*

A. Ung dung, thoải mái B. Rụt rè, ngập ngừng

C. Chậm chạp, thong thả D. Lưỡng lự, không quyết đoán

**Câu 8. Nội dung của bài thơ trên là gi?**

A. Diễn tả cuộc sống lao động, sinh hoat vui tươi của một vùng quê Bắc Bộ và nỗi niềm bâng khuâng, xúc động bồi hồi của người đi xa trở về thăm quê vào một chiều thu êm ả.

B. Miêu tả quang cảnh vô cùng tươi đẹp nên thơ dọc dòng sông Thương vào một chiều thu êm ả. Qua đơn sơ cho thấy tâm hồn lãng mạn, tinh tế và sự gắn bó tha thiết với quê hương của tác giả

**Câu 9**. Nêu cảm xúc của em sau khi đọc xong bài thơ trên (viết không quá 5 dòng).

**Câu 10**. Kể ra 2 hành động cụ thể của em để thể hiện tình yêu đối với quê hương đất nước.

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Em hãy viết một bài văn nêu suy nghĩ của em vê vai trò, ý nghĩa của quê hương đối với mỗi người.

**HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | B | 0,5 |
| **2** | B | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | D | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | A | 0,5 |
|  | **9** | HS có thể trình bày được những suy nghĩ, nhận thức riêng, song cần xoáy quanh các ý trọng tâm sau:  - Bức tranh đẹp về quê hương  - Cảm xúc yêu quý, tự hào, hãnh diện của nhà thơ về con sông quê hương mình.  - Cảm xúc của HS: yêu quê hương đất nước mình,… | 0,5  0,5 |
|  | **10** | HS nêu hành động cụ thể để thể hiện tình yêu đối với quê hương đất nước. Có thể diễn đạt bằng nhiều cách:  - Chăm chỉ học tập và lao động, phấn đấu thành con ngoan trò giỏi.  - Kế thừa và tiếp nối những truyền thống quý báu của dân tộc khi trở thành chủ nhân của đất nước. | 0,5  0,5 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghi luận* | **0,25** |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: nêu suy nghĩ của em vê vai trò, ý nghĩa của quê hương đối với mỗi người | **0,25** |
|  | *c. Triển khai nộ dung bài văn*  HS triển khai vấn đề theo một số gợi ý: | **2.5** |
|  | **Dàn ý suy nghĩ của em về vai trò của quê Hương đối với đời sống tâm hồn của mỗi người**  **1. Mở bài**  - Dẫn dắt đến vấn đề cần nghị luận: Vai trò của quê hương đối với đời sống tâm hồn của mỗi người  **2. Thân bài**  **\* Giải thích về "Quê hương":**Là nơi chúng ta được sinh ra ra và lớn lên, bởi vậy mà nhắc đến quê hương người ta thường nhớ về những gì thân thuộc, gần gũi nhất.  **\* Vai trò của quê hương đối với đời sống tâm hồn của con người:**  - Quê hương không chỉ nuôi lớn chúng ta về mặt thể chất mà nuôi dưỡng những tình cảm đẹp đẽ cho tâm hồn mỗi người. - Quê hương dạy chúng ta biết yêu thương, gắn bó: + Gắn bó với gia đình, mảnh đất mà chúng ta được sinh ra, lớn lên + Gắn bó về tình cảm với bố mẹ, bạn bè và những người xung quanh.  - Góp phần quan trọng trong việc hình thành nên nhân cách, lối sống và bản sắc của mỗi người. → Văn hóa, truyền thống của quê hương sẽ ảnh hưởng đến những nhận thức, tính cách và lối sống của con người. - Quê hương tạo nên sức mạnh tinh thần mạnh mẽ để con người vượt qua mọi khó khăn, thách thức của hoàn cảnh. - Là điểm tựa tinh thần vững chãi, nơi nuôi dưỡng những ước mơ, khát vọng.  **\* Bài học:** - Cố gắng học tập, rèn luyện bản thân để góp phần dựng xây quê hương, đất nước trong tương lai. - Cần lên án những hành động quay lưng với quê hương và những cá nhân thiếu ý thức trách nhiệm, chỉ biết đến bản thân mà làm ảnh hưởng đến lợi ích chung của cộng đồng. - Tình yêu quê hương sẽ trở nên ý nghĩa hơn không chỉ tồn tại trong suy nghĩ, tình cảm mà được bộc lộ qua những hành động cụ thể.  **3. Kết bài**  - Bài học nhận thức, liên hệ bản thân. |  |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.* | **0,5** |
|  | *e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, gợi cảm, sáng tạo.* | **0,5** |

**ĐỀ SỐ 3:**

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

**ĐƯA CON ĐI HỌC**

*(Tế Hanh)*

*Sáng nay mùa thu sang*

*Cha đưa con đi học*

*Sương đọng cỏ bên đường*

*Nắng lên ngời hạt ngọc*

*Lúa đang thì ngậm sữa*

*Xanh mướt cao ngập đầu*

*Con nhìn quanh bỡ ngỡ*

*Sao chẳng thấy trường đâu?*

*Hương lúa tỏa bao la*

*Như hương thơm đất nước*

*Con ơi đi với cha*

*Trường của con phía trước*

*( Thu 1964 - In trong Khúc ca mới, NXB Văn học,)*

**Câu 1.** Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Tự do | C. Lục bát |
| B. Năm chữ | D. Bốn chữ |

**Câu 2.** Từ “*đường*” trong bài thơ trên và từ "*đường*" trong cụm từ "*Ngọt như đường*" thuộc loại từ nào?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Từ đồng âm | C. Từ đồng nghĩa |
| B. Từ trái nghĩa | D. Từ đa nghĩa |

**Câu 3.** Bài thơ có cách gieo vần như thế nào?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Gieo vần lưng | C. Gieo vần chân |
| B. Gieo vần linh hoạt | D. Vần lưng kết hợp vần chân |

**Câu 4.** Cụm từ "*nhìn quanh bỡ ngỡ*" là cụm từ gì?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Cụm danh từ | C. Cụm động từ |
| B. Cụm tính từ | D. Cụm chủ vị |

**Câu 5.** Em hiểu như thế nào là "*bỡ ngỡ*" trong câu thơ: “*Con nhìn quanh bỡ ngỡ”?*

|  |  |
| --- | --- |
| A. Có cảm giác ngỡ ngàng, lúng túng vì còn mới lạ chưa quen | C. Có cảm giác lạ lẫm, bối rối trước mọi việc |
| B. Có cảm giác sợ sệt trước những điều mới lạ | D. Cảm thấy lo lắng không yên tâm về một vấn đề gì đó |

**Câu 6.** Tác dụng chủ yếu củabiện pháp tu từ nhân hoá được sử dụng trongcâu thơ "Lúa đang thì ngậm sữa" là gì?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Làm cho sự vật trở nên gần gũi với con người | C. Làm cho câu thơ giàu nhịp điệu, có hồn |
| B. Làm cho câu thơ sinh động, gợi hình, gợi cảm | D. Nhấn mạnh, làm nổi bật đối tượng được nói đến trong câu thơ |

**Câu 7.** Theo em, hình ảnh *hạt ngọc* được nhắc đến trong bài thơ là hình ảnh nào?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Nắng mùa thu | C. Hương lúa mùa thu |
| B. Gió mùa thu | D. Sương trên cỏ bên đường |

**Câu 8.** Chủđề của bài thơ là gì?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Ca ngợi tình cảm của cha dành cho con | C. Thể hiện niềm vui được đưa con đến trường của người cha |
| B. Ca ngợitình yêu quê hương, đất nước | D. Thể hiện lòng biết ơn của người con với người cha |

**Câu 9.** Theo em người cha muốn nói điều gì với con qua hai câu thơ sau?

*Con ơi đi với cha*

*Trường của con phía trước.*

**Câu 10.** Qua bài thơ em cảm nhận được những tình cảm nào?

**II. VIẾT (4,0 điểm)**

Trong các bài học, em đã được làm quen với nhiều nhân vật văn học thú vị. Hãy viết một bài văn phân tích đặc điểm của một nhân vật văn học mà em yêu thích.

**HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | B | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | C | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | A | 0,5 |
| **9** | Cha muốn nói:  - Bước chân của con luôn có cha đồng hành, cha sẽ đi cùng con trên mọi chặng đường, đưa con đến những nơi tốt đẹp.  - Cha luôn yêu thương, tin tưởng và hi vọng ở con. | 0,5  0,5 |
|  | **10** | Học sinh nêu được những tình cảm mà mình cảm nhận được từ bài thơ. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo bố cục bài văn nghị luận gồm 3 phần: MB, TB, KB.* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Phân tích đặc điểm của một nhân vật văn học mà em yêu thích. | 0,25 |
|  | **1. Mở bài**  - Giới thiệu đôi nét về tác phẩm, nhân vật cần phân tích. Nêu ngắn gọn những đặc điểm nổi bật của nhân vật.  **2. Thân bài**  - Giới thiệu hoàn cảnh xuất thân của nhân vật (nếu có): Tên, tuổi, quê hương…  - Phân tích những đặc điểm về ngoại hình và tính cách của nhân vật.  - Nêu lần lượt các đặc điểm thứ nhất, thứ hai… của nhân vật.  - Trích dẫn các chi tiết, câu văn trong bài liên quan đến đặc điểm đó của nhân vật; rồi dùng lí lẽ phân tích làm sáng tỏ.  - Đánh giá về nhân vật:  - Nhân vật đó đại diện cho tầng lớp xã hội nào?  - Qua nhân vật đó, tác giả muốn gửi gắm điều gì?  - Nghệ thuật xây dựng nhân vật có gì đặc sắc?  **3. Kết bài**  Khẳng định lại những đặc điểm nổi bật của nhân vật. Đánh giá và suy nghĩ về nhân vật. | 3,0    *0,5*  *0,5*    *2,0* |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.* | 0,25 |
|  | *e. Sáng tạo: Thể hiện sự hiểu biết sâu sắc của bản thân về đặc điểm nhân vật; bố cục mạch lạc, lời văn thuyết phục.* | 0,25 |

**ĐỀ SỐ 4:**

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

|  |
| --- |
| *Tôi vốn là chiếc hạt*  *Mẹ Thiên Nhiên nuôi tôi*  *Giờ thành cây rợp lá*  *Hai mươi ba tuổi rồi.*  *Nhìn đây tán tôi rộng*  *Che cho trẻ vui chơi*  *Thú có thể đến nghỉ*  *Che bóng cho cả người.*  *Vậy tôi cũng lao động*  *Xin hãy để tôi sống.*  *(Hãy để tôi sống - Ann Taylo)* |

**Câu 1:** Bài thơ trên viết theo thể thơ nào?

A. Bốn chữ B. Năm chữ C. Bảy chữ D. Tám chữ

**Câu 2:** Câu thơ “Mẹ Thiên Nhiên nuôi tôi” có sử dụng biện pháp tu từ gì?

A. So sánh B. Nhân hóa

C. Nhân hóa và so sánh D. So sánh, nhân hóa, ẩn dụ

**Câu 3:** Bài thơ được chia làm mấy phần?

A. Ba phần. B. Hai phần. C. Bốn phần. D. Không ý nào đúng.

**Câu 4:** Trong khổ thơ đầu, nhà thơ nói về điều gì?

A. Quá trình sinh trưởng của cây. B. Sự gắn bó của cây với con người.

C. Lời nhắn nhủ thiết tha của cây. D. Cả ba ý trên.

**Câu 5:** Em hiểu từ “tuổi” trong câu thơ “Hai mươi ba tuổi rồi”,có nghĩa là gì?

A. Tháng B. Ngày C. Tuần D. Năm

**Câu 6:** Xác định số từ trong câu thơ sau?

A. Hai mươi ba B. Tuổi C. Rồi D.Không có số từ

**Câu 7:** Khi tác giả gọi thiên nhiên là **Mẹ Thiên Nhiên**,tác giả muốn thể hiện điều gì?

A. Thể hiện tình cảm yêu quí thiên nhiên B. Coi thiên nhiên như bạn

C. Thể hiện tình cảm nâng niu trân trọng D. Không được tàn phá thiên nhiên

**Câu 8:** Nhận xét nào nói đúng nhất về nội dung bài thơ ?

A. Miêu tả thiên nhiên

B. Kể về thiên nhiên

C. Miêu tả sự kì diệu của thiên nhiên

D. Nói về quá trình sinh trưởng của cây và kể về sự gắn bó , tầm quan trọng của cây xanh trong cuộc sống con người.Đồng thời gửi lời nhắn nhủ thiết tha coi thiên nhiên như con người và biết giữ gìn, bảo vệ thiên nhiên.

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9:** Em hiểu gì về lời nhắn nhủ của cây qua khổ thơ :

Vậy tôi cũng lao động

Xin hãy để tôi sống

**Câu 10 :** Qua bài thơ, tác giả muốn gửi tới người đọc thông điệp gì ?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Trong các bài học, em đã được làm quen với nhiều nhân vật văn học thú vị. Hãy viết một bài văn phân tích đặc điểm của một nhân vật văn học mà em yêu thích.

**HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | 1 | B | 0,5 |
| 2 | B | 0,5 |
| 3 | A | 0,5 |
| 4 | A | 0,5 |
| 5 | D | 0,5 |
| 6 | A | 0,5 |
| 7 | C | 0,5 |
| 8 | D | 0,5 |
| 9 | **\* Lời nhắn nhủ**: Thiên nhiên cũng giống như con người .Sự tồn tại của thiên nhiên,cỏ cây hoa lácó vai trò và lợi ích to lớn.Thiên nhiên sinh trưởng và phát triển cũng chính là thiên nhiên lao động để làm đẹp cho môi trường và bảo vệ con người.  **\*Lưu ý**: Hs có thể diễn đạt theo cách khác nhưng đảm bảo được cơ bản ý trên vẫn cho điểm tối đa. | 1,0 |
| 10 | ***Thông điệp****:* Thiên nhiên vô tri vô giác nhưng vẫn cần sự sống.Hãy chung tay bảo vệ thiên nhiên, đừng tàn phá thiên nhiên.Bởi tàn phá thiên nhiên là tàn phá cuộc sống của chính mình.  **\*Lưu ý**: Hs có thể diễn đạt theo cách khác nhưng đảm bảo được cơ bản ý trên vẫn cho điểm tối đa. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận*  *Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.* | 0,25 |
|  | b. Xác định đúng yêu cầu của đề.  Phân tích đặc điểm của một nhân vật văn học mà em yêu thích. | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  *HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:* | 2.5 |
|  | **1. Mở bài**  - Giới thiệu đôi nét về tác phẩm, nhân vật cần phân tích. Nêu ngắn gọn những đặc điểm nổi bật của nhân vật.  **2. Thân bài**  - Giới thiệu hoàn cảnh xuất thân của nhân vật (nếu có): Tên, tuổi, quê hương…  - Phân tích những đặc điểm về ngoại hình và tính cách của nhân vật.  - Nêu lần lượt các đặc điểm thứ nhất, thứ hai… của nhân vật.  - Trích dẫn các chi tiết, câu văn trong bài liên quan đến đặc điểm đó của nhân vật; rồi dùng lí lẽ phân tích làm sáng tỏ.  - Đánh giá về nhân vật:  - Nhân vật đó đại diện cho tầng lớp xã hội nào?  - Qua nhân vật đó, tác giả muốn gửi gắm điều gì?  - Nghệ thuật xây dựng nhân vật có gì đặc sắc?  **3. Kết bài**  Khẳng định lại những đặc điểm nổi bật của nhân vật. Đánh giá và suy nghĩ về nhân vật. |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.* | 0,5 |
|  | *e. Sáng tạo: Thể hiện sự hiểu biết sâu sắc của bản thân về đặc điểm nhân vật; bố cục mạch lạc, lời văn thuyết phục.* | 0,5 |

**ĐỀ SỐ 5:**

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (6,0 điểm)**

**Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi**:

*Mưa rơi tí tách*

*Hạt trước hạt sau*

*Không xô đẩy nhau*

*Xếp hàng lần lượt*

*Mưa vẽ trên sân*

*Mưa dàn trên lá*

*Mưa rơi trắng xóa*

*Bong bóng phập phồng*

*Mưa nâng cánh hoa*

*Mưa gọi chồi biếc*

*Mưa rửa sạch bụi*

*Như em lau nhà.*

*Mưa rơi, mưa rơi*

*Mưa là bạn tôi*

*Mưa là nốt nhạc*

*Tôi hát thành lời...*

*(Trích “Mưa”, Nguyễn Diệu, Thư viện thơ. 2019)*

**Câu 1**: Bài thơ “Mưa” thuộc thể thơ gì?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Bốn chữ  B. Năm chữ | C. Lục bát  D. Tự do |

**Câu 2:** Em hãy cho biết khổ thơ thứ hai được ngắt nhịp như thế nào?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Nhịp 1/1/2  B. 2/1/1 | C. 2/2  D. 1/2/1 |

**Câu 3:** Đối tượng nào được nhắc đến nhiều nhất trong bài thơ?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Cánh hoa  B. Hạt mưa | C. Chồi biếc  D. Chiếc lá |

**Câu 4:** Theo em biện pháp tu từ nào được sử dụng trong khổ thơ thứ nhất?

|  |  |
| --- | --- |
| A. ẩn dụ  B. Hoán dụ | C. So sánh  D. nhân hóa |

**Câu 5:** Biện pháp tu từ nào không có trong bài thơ trên?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Nhân hóa  B. ẩn dụ | C. Hoán dụ  D. So sánh |

**Câu 6** : Theo em từ nào sau đây là từ ghép?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Tí tách  B. Cánh hoa | C. Phập phồng  D. Bong bóng |

**Câu 7**: Xác định chủ đề của bài thơ “Mưa”?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Tình yêu thiên nhiên  B. Tình yêu đất nước | C. Tình yêu quê hương  D. Tình yêu gia đình |

**Câu 8**: Theo em đáp án nào đúng nhất về tình cảm của tác giả đối với mưa?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Yêu quý, trân trọng  B. Hờ hững, lạnh lùng | C. Nhớ mong, chờ đợi  D. Bình thản, yêu mến |

**Câu 9**: Em hãy nêu 2 lợi ích của mưa đối với đời sống con người và các sinh vật trên trái đất?

**Câu 10:** Từ những lợi ích của mưa, em hãy nêu ít nhất 2 biện pháp để bảo vệ môi trường trong sạch?

**PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)**

Viết bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.

**HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI**

**I. PHẦN ĐỌC HIỂU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
|  | ĐỌC HIỂU |  |
| 1 | A | 0,5 |
| 2 | C | 0,5 |
| 3 | B | 0,5 |
| 4 | D | 0,5 |
| 5 | C | 0,5 |
| 6 | B | 0,5 |
| 7 | A | 0,5 |
| 8 | A | 0,5 |
| **9** | HS trả lời hợp lí 2 lợi ích của mưa đối với đời sống con người và các sinh vật trên trái đất: cung cấp nước để phục vụ đời sống con người và động thực vật; làm cho không khí sạch và trong lành hơn. | **1,0** |
| **10** | Biện pháp bảo vệ môi trường: Không xả rác bừa bãi, trồng cây, không xả rác động vật xuống ao hồ. | **1,0** |
|  | **1. Mở bài**  - Nêu được sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em sẽ thuật lại trong bài viết.  - Chỉ ra lí do hoặc hoàn cảnh người viết thu thập tư liệu liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử đó.  **2. Thân bài**  a. Gợi lại bối cảnh, câu chuyện, dấu tích liên quan đến nhân vật/sự kiện được nhắc đến:  - Không gian, thời gian xảy ra câu chuyện.  - Dấu tích liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử được nói đến.  b. Thuật lại nội dung, diễn biến của sự việc có thật liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử:  - Bắt đầu - diễn biến - kết thúc.  - Sử dụng được một số bằng chứng (tư liệu, trích dẫn… ), kết hợp kể chuyện, miêu tả.  c. Vai trò, ý nghĩa hoặc tầm ảnh hưởng của sự việc đối với đời sống hoặc đối với nhận thức về nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.  **3. Kết bài**  Khẳng định ý nghĩa của sự việc hoặc nêu cảm nhận của người viết về sự việc hoặc nhân vật lịch sử. |  |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.* |  |
|  | *e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo.* |  |

**4. VĂN BẢN THÔNG TIN**

**I. Lí thuyết**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Kiến thức** |
| **1. Khái niệm** | - Văn bản thông tin là văn bản được viết để truyền đạt thông tin, kiến thức. Bao gồm nhiều thể loại: thông báo, chỉ dẫn, mô tả công việc, … Thường trình bày một cách khách quan, trung thực, không có yếu tố hư cấu, tưởng tượng. |
| **2. Cách triển khai** | - Phân loại đối tượng |
| **3. Cước chú** | - Lời giải thích ghi ở chân trang hoặc cuối văn bản về từ ngữ, kí hiệu hoặc xuất xứ của trích dẫn…trong văn bản (có thể chưa rõ với người đọc) |
| **3.Tài liệu tham khảo** | - Những tài liệu được người viết (người nói) xem xét, trích dẫn để làm rõ hơn nội dung, đối tượng được đề cập đến trong văn bản, giúp cho thông tin được trình bày trong văn bản thêm phong phú thuyết phục. Tài liệu tham khảo thường được ghi ở cuối bài viết hoặc cuối chương hay cuối sách. |
| **4. Thuật ngữ** | từ ngữ biểu thị khái niệm khoa học, công nghệ, thường được sử dụng trong các văn bản khoa học, công nghệ. |
| **5. Phương tiện phi ngôn ngữ** | Là tranh ảnh, hình vẽ, sơ đồ, bảng biểu, kí hiệu…phối hợp với lời văn (phương tiện ngôn ngữ) để cung cấp thông tin cho người đọc. |

**II. THỰC HÀNH**

**1. DẠNG BÀI TẬP ĐỌC HIỂU**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**  *“Bắt đầu vào hội thi, trống chiêng điểm ba hồi, các đội hình dự thì xếp hàng trang nghiêm làm lễ dâng hương trước cửa đình để tưởng nhớ vị thành hoàng làng có công cứu dân, độ quốc.*  *Hội thi bắt đầu bằng việc lấy lửa trên ngọn cây chuối cao. Khi tiếng trống hiệu vừa dứt, bốn thanh niên của bốn đội nhanh thoăn thoắt leo lên thân cây chuối rất trơn vì đã bôi mỡ. Có người leo lên, tụt xuống, lại leo lên… Có người phải bỏ cuộc, người khác lại leo lên, quang cảnh hết sức vui nhộn.*  *Khi lấy được nén hương mang xuống, ban tổ chức phát cho ba que diêm châm vào hương cháy thành ngọn lửa. Người trong đội sẽ vót mảnh tre già thành những chiếc đũa bông châm lửa và đốt vào những ngọn đuốc. Trong khi đó, người trong nhóm dự thi nhanh tay giã thóc, giần sàng thành gạo, lấy nước và bắt đầu thổi cơm. Những nồi cơm nho nhỏ treo dưới những cành cong hình cánh cung được cắm rất khéo léo từ dây lưng uốn về trước mặt. Tay cầm cần, tay cầm đuốc đung đưa cho ánh lửa bập bùng. Các đội thổi cơm đan xen nhau uốn lượn trên sân đình trong sự cổ vũ nồng nhiệt của người xem hội”.*  *(Trích VB Hội thi nấu cơm ở Đồng Vân, Minh Nhương)*  **Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn?  **Câu 2.** Đoạn văn cung cấp những thông tin gì về hội thi nấu cơm ở Đồng Vân?  **Câu 3.** Qua một số chi tiết nói về luật lệ của hội thổi cơm thi và hình ảnh người dự thi, em có nhận xét gì vẻ đẹp của con người Việt Nam?  **Câu 4.** Em hãy kể tên những lễ hội của nước ta mà em biết (Tối thiểu 03 lễ hội). Theo em, việc giữ gìn và tổ chức những lễ hội truyền thống hằng năm hiện nay có những ý nghĩa gì? |

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn: Thuyết minh

**Câu 2.** Đoạn văn cung cấp những thông tin về hội thi nấu cơm ở Đồng Vân:

- Tiến trình cuả hội thi: lễ dâng hương, lúc bắt đầu lấy lửa, nấu cơm.

- Các quy định của hội thi nấu cơm ở Đồng Vân

- Hoạt động chính của hội thi nấu cơm: *giã thóc, giần sàng thành gạo, lấy nước và bắt đầu thổi cơm*

- Không khí của hội: *hết sức vui nhộn, cổ vũ náo nhiệt*

**Câu 3.** Vẻ đẹp của con người Việt Nam: khỏe mạnh và khéo léo, nhanh nhẹn và sáng tạo; đoàn kết, phối hợp trong nhóm; có ý thức tập thể.

**Câu 4**

**\*** Một số lễ hội của Việt Nam được tổ chức hằng năm:

\*Học sinh nêu ý nghĩa của việc tổ chức các lễ hội truyền thống

Có thể nêu :

Lễ hội truyền thống là một phần quan trọng với đời sống tinh thần của người Việt. Do đó, việc giữ gìn và tổ chức các lễ hội truyền thống hằng năm có ý nghĩa vô cùng quan trọng:

+ Các lễ hội truyền thống là để con cháu tỏ lòng tri ân công đức của các vị anh hùng dân tộc, các bậc tiền bối đã có công dựng nước, giữ nước và đấu tranh giải phóng dân tộc.

+ Giúp thế hệ trẻ biết giữ gìn, kế thừa và phát huy những giá trị đạo đức truyền thống quý báu cũng như phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc

+ Việc tổ chức lễ hội truyền thống còn góp phần tích cực trong giao lưu với các nền văn hóa thế giới.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**  *Một trò chơi truyền thống được phổ biến trong các lễ hội là kéo co, được tổ chức ở sân đình hay bãi cỏ rộng giữa làng. Những người tham gia chia làm hai phe, đứng thành một hàng đối nhau, cùng nắm sợi dây thừng, dây chão hay một cây sào tre hoặc người đứng sau ôm lưng người đứng trước, còn hai người đứng đầu hàng của hai phe được đối phương sang qua vạch mốc về phía mình là bên đó thắng. Kéo co thu hút nhiều người, Tạo không khí hào hứng, sôi động, rèn luyện sức khỏe, tính kỉ luật, ý thức tập thể ở mỗi người. Chính vì vậy, kéo co được đông đảo thanh , thiếu niên ưa thích.*  *( Trích văn bản trò chơi ngày xuân, Ngữ văn 9 tập 1 - NXB Giáo dục Việt Nam, 2012, trang 27)*  **Câu 1**. Nêu phương thức biểu đạt chủ yếu của đoạn văn.  **Câu 2**. Đoạn văn trên đề cập đến vấn đề gì?  **Câu 3.** Dựa vào đoạn văn, hãy cho biết vì sao kéo co được đông đảo thanh niên, thiếu niên ưa thích?  **Câu 4**. Viết đoạn văn nghị luận về việc bảo tồn, giừ ging và phát huy các truyền thống văn hóa tốt đẹp ở  quê hương em. |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1**: Phương thức biểu đạt chủ yếu của đoạn văn: Thuyết minh

**Câu 2**: Vấn đề đoạn văn đề cập đến: Trò chơi kéo co

**Câu 3**: Kéo co thu hút nhiều người, tạo không khí hào hứng, sôi động, rèn luyện sức khỏe, tính kỉ

luật, ý thức tập thể của mỗi người.

**Câu 4**: Viết đoạn văn nghị luận về việc bảo tồn, giữ gìn và phát huy các truyền thống văn hóa tốt

đẹp của quê hương em.

- Nêu vấn đề cần nghị luận, Phân tích sự việc, hiện tượng (Các truyền thống tốt đẹp của quê hương em

là gì?)

HS có thế nêu một số yếu tố thuộc văn hóa vật thể (là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa,

khoa học bao gồm di tích lịch sử- văn hóa, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia…)

Văn hóa phi vật thể (gồm những sản phẩm tinh thần như văn học, nghệ thuật dân gian với nhiều loại hình,

tập quán, tín ngưỡng, phong tục, lễ hội, các tri thức về khoa học đời sống, về kinh nghiệm trong đời

sống…).

\* Rút ra ý nghĩa, bản chất của sự việc và đánh chung,

- Bày tỏ ý kiến về sự việc, giữ gìn và phát huy các truyền thống văn hóa tốt đẹp ở quê hương là việc

làm đúng, cần thiết, cần triển khai thành phong trào sâu rộng. Vì truyền thống văn hóa làm nên nét

riêng đặc sắc, độc đáo của quê hương, chính nhờ sức mạnh của những giá trị truyền thống đó mà quê

hương đã vượt qua biết bao thử thách khắc nghiệt, chiến thắng thiên tai, …để tồn tại và phát triển

được như ngày nay…

- Dẫn chứng…

+ Nêu các giải pháp bảo tồn, giữ gìn và phát huy các truyền thống văn hóa tốt đẹp ở quê hương.

+ Giữ gìn và phát huy các truyền thống văn hóa tốt đẹp là bảo vệ, kế thừa và phát triển những giá

trị tinh thần cao đep đó. Tuyên truyền giới thiệu sâu rộng các giá trị văn hóa tốt đẹp của quê hương có các hình thức lưu truyền, phổ biến trong đời sống nhân dân và lan tỏa trong các trường học, nhận chăm

sóc các di tích lịch sử văn hóa…

- Liên hệ bản thân: Nâng cao nhận thức và có những hành động cụ thể để bảo tồn, giữ gìn và phát huy các truyền thống văn hóa của quê hương.

**2. Dạng Đọc Hiểu cấu trúc mới**

**ĐỀ SỐ 1: Đọc kĩ văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **(1)Với người Việt cổ xưa, trò chơi này thường dành cho giới nữ, con nhà quý phái, xưa kia là các mỵ nương, con gái Lạc hầu, Lạc tướng. Đối với các dân tộc Mường, Tày, H’mông, Thái... ném còn là trò tín ngưỡng hấp dẫn nhất của trai gái trong dịp hội xuân.** |

*(2)Quả "còn" hình cầu to bằng nắm tay trẻ nhỏ, được khâu bằng nhiều múi vải màu, bên trong nhồi thóc và hạt bông (thóc nuôi sống con người, bông cho sợi dệt vải). Quả còn có các tua vải nhiều màu trang trí và có tác dụng định hướng trong khi bay. Sân ném còn là bãi đất rộng, ở giữa chôn một cây tre (hoặc vầu) cao, trên đỉnh có “vòng còn” hình tròn (khung còn), khung còn một mặt dán giấy đỏ (biểu tượng cho mặt trời), mặt kia dán giấy vàng (biểu tượng cho mặt trăng). Cả mặt giấy là biểu tượng cho sự trinh trắng của người con gái. Người chơi đứng đối mặt với nhau qua cây còn, ném quả còn lọt qua vòng còn trên đỉnh cột là thắng cuộc.*

*(3)Mở đầu cuộc chơi là phần nghi lễ, thầy mo dâng hai quả còn làm lễ giữa trời đất, cầu cho bản làng yên vui, mùa màng tươi tốt, nhà nhà no ấm. Sau phần nghi lễ, thầy mo cầm hai quả còn đã được “ban phép” tung lên cho mọi người tranh cướp, khai cuộc chơi ném còn năm đó. Các quả còn khác của các gia đình lúc này mới được tung lên như những con chim én. Trước khi khép hội, thầy mo rạch quả*còn thiêng*(đã được ban phép) lấy hạt bên trong, tung lên để mọi người cùng hứng lấy vận may. Người Tày quan niệm hạt giống này sẽ mang lại mùa màng bội thu và may mắn, vì nó đã được truyền hơi ấm của những bàn tay nam nữ (âm - dương).*

*(4) Ném còn làm cho người trong cuộc hào hứng, người đứng ngoài hò reo cổ vũ khiến không khí cuộc chơi rất sôi nổi, hấp dẫn. Ném còn là trò chơi không những thu hút nam nữ thanh niên mà nhiều người lớn tuổi cũng rất thích. Trò vui này mang ý nghĩa phồn thực, cầu mong giao hoà âm - dương, mùa màng tươi tốt.*

*(Nguồn trang điện tử: Tổng cục du lịch)*

**Câu 1.** **Văn bản trên giới thiệu nguồn gốc của trò chơi ném còn thường dành cho ai?**

A. Nhân dân lao động B. Vương hầu, quí tộc

C. **Dành cho giới nữ, con nhà quý phái.** D. Cho binh sĩ, quân lính

**Câu 2. Ngày nay, các dân tộc nào thường chơi ném còn?**

………………………………………………………………………………………

**Câu 3. Trò chơi dân gian kéo co thường được tổ chức khi nào?**

A. Đông chí B. Lập thu

C. Hạ chí D. Lễ hội đầu xuân

**Câu 4. Đoạn văn (2) cho em hiểu thêm gì ?**

…………………………………………………………………………………………

**Câu 5. Nối thông tin cột A ( phần) với cột B (nội dung) mà phần đó thể hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A.Phần** |  | **Nội dung** |
| (1) | a. Ý nghĩa của trò chơi ném còn |
| (2) | b. Giới thiệu trò chơi ném còn |
| (3) | c. Giới thiệu dụng cụ và luật chơi ném còn |
| **(4)** | d. Nghi lễ một buổi tổ chức trò chơi ném còn |

**Câu 6. Câu nào thể hiện tình cảm của người Thái, Mường, Tày… với trò chơi ném còn?**

**A. Với người Việt cổ xưa, trò chơi này thường dành cho giới nữ, con nhà quý phái, xưa kia là các mỵ nương, con gái Lạc hầu, Lạc tướng.**

**B. Đối với các dân tộc Mường, Tày, H’mông, Thái... ném còn là trò tín ngưỡng hấp dẫn nhất của trai gái trong dịp hội xuân.**

C. *Quả "còn" hình cầu to bằng nắm tay trẻ nhỏ, được khâu bằng nhiều múi vải màu, bên trong nhồi thóc và hạt bông (thóc nuôi sống con người, bông cho sợi dệt vải).*

D. *Người chơi đứng đối mặt với nhau qua cây còn, ném quả còn lọt qua vòng còn trên đỉnh cột là thắng cuộc.*

**Câu 7.** **Khi** *Người chơi đứng đối mặt với nhau qua cây còn, ném quả còn lọt qua vòng còn trên đỉnh cột là thắng cuộc.***’ là trò chơi ném còn kết thúc, Đúng hay sai?**

A. *Đúng* B. *Sai*

**Câu 8.** **Trò chơi có không khí sôi động, hấp dẫn vì sao?**

A. Nhiều người có thể tham gia trò chơi cùng lúc.

B. Vì trò chơi rất có ý nghĩa đối với người chơi và khán giả.

C. Vì ném còn làm cho người trong cuộc hào hứng, người đứng ngoài hò reo cổ vũ khiến không khí cuộc chơi rất sôi nổi, hấp dẫn.

D. Vì ném còn làm cho mọi người cùng được tham gia.

**Câu 9. Nhận xét về cách trình bày văn bản thuyết minh trên?**

A. Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng cụ thể B. Thông tin cụ thể, chính xác, dễ tiếp nhận.

C. Miêu tả chi tiết động tác của người chơi. D. Kể lại diễn biến một hội thi ném còn

**Câu 10.** Từ trò chơi ném còn trong các lễ hội đầu xuân, các thầy cô đã đưa vào thành trò chơi vận động: Ném còn trong nhà trường. Đọc văn bản sau và cho biết: Em có thể tham gia trò chơi này được không? Nêu suy nghĩ của em về vai trò của văn bản thuyết minh một hoạt động, trò chơi?

|  |
| --- |
| **Trò chơi vận động: Ném còn**  **1. Mục đích:** Rèn luyện sức khỏe của trẻ. Có kĩ năng định hướng trong không gian của trẻ, biết ước lượng khoảng cách để ném còn trúng đích.  **2. Chuẩn bị:**   * - Một cột bằng gỗ hoặc tre cao 1,5m, ở trên đỉnh cột buộc một vòng tròn có đường kính, 30 - 40cm. * 6 quả còn làm bằng vải. * - Cách làm quả còn: Lấy một miếng vải hình chữ nhật (7cm x 12cm) khâu mép vào nhau như một cái túi rồi lộn lại, nhồi trấu hoặc cát đã rửa sạch. Khâu kín túi lại rồi đính 3 dải vải dài kích thước 1 x 25cm vào đầu của mép túi.   **3. Cách chơi:** Trẻ có thể chơi theo từng nhóm, đứng cách cột từ 2m - 2,5m. Rồi lần lượt từng trẻ ném quả còn vào vòng treo ở cột (mỗi lần, mỗi cháu được ném 3 quả). Nhóm nào ném được nhiều quả còn lọt vào vòng là thắng cuộc. |

**ĐÁP ÁN:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 3 | 4 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| **Đáp án đúng** | C | D | 1c, 2b, 3d, 4a | B | A | C | B |

**Câu 2. dân tộc Mường, Tày, H’mông, Thái...***.*

**Câu 10.** HS nêu được một ý cơ bản: Em có thể tham gia trò chơi ném còn

-Chia sẻ: + Hiểu được cách thức tổ chức và ý nghĩa trò chơi

+ Năm được luật lệ của trò chơi, cách chơi

+ Có thể tham gia trò chơi sau khi đọc văn bản

+ Biết cách viết bài thuyết minh về một hoạt động, trò chơi.

**ĐỀ SỐ 2:**

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

**THÔNG TIN VỀ NGÀY TRÁI ĐẤT NĂM 2000**

*Ngày 22 tháng 4 hằng năm được gọi là Ngày Trái Đất do một tổ chức bảo vệ môi trường của Mĩ khởi xướng từ năm 1970. Từ đó đến nay đã có 141 nước trên thế giới tham gia tổ chức này, với quy mô và nội dung thiết thực về bảo vệ môi trường.  
 Ngày Trái Đất hằng năm được tổ chức theo những chủ đề liên quan đến những vấn đề môi trường nóng bỏng nhất của từng nước hoặc từng khu vực.  
 Năm 2000 là năm đầu tiên Việt Nam tham gia Ngày Trái Đất với chủ đề “Một ngày không dùng bao bì ni lông”.  
 Như chúng ta đã biết, việc sử dụng bao bì ni lông có thể gây nguy hại đối với môi trường bởi đặc tính không phân huỷ(1) của pla-xtíc(2). Hiện nay ở Việt Nam mỗi ngày thải ra hàng triệu bao bì ni lông, một phần được thu gom, phần lớn bị vứt bừa bãi khắp nơi công cộng, ao hồ, sông ngòi.  
 Theo các nhà khoa học, bao bì ni lông lẫn vào đất vào đất làm cản trở quá trình sinh trưởng của các loài thực vật bị nó bao quanh, cản trở sự phát triển của cỏ dẫn đến hiện tượng xói mòn ở các vùng đồi núi. Bao bì ni lông bị vứt xuống cống làm tắc các đường dẫn nước thải, làm tăng khả năng ngập lụt của các đô thị về mùa mưa. Sự tắc nghẽn hệ thống cống rãnh làm cho muỗi phát sinh, lây truyền dịch bệnh. Bao bì ni lông trôi ra biển làm chết các sinh vật khi chúng nuốt phải. Đặc biệt bao bì ni lông màu đựng thực phẩm làm ô nhiễm thực phẩm do chứa các kim loại như chì, ca-đi-mi(3) gây tác hại cho não và là nguyên nhân gây ung thư phổi. Nguy hiểm nhất là khi các bao bì ni lông thải bỏ bị đốt, các khí độc thải ra đặc biệt là chất đi-ô-xin(4) có thể gây ngộ độc, gây ngất, khó thở, nôn ra máu, ảnh hưởng đến các tuyến nội tiết(5), giảm khả năng miễn dịch(6), gây rối loạn chức năng, gây ung thư và các dị tật bẩm sinh(7) cho trẻ sơ sinh.*

*[…]  
(1) Phân hủy: (hiện tượng một chất) phân chia thành những chất khác nhau, không còn mang tính chất của chất ban đầu  
(2) Pla-xtíc: chất dẻo  
(3) Ca-đi-mi: một kim loại, sản phẩm phụ của quá trình sản xuất kẽm, chì, đồng từ quặng  
(4) Đi-ô-xin: chất rắn, không màu, rất độc, chỉ cần nhiễm một lượng nhỏ cũng đủ nguy hiểm  
(5) Tuyến nội tiết: tuyến mà chất tiết ra của nó ngấm thẳng vào máu, có tác dụng bảo đảm hoạt động sinh lí bình thường của cơ thể  
(6) Miễn dịch: (trạng thái của cơ thể) chống lại được một bệnh nào đó  
(7) Dị tật bẩm sinh: hiện tượng biến đổi bất thường về hình dạng của bộ phận nào đó trong cơ thể (dị tật) đã có từ khi sinh ra (bẩm sinh)  
 (Theo tài liệu của Sở Khoa học – công nghệ Hà Nội)*

**Câu 1:** Nhận định nào đúng với văn bản “Thông tin về*Ngày Trái Đất năm 2000”?*

A. Là văn bản được soạn thảo dựa trên bức thông điệp của 13 cơ quan nhà nước và tổ chức phi chính phủ phát đi ngày 22 – 04 – 2000 nhân lần đầu tiên Việt Nam tham gia Ngày Trái Đất.

B. Là văn bản được soạn thảo dựa trên bức thông điệp của 13 cơ quan nhà nước và tổ chức phi chính phủ phát đi ngày 22 – 04 – 2000 nhân lần đầu tiên Việt Nam tham gia ngày Thế giới bảo vệ môi trường.

C. Là văn bản được soạn thảo dựa trên bức thông điệp của 13 cơ quan nhà nước và tổ chức phi chính phủ phát đi ngày 22 – 04 – 2000 nhân lần đầu tiên Việt Nam tham gia ngày Thế giới không hút thuốc lá

D. Là văn bản được soạn thảo dựa trên bức thông điệp của 13 cơ quan nhà nước và tổ chức phi chính phủ phát đi ngày 22 – 04 – 2000 nhân lần đầu tiên Việt Nam tham gia ngày Thế giới phòng chống ma túy.

**Câu 2:** “Một ngày không sử dụng bao bì ni lông” là chủ đề của Ngày Trái Đất của quốc gia hay của khu vực nào?

A. Toàn thế giới B. Nước Việt Nam

C. Các nước đang phát triển D. Khu vực châu Á

**Câu 3:** Trong văn bản trên, tác giả đã chỉ ra điều gì là nguyên nhân cơ bản nhất khiến cho việc dùng bao bì ni lông có thể gây nguy hại với môi trường tự nhiên?

A. Tính không phân hủy của pla – xtic

B. Trong ni lông màu có nhiều chất độc hại

C. Khi đốt bao bì ni lông, trong khói có nhiều khí độc

D. Chưa có phương pháp xử lí rác thải ni lông

**Câu 4:** Nhận định nào không nói về tác hại của bao bì ni lông đối với môi trường tự nhiên?

A. Bao bì ni lông lẫn vào đất làm cản trở quá trình sinh trưởng của các loài thực vật bị nó bao quanh

B. Bao bì ni lông bị vứt xuống cống làm tắc các đường dẫn nước thải, làm tăng khả năng ngập lụt của các đô thị về mùa mưa

C. Bao bì ni lông màu đựng thực phẩm làm ô nhiễm thực phẩm do chứa các kim loại như chì, ca-đi-mi gây tác hại cho não và là nguyên nhân gây ung thư phổi

D. Bao bì ni lông trôi ra biển làm chết các sinh vật khi chúng nuốt phải

**Câu 5:** Trong văn bản *Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000,* bao bì ni lông được coi là gì?

A. Một loại rác thải công nghiệp B. Một loại chất gây độc hại

C. Một loại rác thải sinh hoạt D. Một loại vật liệu kém chất lượng

**Câu 6:** Ý nào nói lên mục đích lớn nhất của tác giả khi viết văn bản *Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000?*

A. Để mọi người không sử dụng bao bì ni lông nữa.

B. Để mọi người thấy Trái Đất đang bị ô nhiễm nghiêm trọng

C. Để góp phần vào việc tuyên truyền và bảo vệ môi trường của Trái Đất

D. Để góp phần vào việc thay đổi thói quen sử dụng bao bì ni lông của mọi người

**Câu 7:** Trong câu: “Từ đó đến nay đã có 141 nước trên thế giới tham gia tổ chức này, với quy mô và nội dung thiết thực về bảo vệ môi trường.” từ nào là phó từ?

A. Nay B. Đã C. Này D. Và

**Câu 8:** Phép liên kết nào được dùng để liên kết câu trong hai câu văn: “Bao bì ni lông trôi ra biển làm chết các sinh vật khi chúng nuốt phải. Đặc biệt bao bì ni lông màu đựng thực phẩm làm ô nhiễm thực phẩm do chứa các kim loại như chì, ca-đi-mi(3) gây tác hại cho não và là nguyên nhân gây ung thư phổi.”

A. Phép liên tưởng B. Phép nối C. Phép thế D. Phép lặp

**Câu 9.** Từ văn bản trên, theo em cần phải làm gì để giảm tác hại của bao bì ni lông?

**Câu 10.** Theo em, em sẽ làm gì với bao bì ni lông sau khi đã sử dụng?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Xã hội càng hiện đại, càng phát triển lại kéo theo những hệ lụy, một trong số đó là vấn đề ô nhiễm môi trường, trở thành mối quan tâm hàng đầu của các quốc gia trên thế giới, em hãy viết bài [nghị luận về vấn đề bảo vệ môi trường](https://thuthuat.taimienphi.vn/van-nghi-luan-ve-van-de-bao-ve-moi-truong-54038n.aspx) để trình bày quan điểm của bản thân cũng như đề xuất những giải pháp nhằm ngăn chặn mối hiểm họa này.

**HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | A | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
|  | **9** | Cần phải làm gì để giảm tác hại của bao bì ni lông:  - Thay đổi thói quen sử dụng bao bì ni lông. - Không sử dụng bao bì ni lông khi không cần thiết. - Sử dụng các túi đựng không phải bằng ni lông mà bằng giấy, lá, nhất là khi dùng để gọi thực phẩm. - Tuyên truyền về tác hại của việc sử dụng bao bì ni lông cho mọi người biết. | 1,0 |
|  | **10** | - Nêu được một số hành động của bản thân với bao bì ni lông sau khi đã sử dụng: Không vứt bừa bãi ra môi trường, giặt phơi khô để dùng lại, thu gom để đem tái chế... | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận xã hội* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: [nghị luận về vấn đề bảo vệ môi trường](https://thuthuat.taimienphi.vn/van-nghi-luan-ve-van-de-bao-ve-moi-truong-54038n.aspx) | 0,25 |
|  | **c. Bài**[**nghị luận về vấn đề bảo vệ môi trường**](https://thuthuat.taimienphi.vn/van-nghi-luan-ve-van-de-bao-ve-moi-truong-54038n.aspx)**:**  **1. Mở bài**  - Nêu vấn đề nghị luận: vấn đề bảo vệ môi trường trong cuộc sống của chúng ta.  **2. Thân bài**  **a. Giải thích môi trường, bảo vệ môi trường:** +  “Môi trường sống” bao gồm tất cả những gì tồn tại xung quanh chúng ta (các tài nguyên tự nhiên và tài nguyên xã hội…) + “Bảo vệ môi trường” là những hành động được thực hiện nhằm tránh các tác động xấu đến môi trường. Đảm bảo sự tồn tại và phát triển lành mạnh của môi trường trong tự nhiên.  **b. Tại sao phải bảo vệ môi trường?**  - Lợi ích: môi trường có vai trò rất lớn đối với sự sống của con người, bảo vệ và phục vụ cuộc sống con người: + Không khí, nước, ánh sáng,..đều phục vụ nhu cầu tồn tại và sinh hoạt của con người.  + Nếu sống trong một môi trường tốt con người sẽ được hít thở bầu không khí trong lành, không bị ô nhiễm, bảo vệ tốt hệ hô hấp của con người. + Nguồn nước sạch được đảm bảo để sử dụng trong sinh hoạt giúp bảo vệ sức khoẻ con người, tránh các bệnh nguy hiểm dễ xuất hiện khi nước bị ô nhiễm,…  - Tác hại của môi trường bị ô nhiễm: Môi trường bị ô nhiễm là "con virus" gặm nhấm sức khỏe mỗi người, thậm chí nếu lâu dài có thể cướp đi cả mạng sống con người. - Hiện trạng nguy hiểm: Môi trường hiện nay đang bị ô nhiễm trầm trọng: + Hàng ngàn tấn rác thải thải ra mỗi ngày, tuy nhiên việc xử lý rác thải vẫn còn chưa thực sự tốt. + Các nhà máy thải khói, nước thải một cách bừa bãi thiếu khoa học làm ô nhiễm không khí, ô nhiễm môi trường nước. + Lạm dụng các chất hoá học như thuốc diệt cỏ, khử trùng đất, thuốc kích thích khiến đất đai bị phá huỷ, bạc màu, thiếu chất dinh dưỡng,… - Bảo vệ môi trường không chỉ bảo vệ cho chúng ta hôm nay mà còn bảo vệ cho cuộc sống của những thế hệ mai sau.  **c. Giải pháp bảo vệ môi trường** - Tuyên truyền các tổ dân phố, người dân trong các ngõ hẻm, làng quê nâng cao ý thức bảo vệ môi trường. - Nhà nước đưa ra những quy định và xử lý kịp thời những hành vi vi phạm gây ảnh hưởng đến môi trường. - Tổ chức các cuộc thi, phát động các phong trào bảo vệ môi trường ở khu dân cư, các tổ dân phố.  - Ở các trường học, các học sinh cần tham gia các hoạt động chăm sóc vườn hoa, trồng cây xanh, thu gom rác,... tích cực. - Phát hiện, phản ánh và phê phán những hành vi thiếu ý thức, phá hoại môi trường sống.  **3. Kết bài**  - Khẳng định vấn đề- liên hệ bản thân. | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.* | 0,5 |
|  | *e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lí lẽ dẫn chứng xác đáng, sáng tạo.* | 0,5 |

**ĐỀ SỐ 3:**

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

**TRÒ CHƠI “BỊ MẮT BẮT DÊ”**

***a. Mục đích***

*Trò chơi*[***bịt mắt bắt dê***](https://specialkid.vn/blogs/cac-tro-choi-cho-be/tro-choi-dan-gian-bit-mat-bat-de)*giúp trẻ rèn luyện kĩ*

*năng di chuyển, nhanh nhẹn, khéo léo và khả*

*năng phán đoán. Trò chơi giúp tạo không khí vui vẻ, sôi động và tăng thêm tính đoàn kết.*

***b. Hướng dẫn chơi***

*Tùy theo mỗi vùng miền mà có cách chơi khác nhau. Sau đây là 2 cách chơi bịt mắt bắt dê phổ biến như sau:*

***Cách 1:***

*Cả nhóm cùng oẳn tù tì hoặc chọn một người xung phong bịt mắt đi bắt dê, khăn bịt mắt, những người xung quanh đứng thành vòng tròn rộng. Người chơi chạy xung quanh người bịt mắt cho `1đến khi người đó hô “đứng lại” thì phải đứng lại không được di chuyển, lúc này người bịt mắt đi quanh vòng tròn và bắt một người bất kỳ, người chơi cố tạo ra tiếng động để người bịt mắt mất phương hướng khó phán đoán. Cho đến khi người bịt mắt bắt được và đoán đúng tên một ai đó thì người đó phải thế chỗ cho người bịt mắt. Nếu không bắt được ai lại hô bắt đầu để mọi người di chuyển.*

***Cách 2***

*Chọn hai người vào chơi, một người làm dê, một người đi bắt dê. Cả hai cùng đứng trong vòng tròn và bịt bịt mắt, đứng quay lưng vào nhau. Sau đó nghe theo hiệu lệnh người làm dê vừa di chuyển vừa kêu “be be” để người bắt dê định hình phương hướng và đuổi bắt. Những người đứng xung quanh hò reo tạo không khí sôi động. Người săn bắt được dê thì dê được thay chỗ làm người săn và một người khác ở hàng rào vào làm dê, người săn thắng cuộc trở lại làm hàng rào.*

***c.******Luật chơi trò bịt mắt bắt dê***

*- Mắt phải được bịt kín*

*- Người chơi chỉ được cổ vũ, không được nhắc hoặc mách cho bạn đi bắt dê*

*- Không được đi ra khỏi vòng tròn*

*- Nếu trong một thời gian quy định mà không bắt được dê thì coi như bên dê thắng và thay người khác vào chơi.*

*( In trong 100 trò chơi dân gian cho thiếu nhi, NXB Kim Đồng , 2014)*

**Câu 1:** Văn bản “Bịt mắt bắt dê” thuộc thể loại nào ?

A. Văn bản nghị luận B. Văn bản truyện ngụ ngôn

C. Văn bản truyền thuyết D. Văn bản thông tin

**Câu 2:** Văn bản ***“Bịt mắt bắt dê***” cung cấp được những thông tin cơ bản nào?

A. Mục đích, hướng dẫn chơi, luật chơi

B. Mục đích, chuẩn bị, hướng dẫn chơi

C. Nguồn gốc, hướng dẫn chơi, luật chơi

D. Mục đích, hướng dẫn chơi, hình thức xử phạt

**Câu 3:** Văn bản “***Bịt mắt bắt dê***” hướng dẫn bao nhiêu cách chơi?

A. 1 cách chơi B. 2 cách chơi C. 3 cách chơi D. 4 cách chơi

**Câu 4:** Đoạn văn sau sử dụng phép liên kết nào “Trò chơi [***bịt mắt bắt dê***](https://specialkid.vn/blogs/cac-tro-choi-cho-be/tro-choi-dan-gian-bit-mat-bat-de) giúp trẻ rèn luyện kĩ năng di chuyển, nhanh nhẹn, khéo léo và khả năng phán đoán. Trò chơi giúp tạo không khí vui vẻ, sôi động và tăng thêm tính đoàn kết.

A. Phép lặp B. Phép thế C. Phép nối D. Phép liên tưởng

**Câu 5:** Thông tin trong mục **“Hướng dẫn cách chơi”** được triển khai theo cách nào?

A. Theo trình tự thời gian B. Theo trình tự không gian

C. Theo quan hệ nhân quả D. Theo diễn biến tâm lí

**Câu 6:** Giải thích nghĩa của từ “***săn***” trong câu văn: “*Người săn bắt được dê thì dê được thay chỗ làm người săn và một người khác ở hàng rào vào làm dê, người săn thắng cuộc trở lại làm hàng rào*"

A. Rắn chắc B. Đuổi bắt C. Chăm sóc D. Xoắn chặt

**Câu 7:** Trò chơi ***“Bịt mắt bắt dê”*** mang đến cho em những trải nghiệm gì?

A. Vui vẻ, bổ ích B. Mệt mỏi

C. Mất thời gian D. Mang lại những trải nghiệm mới của trò chơi dân gian.

**Câu 8:** Theo em, giữa trò chơi dân gian và trò chơi điện tử em thích trò chơi nào hơn? Vì sao?

**Câu 9**. Em hãy viết đoạn văn ngắn nói về cảm nhận của em về trò chơi trên? ( 4- 5 dòng)

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Em hãy viết bài văn biểu cảm về người thân em yêu quý nhất (ông bà, cha mẹ, anh chị…)

**HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | D | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | B |  |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | Những trải nghiệm :  - Mang lại tiếng cười vui vẻ, thư giãn  - Rèn luyện khả năng nghe, xác định phương hướng  - Sự kết nối trong một tập thể  Giáo viên linh hoạt đáp án. | 1,5 |
| **8** | HS lựa chọn đáp án  - Lí giải lựa chọn | 0,5  1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu về con người:* Mở bài  giới thiệu đối tượng biểu cảm; thân bài: biểu lộ cảm xúc về đối tượng; Kết bài khẳng định lại tình cảm. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: bày tỏ cảm xúc về  người thân mà em yêu quý | 0,25 |
|  | *c. Triển khai tình cảm, cảm xúc của người viết về đối*  *tượng được biểu cảm*  HS triển khai vấn đề theo nhiều cách nhưng cần đảm bảo  *được các ý sau* |  |
|  | **Dàn ý**[**Cảm nghĩ về người mẹ thân yêu của em**](https://vndoc.com/van-mau-lop-7-cam-nghi-ve-nguoi-me-than-yeu-cua-em-119184).  **1. Mở bài:**  - Giới thiệu về mẹ và tình mẫu tử thiêng liêng cao quý.  - Mẹ em người phụ nữ tuyệt vời chỉ có một trên đời.  - Tình mẹ luôn chân thành, thiêng liêng và cao quý, hi sinh suốt đời vì con.  **2. Thân bài:**  - Mẹ tôi năm nay 35 tuổi  - Dáng vóc: thanh mảnh, làn dan trắng trẻo, mái tóc đen và dài, đôi mắt to tròn, và khuôn mặt phúc hậu.  - Mẹ là người dịu dàng, hòa nhã và luôn đối xử tốt với mọi người. Trong nhà mẹ là người lo lắng, chăm sóc các thành viên trong gia đình.  - Buổi sáng mẹ dậy sớm, chuẩn bị bữa sáng và chuẩn bị cho em đi học và bố đi làm.  - Buổi trưa mẹ giặt giũ quần áo, dọn dẹp nhà cửa, sân vườn gọn gàng, sạch sẽ.  - Buổi tối mẹ chuẩn bị bữa cơm tối cho cả gia đình, nấu những món mà em thích. Bữa ăn là thành quả vất vả của mẹ trong cả ngày.  - Những lúc em không nghe lời, hay mắc lỗi nhưng mẹ cũng không bao giờ lớn tiếng hay dùng đòn roi mà mẹ cần em trình bày rõ chuyện rồi phê bình, nhắc nhở không tái phạm. Mẹ thật tâm lý và tình cảm.  - Mẹ em làm kế toán ở cơ quan công việc thường xuyên bận rộn nấy là cuối tuần. Đây là công việc cần sự tỉ mỉ, cận thận.  - Những lúc rảnh rỗi mẹ thường đọc sách và hướng dẫn em làm bài tập.  - Mẹ luôn cho chu toàn cho gia đình và cả công việc. Mẹ em là người phụ nữ thật tuyệt vời.  **3. Kết bài:** Bày tỏ tình cảm, sự yêu thương đối với mẹ.  - Mẹ là cả một thế giới mẹ luôn chăm lo và hi sinh vì con cái.  - Em yêu mẹ rất nhiều và chắc chắn sẽ học thật tốt để mẹ luôn vui. | 2,5 |
|  | - Biểu cảm về vai trò của người đó đối với mình . | 0,5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.* | 0,5 |
|  |  | *e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, cảm xúc chân thành, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về đối tượng biểu cảm.* |  |

**5. TRUYỆN KHOA HỌC VIỄN TƯỞNG**

**I. LÍ THUYẾT**

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ TÀI** | **NỘI DUNG** |
| **1. Khái niệm**: | - Truyện khoa học viễn tưởng là những tác phẩm văn học mà ở đó, tác giả tưởng tượng, hư cấu dựa trên thành tựu của khoa học công nghệ.  *\*Lưu ý:*  - Truyện khoa học viễn tưởng rất ít khi chứa các yếu tố thần kì, siêu nhiên mà luôn dựa trên những kiến thức hoặc lí thuyết khoa học tự nhiên tại thời điểm tác phẩm ra đời. |
| **2. Đặc điểm của truyện Khoa học viễn tưởng**  **a. Đề tài** | - Đề tài của truyện KHVT thường gắn với các lĩnh vực khoa học như: Công nghệ tương lai, du hành vũ trụ, người ngoài hành tinh, khám phá đại dương và lòng trái đất...  Một số chủ điểm yêu thích:  + Du hành trong không gian- thời gian.  + Chiến tranh tranh thế giới lần thứ tư.  + Chinh phục vũ trụ.  + Sinh vật không thuộc là người.  + Đảo lộn cấu trúc thời gian.  + Vượt quá giới hạn.  + Tiêu diệt hành tinh. |
| **b. Sự kiện** | - Từ sự kiện có thật nhà văn tưởng tượng ra nội dung câu chuyện (sự kiện thường trộn lẫn những sự kiện của thế giới thực tại với những sự kiện diễn ra trong thế giới giả định trong quá khứ, tương lai, ngoài vũ trụ).  Ví dụ: Từ việc bắt đầu cố tàu ngầm thơ sơ, Véc- Nơ đã tưởng tượng ra con tàu No-ti-lớt(Nautilus) có đặc điểm như một tàu ngầm hiện đại. |
| **c. Ngôi kể** | Sử dụng linh hoạt  + Ngôi thứ nhất (tôi)  + Ngôi thứ ba (người ta) |
| **d. Cốt truyện** | - Cốt truyện trong tác phẩm KHVT thường gắn với các sự kiện khoa học và công nghệ; với những sự kiện “đi trước thời gian”, những tình huống táo bạo, bất ngờ... |
| **e. Nhân vật** | - Nhân vật trong truyện KHVT thường là những con người thông thái (nhà khoa học, nhà phát minh, sáng chế… trong các lĩnh vực (đề tài) mà tác phẩm đề cập. |
| **g. Bối cảnh không gian, thời gian**: | - Gắn với đề tài của truyện (Mang tính giả định, chẳng hạn như thời gian trộn lẫn quá khứ, hiện tại và tương lai, không gian vũ trụ, lòng đất, đáy biển...). |

**3. Những lưu ý khi đọc hiểu truyện khoa học viễn tưởng**

+ Xác định đề tài, thời gian và không gian đặc biệt của câu chuyện.

+ Tóm tắt được cốt truyện, qua đó thấy được sự li kì, cuốn hút của tác phẩm.

+ Phân tích được nhân vật và cách nhà văn miêu tả các nhân vật giả tưởng trong câu chuyện.

+ Xác định được yếu tố khoa học trong câu chuyện

+ Phân tích và đánh giá được vai trò của người kể chuyện trong tác phẩm.

+ Nhận xét, đánh giá được đặc điểm về ngôn ngữ kể chuyện được sử dụng trong tác phẩm.

+ Qua cốt truyện, nhận diện được sự vật, sự kiện mà người viết chú tâm mô tả. Sự vật hay sự kiện đó, tại thời điểm nhà văn viết tác phẩm đã có hay chưa? Sự tưởng tượng đó của nhà văn có đúng hay có khả năng đúng với hiện thực sau này hay không?

+ Phân tích được hành trình phiêu lưu của nhân vật vào thế giới viễn tưởng đó.

+ Đánh giá những giá trị mà truyện khoa học viễn tưởng mang lại cho người đọc.

**II. THỰC HÀNH**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn ngữ liệu sau và trả lời câu hỏi:**  *Tàu No- ti- lớt lặn xuống sâu hai, ba ngàn mét và ngày 20 tháng 4 lại nổi lên cách mặt biển một ngàn năm trăm mét. Gần chúng tôi nhất là quần đảo Lu-cai(Lucayes). Từ đáy biển nổi lên những mỏm đá lớn dựng đứng, phủ đầy những loại tảo khổng lồ. Khoảng11h trưa, Nét len lưu ý tôi giữa đám tảo đỏ có một con vật gì đó rất đáng sợ. Tôi nói:*  *- Đúng, ở đây có nhiều hang thích hợp với bạch tuộc. Nếu có gặp những quái vật đó ở đây tôi cũng chẳng ngạc nhiên chút nào[…] Năm 1861, về phía tây bắc Tê-nê-ríp(Tenerife), cũng ở khoảng vĩ độ này, thủy thủ tàu A-lếch-tơn (Alec ton) phát hiện ra một con bạch tuộc khổng lồ đang bơi cùng tuyến đường. Thuyền trưởng Bu-ghê(Bauguer)cho tàu chạy sát con vật và dùng các loại súng bắn nhưng vô hiệu vì lao nhọn và đạn đều xuyên qua thân bạch tuộc như qua một khối thịt đông. Sau mấy lần thất bại, cánh thủy thủ bèn dùng thòng lọng để bắt. Thòng lọng mắc vào thân bạch tuộc nhưng tới vây đuôi mới thắt lại được. Lúc đó, mọi người cố sức kéo con vật lên tàu nưng nó nặng quá đến nỗi đuôi bạch tuộc bị đứt ra. Thế là nó lặng xuống, biến mất.*  *- Thế nào dài bao nhiêu?- Nét hỏi.*  *- Có phải chừng sáu mét không?- Công xây hỏi. Anh ta đứng bên cửa sổ và nhìn vào các hốc đá.*  *Công-xây hỏi tiếp:*  *- Có phải trên đầu nó có tám vòi, ngọ ngoạy trong nước biển như một bầy rắn không?*  *- Đúng vậy, Công-xây ạ.*  *- Có phải hai hàm của nó rất giống mỏ vẹt, nhưng lớn hơn nhiều không?*  *- Rất đúng.*  *-Thế thì, thưa giáo sư, có phải nó kia không ạ?*  *Tôi nhìn Công – xây, còn Nét thì lao đến cửa sổ.*  *Con vật khủng khiếp quá!- Nét la lên.*  (Trích *“Hai vạn dặm dưới đáy biển”-* Giuyn Véc- nơ)  **Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt và người kể chuyện, ngôi kể của đoạn trích.  **Câu 2**. Đoạn trích cho em biết tác phẩm “*Hai vạn dặm dưới đáy biển*” viết về đề tài gì? Nó được viết dựa trên cơ sở nào?  **Câu 3**.Trong đoạn trích,người kể chuyện gọi “bạch tuộc”là gì?  **Câu 4.** Tìm trong đoạn trích những chi tiết nói về hình ảnh của bạch tuộc? Qua đó em hình dung đó là con vật như thế nào?  **Câu 5.** Văn bản “Bạch tuộc”có chứa đoạn trích trên trên kể về kiện gì?Theo em,tình huống hấp dẫn nhất được mô tả trong văn bản là tình huống nào? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:**

- Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm.

- Người kể: Xưng “tôi”- kể ngôi thứ nhất.

**Câu 2.**

- Đề tài: Khám phá đại dương đầy bí ẩn.

- Căn cứ:Những hiểu biết và thành tựu khoa học:

+Tàu ngầm mới đang được thử nghiệm.

+Bạch tuộc đã được phát hiện.

\*Lưu ý: Tác phẩm “*Hai vạn dặm dưới đấy biển”* của Véc-nơ ra đời năm 1870. Khi đó, tàu ngầm mới đang được thử nghiệm ở mức độ sơ khai; bạch tuộc cũng chỉ mới được một số người đi biển bắt gặp.

**Câu 3:** Người kể chuyện gọi bạch tuộc là “quái vật”.

**Câu 4:**Hình ảnh con bạch tuộc xuất hiện qua lời kể, trò chuyện của các nhân vật:

- Qua lời kể của nhân vật tôi:

*+Con bạch tuộc khổng lồ”;*

*+ Dùng các loại súng bắn nhưng vô hiệu vì lao nhọn và đạn xuyên qua thân bạch tuộc như qua một khối thịt đông”;*

*+ thòng lọng mắc vào thân bạch tuộc nhưng tới vây đuôi mới thắt lại được… mọi người cố sức kéo con vật lên tàu nhưng nó nặng quá đến nỗi đuôi bạch tuộc bị đứt ra.*

- Qua cuộc trò cuộc trò chuyện của Nét, Công-xây với giáo sư A-rôn-nác:

+ *Con bạch tuộc dài chừng sáu mét;*

*+Trên đầu có tám cái vòi,ngọ ngoạy trong nước biển như một bầy rắn;*

*+ Hai hàm của nó rất giống mỏ vẹt, nhưng lớn hơn nhiều”.*

=> Những con bạch tuộc là con vật to lớn, khổng lồ, rất đáng sợ, bí ẩn dưới đại dương.

**Câu 5:**

- Đoạn trích “*Bạch tuộc”* kể lại sự kiện chiến đấu của những người trên tàu ngầm No-ti-lớt với những con bạch tuộc.

- Theo em, tình huống hấp dẫn nhất được mô tả trong văn bản là tình huống Nét Len bị một con bạch tuộc quật ngã, trong gang tấc anh đã được Nê-mô giải cứu.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn ngữ liệu sau và trả lời câu hỏi:**  *Tôi cũng đưa mắt nhìn qua ô cửa bất giác lùi lại. Trước mắt tôi, một quái vật đương bơi tới. Đó là một con bạch tuộc dài chừng tám mét. Nó bơi lùi rất nhanh về phía tàu. Mắt nó màu xanh xám, nhìn thẳng không động đậy.Tám cánh tay hay đúng hơn, tám chân từ đầu mọc ra phải gấp đôi thân và luôn luôn uốn con. Nhìn thấy rõ hai trăm rưỡi cái giá ở phía trong vòi. Hai hàm răng bạch tuộc giống cái mỏ vẹt bằng sừng, luôn luôn mở ra, khép lại. Lưỡi nó cũng bằng chất sừng, hàm răng nhịn, rung lên bần bật mỗi khi thò ta khỏi mồm. Thân nó hình thoi phình ở giữa, là một khối thịt nặng chừng hai mươi, hai lăm tấn. Màu sắc nó thay đổi rất nhanh từ màu xám chỉ sang màu nâu đỏ.*  *Vì sao con bạch tuộc tức giận. Hẳn là vì sự xuất hiện của tàu No-ti-lớt to lớn hơn nó và vì vòi cũng như hai hàm răng của nó chẳng làm nên chuyện gì…*  *Được gặp một con bạch tuộc như thế này đối với tôi thật là một dịp may hiếm có, nên tôi không bỏ lỡ cơ hội nghiên cứu nó cặn kẽ. Tôi cố nén sự sợ hãi mà cầm bút chì vẽ nó.*  *- Có lẽ đây là con bạch tuộc mà tàu A-lếch-tơn đã gặp?- Công-xây hỏi .*  *- Không,- Nét trả lời- con này còn nguyên vẹn, con kia đã mất đuôi.*  *- Không phải thế đâu- Tôi phản đối- Vòi và đuôi bạch tuộc có khả năng mọc lại.[…]*  *Tàu No-ti-lớt bỗng dừng lại, toàn thân tàu rung lên.*  *Chẳng lẽ chúng ta lại vấp phải cái gì?- Tôi hỏi.*  *- Nét trả lời:*  *- Dù có vấp phải cái gì ta cũng không ngại vì tàu đang đỗ ở chỗ nước trong.*  *Đúng là tàu đang đỗ ở chỗ nước trong, nhưng đứng yên không nhúc nhích. Chân vịt không quay nữa rồi. Một phút trôi qua.Thuyền trưởng Nê- mô và viên thuyền phó bước vào phòng khách. Đã mấy hôm nay tôi không gặp Nê-mô. Ông ta không nói chuyện với chúng tôi, có lẽ chẳng nhìn thấy chúng tôi nữa. Ông ta bước tới cửa sổ, nhìn lũ bạch tuộc rồi nói mấy câu với thuyền phó. Ông này đi ra. Cửa sổ lập tức đóng lại. Đèn trên trần bật sáng.*  ***(****Trích “Hai vạn dặm dưới đáy biển”- Giuyn Véc- nơ)*  **Câu 1.** Xác định nội dung và phương thức biểu đạt của đoạn trích.  **Câu 2.** Tìm trong đoạn trích chi tiết về “*Quái vật đang bơi tới*” theo lời của nhân vật tôi. Nêu nhận xét về con vật đó.  **Câu 3.** Tìm trong đoạn trích mộtsố chi tiết trong văn bản cho thấy trí tưởng tượng rất phong phú của nhà văn về bạch tuộc.  **Câu 4**. Văn bản có đoạn trích trên kể về tình huống tàu No-ti-lớt gặp phải theo em đó là tình huống nào? Trong tình huống đó các thủy thủ trên con tàu đã làm gì? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Nội dung: Đoạn trích kể về sự xuất hiện của bạch tuộc và tình huống tài No-ti-lớt gặp phải.

- Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp miêu tả.

**Câu 2:**Hình ảnh bạch tuộc khi xuất hiện thực tế:

*+ Dài chừng tám mét.*

*+ Nó bơi lùi rất nhanh.*

*+Mắt nó màu xanh xám, nhìn thẳng không động đậy.*

*+Tám chân từ đầu mọc ra, dài gấp đôi thân và luôn luôn uốn cong.*

*+ Có hai trăm rưỡi cái giác ở trong vòi.*

*+ Hàm răng giống cái mỏ vẹt bằng sừng, luôn luôn mở ra, khép lại.*

*+ Lưỡi nó cũng bằng chất sừng, hàm răng nhọn, rung lên bần bật mỗi khi thò ra khỏi mồm.*

*+Thân hình thoi.*

*+Nặng chừng hai mươi, hai lăm tấn.*

*+Màu sắc thay đổi từ xám chỉ sang nâu đỏ.*

*+ Vòi bạch tuộc có khả năng mọc lại.*

- Các chi tiết miêu tả rất cụ thể, rõ ràng, cho thấy bạch tuộc là một loài vật đáng sợ - một con vật rất to lớn, như một con quái vật dưới biển sâu với các bộ phận đáng sợ, đe dọa trực tiếp tới tính mạng của người trên tàu cũng như các sinh vật khác dưới đáy đại dương.

**Câu 3. C**hi tiết trong văn bản cho thấy trí tưởng tượng rất phong phú của nhà văn về bạch tuộc:

- *Bạch tuộc dài tám mét, mắt màu xanh xám nhìn thẳng không động đậy với tám chân mọc dài gấp đôi thân và luôn uốn cong.*

*- Hai hàm răng bạch tuộc cứng cáp, giống cái mỏ vẹt bằng sừng, nhọn và rung lên bần bật mỗi khi thò ra khỏi mồm.*

*- Thân hình đồ sộ nặng hai mươi, hai lăm tấn, màu sắc thay đổi từ xám chỉ sang nâu đỏ.*

**Câu 4.**Văn bản có đoạn trích kể về tình huống con tàu gặp phải:

- Con tàu bị mắc kẹt, chân vịt không thể quay được nữa.

- Những người trên tàu ngầm No-ti-lớt chiến đấu với những con bạch tuộc.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:**  *Nhưng Nê-mô đã xông đến và chặt đứt luôn cái vòi. Viên thuyền phó, các thủy thủ và ba người chúng tôi dùng vũ khí chiến đấu quyết liệt với những con bạch tuộc đang bò trên thành tàu. Thật là khủng khiếp! Có lúc,tôi tưởng người bị nạn sắp được cứu thoát khỏi sức hút của vòi bạch tuộc. Con quái vật có tám vòi thì bảy vòi đã bị chặt đứt. Cái vòi còn lại vẫn quấn chặt vào người thủy thủvà ngoe nguẩy trên không.Khi Nê-mô và thuyền phó vừa lao tới thì quái vật liền phun ra một chất lỏng màu đen. Chúng tôi lập tức bị tối tăm mặt mày chẳng nhìn thấy gì. Khi đám “mây” đó tan đi thì quái vật đã biến mất, mang theo cả người đồng hương xấu số của tôi.*  *Chúng tôi xông đến lũ bạch tuộc. Ai nấy đều sôi sục căm thù! Trên boong tàu và ở thành tàu có độ mười, mười hai con. Chúng bị chém đứt và quằn quại trong mái xanh và “mực đen”. Nét Len phóng lao nhọn vào những cái mắt xanh xám của lũ quái vật, lần nào cũng trúng đích. Tuy vậy, khi anh bạn dũng cảm của tôi chưa kịp quay lại thì đã bị một đối thủ dùng vòi quật ngã. Cái mỏ đáng sợ của quái vật đã há hốc ra ở phía trên Nét. Tôi lao tới cứu anh ta... Nhưng Nê- mô đã đến trước tôi. Lưỡi rìu của Nê- mô cắm phập vào mồm quái vật. Nét thoát chết liền đứng dậy và phóng ngập mũi lao vào tim kẻ thù.*  *- Tôi có bổn phận trả ơn ông!- Nê- mô bảo Nét. Nét chỉ nghiêng mình đáp laị.*  *Cuộc chiến đấu kéo dài mười lăm phút. Lũ bạch tuộc chiến bại, phần bị chết, phần bị thương, cuối cùng phải bỏ chiến trường mà lẩn xuống biển sâu. Thuyền trưởng Nê-mô, mình nhuốm đầy máu, đứng lặng người bên chiếc đèn pha mà nhìn xuống biển cả vừa nuốt mất một người đồng hương của mình. Mắt Nê-mô ứa lệ.*  **(**Trích “*Hai vạn dặm dưới đáy biển”-* Giuyn Véc- nơ)  **Câu 1**.Đoạn văn kể về sự việc gì? Sự việc đó liên quan đến những nhân vật nào?  **Câu 2**.Tìm trong đoạn trích các chi tiết nói về tinh thần dũng cảm, tinh thần đồng đội của các thủy thủ.  **Câu 3**. Kết quả trận giao chiến của các thủy thủ với bạch tuộc thể hiện qua câu văn nào? Em học tập được điều gì trong nghệ thuật kể chuyện của tác giả?  **Câu 4**. Tại sao mắt Nê-mô ứa lệ? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.** Sự việc: Kể về phần cuối cuối cuộc giao chiến của các thủy thủ trên tàu Na-ti-lớt với bạch tuộc và kết quả cuộc giao chiến.

**Câu 2.** Lòng dũng cảm, tình yêu thương và tinh thần đồng đội được thể hiện qua trận chiến đấu với bạch tuộc:

+ Mọi người cùng nhau dùng vũ khí chiến đấu với con quái vật, không ai nề hà run sợ hay lùi bước.

+ Thái độ nuối tiếc, xót thương khi có người bị mất tích sau cuộc chiến khốc liệt.

**Câu 3:**

- Kết quả trận giao chiến của các thủy thủ với bạch tuộc thể hiện qua câu văn *“Cuộc chiến đấu kéo dài mười lăm phút. Lũ bạch tuộc chiến bại, phần bị chết, phần bị thương, cuối cùng phải bỏ chiến trường mà lặn xuống biển sâu”.*

- Học tập nghệ thuật kể chuyện của tác giả:

+ Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, kịch tính, hấp dẫn.

+Sử dụng những từ ngữ giàu sức biểu cảm cùng những câu cảm thán bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ của người tham gia cuộc chiến.

=>Giúp người đọc hình dung rõ được sự cam go, nguy hiểm của cuộc chiến.

**Câu 4**. Mắt Nê- mô ứa lệ vì: một con bạch tuộc đã dùng vòi quấn chặt lấy một thủy thủ. Sau khi chỉ còn một chiếc vòi quấn chặt lấy thủy thủ ấy, nó đã lặn xuống biển sâu. Người thủy thủ đã vĩnh viễn ra đi. Đó là biểu hiện tình yêu thương với người đồng đội xấu số.

**PHIÊU HỌC TẬP SỐ 4**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đọc đoạn ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi**  *Thuyền trưởng Nê-mô cáo từ rồi đi ra. Tôi ở lại với những ý nghĩ của mình. Tôi nghĩ về Nê- mô. Liệu sau này tôi có biết được quốc tịch của con người bí ẩn đã từ bỏ Tổ quốc mình không? Cái gì đã khiến ông ta căm ghét loài người, một lòng căm ghét, khao khát trả thù? Phải chăng ông ta là một trong sốnhững nhà bác học không được thừa nhận, là một thiên tài “bị người đời hắt hủi”, như Công-xây nói? Chẳng ai biết! Số phận đã ném tôi lên tàu ông ta, tính mệnh tôi nằm trong tay ông ta. Ông ta tiếp đón chúng tôi một cách lạnh lùng nhưng vẫn chu đáo. Chưa lần nào ông ta bắt tay tôi. Cũng chưa lần nào đưa tay cho tôi bắt.*  *Tôi suy nghĩ liên miên suốt một tiếng đồng hồ và cố gắng đi sâu vào bí mật của con người ấy. Mắt tôi vô tình dừng lại nơi tấm bản đồ thế giới trải trên bàn. Tôi lần ngón tay trên bản đồ và tìm thấy giao điểm k độ kinh và độ vĩ mà thuyền trưởng Nê-mô đã chỉ. Các đại dương cũng như cũng các lục địa đều có những dòng sông của riêng mình. Đó là những hải lưu rất dễ nhận ra theo màu sắc và nhiệt độ. Hải lưu đáng kểnhất là Gơn-xtow-rim(Gulf Stream).Khoa học đã ghi vào bản đồ Trái Đất năm hải lưu lớn nhất: hải lưu thứ nhất ở phía bắc Đại Tây Dương, thứ hai ở phía nam Đại Tây Dương, thứ ba ở phía bắc Thái Bình Dương, thứ tư ở phía nam Thái Bình Dương, hải lưu cuối cùng ởphía nam Ấn Độ Dương.*  *Tàu No-ti-lớtchạy theo một hải lưu kể trên, có cái tên Nhật Bản là Xư-rô-xi-ô(Kuroshio), nghĩa là “Sông Đen”. Ra khỏi vịnh Băng-gan (Bengal) được những tia thẳng đứng của mặt trời sưởi nóng, hải lưu này chảy qua eo Ma-lắc-ca(Malacca), dọc theo bờ biển châu Á rồi vòng theo bờ biển phía bắc Thái Bình Dương, tới quần đảo A-lê-út(Aleutian). Nó cuốn theo những thân cây long não, những thực vật nhiệt đới, màu xanh thẳm của hải lưu ấm áp khác hẳn với nước đại dương lạnh ngắt.*  (Trích*“Hai vạn dặm dưới đáy biển*”- Giuyn Vec-nơ)  **Câu 1.** Nêu phương thức biểu đạt và nội dung chính của đoạn trích.  **Câu 2**: Đoạn trích có những nhân vật nào? Nêu tình huống mà các nhân vật gặp phải.  **Câu 3**. Tìm trong văn bản một số chi tiết về nhân vật Nê-mô và điền vào cột thứ 2 của bảng sau (làm vào vở):   |  |  | | --- | --- | | **Nhân vật Nê- mô** | **Chi tiết biểu hiện** | | Cử chỉ, hành động của Nê-mô | … | | Thái độ của A- rô- nắc về Nê-mô | … | | Thái độ của Công xây về Nê-mô | … | | Thái độ của Nét len về Nê-mô | … |   Từ những chi tiết đó, em có nhận xét gì về tính cách của nhân vật Nê-mô?  **Câu 4**. Theo lời của người kể khoa học đã ghi vào bản đồ thế giới mấy dòng hải lưu lớn nhất? Đó là những dòng hải lưu nào?  **Câu 5**. Dựa vào hành trình mà giáo sư A-rô-nác đã kể, em hãy giải thích lí do giả lại đặt tên chương truyện có đoạn trích này là “Dòng Sông Đen”? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:**

- Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp miêu tả.

- Nội dung: Kể lại suy nghĩ của tôi về thuyền trưởng Nê-mô và giới thiệu vềdòng Sông Đen.

**Câu 2:** Đoạn trích có các nhân vật:

+ Giáo sư: A-rô-nác(nhà nghiên cứu sinh vật học).

+ Công- xây(Conseil) người cộng sự của giáo sư nhận lời mời tham gia đoàn thám hiểm của Lin-côn(Loncoln) để truy tìm quái vật biển.

+ Nét Len(Ned Land) thợ săn cá voi.

+ Thuyền trưởng Nê-mô.

- Tình huống: Ba nhân vật giáo sư A-rôn-nác, Công-xây, NétLen rơi vào con tàu Nau-ti-lotx(No-ti-lớt) hiện đại với một người thuyền trưởng bí ẩn họ không thể biết được điều gì đón đợi họ ở phía trước.

**Câu 3:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhân vật Nê-mô** | **Chi tiết biểu hiện** |
| Cử chỉ, hành động của Nê-mô | Đón tiếp 3 người họ lạnh lùng nhưng vẫn chu đáo. |
| Thái độ của A- rô- nác về Nê-mô | Suy nghĩ rất nhiều và cảm thấy khó hiểu về ông Nê-mô. |
| Thái độ của Công-xây về Nê-mô | Gọi ông Nê-mô là một thiên tai “bị người đời hắt hủi”. |
| Thái độ của Nét Len về Nê-mô. | Hỏi A-rô-nắc về lai lịch, ý đồ của ông Nê-mô. |

**Câu 4:** *Khoa học đã ghi vào bản đồ Trái Đất năm hải lưu lớn nhất: hải lưu thứ nhất ở phía bắc Đại Tây Dương, thứ hai ở phía nam Đại Tây Dương, thứ ba ở phía bắc Thái Bình Dương, thứ tư ở phía nam Thái Bình Dương, hải lưu cuối cùng ở phía nam Ấn Độ Dương.*

**Câu 5.** Tác giả lại đặt tên chương truyện có đoạn trích này là “Dòng Sông Đen”vì:

+ Nó cuốn theo những thân cây long não, những thực vật nhiệt đói màu xanh thẳm của hải lưu ấm áp, khác hẳn với nước đại dương lặng ngắt.

+ Nó mất hút giữ Thái Bình Dương mênh mông.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**  *Tôi nghiên cứu đường đi của hải lưu trên bản đồ và thấy nó bị mất hút giữa Thái Bình Dương mênh mông.Óc tưởng tượng đã làm tôi say sưa đến nỗi Nét Len và Công- xây vào phòng khách lúc nào không hay.*  *Nét và Công-xây sững sờ trước cảnh huyền diệu đang hiện ra trước mắt.*  *-Chúng ta đang ở đâu thế này? Ở đâu? - Nét kêu lên- Có phải ở Viện bảo tàng Quê-bếch (Que bec) không?*  *- Các bạn của tôi ơi,- Tôi mời họ xích lại gần- Không phải các bạn đang ở Ca-na-đa(Canada)hay ở Pháp đâu, mà đang ở trên tàu No-ti-lớtdưới mặt biển năm mươi mét.*  *- Giáo sư đã nói vậy thì phải tin thôi! Công-xây đáp- Nhưng xin thú thật rằng phòng khách có thể làm cho một người Phơ-le-mít (Plemish) như tôi cũng phải ngạc nhiên.*  *- Anh bạn ơi, bạn cứ ngạc nhiên đi và hãy xem kĩ những tủ kính này. Ở đây bạn sẽ thấy nhiều điều kì lạ đối với một người chuyên phân loại như bạn.*  *Công-xây thì chẳng cần phải cổ vũ nhiều. Anh ta cúi xuống xem xét và lẩm bẩm những thuật ngữ sinh vật học.*  *Trong khi đó Nét Len, vì không thạo lắm về nhuyễn thể học nên hỏi han tôi về cuộc gặp gỡ vừa qua với thuyền trưởng Nê-mô, về lai lịch ông ta,về ý đồ của ông ta. Tóm lại, anh ta hỏi tôi liên miên làm tôi không kịp trả lời.*  *Tôi nói lại với Nét tất cả những gì tôi biết, đúng hơn là những gì tôi không biết. Rồi tôi lại hỏi Nét về những điều anh ta nghe và thấy được.*  *Tôi chẳng nghe, chẳng nhìn thấy gì cả- Nét trả lời- Thậm chí chẳng thấy một bóng thủy thủ nào. Chẳng nhẽ thủy thủ cũng bằng điện?*  *-Bằng điện sao được!*  *- Ấy ấy, có thể bằng điện lắm chứ! Nhưng thưa ngài A-rô-nác,- Nét bị ý nghĩ của mình ám ảnh,- Ngài có thể cho tôi biết số người trên tàu này không? Mười người, hai mươi người, năm mươi người, một trăm người?*  *- Ông Nét ơi, tôi không thể trả lời ông được đâu! Ông hãy nghe tôi, hãy từ bỏ ngay cái ý định đoạt tàuNo-ti-lớt, hay bỏ trốn đi. Chiếc tàu này là một kì công của kĩ thuật hiện đại và tôi sẽ rất ân hận nếu không được tìm hiểu nó kĩ càng. Có lẽ nhiều người mong được ở vào địa vị chúng ta để được ngó qua những kì quan này! Vì vậy, ông hãy bình tĩnh lại, chúng ta cũng quan sát những gì đang xảy ra xung quanh.*  *- Quan sát những cái gì!- Nét hét lên- Trong cái ngục tù bằng sắt này thì còn thấy gì nữa mà quan sát! Chúng ta đang đi như những thằng mù.*  *(Trích“Hai vạn dặm dưới đáy biển”- Giuyn Vec- nơ)*  **Câu 1.** Qua lời kể của người kể chuyện trong đoạn trích em thấy tàu Nau-ti-lux đang ở vị trí nào dưới lòng đại dương?  **Câu 2.** Xác định tình huống, nhân vật, không gian, thời gian trong văn bản.  **Câu 3**. Các câu văn: *“Chúng ta đang ở đâu thế này? Ở đâu? - Nét kêu lên- Có phải ở Viện bảo tàng Quê-bếch (Que bec) không*?” thể hiện tâm trạng, thái độ nào của Nét? Vì sao Nét có thái độ, tâm trạng đó?  **Câu 4.** Tàu Nau-ti-lux được điều khiển hoàn toàn bằng điện năng, trong khi vào thời điểm tác phẩm ra đời, điện năng chưa phải là năng lượng chủ yếu trong công nghiệp. Tàu Nau-ti-lux có thể lặn xuống bất cứ độ sâu nào mà không bị vỡ cửa kính.Những khả năng vượt trội như vậy của tàu Nau-ti-lux giúp em hiểu thêm điều gì về đặc điểm của truyện khoa học viễn tưởng?  **Câu 5.** Tác giả để cho giáo sư A-rô-nác và Nét Len tranh luận về vấn đề gì? Nêu quan điểm của mỗi người về vấn đề đó. Em đồng tình với cách giải quyết vấn đề của nhân vật nào? Vì sao? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Theo lời của người kể chuyện trong đoạn trích,tàu Nau- ti-lux đang ở độ sâu dưới mặt biển năm mươi mét.

**Câu 2**:

- Tình huống: Cuộc tranh luận đầy mâu thuẫn của giáo sư A-rô-nác và Nét Len trong con Nau-ti-lúx của thuyền trưởng bí ẩn Nê-mô dưới lòng đại dương.

- Nhân vật: Giáo sư A-rôn-nác, Nét Len, Công-xây.

- Không gian: Dưới lòng đại dương.

**Câu 3:** Các câu văn thể hiện thái độ ngỡ ngàng, ngạc nhiên của Nét về những điều kì diệu anh nhìn thấy khi ở độ sâu dưới mặt biển năm mươi mét.

**Câu 4:** Những khả năng vượt trội của tàu Nau-ti-lux giúp em hiểu về đặc điểm của truyện khoa học viễn tưởng: được viết theo thể hư cấu về một điều giả định được dựa trên tri thức khoa học và trí tưởng tượng của người viết truyện.

**\* Lưu ý:** Với tài năng và trí tưởng tượng của mình Giuyn Vec-nơ đã thể hiện ước mơ, khát vọng chinh phục đại dương của con người lúc bấy giờ. Và sau gần hai thế kỉ chiếc tàu ngầm và nguồn năng lượng điện năng đã không còn xa lạ đối với nhân loại và điều đó đã chứng minh lý tưởng của ông, ước mơ của ông, khát vọng của ông không phải là những ý tưởng viển vông.

**Câu 5:** Cách giải quyết mâu thuẫn của tác giả: Để giáo sư A- rô- nác không đồng tình với NétLen khuyên anh từ bỏ ý định đó.

- Ý kiến đồng tình hoặc không đồng tình:

+ Em đồng tình với cách giải quyết của tác giả vì với cách giải quyết này: Nét Len có cơ hội chiêm ngưỡng vẻ đẹp dưới đáy biển. Nếu bỏ trốn khỏi con tàu, anh sẽ không thấy và không thể trải nghiệm hành trình khám phá hai vạn dặm dưới biển.

+ Không đồng tình với cách giải quyết của tác giả vì với cách giải quyết này, mâu thuẫn trong Nét Len không được giải quyết, chỉ tạm lắng xuống khi Nét Len bị hấp dẫn bởi vẻ đẹp của đại dương bí ẩn. Trên thực tế, vào cuối cuộc hành trình, Nét Len, giáo sư A-rô-nác, Công-xây đã bỏ trốn khỏi tàu *No-ti-lớt.*

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6**

|  |
| --- |
| **Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi**  *“Chúng tôi đi chừng nửa tiếng đồng hồ. Đáy biển ngày càng nhiều đá. Những con sò, các lớp giáp xác nhỏ li ti phát ra ánh sáng lân tinh yếu ớt. Tôi thoáng thấy những đống đá được hàng triệu động vật giống như những bông hoa và tảo phủ kín. Chân tôi trượt trên tấm thảm thực vật dính nhơm nhớp và nếu không có gậy thì tôi đã bị ngã nhiều lần. Quay lại, tôi vẫn thấy ánh sáng đèn pha tàu Nau-ti-lúx. Chúng tôi càng đi xa thì ánh sáng đó càng mờ đi. Những đống đá dưới đáy đại dương mà tôi vừa nói trên mang dấu vết một sự sắp đặt nhất định mà tôi không giải thích nổi. Ngoài ra còn một số hiện tượng kỳ lạ nữa. Tôi cảm thấy dưới đế giày bằng chì của tôi đang lạo xạo những xương khô. Phải chăng chúng tôi đang bước trên mảnh đất đầy xương?... Ánh sáng soi đường cho chúng tôi ngày càng rực đỏ, tựa như ánh lửa của đám cháy phía chân trời. Lửa cháy trong nước kích thích tính tò mò của tôi đến cao độ. Có phải đó là ánh điện không? Hay là tôi đang được chứng kiến một hiện tượng của thiên nhiên mà các nhà bác học chưa hề biết? Tôi thoáng có ý nghĩ: biết đâu cái lò lửa ngầm dưới biển này không do bàn tay con người duy trì? Biết đâu tôi chẳng gặp ở đây những người bạn, những người đồng chí của Nê-mô, đang sống một cuộc đời độc đáo như Nê-mô? Biết đâu tôi chẳng gặp cả một đám người vì chán ghét những ràng buộc trên mặt đất mà đi tìm độc lập tự do dưới đáy biển? Những ý nghĩ vớ vẩn, mung lung cứ ám ảnh tôi mãi. Trong trạng thái bị kích thích cao độ ấy, nếu có gặp một thành phố xây dưới nước như Nê-mô hằng mơ ước, thì tôi cũng sẽ cho là chuyện rất tự nhiên. Con đường chúng tôi đi ngày càng sáng tỏ. Một ánh hào quang trăng trắng phát ra từ phía sau ngọn núi cao hơn đáy biển hai trăm mét. Nhưng ánh hào quang đó chỉ phản ánh những tia sáng bị khúc xạ trong nước biển. Bản thân cái nguồn phát sáng thì ở bên kia ngọn núi. Thuyền trưởng Nê-mô vững bước giữa những đống đá ngổn ngang. ông ta rất thông thạo con đường này. Tôi yên tâm đi theo Nê-mô. Đối với tôi, Nê-mô giống như một vị thần biển! Tôi ngắm nhìn vóc người cao lớn của Nê-mô in trên ánh hồng. Một giờ đêm chúng tôi tới chân núi. Nhưng muốn trèo lên sườn núi dốc đứng thì phải theo những con đường nhỏ rất khó đi nằm giữa rừng cây rậm rạp. Đây đúng là một rừng cây đã chết, trụi hết lá, đã hóa đá vì tác động của muối biển... Cảnh tượng thật chẳng lời lẽ nào tả xiết! Thuyền trưởng Nê-mô vẫn đi trước. Tôi không muốn bị tụt lại nên cố theo sát Nê-mô. Chiếc gậy rất được việc. Chỉ cần bước hụt là có thể lao xuống vực thẳm nằm kề bên những con đường hẹp. Tôi nhảy qua những khe núi sâu mà nếu ở trên cạn thì tôi đành chịu không dám vượt...”*  (Trích *Chương 33*-*Hai vạn dặm dưới đáy biển*- Junles Verne; Lê Anh - Đỗ Ca Sơn) dịch từ bản tiếng Nga; NXB Văn học)  **Câu 1:** Em hãy cho biết đoạn trích trên thuộc loại văn bản nào?  **Câu 2:** Điều gì kích thích tính tò mò của nhân vật “tôi” đến cao độ?  **Câu 3:** Đoạn văn trên sử dụng ngôi kể thứ mấy?  **Câu 4:** Vì sao thuyền trưởng Nê-mô lại tự tin trong cuộc thám hiểm ở dưới đáy biển được nêu trong đoạn trích?  **Câu 5**: Câu sau dùng cụm chủ-vị để mở rộng thành phần nào?  *“Tôi thoáng thấy những đống đá được hàng triệu động vật giống như những bông hoa và tảo phủ kín”*  **Câu 6:** Theo em, việc khám phá, thám hiểm những miền đất lạ có quan trọng đối mỗi người hay không? Vì sao?  **Câu 7:** Em hãy nêu hai đến ba cách để có thể khám phá được những vùng đất mới lạ. |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1**: Đoạn trích trên thuộc kiểu văn bản thông tin

**Câu 2**: Điều kích thích tính tính tò mò của nhân vật tôi lên đến cao độ là Lửa cháy trong nước.

**Câu 3:** Đoạn trích thuộc ngôi kể thứ nhất

**Câu 4:** Thuyền trưởng Nemo tự tin thám hiểm dưới đáy biển Ông đã từng thám hiểm ở vị trí này

**Câu 5:** Câu sau dùng cụm chủ-vị để mở rộng thành phần nào?

*“Tôi thoáng thấy những đống đá được hàng triệu động vật giống như những bông hoa và tảo phủ kín”*

Mở rộng thành phần vị ngữ.

**Câu 6**: HS trả lời có hoặc không, có lý giải phù hợp.

**Câu 7:** HS nêu được ít nhất 02 cách thức khám phá những vùng đất mới lạ.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 7**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:**  (*1)Đây là một xưởng quan trọng!- Ông Quơn-cơ nói lớn, lấy trong túi ra một chùm chìa khóa và tra một chiếc vào ổ khóa cửa. Đây là trung tâm thần kinh của toàn nhà máy, trái tim của toàn cộ công việc. Và nó mới đẹp làm sai! Ta rất chú trọng làm cho các xưởng của ta phải đẹp! Ta không thể chịu được sự xấu xí trong nhà máy! Vậy chúng ta vào nào! Nhưng phải cẩn thạn đáy, các chái thân mến của ta! Đừng có mất tỉnh táo, đừng có phấn khích! Hãy bình tĩnh!*  *Ông Quơn-cơ mở cửa. Năm đứa trẻ và chín người lớn bước vào,- Và ôi chao, một cảnh tượng kì lạ biết bao đập vào mắt họ!*  *Họ đang nhìn xuống một thung lũng rất đẹp với những đồng cỏ xanh rờn hai bên. Và ở đáy thung lũng, cuộn chảy một dòng sông nâu.*  *Điều kì dị nữa là giữa chừng luồng chảy của con sông, có một con thác lớn trên đỉnh một vách đá dựng đứng, nước cuồn cuộn trải thành một tấm màn rồi ào ào trút xuống thành một xoáy nước sôi sục đầy tia và bọt trắng xóa.*  *Bên dưới con thác(và đây là cảnh tượng đáng kinh ngạc hơn cả), là một mớ những đường ống thủy tinh kếch xù từ đâu đó tít trên trần rủ xuống vực lòng sông. Chúng quả là kếch xù, những cái đường ống ấy. Có ít nhất là một tá đường ống như vậy hút cái thứ nức bùn nâu nâu từ dòng sông lên và chở nó đi, có trời biết nó tới đâu.Vì đó là những ống thủy tinh, nên ta có thể thấy cái chất lỏng ấy chảy và sủi bọt trong đó, và trên cái nền của tiếng thác đổ, ta có thể nghe thấy tiếng ục- ục-ục không dứt của những ống hút đang hoạt động.*  *(2)Dọc hai bờ sông, cây cối mọc nom thật đẹp mắt: Liều, trác và những bụi đỗ quyên cao, với từng chìm các màu đỏ, hồng và tím nhạt. Trong những cánh đồng cỏ, hàng ngàn cây mao lương hoa vàng đua sắc.*  *-. Kia! Ông Quơn-cơ nói, vừa nhún nhảy vừa chĩa chiếc can đầu bịt vàng về phía dòng sông nâu.- Toàn sô-cô-la đấy! Từng giọt của dòng sông này đều là sô-cô-la nóng chảy thượng hảo hạng. Đích thị là thượng hảo hạng. Chỗ này có đủ sô-cô-la để đổ đầy tất cả các bồn tắm trong cả nước. Và tất cả các bể bơi nữa. Ghê không? Và hãy nhìn những đường ống của ta. Chúng hút sô-cô-la lên và tải đến tất cả các xưởng khác trong nhà máy, bất cứ nơi nào cần, Hàng ngàn lít mỗi giờ, các cháu thân mên ạ, Hàng ngàn và hàng ngàn lít.*  *Bọn trẻ và các phụ huynh sững sờ không nói nên lời. Họ bối rối. Họ bàng hoàng. Họ ngỡ ngàng và choáng váng, Họ hoàn toàn sửng sốt trước sự vĩ đại của toàn bộ cảnh tượng này. Họ chỉ biết đứng ngây ra nhìn.*  *Con thác là quan trọng bộc nhất- Ông Quơn-cơ tiếp tục- Nó nhào trộn sô-cô-la. Nó khuấy đảo sô-cô-la. Nó đập và giã sô-cô-la. Nó làm cho sô-cô-la nhẹ tơi và ngầu bọt. Không có nhà máy nào khác trên thế giới này nhào trộn sô-cô-la bằng thác nước. Nhưng đó là cách duy nhất thích hợp. Cách duy nhất. Các cháu có thấy những hàng cây của ta không?- Ông giơ chiếc can ra chỉ- Cả các bụi cây nhỏ kia nữa? Các cháu thấy chúng có có đẹp không? Ta đã nói với các cháu là ta ghét sự xấu xí mà. Cố nhiên là tất cả đều ăn được. Tất cả đều làm bằng một chất liệu khác ngon lành. Các cháu có thích đồng cỏ của ta không- cỏ và cây mao lương hoa vàng? Cỏ mà các cháu đang giẫm lên đó, các cháu thân mến của ta, đều được làm từ một loại đường mềm có bạc hà mà ta vừa sáng chế ra. Thử nếm một cọng cỏ coi. Xin mời. Rất ngon*.  *(Trích: Chaelie và nhà máy sô-cô-la, Dương Tường dịch, Phan Thành Đạt minh họa, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2021)*  **Câu 1**. Đoạn trích cho em biết bối cảnh câu chuyện diễn ra ở đâu?  **Câu 2**. Truyện xoay quanh tình huống nào?  **Câu 3**. Lời thoại của ông Quơn-cơ mở đầu văn bản cho thấy rõ nhất thái độ nào của ông?  **Câu 4.** Cảnh tượng kì lạ được nói đến trong phần 1 của đoạn trích trên là gì?  **Câu 5**. Tính “khoa học” của đoạn truyện thể hiện yếu tố nào?  **Câu 6**. Chỉra yếu tố mang tính “viễn tưởng’ của đoạn truyện.  **Câu 7**.Tâm trạng nổi bật của những người được mời đến tham quan là gì? Tâm trạng đó được chi phối bởi yếu tố nào?  **Câu 8**. Đoạn trích khơi gợi trong em tình cảm, thái độ chủ yếu nào? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1**: Bối cảnh câu chuyện diễn ra tại xưởng sản xuất sô-cô-la.

**Câu 2**. Truyện xoay quanh tình huống: Cuộc triển lãm công nghệ sản xuất sô-cô-la.

**Câu 3**. Lời thoại của ông Quơn-cơ mở đầu văn bản cho thấy rõ nhất thái độ kiêu hãnh, tự hào.

**Câu 4.** Cảnh tượng kì lạ được nói đến trong phần1 của đoạn trích trên là:

***+*** *Thung lũng với đồng cỏ xanh rờn.*

*+ Dòng sông nâu- dòng sông sô-cô-la đầy ấn tượng.*

*+ Con thác lớn, bên dưới có những đường ống thủy tinh kếch xù.*

**Câu 5**. Tính “khoa học” của đoạn truyện thể hiện yếu tố: khung cảnh nhà máy và các xưởng sản xuất sô-cô-la.

**Câu 6**.Chỉra yếu tố mang tính “viễn tưởng’ của đoạn truyện.

*+ Từng giọt nước của dòng sông đều là sô-cô-la nóng chảy thượng hảo hạng.*

*+ Con thác nhào trộn, khuấy đảo, đập và giã sô-cô-la, làm cho sô-cô-la nhẹ tơi và ngầu bọt.*

**Câu 7**.Tâm trạng nổi bật của những người được mời đến tham quan ngạc nhiên.

**Câu 8**. Đoạn trích khơi gợi trong em tình cảm, thái độ chủ yếu là: tự hào về tiềm năng đặc biệt của con người.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 8**

|  |
| --- |
| **Đọc ngữ liệu sau và trả lời câu hỏi:**  **Câu 1**. Em thích yếu tố viễn tưởng nào trong đoạn trích nhất?Vì sao?  **Câu 2.** Tìm và lí giải về một chi tiết trong văn bản thể hiện tác giả có những hiểu biết về thanh tựu khoa học.  **Câu 3.** Em học tập được điều gì trong cách kể chuyện của tác giả?  **Câu 4.** Phần cuối văn bản có đoạn ngữ liệu trên tác giả có kể vềsự xuất hiện của những người tí hon trong xưởng sản xuất sô-cô-la “Những con người nhỏ xíu đó- Không lớn hơn những con búp bê cỡ trung bình- đã ngừng những gì họ đang làm vào lúc này, họ cũng đang nhìn lại đám người bên kia sông.Một trong số họ chỉ về phía lũ trẻ con thì thầm điều gì với bốn người kia và cả năm người phá lên cười khanh khách.  *- Cơ mà họ không thể là người thật được… Sacsli nói.*  *- Đương nhiên họ là người thaath mà*  *- Ông Quơn-cơ đáp- Họ là người Umpơ- Lum pơ(Umpa- Lumpa).*  Theo em hình ảnh những người tí hon xuất hiện cuối văn bản gợi nhắc thông điệp gì?  **Câu 5.** Tìm một số chi tiết miêu tả:  - Thái độ, hành động của ông Quơn-cơ khi giới thiệu với mọi người về những điểm khác biệt trong cách ông sản xuất kẹo sô-cô-la mà không một nhà máy nào trên thế giới đó.  - Thái độ, hành động của ông Quơn-cơ khi giới thiệu với mọi người về vẻ đẹp của không gian nhà máy, về những sáng chế cỏ, hoa có thể ăn được.  Từ những chi tiết đó, hãy cho biết nhân vật ông Quơn-cơ thể hiện những đặc điểm nào của nhân vật truyện khoa học viễn tưởng. |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.** Thích yếu tố viễn tưởng: *một dòng sông nâu toàn sô-cô-la, từng giọt nước của dòng sông đều là sô-cô-la nóng chảy thượng hảo hạng. Dòng sông chứa sô-cô-la đủ để đổ đầy tất cả các bồn tắm, các bể bơi trong cả nước*.

- Lí giải: Yếu tố này vừa thể hiện sự liên tưởng logic của tác giả- dòng sông sô-cô-la, vừa cho thấy sự tưởng tượng táo bạo, thú vị có khả năng kích thích niềm vui sướng của trẻ em(vốn rất mê sô-cô-la).

**Câu 2.** Chi tiết miêu tả những ống thủy tinh hút nước khi vận chuyển sô-cô-la trong các đường ống, *chất lỏng chảy và sủi bọt bên trong, tiếng ục-ục-ục của những ống hút nước đang hoạt động.*Chi tiết gợi ra về cách thức sản xuất sô-cô-la trong một nhà máy công nghiệp hiện đại.

**Câu 3.** Em học tập được cách kể chuyện của tác giả:

+ Yếu tố tưởng tượng sáng tạo, thú vị.

+ Lời thoại tự nhiên, sinh động.

+ Hình ảnh miêu tả sắc nét, chi tiết, giàu sức gợi.

**Câu 4.** Thông điệp gợi ra từ hình ảnh những người tí hon:

- Cuộc sống luôn tiềm ẩn những điều kì lạ.

- Những người tí hoa đang sống với chúng ta một cách “hòa bình”, hãy chấp nhận họ- chấp nhận những điều kì lạ- như một phần tất yếu của cuộc sống.

**Câu 5**:

- Thái độ, hành động của ông Quơn-cơ khi giới thiệu với mọi người về những điểm khác biệt trong cách ông sản xuất kẹo sô-cô-la mà không một nhà máy nào trên thế giới đó: *Kìa! Toàn sô-cô-la đấy. Chỗ này có đủ sô-cô-la để đổ đầy tất cả bồn tắm thượng hạng và cả bể bơi nữa. Ghê không? Và hãy nhìn những đường ống của ta ....*

- Thái độ, hành động của ông Quơn-cơ khi giới thiệu với mọi người về vẻ đẹp của không gian nhà máy, về những sáng chế cỏ, hoa có thể ăn được: *Và các bụi cây nhỏ kia nữa? Các cháu thấy chúng có đẹp không? ...Cố nhiên là tất cả đều ăn được ...*

- Từ những chi tiết đó, nhân vật ông Quơn-cơ thể hiện những đặc điểm người có những phát minh sáng tạo kì lạ của nhân vật truyện khoa học viễn tưởng.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 9**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn văn bản sau và trả lời các câu hỏi**  [...]*Chúng tôi dừng chân ở một bãi cỏ vắng người phía bên kia đền và trốn trong rừng. Sẽ rất bất tiện nếu để khách du lịch phát hiện ra một con ngựa có cánh đang lai vãng dần khu thánh địa của Hy Lạp! Chúng tôi thả Thần Thoại trong rừng và nó cũng đủ thông minh để biết cách tự bảo vệ mình. Thần Đồng rủ tôi đi xuống bảo tàng dưới chân núi, nơi trưng bày bức tượng Nhân Sư quý giá.*  *Pho tượng đã bị bào mòn, không còn sắc nét nhưng vẫn nguyên vẹn vẻ cao ngạo và thần thánh. Trong khi tôi xem xét pho tượng để tìm kiếm manh mối thì hắn lại lang thang ở quầy tạp phẩm.Tính mua quà lưu niệm chắc! Hừ! Hắn thật rảnh rỗi, chẳng biết lo công việc gì cả! Tôi đành cặm cụi làm một mình vậy. Mất một lúc lâu tôi vẫn không tìm thấy dấu vết gì.*  *Bộp! Tôi bị giáng một cú vào đầu đau điếng trong khi đang cúi xem từng vết tích. Hắn! Và một cuốn sách!*  *- Làm cái quái gì vậy? Sao lại đánh người ta!*  *Hắn nhún vai như không có gì, chia cho tôi xem quyển sách.*  *- Xem đi... Đây là nơi đặt hòn đá trung tâm của vũ trụ!*  *“Trung tâm của vũ trụ”? Tôi lặp lại lời hắn. Câu đố cũng nhắc tới “trung tâm của vũ trụ”. Tôi không thể hình dung trung tâm của vũ trụ sẽ như thế nào! Nhưng cũng chỉ là một tác phẩm nghệ thuật bình thường, chẳng ra dáng trung tâm vũ trụ gì cả. Có thể đây chỉ là bản cóp-pi mà người xưa tạo nên để đánh lạc hướng thiên hạ chăng!*  *-Tớ nghĩ rằng, phiến đá đó vẫn nằm đâu đó trong đền thờ! Để tối vào đó xem... Thần Đồng bặm môi suy tính.*  *- Chúng tôi phải đợi đến lúc tối mù mịt mới dắt Thần Thoại đột nhập đền. Dưới Trăng, những cột đá hoa cương ánh lên sắc sáng bạch như những ngọn nến trắng khổng lồ. Theo sơ đồ, chúng tôi lần đến vị trí đặt hòn đá trung tâm của vũ trụ. Chẳng hiểu thật giả thế nào nhưng đâu đó đã đề cập thì hắn phải có một manh mối nào đó.*  *Theo truyền thuyết, thần Dớt(Zeus) cho hai con đại bàng bay theo chiều vuông gốc với nhau, một con bay dọc và một con bay ngang, điểm giao nhau giữa chúng chính là “cái rốn” của vũ trụ. Cả Thần Đồng và tôi đều tin “cái rốn: ấy hẳn vẫn còn trong đền chứ không thể là hòn đá Ôm-phe-lốt kia. Chúng tôi lần mò từng ngóc ngách, từ điện thờ thần A-pô-lô( Apollo) đến thánh đường A-then na Pờ-rô-nai a(Athena peo naia), thậm chí không bỏ sót những vết tích còn lại của đấu trường, rạp hát... bên bờ xối Cát-xta-lic(Castatlic)*  *(Hà Thủy Nguyên, Thiên Mã, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2011)*  **Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt và ngôi kể của đoạn trích**.**  **Câu 2.** Qua lời của người kể chuyện, em hãy hình dung về con ngựa có cánh.  **Câu 3**. Văn bản trên viết về đề tài nào?  **Câu 4.** Xác định bối cảnh không gian, thời gian của câu chuyện  **Câu 5**. Tôi có suy nghĩ như nào về hòn đá Ôm-phe-lốp?  **Câu 6**. Trong văn bản *Đường vào trung tâm vũ trụ* có nhân vật con ngựa có cánh Thần Thoại, được tạo ra bằng công nghệ cấy ghép gen của thiên nga vào phôi ngựa. Nếu như ý tưởng công nghệ này thành hiện được điều đó có ý nghĩa gì? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm. Ngôi kể: Ngôi 1.

**Câu 2.** Hình ảnh con ngựa có cánh:

- Tự biết bảo vệ bản thân mình.

- Rủ nhân vật tôi đến bảo tàng dưới chân núi.

- Con ngựa có cánh.

**Câu 3**. Đề tài thám hiểm vũ trụ.

**Câu 4.**Câu chuyện diễn ra trong hai không gian: không gian thánh địa Hy Lạp - nơi có đền thờ các vị thần trong thần thoại Hy Lạp; không gian Tâm Vũ Trụ - nơi có những loài thực vật và động vật khổng lồ, kì dị.

**Câu 5**.Hòn đá trung tâm của vũ trụ *“chỉ là một tác phẩm nghệ thuật bình thường, chẳng ra dáng trung tâm vũ trụ gì cả”.*

**Câu 6**.Nếu công nghệ gen trở thành hiện thực, những thí nghiệm nếu thành công sẽ mở ra triển vọng cứu sống hàng triệu người trên thế giới đang chờ thay tạng, ghép tạng mỗi năm.

**Câu 7.** Đắc sắc nghệ thuật của văn bản.

- Cốt truyện: tưởng tượng, dựa trên giả thuyết về công nghệ gen.

- Sự việc: li kì.

- Không gian: ngoài trái đất (tâm vũ trụ).

- Thời gian: dịch chuyển giữa hiện tại và cổ đại.

- Nhân vật: có trí thông minh, ưa phiêu lưu, mạo hiểm; nhân vật kì ảo (con ngựa có cánh, …)

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 10**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn văn bản sau và trả lời các câu hỏi**:  *Tôi chạy lại những cây nấm khổng lồ cao hơn hai mét xen giữa những gốc dương xỉ cao ngất, rậm rạp. Đặt nhẹ tay lên đó, rồi cỗ thật mạnh một cái để kiểm chứng, tôi nói một lèo như thuyết trình.*  *- Giuyn Véc- nơ là tác giả tiểu thuyết khoa học viễn tưởng vĩ đại nhất thế giới. Từ thế kỉ XIX ông đã có thẻ tiên tri về viễn cảnh những tàu điện ngầm, những tòa cao ốc, thậm chí cả việc con người đặt chân lên Mặt Trăng. Ông ta từng viết một quyển sách nhan đề “Hành trình vào Tâm Trái Đất”. Trong đó kể về những cây nấm cổ đại khổng lồ, những con khủng long từ thời tiền sử, những con chim điện quý hiếm... Nói chung, cái gọi là Tâm Trái Đất ấy cũng giống như một bảo tàng sống động, lưu giữ tất cả những gì đã biến mất khỏi mặt đất.*  *-Thần đồng mê mải những lời giảng giải của tôi. Hắn là nhà khoa học. Câu hỏi đầu tiên chạy qua đầu hắn chắc chắn là: Sao có thể lưu giữ được những “hiện vật” này? Hắn cũng sờ lên thân cây để chắc chắn đó không phải là hư ảnh được thời gian lưu giữ tại một chiều không gian thứ tư.*  *Chúng tôi nghe đâu đó tiếng vo ve của côn trùng đang đến gần. Ngẩng lên, chúng tôi thấy một con chuồn chuồn khổng lồ đang bay qua với sải cánh rộng như của loài đại bàng. Thân hình nó óng ánh lân tinh! Bốn cái cánh khỏe khoắc, đập nhanh như cánh quạt. Đứng giữa khu rừng cổ sinh này, chúng tôi chẳng khác gì loài vật kí sinh nhỏ bé, thậm chí, còn chẳng to hơn một con côn trùng.*  *(Hà Thủy Nguyên, Thiên Mã, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2011)*  **Câu 1.** Người kể chuyện kể ở ngôi mấy? Vì sao em biết?  **Câu 2**. Tâm trái đất theo như miêu tả của Giuyn Véc-nơ như thế nào?  **Câu 3**. Tìm trong đoạn trích chi tiết thể hiện trí tưởng tượng phong phú của tác giả về hình ảnh sự vật ở “Tâm Vũ Trụ”. |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.** Người kể chuyện ở ngôi 1. Dấu hiệu: Xưng “tôi”.

**Câu 2.**Theo như Giuyn Véc-nơ, tâm Trái Đất cũng giống như một bảo tàng sống động, lưu giữ tất cả những gì đã biến mất khỏi mặt đất như là những cây nấm cổ đại khổng lồ, những con khủng long, những con chim điện quý hiếm,....

**Câu 3**.

*+ Những cây nấm khổng lồ cao hơn hai mét xen giữa những gốc dương xỉ cao ngất, rậm rạp;*

*+ Con chuồn chuồn khổng lồ đang bay qua với sải cánh rộng như của loài đại bàng. Thân hình nó óng ánh lân tinh! Bốn cái cánh khỏe khoắn, đập nhanh như cánh quạt.*

**2. DẠNG ĐỌC HIỂU CẤU TRÚC MỚI**

**ĐỀ SỐ 1:**

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

*Anh lang thang hàng giờ dọc bờ biển để cứu những con vật còn có thể cứu sống được. Anh sung sướng khi nhìn thấy con cá được thả xuống nước mừng rỡ quẫy đuôi bơi đi được ngay. Anh phấn khởi mỗi lần thấy một chú cá sắp chết đã nằm nghiêng hoặc phơi bụng, cuối cùng sống lại được.*

*Ich-chi-an nhặt được một con cá to. Nó quẫy mạnh trong tay anh. Ích-chi-an cười và dỗ nó: “Cố gắng chút nữa, đừng quẫy làm gì!”. Tất nhiên, nếu bắt được con cá trên biển và gặp lúc đói bụng, anh có thể chén một cách ngon lành. Nhưng đó là một việc ác bất đắc dĩ mới phải làm. Còn ở đây, trên bờ biển này, lch-chi-an là người che chở, là bạn và ân nhân của các loài vật đó.*

*[…] Trên mặt đất ban đêm chỉ có những ngôi sao nhỏ ở xa tít, thỉnh thoảng có trăng. Còn ở đây thì có ngàn vạn ngôi sao, ngàn vạn Mặt Trăng và Mặt Trời sặc sỡ phát ra ánh sáng dịu dàng.*

*Một hồi còi trầm trầm từ cảng vang vọng tới. Tàu Hô-rốc (Horock) khổng lồ báo hiệu sắp lên đường về. Chết, muộn quá rồi! Trời sắp sáng. Ích-chi-an đã vắng mặt gần 24 tiếng đồng hồ. Chắc anh sẽ bị cha mắng.*

*Ich-chi-an đã tới đường hầm. Anh thò tay qua song sắt mở cửa ra rồi theo đường hầm mà bơi trong bóng tối dày đặc. Lúc về, anh phải bơi ở lớp nước lạnh phía dưới chảy từ biển vào những hồ nước trong vườn.*

*Một vật gì đó đập vào vai, đánh thức Ích-chi-an dậy. Anh đã vào đến hồ nước và ngoi lên, lch-chi-an bắt đầu thở bằng phổi. Anh thở không khí ngát hương thơm của các loại hoa quen thuộc.*

*Theo lệnh cha, mấy phút sau, anh đã ngủ say trên giường.*

*(Trích Người cá, Đỗ Ca Sơn dịch, NXB Văn học, 2018)*

**Câu 1: Cho biết đoạn trích trên thuộc thể loại nào?**

A. Truyện ngắn B. Tuỳ bút

C. Kí D. Truyện khoa học viễn tưởng

**Câu 2.** **Văn bản trên sử dụng ngôi kể thứ mấy?**

A. Ngôi thứ nhất. B. Ngôi thứ hai.

C. Ngôi thứ ba. D. Kết hợp nhiều ngôi kể.

**Câu 3. Dấu hiệu nhận biết văn bản trên là truyện khoa học viễn tưởng?**

A. Văn bản có yếu tố tự sự dân gian kể về sự kiện và nhân vật lịch sử.

B. Văn bản có yếu tố phiêu lưu nói lên nghề nghiệp của nhân vật chính.

C. Văn bản đưa ra bài học về cách nhìn nhận sự việc về cách ứng xử con người trong cuộc sống.

D. Văn bản có yếu tố hư cấu về những điều diễn ra trong một thế giới giả định dự trên tri thức khoa học và trí tưởng tượng của tác giả.

**Câu 4. Câu văn nào có chứa trạng ngữ?**

A. Theo lệnh cha, mấy phút sau, anh đã ngủ say trên giường.

B. Một vật gì đó đập vào vai, đánh thức Ích-chi-an dậy.

C. Cố gắng chút nữa, đừng quẫy làm gì!

D. Chết, muộn quá rồi!

**Câu 5.** **Trong đoạn văn đầu của văn bản, Ích-chi-an có tâm trạng như thế nào khi cứu được những con vật?**

A. Sung sướng, phấn khởi B. Vui mừng, phấn khởi

C. Vui mừng, hạnh phúc D. Sung sướng, hạnh phúc

**Câu 6. Câu văn sau sử dụng biện pháp tu từ nào?**

*Còn ở đây thì có ngàn vạn ngôi sao, ngàn vạn Mặt Trăng và Mặt Trời sặc sỡ phát ra ánh sáng dịu dàng.*

A. Ẩn dụ B. Hoán dụ C. So sánhD. Liệt kê

**Câu 7. Trong các câu dưới đây câu văn nào sử dụng số từ?**

A. Anh lang thang hàng giờ dọc bờ biển để cứu những con vật […]

B.Trên mặt đất ban đêm chỉ có những ngôi sao nhỏ […]

C. Một vật gì đó đập vào vai, đánh thức Ích-chi-an dậy

D. Theo lệnh cha, mấy phút sau, anh đã ngủ say trên giường.

**Câu 8:** Câu văn sau sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

*Trên mặt đất ban đêm chỉ có những ngôi sao nhỏ ở xa tít, thỉnh thoảng có trăng. Còn ở đây thì có ngàn vạn ngôi sao, ngàn vạn Mặt Trăng và Mặt Trời sặc sỡ phát ra ánh sáng dịu dàng.*

A. Nhân hoá B. So sánh C. Liệt kê D. Hoán dụ

**Câu 9. Trình bày suy nghĩ của em về hành động của nhân vật Ích-chi-an** “*Anh lang thang hàng giờ dọc bờ biển để cứu những con vật còn có thể cứu sống được.”*

**Câu 10.** **Theo em việc biết bơi có quan trọng không? Vì sao?**

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Viết một bài văn trình bày suy nghĩ của em về hiện tượng nghiện mạng xã hội của giới trẻ hiện nay?

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | D | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | D | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | D | 0,5 |
|  | **7** | C |  |
|  | **8** | C |  |
|  | **9** | - Học sinh lí giải phù hợp  Em cảm thấy chi tiết này vô cùng ý nghĩa vì nó có yếu tố nhân văn sâu sắc về nhân vật ích chi an, một con người nhân hậu, có tấm lòng yêu thương động vật. Qua đó nhắc nhở chúng ta phải biết yêu thương tôn trọng những sinh linh bé nhỏ nhất là trong giây phút nguy nan. | 1,5 |
|  | **10** | HS trả lời có hoặc không, có lý giải phù hợp.  Ví dụ: Theo em việc biết bơi rất quan trọng vì điều này có thể giúp cho chúng ta thoát khỏi những nguy hiểm, nhất là khi buộc phải sống ở dưới nước. Đồng thời nó cũng là phương tiện để chúng ta khám phá thêm nhiều hơn về thế giới nước. | 1,5 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | **1. Mở bài:**  - Giới thiệu về vấn đề cần nghị luận:  - Bên cạnh những mặt tốt mà mạng xã hội mang lại, thì việc lạm dụng nó sẽ dẫn đến hiện tượng nghiêm trọng đó là hiện tượng nghiện mạng xã hội trong giới trẻ hiện nay.  **2. Thân bài**  a. Giải thích: Mạng xã hội là gì? là một kênh thông tin xã hội của phương tiện công nghệ. Tại đó, con người có thể trao đổi thông tin, tìm kiếm thông tin, dùng nó cho nhiều mục đích khác nhau.  **b. Thực trạng:**  + Nó trở thành một căn bệnh khó chữa của giới trẻ hiện nay  + Quên ăn, quên ngủ, xao nhãng trong mọi công việc  + Nhiều người trẻ hiện nay lâm vào tình trạng nghiện game.  **c. Nguyên nhân:**  Chủ quan:  + Do con người không kiểm soát được bản thân, lười học ham chơi.  + Do không kiểm soát được thời gian, không xác định được mục tiêu…  Khách quan:  + Do môi trường sống của thời đại CNTT bùng nổ mà giới trẻ chưa được trang bị những kiến thức, kĩ năng đầy đủ về hậu quả của việc sử dụng CNTT không đúng cách  + Gia đình thiếu quan tâm hoặc giáo dục rèn luyện con chưa đúng cách…  + Nhà trường và các tổ chức xã hội còn thiếu hoạt động tuyên truyền giáo dục… về vấn đề này  **d. Hậu quả:**  + Bỏ học, dẫn đến nhiều hành vi xấu khác như cướp vặt, đánh nhau…  + Ảnh hưởng đến sức khỏe: gây cận thị, bệnh tự kỷ…  **e. Biện pháp:**  + Bản thân giới trẻ cần rèn luyện cho mình những kĩ năng kiến thức để sử dụng mạng xã hội hiệu quả.  + Gia đình cần quan tâm, định hướng đúng đắn cho giới trẻ về mạng xã hội để tận dụng lợi ích của nó mang lại.  + Nhà trường và các tổ chức xã hội cần tuyên truyền, tổ chức các buổi trải nghiệm … để hs sử dụng mạng xã hội đúng cách…  **3. Kết bài**  - Liên hệ: Bản thân cần biết sắp xếp thời gian học tập, giải trí cho phù hợp…  - Mở rộng, kết luận lại vấn đề. | 0,25 |
|  | **Sáng tạo**  Có những dẫn chứng thuyết phục; lập luận thuyết phục, chặt chẽ; có thêm luận điểm mở rộng… | 0,25 |

**ĐỀ SỐ 2:**

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

*“Chúng tôi đi chừng nửa tiếng đồng hồ. Đáy biển ngày càng nhiều đá. Những con sò, các lớp giáp xác nhỏ li ti phát ra ánh sáng lân tinh yếu ớt. Tôi thoáng thấy những đống đá được hàng triệu động vật giống như những bông hoa và tảo phủ kín. Chân tôi trượt trên tấm thảm thực vật dính nhơm nhớp và nếu không có gậy thì tôi đã bị ngã nhiều lần. Quay lại, tôi vẫn thấy ánh sáng đèn pha tàu Nau-ti-lúx. Chúng tôi càng đi xa thì ánh sáng đó càng mờ đi. Những đống đá dưới đáy đại dương mà tôi vừa nói trên mang dấu vết một sự sắp đặt nhất định mà tôi không giải thích nổi. Ngoài ra còn một số hiện tượng kỳ lạ nữa. Tôi cảm thấy dưới đế giày bằng chì của tôi đang lạo xạo những xương khô. Phải chăng chúng tôi đang bước trên mảnh đất đầy xương?... Ánh sáng soi đường cho chúng tôi ngày càng rực đỏ, tựa như ánh lửa của đám cháy phía chân trời. Lửa cháy trong nước kích thích tính tò mò của tôi đến cao độ. Có phải đó là ánh điện không? Hay là tôi đang được chứng kiến một hiện tượng của thiên nhiên mà các nhà bác học chưa hề biết? Tôi thoáng có ý nghĩ: biết đâu cái lò lửa ngầm dưới biển này không do bàn tay con người duy trì? Biết đâu tôi chẳng gặp ở đây những người bạn, những người đồng chí của Nê-mô, đang sống một cuộc đời độc đáo như Nê-mô? Biết đâu tôi chẳng gặp cả một đám người vì chán ghét những ràng buộc trên mặt đất mà đi tìm độc lập tự do dưới đáy biển? Những ý nghĩ vớ vẩn, mung lung cứ ám ảnh tôi mãi. Trong trạng thái bị kích thích cao độ ấy, nếu có gặp một thành phố xây dưới nước như Nê-mô hằng mơ ước, thì tôi cũng sẽ cho là chuyện rất tự nhiên. Con đường chúng tôi đi ngày càng sáng tỏ. Một ánh hào quang trăng trắng phát ra từ phía sau ngọn núi cao hơn đáy biển hai trăm mét. Nhưng ánh hào quang đó chỉ phản ánh những tia sáng bị khúc xạ trong nước biển. Bản thân cái nguồn phát sáng thì ở bên kia ngọn núi. Thuyền trưởng Nê-mô vững bước giữa những đống đá ngổn ngang. ông ta rất thông thạo con đường này. Tôi yên tâm đi theo Nê-mô. Đối với tôi, Nê-mô giống như một vị thần biển! Tôi ngắm nhìn vóc người cao lớn của Nê-mô in trên ánh hồng. Một giờ đêm chúng tôi tới chân núi. Nhưng muốn trèo lên sườn núi dốc đứng thì phải theo những con đường nhỏ rất khó đi nằm giữa rừng cây rậm rạp. Đây đúng là một rừng cây đã chết, trụi hết lá, đã hóa đá vì tác động của muối biển... Cảnh tượng thật chẳng lời lẽ nào tả xiết! Thuyền trưởng Nê-mô vẫn đi trước. Tôi không muốn bị tụt lại nên cố theo sát Nê-mô. Chiếc gậy rất được việc. Chỉ cần bước hụt là có thể lao xuống vực thẳm nằm kề bên những con đường hẹp. Tôi nhảy qua những khe núi sâu mà nếu ở trên cạn thì tôi đành chịu không dám vượt...”*

*(Trích Chương 33-Hai vạn dặm dưới đáy biển- Junles Verne; Lê Anh Đỗ Ca Sơn dịch từ bản tiếng Nga; NXB Văn học)*

**Thực hiện các yêu cầu**:

**Câu 1:** Em hãy cho biết đoạn trích trên thuộc loại văn bản nào?

A. Văn bản truyện ngụ ngôn B. Văn bản thông tin

C. Văn bản khoa học viễn tưởng D. Văn bản tản văn, tùy bút

**Câu 2:** Điều gì kích thích tính tò mò của nhân vật “tôi” đến cao độ?

A. Lửa cháy trong nước B. Đống xương khô

C. Các loại động vật kì lạ D. Những ngọn núi dưới đáy biển

**Câu 3:** Thuyền trưởng Nê-mô được so sánh với ai?

A. Vị thần núi B. Vị thần biển C. Vị thần ánh sáng D. Vị thần khổng lồ

**Câu 4:** Đoạn văn trên sử dụng ngôi kể thứ mấy?

A. Ngôi thứ ba. B. Ngôi thứ hai. C. Ngôi thứ nhất. D. Kết hợp nhiều ngôi kể.

**Câu 5:** Vì sao thuyền trưởng Nê-mô lại tự tin trong cuộc thám hiểm ở dưới đáy biển được nêu trong đoạn trích?

A. Ông đã từng thám hiểm ở vị trí này

B. Ông rất khỏe mạnh, cường tráng

C. Ông có những thiết bị hiện đại

D. Ông có nhiều kinh nghiệm với các cuộc thám hiểm

**Câu 6:** Nghĩa của từ “ám ảnh” trong câu “Những ý nghĩ vớ vẩn, mung lung cứ ám ảnh tôi mãi” là gì?

A. Điều tốt đẹp luôn lởn vởn trong tâm trí, không sao xua đi được

B. Điều không hay luôn lởn vởn trong trí, không sao xua đi được

C. Sự tưởng tượng về một thế giới không có thực

D. Hình ảnh khắc sâu trong tâm trí không sao xua đi được

**Câu 7:** Trong các câu dưới đây câu văn nào sử dụng số từ?

A. Một ánh hào quang trăng trắng phát ra từ phía ngọn núi [...].

B. Những ý nghĩ vớ vẩn, mung lung cứ ám ảnh tôi mãi.

C. Chúng tôi càng đi xa thì ánh sáng đó càng mờ đi

D. Đáy biển ngày càng nhiều đá.

**Câu 8:** Câu sau dùng cụm chủ-vị để mở rộng thành phần nào?

*“Tôi thoáng thấy những đống đá được hàng triệu động vật giống như những bông hoa và tảo phủ kín”*

A. Mở rộng thành phần chủ ngữ B. Mở rộng thành phần trạng ngữ

C. Mở rộng thành phần vị ngữ. D. Mở rộng cả chủ ngữ và vị ngữ.

**Câu 9:** Theo em, việc khám phá, thám hiểm những miền đất lạ có quan trọng đối mỗi người hay không? Vì sao?

**Câu 10:** Em hãy nêu hai đến ba cách để có thể khám phá được những vùng đất mới lạ.

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Em hãy viết bài văn bày tỏ cảm xúc về một người mà em yêu quý.

**HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | C | 0,5 |
|  | **9** | HS trả lời có hoặc không, có lý giải phù hợp. | 1,0 |
|  | **10** | HS nêu được ít nhất 02 cách thức khám phá những vùng đất mới lạ. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm:* **Mở bài** nêu được nhân vật sẽ biểu cảm và biểu lộ cảm xúc sâu sắc của người viết giành cho nhân vật, **thân bài** lần lượt biểu lộ những tình cảm, cảm xúc dành cho nhân vật, **kết bài** khẳng định lại tình cảm, cảm xúc dành cho nhân vật, rút ra điều đáng nhớ đối với bản thân. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: tình cảm, cảm xúc của cá nhân đối với nhân vật | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề*  HS lần lượt biểu lộ những tình cảm, cảm xúc sâu sắc, chân thành giành cho nhân vật. |  |
|  | **Dàn ý**[**Cảm nghĩ về người mẹ thân yêu của em**](https://vndoc.com/van-mau-lop-7-cam-nghi-ve-nguoi-me-than-yeu-cua-em-119184).  **1. Mở bài:**  - Giới thiệu về mẹ và tình mẫu tử thiêng liêng cao quý.  - Mẹ em người phụ nữ tuyệt vời chỉ có một trên đời.  - Tình mẹ luôn chân thành, thiêng liêng và cao quý, hi sinh suốt đời vì con.  **2. Thân bài:**  - Mẹ tôi năm nay 35 tuổi  - Dáng vóc: thanh mảnh, làn dan trắng trẻo, mái tóc đen và dài, đôi mắt to tròn, và khuôn mặt phúc hậu.  - Mẹ là người dịu dàng, hòa nhã và luôn đối xử tốt với mọi người. Trong nhà mẹ là người lo lắng, chăm sóc các thành viên trong gia đình.  - Buổi sáng mẹ dậy sớm, chuẩn bị bữa sáng và chuẩn bị cho em đi học và bố đi làm.  - Buổi trưa mẹ giặt giũ quần áo, dọn dẹp nhà cửa, sân vườn gọn gàng, sạch sẽ.  - Buổi tối mẹ chuẩn bị bữa cơm tối cho cả gia đình, nấu những món mà em thích. Bữa ăn là thành quả vất vả của mẹ trong cả ngày.  - Những lúc em không nghe lời, hay mắc lỗi nhưng mẹ cũng không bao giờ lớn tiếng hay dùng đòn roi mà mẹ cần em trình bày rõ chuyện rồi phê bình, nhắc nhở không tái phạm. Mẹ thật tâm lý và tình cảm.  - Mẹ em làm kế toán ở cơ quan công việc thường xuyên bận rộn nấy là cuối tuần. Đây là công việc cần sự tỉ mỉ, cận thận.  - Những lúc rảnh rỗi mẹ thường đọc sách và hướng dẫn em làm bài tập.  - Mẹ luôn cho chu toàn cho gia đình và cả công việc. Mẹ em là người phụ nữ thật tuyệt vời.  **3. Kết bài:** Bày tỏ tình cảm, sự yêu thương đối với mẹ.  - Mẹ là cả một thế giới mẹ luôn chăm lo và hi sinh vì con cái.  - Em yêu mẹ rất nhiều và chắc chắn sẽ học thật tốt để mẹ luôn vui. | 2.5 |
|  | - Biểu cảm về vai trò của người đó đối với mình . | 0,5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.* | 0,5 |

**ĐỀ SỐ 3:**

**PHẦN I ĐỌC HIỂU ( 6 ĐIỂM)**

**Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

*“Cuộc du hành vào lòng đất" (1864) là cuốn tiểu thuyết khoa học viễn tưởng của Giuyn Véc-nơ. Câu chuyện kể về một giáo sư người Đức tên là Li-den-trúc (Lidenbrock) tin rằng từ những miệng núi lửa có con đường đi thẳng xuống trung tâm Trái Đất. Ông cùng đứa cháu Irai A-xen (Axel) và người dẫn đường Han xơ (Hans) đã trải qua những chuyến phiêu lưu như vì. Sau đây là một đoạn trích từ tác phẩm.*

**MỘT TRĂM DẶM DƯỚI MẶT ĐẤT**

*[...] Tôi được biết cái ngã "may mắn" đã hất tôi xuống một đường hầm gần như thẳng đứng. Cuộc di chuyển kinh khủng ấy đã ném tôi vào tay giáo sư, bất tỉnh và máu me đầy người.*

*- A-xen này, - Giáo sư nói - bị một tai nạn như vậy mà không ảnh hưởng gì đến tính mạng, chủ cũng thấy lại Nhưng từ nay chúng ta không nên rời nhau kéo có ngày không còn nhìn thấy nhau nữa đầu!*

*“Chúng ta không nên rời nhau!". Như vậy cuộc hành trình chưa kết thúc? Thấy tôi tròn mắt ngạc nhiên, chú tôi hỏi:*

*- Sao vậy, A-xen?*

*- Chúng ta không phải đang ở trên mặt đất sao?*

*Không! Ồ! Không lẽ cháu bị điên vì cháu thấy ánh sáng Mặt Trời, cháu nghe tiếng gió thổi và cả tiếng sóng vỗ nữa.*

*- Chú sẽ không giải thích gì hết vì đó là điều không thể giải thích nổi. Nhưng cháu sẽ được nhìn thấy tận mát và tự hiểu là có những điều mà khoa học địa chất chưa khám phá hết .*

*[...] Trên bãi thoai thoải này, ở cách mép sông một khoảng là chân những rặng núi sừng sững, cao vút, với những cạnh đã như xé toạc bờ biển, đảm ra khơi thánh những mũi đất. Xa xa, khối núi đá kéo dài in hình trên nền chân trời mù sương. Đây quả thật là một đại dương với đường nét bờ biển thất thường hệt như ở những biển trên mặt đất, nhưng vắng vẻ và hoang dã một cách kinh khủng. Sở dĩ tôi có thể phóng tầm mắt ra tít ngoài khơi vì mọi chi tiết trên biển đều được soi tỏ bằng thứ ánh sáng đặc biệt, không phải ánh sáng Mặt Trời với những tia nắng huy hoàng rực rõ, cũng chẳng phải là anh sáng lạnh lẽo, nhợt nhạt và mở ảo của Mặt Trăng. Khả năng chiếu sáng, sự khuếch tán, sắc sáng trắng và khô, sự tăng nhiệt độ,...., tất cả chứng tỏ ánh sáng này thuần tuý do điện mà ra. Vòm đá hoa cương treo trên đầu tôi giống hệt một bầu trời với những đảm mây ông ánh đổi màu chuyển động. Tôi cứ ngỡ dưới một áp suất lớn như vậy của khí quyển, nước không thể bay hơi được, nhưng vì một lí do nào đó, trên cao lại dày đặc những đám mây lớn.*

*[…]Trí tưởng tượng của tôi hoàn toàn bất lực trước khoảng rộng bao la ấy! Tôi đứng lặng ngầm tất cả những kì quan này mà tưởng như đang ở một hành tinh nào đó rất xa lạ với con người. Không tài nào tưởng tượng nổi, tôi ngắm nhìn, ngẫm nghĩ, chiêm ngưỡng mà trong lòng thấy sửng sốt và kinh hãi. Điều này cũng dễ hiểu, vì sau bốn mươi bảy ngày bị cầm tù trong một đường hầm chặt hẹp, nay được hít thở cái không khí ẩm và mặn của biển, còn gì vui sướng hơn! [...]*

*(Trích Hai vạn dặm dưới đáy biển - J. Verne)*

**Câu 1.** Nội dung chính của đoạn chữ in nghiêng ở phía trên văn bản *Một trăm dặm dưới mặt đất* là gì?

A. Kể lại những câu chuyện phiêu lưu và thảm hiếm miệng núi lửa

B. Miêu tả cảnh một giáo sư người Đức thực hiện cuộc du hành trong lòng đất.

C. Giới thiệu khái quát tiểu thuyết Cuộc du hành vào lòng đất của Véc-nơ

D. Kể lại cảnh đoàn thám hiểm khám phá những bí mật trong trung tâm Trái Đất

**Câu 2**. Đoạn trích trên có cuộc đối thoại của những nhân vật nào?

A. Nhân vật Nê-mô và giáo sư B. Nhân vật Nê-mô và A-xen

C. Nhân vật A-xen và giáo sư D.Thuyền phó và những người thủy thủ

**Câu 3.** Không gian trong đoạn trích là không gian nào?

A. Bãi biển và bầu trời B. Trong lòng chiếc hang khổng lồ

C. Trong hang và trên mặt đất  D. Bầu trời sao và vòm đá hoa cương

**Câu 4.Vì sao biển ngầm trong đoạn trích lại có tên là Lin-đen-brốc?**

A. Tên biển đã có từ thời xa xưa  B. Do người dân địa phương đặt từ lâu

C. Lấy tên từ một truyền thuyết về biển cả D. Lấy tên vị giáo sư đã khám phá ra nó

**Câu 5. Công dụng của dấu ngoặc kép trong câu “Chúng ta không nên rời nhau!". là gì?**

A. Dấu ngoặc kép được dùng để dẫn lời nói trực tiếp của nhân vật hoặc của người nào đó.

B. Dấu ngoặc kép được dùng để đánh dấu các từ ngữ có hàm ý mỉa mai.

C. Dấu ngoặc kép được dùng để đánh dấu tên của các vở kịch, tác phẩm văn học, tờ báo, tập san… dẫn trong câu văn.

D. Dấu ngoặc kép được dùng để đánh dấu các từ ngữ có ý nghĩa đặc biệt.

**Câu 6. Câu văn nào thể hiện rõ người viết dựa vào kiến thức khoa học?**

A. Không tài nào tưởng tượng nổi, tội ngắm nhìn, ngẫm nghĩ, chiêm ngưỡng mà trong lòng thấy sửng sốt và kinh hãi!

B. Nhưng cháu sẽ được nhìn thấy tận mắt và tự hiểu là có những điều mà khoa học địa chất chưa khám phá hết!

C. Khả năng chiếu sáng, sự khuếch tán, sắc sáng trắng và khô, sự tăng nhiệt độ,..., tất cả chứng tỏ ánh sáng này thuần tuý do điện mà ra.

D. Vòm đá hoa cương treo trên đầu tôi giống hệt một bầu trời với những đám mây óng ánh đổi màu chuyển động.

**Câu 7.** Xác định số từ trong câu “Sau bốn mươi bảy ngày bị cầm tù trong một đường hầm chật hẹp, nay được hít thở cái không khí ẩm và mặn của biển, còn gì vui sướng hơn!”.

A. Bốn mươi bảy B. Một

C. Bốn mươi bảy, một D. Bốn mươi bảy, một, hẹp

**Câu 8.** Trí tưởng tượng phong phú của tác giả thể hiện ở việc miêu tả cảnh nào?

1. Cảnh vòm đá hoa cương của chiếc hang rộng mênh mông

B. Cảnh cậu bé A-xen bị hất xuống một đường hầm thẳng đứng

C. Cảnh từng đợt sóng theo nhau xô lên bãi cát vàng mịn.

D. Cảnh khối núi đá kéo dài in hình trên nền chân trời mù sương

**Câu 9.** Nhận xét về cách viết của tác giả trong đoạn trích trên?

**Câu 10.** Vì sao ở đoạn cuối, nhân vật “tôi” ngắm nhìn, ngẫm nghĩ, chiêm ngưỡng mà trong lòng thấy sửng sốt và kinh hãi?

**PHẦN II VIẾT ( 4 ĐIỂM)**

Viết bài văn trình bày suy nghĩ của em về hiện tượng nghiện mạng xã hội của giới trẻ hiện nay.

**HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
|  | **1** | C | 0,5 |
|  | **2** | C | 0,5 |
|  | **3** | A | 0,5 |
|  | **4** | D | 0,5 |
|  | **5** | A | 0,5 |
|  | **6** | C | 0,5 |
|  | **7** | C | 0,5 |
|  | **8** | D | 0,5 |
|  | **9** | **-** Nhận xét về cách viết của tác giả trong đoạn trích: Người viết Sử dụng nhiều chi tiết tưởng tượng, nhưng có cơ sở khoa học. Đây là đặc trưng của thể loại truyện khoa học viễn tưởng. | 1 |
|  | **10** | - Ở đoạn cuối đoạn trích nhân vật “tôi” lại “ngắm nhìn, ngẫm nghĩ, chiêm ngưỡng mà trong lòng thấy sửng sốt và kinh hãi!” là bởi nhân vật đã trải qua một sự kiện bất ngờ là lọt vào trong một cái đường hầm gần như thẳng đứng khiến nhân vật tôi bất tỉnh. Cậu còn được tận mắt chứng kiến vòm đá hoa cương ở cửa hang giống như những đám mây óng ánh chuyển màu. Tuy nhiên ở đây ánh sáng không phải ánh mặt trời mà là ánh điện nên “tôi” cảm thấy u sầu và ảm đạm. Trở lại thực tại là nhân vật “tôi” đang bị giam trong một cái hang không ước được diện tích và trước mặt là biển cả. Tất cả những điều đó khiến cho nhân vật “tôi” sửng sốt và kinh hãi. | 1 |
|  |  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. | 0,25 |
|  |  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Nghị luận về hiện tượng nghiện mạng xã hội của giới trẻ hiện nay. | 0,25 |
|  |  | **A. Mở bài:**  **- Giới thiệu về vấn đề cần nghị luận:** Bên cạnh những mặt tốt mà mạng xã hội mang lại, thì việc lạm dụng nó sẽ dẫn đến hiện tượng nghiêm trọng đó là hiện tượng nghiện mạng xã hội trong giới trẻ hiện nay.  **B. Thân bài:**  - Giải thích: mạng xã hội là gì? Là một kênh thông tin xã hội của phương tiện công nghệ. Tại đó, con người có thể trao đổi thông tin, tìm kiếm thông tin, dùng nó cho nhiều mục đích khác nhau.  **- Thực trạng:**  + Nó trở thành một căn bệnh khó chữa của giới trẻ hiện nay  + Quên ăn, quên ngủ, xao nhãng trong mọi công việc  + Nhiều người trẻ hiện nay lâm vào tình trạng nghiện game.  **- Nguyên nhân:**  Chủ quan:  + Do con người không kiểm soát được bản thân, lười học ham chơi.  + Do không kiểm soát được thời gian, không xác định được mục tiêu…  Khách quan:  + Do môi trường sống của thời đại CNTT bùng nổ mà giới trẻ chưa được trang bị những kiến thức, kĩ năng đầy đủ về hậu quả của việc sử dụng CNTT không đúng cách  + Gia đình thiếu quan tâm hoặc giáo dục rèn luyện con chưa đúng cách…  + Nhà trường và các tổ chức xã hội còn thiếu hoạt động tuyên truyền giáo dục… về vấn đề này  **- Hậu quả:**  + Bỏ học, dẫn đến nhiều hành vi xấu khác như cướp vặt, đánh nhau…  + Ảnh hưởng đến sức khỏe: gây cận thị, bệnh tự kỷ…  **- Biện pháp:**  + Bản thân giới trẻ cần rèn luyện cho mình những kĩ năng kiến thức để sử dụng mạng xã hội hiệu quả.  + Gia đình cần quan tâm, định hướng đúng đắn cho giới trẻ về mạng xã hội để tận dụng lợi ích của nó mang lại.  + Nhà trường và các tổ chức xã hội cần tuyên truyền, tổ chức các buổi trải nghiệm … để hs sử dụng mạng xã hội đúng cách…  **3. Kết bài:**  - Liên hệ: Bản thân cần biết sắp xếp thời gian học tập, giải trí cho phù hợp…  - Mở rộng, kết luận lại vấn đề. | 3,0  0,5  0,5  2,0 |
|  |  | *d. Chính tả ngữ pháp*  *- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt* | 0,25 |
|  |  | *e. Sáng tạo*  *- Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt thú vị.* | 0,25 |

**6. VĂN BẢN NGHỊ LUẬN**

**I. LÝ THUYẾT**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Kiến thức** |
| **1. Đặc điểm của văn bản nghị luận**  **a. Khái niệm:** | - Văn nghị luận là kiểu văn bản mà người nói, người viết chủ yếu sử dụng lí lẽ, dẫn chứng, lập luận nhằm xác lập cho người đọc, người nghe một quan điểm, tư tưởng nhất định. Văn nghị luận phải có luận điểm rõ ràng, có lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục. |
| **b. Các yếu tố cơ bản trong văn nghị luận.** | Các yếu tố cơ bản của văn nghị luận:  - Ý kiến: Thể hiện quan điểm của người viết về vấn đề nào đó.  - Lí lẽ: Cơ sở cho ý kiến, quan điểm của người viết.  - Bằng chứng: Những minh chứng làm rõ cho lí lẽ, có thể là nhân vật, sự kiện, số liệu từ thực tế.... |
| **c. Dạng thức thể hiện** | **+** Dạng nói: Cuộc trao đổi...  + Dạng viết: Bài bình luận, phân tích... |
| **2. Mục đích và nội dung chính của văn bản nghị luận.** | - Mục đích của văn bảnnghị luận là để thuyết phục người đọc, người nghe về ý kiến, quan điểm của người viết trước một vấn đề cuộc sống hoặc văn học.  - Nội dung chính của văn bản nghị luận là ý kiến, quan điểm mà người viết muốn thuyết phục người đọc. Để xác định nội dung chính của văn bản nghị luận, ta có thể căn cứ vào nhan đề văn bản, ý kiến, lý lẽ, bằng chứng được nêu trong văn bản. |
| **3. Ý kiến trong văn bản nghị luận** | - Văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học thuộc thể văn học, được viết sau để bàn về tác phẩm văn học đặc điểm như sau:  + Thể hiện rõ ý kiến của người viết về tác phẩm cần bàn luận.  + Đưa ra đi lẽ là những lý giải, phân tích tác phẩm.  + Bằng chứng được dẫn ra từ tác phẩm để làm rõ cho lý lẽ.  + Ý kiến, lý lẽ bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lý. |

**II. THỰC HÀNH**

**1. DẠNG ĐỀ ĐỌC HIỂU**

**CHỢ TẾT CỦA ĐOÀN VĂN CỪ**

*(Vũ Quần Phương)*

*Năm tháng càng lùi xa bài Chợ Tết này càng được yêu mến, nó như tấm ảnh quý ghi lại chân thật những nét tiêu biểu trong sinh hoạt của quê ta. Mỗi lần đọc, lại như được sống cũng dĩ vãng. Ít có bài thơ nào mà cách miêu tả lại sinh động như bài thơ này. Sinh động, vì chộp được những chi tiết điển hình, vì cái hóm hỉnh và thấp thoáng cũng có những câu thơ có sức khái quát, có kí thác tâm trạng.*

*[…]*

*Kết cấu bài thơ rất giản dị, diễn biến theo từng thời gian. Mở đầu là sáng sớm, người ta đi chợ:*

*Dải mây trắng đỏ dần trên đỉnh núi*

*Sương hồng lam ôm ấp nóc nhà gianh*

*Trên con đường viền trắng mép đồi xanh*

*Người các ấp tưng bừng ra chợ Tết.*

*Mấy câu thơ bình thường giới thiệu thời gian, địa điểm. Chúng ta biết thêm đây là phiên chợ tét vùng đồi, tụ họp dân các ấp. Cảnh những con đường đồi tấp nập người tới chợ có cái nao nức, thanh bình. Thơ Đoàn Văn Cừ nhiều màu sắc lắm, chỉ với ba câu thơ đầu đã thấy lần lượt trắng, đỏ, hồng, xanh, lam. Cả bài đếm được hai mươi ba màu.*

*[…]*

*Trong đoạn đi chợ này có câu thơ tả nắng rất tài, tả được cái động của nắng, trong nắng lại có gió, màu vàng nắng trộn vào màu xanh lúa thành ra màu nắng tía:*

*Tia nắng rất tía nháy hoài trong ruộng lúa.*

*Nắng không nháy, nhưng gió thôi, đồng lúa xao động làm cho nắng đang rải trên đó thành nhấp nháy. Cách quan sát tinh vi này gợi nhớ câu thơ Nguyễn Du: “Đầu tường lửa lựu lập lòe đơm bông”. Gió thổi đu đưa cành xanh làm màu hoa đỏ khi ẩn khi hiện như đốm lửa khi tắt khi bùng.*

*Họ vui vẻ kéo hàng trên cỏ biếc*

*Những thằng cu áo đỏ chạy lon xon*

*Vài cụ già chống gậy bước lom khom*

*Cô yếm thắm…*

*Cứ thế tác giả hết tả người này đến người khác, nam, lão, ấu, tới sáu bảy loại người, thế mà đọc không chán, đó là do tài quan sát của tác giả. Nhiều khi chỉ một câu thơ vừa vẽ hình dáng của nói tính tình, tâm lí:*

*Cô yếm thắm che môi cười lặng lẽ,*

*Thằng em bé nép đầu bên yếm mẹ.*

*Tài nhất là ông ghi được những nét hóm hỉnh rất có thần:*

*Hai người thôn gánh lợn chạy đi đầu*

*Con bò vàng ngộ nghĩnh đuổi theo sau.*

*Hết cảnh đi chợ, sang cảnh họp chợ, rồi cố nhiên đến vãn chợ. Không có gì đột biến mà lại hấp dẫn. Hãy xem ông tả chợ đang họp, cảnh chính của bài thơ. Tả sao cho thấy được cái đông đúc, ồn ào, nhốn nháo, thượng vàng hạ cám của toàn cảnh, lại thấy được cả chi tiết ở từng người, từng vật, thấy dược cả phong tục tập quán, đến cá tính từng loại người. Quả là một việc khó, thế mà Đoàn Văn Cừ đã tả được, mà chỉ tốn có hai mươi ba câu thơ.*

*Chỗ này ông tìm ra nét tương phản giữa người và gia súc:*

*Con trâu đứng vờ dim hai mắt ngủ*

*Để lắng nghe người khách nói bô bô.*

*“Khách nói bô bô” là những ông lái trâu, vừa mặc cả vừa vỗ tay đen đét. Nhà thơ hóm hỉnh biến sự việc thành cuộc đối thoại tay đôi, trong đó trâu ta lại có tư thế của người ưa ngẫm nghĩ, mà không hề bịa một chi tiết nào. Có những cảnh bây giờ không thấy ở chợ quê nữa, gặp lại trong thơ của Đoàn Văn Cừ không khỏi bâng khuâng hoài niệm cái không khí tết nhất của một thời đã xa xưa:*

*Anh hàng tranh kĩu kịt quảy đôi bồ,*

*Tìm đến chỗ đông người ngồi giở bán.*

*Một thầy khóa gò lưng trên cánh phản,*

*Tay mài nghiên hí hoáy viết thơ xuân.*

*Thú vị nhất và cũng tài hoa nhất là bức ảnh:*

*Bà cụ lão bán hàng bên miếu cổ*

*Nước thời gian gội tóc trắng phau phau.*

*Bạn đọc sẽ dễ dàng nhận thấy cái nhìn kì ảo ở câu thơ thứ hai. Vì tóc cho nên có động từ gội, và do đó thời gian được ví như nước. Hình ảnh sáng tạo, bất ngờ, nhưng rất hợp lí nên chấp nhận. Lí thú trong cách thể hiện và thâm thúy trong sự khái quát đời người. Đây là câu thơ hay nhất trong bài này. Tuy nhiên, cũng nên lưu ý: hình ảnh cái miếu cổ làm nền cho mái tóc bạc, bà cụ đã góp phần không nhỏ vào tính chất kì ảo như cổ tích của ý thơ.*

*Hồn nhiên nhất là con nít và những cô gái choai, mà tính cách rất hợp với lứa tuổi, nhà thơ đã không bỏ sót họ vì họ là những người nhạy cảm với Tết, háo hức với Tết hơn cả:*

*Lũ trẻ con mải ngắm bức tranh gà,*

*Quên cả chị bên đường đang đứng gọi*

*Mấy cô gái ôm nhau cười rũ rượi.*

*[…]*

*Cảnh mua bán được đặc tả quen thuộc mà cũng lạ lùng:*

*Con gà trống mào thâm như cục tiết.*

*Một người mua cầm cẳng dốc lên xem.*

*Quen thuộc vì ai chẳng từng trông thấy cảnh ấy, nhưng lạ lùng do cách tả: Cầm cẳng dốc lên xem.*

*Chợ vãn khi trời đã nhá nhem, người tỏa về các làng xa hẻo lánh. Những quán chợ vắng vẻ dần và trở nên hiu quạnh. Một nỗi buồn lan tỏa trên cảnh vật. Bài thơ kết thúc trong sự bâng khuâng đó:*

*Lá đa rụng tơi bời quanh quán chợ.*

*Bài thơ này có thể làm mẫu mực cho bài văn miêu tả, cho cách quan sát, chọn lựa chi tiết, cách tìm ra nét đặc sắc ở những phong cảnh thông thường. Đoàn Văn Cừ đã làm mới lạ. làm lạ hóa một phong cảnh quen thuộc từ bao đời, giữ mãi mãi cho mai sau cái phong vị dân giã xóm làng cùng những nét sinh hoạt đặc sắc của một thời.*

*(In trong Thơ quê hương và những lời bình, Phương Ngân (Tuyển chọn), trang 47 – 51, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, 2007)*

**Câu 1**. Đoạn trích trên viết về vấn đề gì?

A. Thuật lại một phiên chợ Tết ở quê B. Miêu tả một góc chợ Tết

C. Phân tích bài thơ Chợ Tết D. Giới thiệu nhà thơ Đoàn Văn Cừ

**Câu 2**. Vì sao văn Chợ Tết của Đoàn Văn Cừ nêu trên lại là văn bản nghị luận?

A. Vì văn bản tập trung miêu tả hình ảnh phiên chợ Tết ở làng quê Việt

B. Vì tác giả đã phân tích cái hay của bài thơ Chợ Tết

C. Vì tác giả đã kể lại câu chuyện một lần đi chợ Tết

D. Vì văn bản đã giúp người đọc hiểu phiên chợ tết ở làng quê như thế nào.

**Câu 3**. Theo em, mục đích chính của người viết đoạn trích trên là gì?

A. Ca ngợi vẻ bình yên của đời sống con người làng quê.

B. Ca ngợi những giá trị truyền thống của dân tộc

C. Nêu lên cảm nghĩ trước một phiên chợ Tết

D. Chỉ ra cái hay của bài thơ Chợ Tết.

**Câu 4.** Buổi chợ Tết được tác giả triển khai theo trình tự nào?

A. Buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều

B. Sáng sớm, buổi chiều, buổi tối

C. Đi chợ, họp chợ, vãn chợ

D. Họp chợ, gần vãn chợ, nhá nhem tối.

**Câu 5**. Trong các câu dưới đây, đâu là lí lẽ mà tác giả đưa ra để làm rõ cho ý kiến của mình?

A. Mở đầu là sáng sớm, người ra đi chợ với đủ màu sắc và hoạt động.

B. Trong đoạn đi chợ này có câu thơ tả nắng rất tài, tả được cái động của nắng…

C. Cứ thế tác giả hết tả người này dến người khác, nam, lão, ấu, tới bảy loại người….

D. Cảnh mua bán được đặc tả, quen thuộc mà cũng lạ lùng.

**Câu 6.** Nhận định nào sau đây nêu ĐÚNG NHẤT nhận định của tác giả về bài thơ Chợ Tết của Nguyễn Văn Cừ?

A. Bài thơ Chợ Tết miêu tả một cách chân thật, sinh động những nét tiêu biểu trong sinh hoạt của một phiên chợ quê.

B. Bài thơ Chợ Tết đã miêu tả một cách sinh động những nét tiêu biểu trong sinh hoạt của một phiên chợ quê mà tác giả tưởng tượng ra.

C. Bài thơ Chợ tết đã miêu tả một cách sinh động nhưng nét tiêu biểu trong sinh hoạt của một phiên chợ trong tương lai.

D. Bài thơ Chợ Tết đã kể lại sinh động những hoạt động của tác giả trong một lần tham gia phiên chợ ở quê nhà.

**Câu 7**. Câu văn nào chứng tỏ về tài năng sử dụng ngôn ngữ độc đáo của nhà thơ Đoàn Văn Cừ trong bài Chợ Tết?

A. Hết cảnh đi chợ, sang cảnh họp chợ, rồi cố nhiên đến vãn chợ.

B. Vì tóc cho nên có động từ gội, và do đó thời gian được ví như nước.

C. Cứ thế tác giả hết tả người này dến người khác, nam, lão, ấu, tới bảy loại người….

D. Bạn đọc sẽ dễ dàng nhận thấy cái nhìn kì ảo ở câu thơ thứ hai.

**Câu 8.** Dòng nào dưới đây KHÔNG sử dụng từ Hán Việt?

A. chúng ta biết thêm đây là phiên chợ Tết vùng đồi

B. diễn biến theo từng thời gian

C. lại như được sống cùng dĩ vãng

D. nắng không nháy, nhưng gió thổi, đồng lúa xa động

**Câu 9.** Câu nào sau đây có vị ngữ được mở rộng bằng cụm chủ vị?

A. Hình ảnh sáng tạo, bất ngờ, nhưng rất hợp lí nên được chấp nhận.

B. Mở đầu là sáng sớ, người ta đi chợ.

C. Cả bài đếm được hai mươi ba màu

D. Những quán chợ vắng vẻ dần và trở nên hiu quạnh.

**Câu 10**. Trong số những hình ảnh được tác giả dùng để miêu tả cảnh chợ, em thích nhất hìn ảnh nào? Vì sao?

Câu 11. Viết đoạn văn khoảng (5 – 7 câu) nêu cảm nhận của em về cảnh họp chợ được tái hiện trong bài thơ Chợ Tết của Đoàn Văn Cừ?

**HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| **Đáp án** | C | B | D | C | A | A | B | C | D |

**Câu 10.** Gợi ý trả lời:

- Hình ảnh được tác giả dùng để khắc họa người lính mà em thích nhất trong bài thơ:

Dải mây trắng đỏ dần trên đỉnh núi

Sương hồng lam ôm ấp nóc nhà gianh

Trên con đường viền trắng mép đồi xanh

Người các ấp tưng bừng ra chợ Tết.

- Lí do: Chỉ bằng mấy câu thơ ngắn ngủi nhưng đã vẽ ra cả khung cảnh đi chợ vô cùng sinh động. Một buổi sáng rất sớm, dường như lồng ngực đã hít căng không khí trong lành buổi sớm mai, khung cảnh khoáng đạt của vùng “đồi xanh”. Trên những con đường tấp nập người tới chợ có cái nao nức thanh bình.

**Câu 11**. Gợi ý trả lời:

- Bước 1: Xác định yêu cầu của đề

+ Dạng đoạn văn: nêu cảm nhận

+ Chủ đề đoạn văn: Cảnh họp chợ trong bài thơ Chợ Tết

+ Dung lượng đoạn văn: từ 5-7 câu (khoảng ½ trang giấy)

- Bước 2: Tìm ý

+ Khung cảnh họp chợ được khắc họa như thế nào? (Con traai, khách mua hàng; anh hàng tranh, thầy khóa, bà cụ bán hàng, lũ trẻ và người mua gà)…)

+ Qua những hình ảnh trên, nêu đánh giá của em về khung cảnh này? (nhộn nhịp, vui vẻ?)

+ Cảm xúc của em về hình ảnh này (hân hoan, háo hức)? Em rút ra cho mình ý nghĩa gì trong thực tại? (em đã từng trải qua những phiên chợ như thế này chưa? Những giá trị em nhận được: giữ gìn những nét đặc sắc, phong vị cổ truyền.)

- Bước 3: Viết đoạn

+ Tiến hành viết đoạn

+ Sau khi viết đoạn, đọc lại đoạn văn để soát lỗi chính tả cũng như lỗi diễn đạt.

**II. LUYỆN ĐỀ CẤU TRÚC MỚI**

**ĐỀ SỐ 1:**

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

**THỜI GIAN LÀ VÀNG**

*Ngạn ngữ có câu: Thời gian là vàng. Nhưng vàng thì mua được mà thời gian không mua được. Thế mới biết vàng có giá mà thời gian là vô giá.*

*Thật vậy, thời gian là sự sống. Bạn vào bệnh viện mà xem, người bệnh nặng, nếu kịp thời chạy chữa thì sống, để chậm là chết.*

*Thời gian là thắng lợi. Bạn hỏi các anh bộ đội mà xem, trong chiến đấu, biết nắm thời cơ, đánh địch đúng lúc là thắng lợi, để mất thời cơ là thất bại.*

*Thời gian là tiền. Trong kinh doanh, sản xuất hàng hóa đúng lúc là lãi, không đúng lúc là lỗ.*

*Thời gian là tri thức. Phải thường xuyên học tập thì mới giỏi. Học ngoại ngữ mà bữa đực, bữa cái, thiếu kiên trì, thì học mấy cũng không giỏi được.*

*Thế mới biết, nếu biết tận dụng thời gian thì làm được bao nhiêu điều cho bản thân và cho xã hội. Bỏ phí thời gian thì có hại và về sau hối tiếc cũng không kịp.*

*(Phương Liên - Ngữ văn 9, Tập hai, NXB Giáo dục)*

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là gì?

A. Thuyết minh B. Nghị luận C. Tự sự D. Biểu cảm

**Câu 2:** Theo em văn bản trên thời gian có mấy giá trị?

A. 2 giá trị B. 3 giá trị C. 4 giá trị D. 5 giá trị

**Câu 3:** Theo tác giả nếu biết tận dụng thời gian thì làm được bao nhiêu điều cho ai?

A. Cho bản thân

B. Cho xã hội

C. Cho bản thân và xã hội

D. Cho bản thân và gia đình

**Câu 4:** Câu “Phải thường xuyên học tập thì mới giỏi.” trong đoạn văn: “Thời gian là tri thức. Phải thường xuyên học tập thì mới giỏi. Học ngoại ngữ mà bữa đực, bữa cái, thiếu kiên trì, thì học mấy cũng không giỏi được.” là câu mang luận điểm?

A. Đúng B. Sai

**Câu 5:** Câu “Thời gian là sự sống” sử dụng biện pháp tu từ nào?

A. Nhân hóa. B. So sánh C. Ẩn dụ D. Hoán dụ

**Câu 6:** Văn bản trên bàn về vấn đề gì

A. Bàn về giá trị của sự sống. B. Bàn về giá trị của sức khỏe.

C. Bàn về giá trị của thời gian. D. Bàn về giá trị của tri thức.

**Câu 7:** Nêu tác dụng của phép điệp ngữ “Thời gian” trong văn bản trên?

A. Nhấn mạnh giá trị quý báu của thời gian đối với con người.

B. Nói lên giá trị quý báu của thời gian đối với con người.

C. Nhấn mạnh giá trị quý báu của thời gian

D. Nói lên giá trị quý báu của thời gian đối với con người và sự vật.

**Câu 8:** Từ “tri thức” được sử dụng trong văn bản trên được hiểu như thế nào?

A. Tri thức bao gồm những kiến thức, thông tin, sự hiểu biết, hay kỹ năng có được nhờ [trải nghiệm](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%E1%BA%A3i_nghi%E1%BB%87m),thông qua [giáo dục](https://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%C3%A1o_d%E1%BB%A5c) hay tự học hỏi.

B. Tri thức bao gồm những thông tin, sự hiểu biết, hay kỹ năng có được nhờ [trải nghiệm](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%E1%BA%A3i_nghi%E1%BB%87m),thông qua [giáo dục](https://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%C3%A1o_d%E1%BB%A5c) hay tự học hỏi.

C. Tri thức là những kỹ năng có được nhờ [trải nghiệm](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%E1%BA%A3i_nghi%E1%BB%87m), thông qua học hỏi từ sách vở hoặc trong cuộc sống.

D. Tri thức là những kiến thức, thông tin, sự hiểu biết có được nhờ [trải nghiệm](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%E1%BA%A3i_nghi%E1%BB%87m), thông qua [giáo dục](https://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%C3%A1o_d%E1%BB%A5c) hay tự học hỏi.

**Câu 9:** Theo em, tại sao tác giả cho rằng: Thời gian là vàng. Nhưng vàng thì mua được mà thời gian không mua được?

**Câu 10:** Bài học em rút ra được từ văn bản trên?

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Phát biểu cảm nghĩ về người người thân (ông, bà, cha, mẹ, anh, chị, em, ...).

**HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
| **c** | **1** | B | 0,5 |
| **2** | D | 0,5 |
| **c** | **3** | C | 0,5 |
| **b** | **4** | B | 0,5 |
| **c** | **5** | B | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | A | 0,5 |
| **9** | Học sinh có thể lí giải:  - Thời gian là vàng vì thời gian quý như vàng  - Vàng mua được: vàng là thứ vật chất hữu hình, dù có đẹp, có giá trị đến đâu vẫn có thể trao đổi, mua bán được.  - Thời gian không mua được: thời gian là thứ vô hình không thể nắm bắt, đã đi là không trở lại. | 1,0 |
| **10** | Học sinh biết rút ra được bài học cho bản thân ( quý trọng thời gian, sử dụng thời gian hợp lí...). | 1,0 |
| **II**  **-** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm:* Mở bài giới thiệu đối tượng, thân bài biểu lộ được cảm xúc suy nghĩ về đối tượng, kết bài khẳng định lại tình cảm về đối tượng. | **0,25** |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: Biểu cảm về người thân | **0,25** |
|  | *c. Triển khai vấn đề*  HS biểu cảm bằng nhiều cách nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau: | **2,5** |
|  | - Giới thiệu đối tượng,  - Biểu lộ được cảm xúc suy nghĩ về đối tượng:  + Ngoại hình.  + Tính cách.  + Một số kỉ niệm mà em nhớ  + Vai trò của người thân.  - Khẳng định tình cảm của bản thân với đối tượng |  |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | **0,5** |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn biểu cảm sinh động, sáng tạo. | **0,5** |

**ĐỀ SỐ 2:**

**I. ĐỌC (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

**LÁ THƯ CHO ĐỜI SAU**

*Tri thức là vô hạn nên chẳng ai có thể biết được tất cả một cách toàn diện và chắc chắn cả.Vì vậy, hãy không ngừng tìm kiếm và học hỏi về những điều mình chưa biết.*

*Cuộc sống luôn ẩn chứa những bài học mà chúng ta cần nắm bắt để trau dồi và hoàn thiện mình hơn. Bức tranh đẹp nhất luôn là tác phẩm mà chưa người hoạ sĩ nào hoàn thành. Vì vậy, hãy cứ mạnh dạn vẽ nên bức tranh ấy**. Kỷ lục thể thao vĩ đại nhất là kỷ lục chưa được tạo lập, do đó, hãy biết ước mơ làm nên những việc lớn.* *Hãy sống mỗi ngày như thế đó, đó là ngày cuối cùng ta được sống trên thế gian này.* *Khi từ giã cõi đời, con người ta thường không hối tiếc về những điều mà mình làm, mà lại tiếc nuối về những điều chưa làm được. Hãy sống sao cho khi mất đi, ta có thể mỉm cười mãn nguyện.*

*Cuối cùng, tôi phải thú nhận rằng tôi chẳng hiểu mấy về những cấu trúc nguyên tử hình thành nên vật chất và con người. Điều tôi biết, chỉ đơn giản, kết quả của sự kết hợp tế bào, nhiễm sắc thể, gen di truyền…phức tạp ấy từng là con người rất khác nhau.Và rằng, sự có mặt của mỗi người chúng ta trên thế giới này đều có một ý nghĩa nhất định nào đó.Một khi thời gian sống của ta không còn nữa, chẳng ai khác có thể lấp được khoảng trống mỗi chúng ta để lại phía sau mình.*

*Xuất phát của chúng ta về mặt sinh học có thể giống nhau, nhưng mỗi người có quyền và khả năng riêng để tạo sự khác biệt độc đáo cho mình. Đó sẽ là điều gì thì tùy vào chính bạn.*

*(Trích “Hạt giống tâm hồn”, NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, tr.140,141)*

**Câu 1.**Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Tự sự | **C.**Nghị luận |
| B. Miêu tả | D. Biểu cảm |

**Câu 2.** Tìm trong đoạn trích lí do tác giả khuyên: “hãy không ngừng tìm kiếm và học hỏi về những điều mình chưa biết”?

|  |  |
| --- | --- |
| **A**. Tri thức là vô hạn nên chẳng ai có thể biết được tất cả một cách toàn diện và chắc chắn cả. |  |
| B. Cuộc sống luôn ẩn chứa những bài học mà chúng ta cần nắm bắt để trau dồi và hoàn thiện mình hơn.  C. Hãy sống sao cho khi mất đi, ta có thể mỉm cười mãn nguyện.  D. Hãy sống mỗi ngày như thế đó, đó là ngày cuối cùng ta cùng được sống trên thế gian này.  **Câu 3.** Trong các từ sau đây, từ nào không phải là từ ghép?   |  |  | | --- | --- | | A. Khả thi. | C. Học hỏi. | | **B**. Chắc chắn. | D. Tế bào. | |  |

**Câu 4.** Phần trích trên bàn về vấn đề nào sau đây?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Ý thức chia sẻ, giúp đỡ mọi người. | C. Ý thức tham gia hoạt động tập thể. |
| **B**.Ý thức học hỏi, vươn lên trong cuộc sống. | D. Ý thức làm những điều tốt đẹp. |

**Câu 5.** Em hiểu như thế nào về nghĩa của từ “kỷ lục” trong câu sau: “***Kỷ lục*** *thể thao vĩ đại nhất là* ***kỷ lục*** *chưa được tạo lập, do đó, hãy biết ước mơ làm nên những việc lớn.”*

|  |
| --- |
| **A**. Mức thành tích cao nhất từ trước tới nay chưa ai đạt được. |
| B. Mức thành tích cao nhất trong một cuộc thi.   |  | | --- | | C. Mức thành tích nhiều người đạt được. | | D. Kết quả làm hài lòng nhiều người. | |

**Câu 6.** Trạng ngữ được in đậmtrong câu: “***Khi từ giã cõi đời****, con người ta thường không hối tiếc về những điều mà mình làm, mà lại tiếc nuối về những điều chưa làm được.”* được dùng để chỉ gì trong các đáp án sau?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Chỉ nguyên nhân. | C. Chỉ mục đích. |
| **B**. Chỉ thời gian. | D. Chỉ phương tiện. |

**Câu 7.** Dòng nào dưới đây **không** diễn tả đúng lí do tác giả cho rằng: *cuộc sống luôn ẩn chứa những bài học mà chúng ta cần nắm bắt*?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Vì cuộc sống luôn chứa đựng những điều kì diệu. | C. Vì cuộc sống luôn thay đổi và phát triển. |
| B. Vì thực tế cuộc sống sẽ giúp chúng ta trải nghiệm và trưởng thành. | **D.** Vì các vấn đề trong cuộc sống là nhẹ nhàng và đơn giản. |

**Câu 8.** Ngụ ý của tác giả trong câu văn: *“Hãy sống mỗi ngày như thế đó, đó là ngày cuối cùng ta được sống trên thế gian này.”*là:

|  |
| --- |
| A. Hãy luôn hưởng thụ cuộc sống mỗi ngày. |
| B. Hãy sống biết yêu thương và chia sẻ.  C. Sống vui vẻ, thoải mái mỗi ngày. |
| **D**. Hãy sống tích cực, cống hiến hết mình trong mỗi ngày. |

**Câu 9.** Em có đồng ý với ý kiến “*mỗi người có quyền và khả năng riêng để tạo sự khác biệt độc đáo cho mình*” không? Vì sao?

**Câu 10.**Qua văn bản trên em hãy rút ra cho mình bài học trong cuộc sống.

**II. VIẾT (4,0 điểm)**

Em hãy viết bài văn bàn về một vấn đề trong đời sống mà em quan tâm.

**HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | B | 0,5 |
| **6** | D | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
|  | **9** | Học sinh nêu được quan điểm riêng của bản thân: đồng ý/không đồng ý.  Lí giải phù hợp. Có thể HS diễn đạt theo ý sau:  -Vì sao em đồng ý? ( vì mỗi người là một cá thể riêng biệt, có sở thích, khả năng riêng, có quyền tạo dựng phong cách riêng của mình, miễn nó không đi ngược chuẩn mực xã hôi…)  -Vì sao em không đồng ý?( vì mỗi cá nhân là một tế bào của xã hội, nếu chúng ta quá khác biệt so với cái chung sẽ dễ bị tách ra khỏi tập thể….vv) | 0,25  0,75 |
|  | **10** | Học sinh nêu được cụ thể bài học rút ra từ văn bản. Ví dụ:  - Nên nâng cao ý thức học hỏi xung quanh, có ước mơ,phấn đấu để đạt được mơ ước, biết cách thể hiện bản thân… | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân. | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HS triển khai vấn đề theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; sau đây là một số gợi ý: | 3,0 |
|  | **Dàn ý nghị luận về một vấn đề trong đời sống**  **1. Mở bài**  Giới thiệu được vấn đề cần bàn luận và thể hiện ý kiến về vấn đề đó.  **2. Thân bài**  a. Giải thích  - Giải thích từ ngữ, khái niệm quan trọng.  - Nêu bài viết bàn luận về ý nghĩa của câu tục ngữ, danh ngôn thì cần giải thích ý nghĩa của cả câu.  b. Bàn luận  - Quan điểm tán thành/phản đối của người viết về vấn đề.  - Trình bày lí lẽ, dẫn chứng để làm sáng tỏ ý kiến.  c. Lật lại vấn đề  - Nhìn nhận vấn đề ở chiều hướng ngược lại, trao đổi với ý kiến trái chiều, đánh giá ngoại lệ, bổ sung ý để vấn đề thêm toàn vẹn.  **3. Kết bài**  - Khẳng định lại ý kiến.  - Đề xuất giải pháp, bài học nhận thức và phương thức hành động. | 0,25 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.* | 0,25 |
|  |  | *e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lí lẽ dẫn chứng xác đáng, sáng tạo.* |  |

**ĐỀ SỐ 3:**

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (6,0 điểm)**

**Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:**

*“Lòng nhân ái không phải tự sinh ra con người đã có. Lòng nhân ái là một trong những phẩm chất hàng đầu, là văn hóa của mỗi một con người. Lòng nhân ái có được là do sự góp công của mỗi gia đình và nhà trường tạo lập cho các em thông qua các hoạt động trải nghiệm rèn luyện, học tập, sẻ chia, “đau với nỗi đau của người khác”… Và lòng nhân ái của các em Trường Quốc tế Global đã được hình thành như thế,[…].*

*Lòng nhân ái là một phần quan trọng trong mục tiêu giáo dục toàn diện của trường GIS và thực tế, lòng nhân ái rất cần trong đời sống, đó là nét văn hóa, là cốt cách của mỗi một con người. Các hoạt động từ thiện đã và đang diễn ra tại Trường Quốc tế Global đã góp phần giúp các em học sinh xây dựng tính cộng đồng, tinh thần trách nhiệm, sẻ chia với mọi người và giúp người khi khó khăn hoạn nạn, phát triển toàn diện tri thức và đạo đức để trở thành những công dân ưu tú, có ích cho xã hội, gìn giữ được bản sắc văn hóa Việt Nam.”*

*(Trích Dạy trẻ lòng nhân ái ở trường quốc tế Global - theo Dân trí - ngày 14/ 2/ 2015).*

**Câu 1:** Theo bài viết, lòng nhân ái của mỗi học sinh được hình thành từ đâu?

|  |
| --- |
| A. Mỗi con người sinh ra tự nhiên đã có lòng nhân ái |
| B. Thông qua các hoạt động trải nghiệm rèn luyện, học tập, chia sẻ |
| C. Do các em được học tập qua sách báo, in-te-net |
| D. Do yếu tố di truyền từ cha mẹ |

**Câu 2:** Chỉ ra tính mạch lạc trong các câu văn sau: “*Lòng nhân ái không phải tự sinh ra con người đã có. Lòng nhân ái là một trong những phẩm chất hàng đầu, là văn hóa của mỗi một con người.”* ?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Phép lặp | B. Phép thế |
| C. Phép nối | D. Phép liên tưởng |

**Câu 3**: Trong mục tiêu giáo dục của trường GIS, lòng nhân ái nằm ở vị trí nào ?

|  |
| --- |
| A. Là ưu tiên số một trong mục tiêu giáo dục toàn diện của trường GIS |
| B. Là mục tiêu giáo dục duy nhất của trường GIS |
| C. Chưa có trong mục tiêu giáo dục của trường GIS |
| D. Là một phần quan trọng trong mục tiêu giáo dục toàn diện của trường GIS |

**Câu 4:** Trong các cách hiểu sau về nghĩa của từ “nhân ái”, cách hiểu nào là thuật ngữ?

|  |
| --- |
| A. Là lòng yêu thương con người, sẵn sàng giúp đỡ khi cần thiết |
| B. Là một trong những phẩm chất hàng đầu, là văn hóa của mỗi con người |
| C. Là do sự góp công của mỗi gia đình và nhà trường tạo lập cho các em |
| D. Là một phần quan trọng trong mục tiêu giáo dục toàn diện của trường GIS |

**Câu 5:** Để phát huy lòng nhân ái của học sinh,Trường Quốc tế Global đã làm gì?

|  |
| --- |
| A. Tổ chức các hoạt động tham quan du lịch cho học sinh tham gia |
| B. Tổ chức Câu lạc bộ học tập cho học sinh tham gia |
| C. Tổ chức các hoạt động từ thiện cho học sinh tham gia |
| D. Tổ chức các hoạt động thể dục thể thao cho học sinh tham gia |

**Câu 6:** Trong các câu sau câu nào có nghĩa **không** liên quan trực tiếp đến lòng nhân ái ?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Thương người như thể thương thân | B. Đi một ngày đàng, học một sàng khôn |
| C. Lá lành đùm lá rách | D. Một miếng khi đói bằng một gói khi no |

**Câu 7:** Em có đồng tình với quan điểm của người viết: “lòng nhân ái rất cần trong đời sống” không ?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Đồng tình | B. Không đồng tình |

**Câu 8:** Tại sao tác giả cho rằng giáo dục lòng nhân ái là việc làm hướng đến “giữ gìn được bản sắc văn hóa Việt Nam”

|  |
| --- |
| A. Vì giáo dục lòng nhân ái cũng là giáo dục văn hóa |
| B. Vì đó là mục tiêu xây dựng con người có văn hóa |
| C. Vì đó là sự khác biệt trong văn hóa Việt Nam so với các nước khác |
| D. Vì lòng nhân ái vốn là một nét đẹp của truyền thống văn hóa Việt Nam |

**Câu 9.** Nêu một số biểu hiện về lòng nhân ái của con người trong cuộc sống *(ít nhất 02 biểu hiện)* ?

**Câu 10**. Từ đoạn trích trên hãy rút ra một thông điệp có ý nghĩa nhất đối với em ?

**PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)**

Trong đời sống có rất nhiều vấn đề cần phải trao đổi, trình bày ý kiến của mình hoặc tán thành hoặc phản đối bằng cách nêu ra lí lẽ, dẫn chứng và lập luận để thuyết phục người nghe. Em hãy viết bài văn nghị luận phản đối quan niệm: ***Cuộc sống chỉ cần gia đình, không cần bạn bè***

**HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
| **1** | B | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | D | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
| **9** | - HS nêu được ít nhất 02 biểu hiện về lòng nhân ái trong đười sống con người, phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật  **Gợi ý**  + Quan tâm đến những người xung quanh  + Chia sẻ, cảm thông với những nỗi đau của người khác  + Giúp đỡ về vật chất khi người hác rơi vào hoàn cảnh bàn cùng, bé tắc,....  ***\* Hướng dẫn cho điểm***  *- HS chỉ nêu được chính xác ít nhất 02 biểu hiện của lòng nhân ái trong đời sống con người: cho 1,0 điểm*  *- HS chỉ nêu được chính xác 01 biểu hiện của lòng nhân ái trong đời sống con người: cho 0,5 điểm*  *- HS chỉ nêu* ***không*** *đúng biểu hiện của lòng nhân ái trong đời sống con người hoặc không trả lời: Không cho điểm* | 1,0 |
| **10** | - HS nêu được 01 thông điệp có ý nghĩa nhất với bản thân về lòng nhân ái trong đười sống con người, phải phù hợp với nội dung đoạn trích và phải phù hợp chuẩn mực đạo đức và pháp luật  **Gợi ý**  + Việc giáo dục lòng nhân ái cho HS là việc làm quan trọng, cần thiết đối với người làm giáo dục và đối với nhà trường  + Là HS cần rèn luyện cho bản thân lòng nhân ái, sẵn sàng đùm bọc, chia sẻ, cảm thông trước những khó khăn của con người trong cuộc sống,...  ***\* Hướng dẫn cho điểm***  *- HS chỉ nêu được thông điệp có ý nghĩa nhất đối với bản thân phù hợp với nội dung đoạn trích và phù hợp chuẩn mực đạo đức và pháp luật cho 1,0 điểm*  *- HS chỉ nêu được thông điệp có ý nghĩa nhất đối với bản thân phù hợp với nội dung đoạn trích và phù hợp chuẩn mực đạo đức và pháp luật nhưng chưa rõ ràng: cho 0,5 điểm*  *- HS chỉ nêu thông điệp* ***không*** *đúng không phù phù hợp với nội dung đoạn trích và phù hợp chuẩn mực đạo đức và pháp luật. Hoặc không trả lời; Không cho điểm* | 1,0 |
| **II** | **VIẾT** | **4,0** |
| *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống* | 0,25 |
| b. Xác định đúng yêu cầu của đề.  Em hãy viết bài văn nghị luận phản đối quan niệm: Cuộc sống chỉ cần gia đình, không cần bạn bè | 0,25 |
| c. Viết bài văn phản đối quan niệm: Cuộc sống chỉ cần gia đình, không cần bạn bè  HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: | 3,0 |
| - Quan điểm này bày tỏ cách hiểu: cuộc sống của mỗi người chỉ cần gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng, không cần bạn bè.  - Bày tỏ quan điểm phản đối vì: bạn bè cùng trang lứa sẽ dễ dàng giúp ta tìm được sự chia sẻ, niềm vui, học hỏi lẫn nhau, ..... |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.* | 0,25 |
| *e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lập luận chặt chẽ, sinh động, sáng tạo.* | 0,25 |

**ĐỀ SỐ 4:**

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

*Ngoài ra, ranh giới giữa thói xấu và đức tốt chỉ là một sợi tóc. Ví dụ như thói ngạo mạn và lòng dũng cảm. Thói lỗ mãn và tính cương trực. Thói ngoan cố và lòng thành thực. Tính nông nổi và sự nhanh nhạy. Tố chất gốc tự nó không phải là xấu.*

*Tuy vậy, duy có một thứ, vốn dĩ tố chất gốc đã là xấu, cho nên bất cứ ở đâu, dù ở mức độ nào và nhằm mục đích ra sao, thì nó vẫn cứ là thói xấu. Thứ đó chính là tham lam.*

*Tham lam thường ngấm ngầm nảy sinh trong lòng. Tham vọng khiến người ta lập mưu tính kế hãm hại người khác nhằm thoả mãn sự ghen tức, hay xoa dịu nỗi bất hạnh của chính mình. Vì thế những kẻ ôm ấp lòng tham không hề đóng góp gì mà chỉ phá hoại hạnh phúc xã hội.*

*Ghen ghét, lường gạt, giả dối là những thói mà người ta thường gọi là lừa đảo bịp bợm. Đây là một thói đê tiện. Nhưng nó không phải là nguyên nhân đẻ ra sự tham lam. Ngược lại, phải thấy rằng chính tham lam đã sản sinh ra những thói đê tiện ấy mới đúng.*

*Tham lam là nguồn gốc của mọi thói xấu. Có thể nói: Không có thói xấu nào trong con người mà lại không xuất phát từ tham lam.*

*Thái độ cay cú ngờ vực, ghen tức, hèn nhát... cũng từ tham lam mà ra. Từ những hành vi thậm thụt, mật đàm, mưu mô cho đến việc lôi kéo bè cánh, ám sát, nổi loạn... tất cả đều phát sinh từ tham lam.*

*Trên phạm vi quốc gia, những tai hoạ do lòng tham gây ra khiến cho dân chúng đều trở thành nạn nhân. Khi đó thì mọi lợi ích công đều biến thành lợi ích riêng của một nhóm người.*

*(Fukuzawa Yukichi, “Tham lam” đối với người khác chính là nguồn gốc của mọi thói xấu in trong Khuyến học*, *Phạm Hữu Lợi dịch, NXB Nhà xuất bản Dân trí)*

**Câu 1:** Ở văn bản trên cho ta thấy những kẻ ôm ấp lòng tham có đem lợi ích cho xã hội không?

A. Có B. Không

**Câu 2:** Trong câu “*Không có thói xấu nào trong con người mà lại không xuất phát từ tham lam.”* có mấy phó từ?

A. 1 phó từ B. 2 phó từ C. 3 phó từ D. 4 phó từ

**Câu 3:** Trong câu “Trên phạm vi quốc gia, những tai hoạ do lòng tham gây ra khiến cho dân chúng đều trở thành nạn nhân.” có trạng ngữ không?

A. Có B. Không

**Câu 4:** Đoạn văn: “Tham lam là nguồn gốc của mọi thói xấu. Có thể nói: Không có thói xấu nào trong con người mà lại không xuất phát từ tham lam.” Sử dụng phép liên kết nào?

A. Phép trái nghĩa B. Phép thế C. Phép lặp D. Không có phép liên kết

**Câu 5:** Câu sau: “Ngoài ra, ranh giới giữa thói xấu và đức tốt chỉ là một sợi tóc”, có mấy số từ?

A. Một B. Hai C. Ba D. Bốn

**Câu 6:** Trong văn bản trên, hành vi của kẻ tham lam được thể hiện qua những đâu?

A. Mưu mô, gian dối,lừa đảo, thường xuyên không nói đúng sự thật..

B.Thậm thụt, mật đàm, mưu mô cho đến việc lôi kéo bè cánh, ám sát, nổi loạn...

C. Thường lấy đồ của người khác khi họ không để ý làm của riêng cho mình.

D. Hay kết bè phái để chia rẽ, kéo cánh, làm những việc trái với lương tâm.

**Câu 7:** Vấn đề bàn luận trong văn bản trên là gì?

A. Bàn về lòng nhân ái B. Bàn về tính trung thực

C. Bàn về lòng khiêm tốn D. Bàn về tính tham lam

**Câu 8:** Đoạn văn: “Ngoài ra, ranh giới giữa thói xấu và đức tốt chỉ là một sợi tóc. Ví dụ như thói ngạo mạn và lòng dũng cảm. Thói lỗ mãn và tính cương trực. Thói ngoan cố và lòng thành thực. Tính nông nổi và sự nhanh nhạy. Tố chất gốc tự nó không phải là xấu.” Tác giả đã dùng phép lập luận nào?

A. Giải thích B. Đối chiếu C. So sánh D. Phản đề

**Câu 9:** Qua văn bản trên em rút ra bài học gì cho bản thân?

**Câu 10:** Em có đồng ý với suy nghĩ của tác giả: “Trên phạm vi quốc gia, những tai hoạ do lòng tham gây ra khiến cho dân chúng đều trở thành nạn nhân.” Không? Vì sao?

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Em hãy viết bài văn bàn về một vấn đề trong đời sống mà em quan tâm.

**HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | B | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
|  | **9** | Hs nêu được bài học phù hợp cho bản thân. | 1,0 |
|  | **10** | HS nêu được ý kiến của mình sao cho phù hợp. Lí giải hợp lí (Phù hợp với chuẩn mực đạo đức) | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:* Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: suy nghĩ cá nhân đối với hiện tượng một vấn đề mà em quan tâm. | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HS triển khai vấn đề theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; sau đây là một số gợi ý: |  |
|  | **Dàn ý nghị luận về một vấn đề trong đời sống**  **1. Mở bài**  - Giới thiệu được vấn đề cần bàn luận và thể hiện ý kiến về vấn đề đó.  **2. Thân bài**  a. Giải thích  - Giải thích từ ngữ, khái niệm quan trọng.  - Nêu bài viết bàn luận về ý nghĩa của câu tục ngữ, danh ngôn thì cần giải thích ý nghĩa của cả câu.  b. Bàn luận  - Quan điểm tán thành/phản đối của người viết về vấn đề.  - Trình bày lí lẽ, dẫn chứng để làm sáng tỏ ý kiến.  c. Lật lại vấn đề  - Nhìn nhận vấn đề ở chiều hướng ngược lại, trao đổi với ý kiến trái chiều, đánh giá ngoại lệ, bổ sung ý để vấn đề thêm toàn vẹn.  **3. Kết bài**  - Khẳng định lại ý kiến.  - Đề xuất giải pháp, bài học nhận thức và phương thức hành động. | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.* | 0,5 |
|  | *e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lí lẽ dẫn chứng xác đáng, sáng tạo.* | 0,5 |

**9. TẢN VĂN TUỲ BÚT**

**I. LÍ THUYẾT**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **KIẾN THỨC** |
| **1. Khái niệm** | + Tùy bút là thể loại thuộc ghi chép sự vật sự việc con người một cách tự do theo cảm hứng của người viết, qua đó trình bày những suy tưởng, nhận xét. đánh giá. Trong tùy bút người nghệ sĩ tài hoa luôn có những lối diễn đạt riêng, độc đáo không thể lẫn.  + Tản văn là thể loại có những dấu hiệu thuộc loại hình ký văn học, đó là những ghi chép về một sự việc, sự vật cụ thể, đồng thời cũng có dấu hiệu của truyện là hiện tượng khách quan trong cuộc sống nhưng thường không có cốt truyện lại có dấu hiệu của nghị luận với những bàn luận suy ngẩm đậm màu sắc triết lý và được bao quanh bởi những dòng cảm xúc của tác giả.  =>Tùy bút và tản văn đều là các thể loại của ký đều là thể loại văn xuôi, đậm chất trữ tình. |
| **2. Đặc điểm**  **a. Chất trữ tình và cái tôi** | **-** Chất trữ tình ở tuỳ bút và tản văn là sự thể hiện trực tiếp những suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc chủ quan của người viết trước con người và sự việc được nói tới. Vì thế, cái tôi giúp con người tác giả hiện lên rất rõ nét như nhẹ nhàng, lặng lẽ hay sôi nổi, tinh tế, lịch lãm hãy quyết liệt, sung sướng hay buồn rầu, căm giận. Cái tôi trong tùy bút, tản văn là yếu tố thiện cảm xúc, suy nghĩ riêng của tác giả qua văn bản. |
| **b. Ngôn ngữ** | Ngôn ngữ của tùy bút và tản văn đều giầu chất thơ do chú trọng tái hiện nội tâm, cảm xúc, cách miêu tả thiên nhiên thơ mộng, sử dụng nhiều biện pháp tu từ, nhiều từ ngữ sinh động giầu hình ảnh, nhịp điệu rất phù hợp với chất trữ tình. |

**3. Một số lưu ý khi đọc – hiểu văn bản tản văn, tùy bút**

- Đọc văn bản, nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm tản văn, tùy bút.

- Đọc-cảm nhận, vận dụng tri thức đọc hiểu, nhận diện tác phẩm đó thuộc thể tuỳ bút hay tản văn.

+ Nếu là tuỳ bút chú ý đến những chi tiết con người và sự kiện cụ thể, có thực trong tác phẩm, nhất là những chi tiết trở thành cái cớ để bộc lộ những tình cảm, cảm xúc, suy tư và nhận thức của người viết về cuộc sống. Đồng thời phát hiện xem tác giả có cái nhìn như thế nào khi nhìn nhận, lí giải các sự việc, hiện tượng. Nhận biết được hình ảnh và chất thơ trong thể loại tùy bút.

+ Nếu là tản văn: tìm ra những tín hiệu thẩm mĩ trở thành cấu tứ tác phẩm được triển khai từ một vài tín hiệu thẩm mĩ đóng vai trò trung tâm trong thế giới nghệ thuật. Khi khai thác tản văn không nên chú ý đến cốt truyện mà nên quan tâm đến cảm xúc và những chi tiết khơi gợi cảm xúc cũng như dấu ấn cá nhân của nhà văn. Chú ý đến ý nghĩa xã hội của hiện tượng trong văn bản và những tình cảm, ý nghĩ của tác giả thể hiện trực tiếp trong văn bản.

- Chú ý các chi tiết, sự kiện, được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của tuỳ bút, tản văn.

- Rút ra được thông điệp, bài học nhân văn mà tuỳ bút, tản văn đem đến cho người đọc.

- Suy nghĩ để cảm nhận tư tưởng, quan niệm, luận bàn của tác giả được về những vấn đề nhân sinh, xã hội.

- Liên hệ với bản thân và cuộc sống thực tại để thấy ý nghĩa của tuỳ bút, tản văn đối với cuộc sống, con người.

**II. THỰC HÀNH**

**1. DẠNG ĐỀ ĐỌC HIỂU**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**  *[…] Người sống ở Hà Nội hơn nửa thế kỉ trước gắn kí ức của mình với những cột đèn sắt tán đinh, những leng keng tàu điện và còi tầm nóc Nhà hát Lớn. Với chợ búa nhộn nhịp Đồng Xuân – Bắc Qua, chợ Hàng Da, chợ Hàng Bè, chợ Hôm – Đức Viên, chợ Bưởi, chợ Mơ. Kí ức gắn liền với dòng sông Hồng và chiếc cầu Long Biên hùng vĩ mà thanh thoát chạy qua bãi giữa ngút ngàn xanh. Gắn với giọng nói trong trẻo, nhã nhặn của thiếu nữ Hà Nội và cách ăn mặc khiêm nhường, không bao giờ phô trương thái quá. Và gắn với những hàng câu làm nên tên tuổi của phố phường cả mới và cũ.*  *Cây Hà Nội được thừa hưởng quy hoạch của nền văn minh đô thị châu Âu do người Pháp để lại sau hòa bình. Hẳn là kết quả của rất dày công nghiên cứu và tìm kiếm. Họ đã để lại nhiều giống cây trồng đô thị không có trong hệ thực vật Việt Nam. Cách thức quy hoạch cây trồng trong phố cũng được tính toán tỉ mỉ từ tầm vóc cây, độ tỏa rộng của lá cành cho đến màu hoa và mùi hương. Họ cũng thành lập hẳn một Vườn Bách Thảo bên cạnh Hồ Tây để mang rất nhiều giống cây mới lạ trên thế giới về trồng.*  *Hàng cây bàng trên phố Tràng Thi sau hòa bình đã đạt độ lớn cực đại, che phủ suốt chiều dài con phố. Mùa hè đi trên con phố ấy gần như không nhìn thấy ánh Mặt Trời. Tháng Bảy mùa mưa, bàng chín rụng vàng mặt đất. Trẻ con nghỉ hè, đội mưa nhặt những quả bàng ngọt lịm ăn không biết chán. Hột bàng đùm vào vạt áo mang về, dùng búa đập ra lấy nhân béo ngậy. Mùa đông, cả con phố đỏ thẫm sắc lá trên cành và mặt đất. Những cành bàng gầy guộc, dãi dầu in lên nền trời tĩnh lặng, mịt mù sương khói thần tiên. Bước chân của những người gánh hàng rong xạc xào, nhẫn lại gọi mời.*  *Mười mấy câu bồ đề trước cửa TRường Tiểu học Tây Sơn đường Trần Nhân Tông mùa thay lá rải vàng mặt đất. Lá mới buông chùm trong veo, tĩnh lặng, từ bi. Lũ trẻ tan trường như những thiên thần nhỏ vui đùa trong lá.*  *Hàng cây sao phố Lò Đúc mang đại ngàn vế phố phường chật chội. Những cây sao đen thẳng tắp vươn lên nền trời tỏa bóng. Phố âm âm tối suốt cả ngày. Xao xác tiếng đàn cò tìm về mỗi chiều làm người ta hình dung ra độ cao vượt bậc của cây. Phố Lò Đúc còn có tên gọi dân dã là “Bang cò ỉa”. Qua đấy buổi chiều phải dỏng tai nghe ngóng tiếng cò trên đầu mà đi. Phiền đấy nhưng luôn rộn tiếng cười. Ai đó có chuyện buồn đi qua phố ấy lúc nhập nhoạng hẳn sẽ được những tiếng cười an ủi rất nhiều.*  *Hoa sữa trồng thành hàng thẳng tắp bên đường Nguyễn Du. Tháng Chín ngọt ngào thơm đêm thành phố. Gió mùa đông bắc tràn về làm cho những chùm quả khô tách vỏ, hạt bong hoa sữa lang thang bay sang phía hồ Thiền Quang, kết lại thành đám lớn nổi nênh trên mặt nước.*  *Hàng cây sấu cổ thụ trên đường Trần Hưng Đạo sần sùi u mấu như những bức điêu khắc hiện tại. Cây Hà Nội mang nhiều vết tích những tháng năm nhọc nhằn chiến tranh đói khổ. Người ta đóng đinh lên cây để treo vài chiếc lốp hỏng như một biển hiệu của cửa hàng sửa chữa xe đạp. Những rễ sấu già mọc chồi lên khỏi mặt đất như chiếc ghế dài lí tưởng cho việc đợi chờ sửa xe. Những năm tháng ấy, không chỉ quả ssaaus mới là thức ăn mùa hè. Lá sấu nhiều khi cũng được người Hà Nội cho vào nồi đánh dấm nước rau luộc. Trẻ con thất học khá nhiều. Hầu hết sung vào đội quân trèo me trèo sấu. Đến mức “trèo me trèo sấu” đã trở nên thành ngữ của người Hà Nội, chỉ đám du thủ thực trong tương lai.*  *Phố Lý Thường Kiệt hoa phượng, phố Thợ Nhuộm bằng lăng, phố Hai Bà Trưng cây nhội, phố Quang Trung hai hàng cơm nguội, Lê Hồng Phong, Hoàng Diệu rợp tán xà cừ và rất nhiều con phố Hà Nội gợi nhớ nhung bằng những hàng cây của mình. Kí ức vẫn còn nguyên vẹn nhưng cây cối phố phường đã hư hao thay đổi khá nhiều. Hà Nội không phải là mảnh đất hứng nhiều dông bão, cây cối bị phá hủy phần lớn do con người […]*  *(Đỗ Phấn,*Bâng quơ một thời Hà Nội*, NXB Trả, Thành phố Hồ Chí Minh, 2018)*  **Câu 1**. Văn bản viết về đề tài gì?  **Câu 2**. Từ “kí ức” trong nhan đề Kí ức cây Hà Nội cho em biết điều gì?  **Câu 3**. Hãy chỉ ra các yếu tố tự sự, trữ tình, nghị luận được sử dụng trong văn bản.  **Câu 4**. Câu văn nào thể hiện trực tiếp tình cảm, ý nghĩ của tác giả trong văn bản Kí ức cây Hà Nội?  **Câu 5**. Nội dung văn bản giúp em hiểu thêm được những gì về thành phố Hà Nội? |

**Hướng dẫn trả lời**

**Câu 1.** Văn bản viết về đề tài: Quê hương đất nước.

**Câu 2.** Nghĩa của từ “kí ức” là: hình ảnh, sự việc đã qua, được trí nhớ ghi lại và gợi lên (Hoàng Phê (Chủ biên), Từ điển tiếng Việt, 2017). Từ nghĩa của từ “kí ức”, suy ra nội dung hàm chứa tỏng nhan đề Kí ức cây Hà Nội.

**Câu 3.** Các yếu tố tự sự, trữ tình, nghị luận được sử dụng trong văn bản là:

- Tự sự: “Trẻ con nghỉ hè đội mưa nhặt những quả bàng ngọt lịm ăn không biết chán. Hột bàng đùm vào vạt áo mang về dùng búa đập ra lấy nhân béo ngậy.”.

- Miêu tả: “Hoa sữa trồng thành hàng thẳng tắp bên đường Nguyễn Du. Tháng Chín ngọt ngào thơm đêm thành phố. Gió mùa đông bắc tràn về làm cho những chùm quả khô tách vỏ, hạt bông hoa sữa lang thang bay sang phía hồ Thiền Quang kết lại thành đám lớn nổi nênh trên mặt nước.”.

- Trữ tình: “Qua đấy buổi chiều phải dỏng tai nghe ngóng tiếng cò trên đầu mà đi. Phiền đấy nhưng luôn rộn tiếng cười. Ai đó có chuyện buồn đi qua phố ấy lúc nhập nhoạng hẳn là sẽ được những tiếng cười an ủi rất nhiều.”.

- Nghị luận: “Kí ức vẫn còn nguyên vẹn nhưng cây cối phố phường đã hư hao thay đổi khá nhiều. Hà Nội không phải là mảnh đất hứng nhiều dông bão, cây cối bị phá hủy phần lớn do con người.”.

**Câu 4.** Câu văn thể hiện trực tiếp tình cảm, ý nghĩ của tác giả trong văn bản Kí ức cây Hà Nội:

- Người sống ở Hà Nội hơn nửa thế kỉ trước gắn kí ức của mình với những cột đèn sắt tán đinh, những leng keng tàu điện và còi tầm nóc Nhà hát Lớn.

- Kí ức gắn liền với dòng sông Hồng và chiếc cầu Long Biên hùng vĩ mà thanh thoát chạy qua bãi giữa ngút ngàn xanh. Gắn với giọng nói trong trẻo, nhã nhặn của thiếu nữ Hà Nội và cách ăn mặc khiêm nhường, không bao giờ phô trương thái quá.

**Câu 5**. Thông qua văn bản giúp em thêm hiểu biết mới về Hà Nội: như hàng cây sao ở phố Lò Đúc, hoa sữa được trồng thành hàng bên đường Nguyễn Du, hàng cây bàng trên phố Tràng Thi sau hòa bình đã đạt độ lớn cực đại… Những hình ảnh đó càng làm cho em thêm yêu và tự hào về Hà Nội.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**             Mùa lụt năm ngoái, sau những trận mưa dữ dội, vùng quê tôi nước tràn trắng trời trắng đất. Nhà ngoại tôi nước ngập ngang cửa sổ, gần bằng trận lụt năm Giáp Thìn (1964). Nhớ hồi đó, tôi còn nhỏ, nhà tôi đông người, thôn xóm cho ghe đến tận nhà chuyển người và gia súc lên vùng đồi cao. Lần này, chỉ có dì Bảy với người cháu gái, nửa đêm nước dâng vào nhà bất thần, may có vài người bà con ở gần đến giúp đỡ kê bàn ghế có chỗ nằm cao hơn mặt nước, chờ đất trời thu nước xuống.            Mùa lũ dữ rồi cũng qua, vườn rau xanh trở lại. Những ngày này, dì tôi, bà Lê Thị Thỏa, một trong bao người phụ nữ bình dị đã đi qua chiến tranh, năm nay tròn 80 tuổi, đang ngồi một mình đợi Tết ở ngôi nhà gần cầu Vĩnh Phú thuộc thị trấn Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Nguyện cầu hồn thiêng những người đã ngã xuống độ trì cho dì bình an, trường thọ.  **Câu 1**. Xác định thể loại của văn bản  **Câu 2**. Nêu phương thức biểu đạt chính của đoạn trích?  **Câu 3**. Theo đoạn trích mùa lũ dữ rồi cũng qua thiên nhiên và con người thay đổi như thế nào?  **Câu 4**. Trong đoạn trích, tính chân thực (không hư cấu) của tác phẩm kí được thể hiện ở chi tiết, câu, đoạn văn nào?  **Câu 5.** Dẫn ra một số chi tiết (từ ngữ) để thấy dấu ấn ngôn ngữ địa phương được thể hiện ở đoạn trích trên. |

**GỢI Ý TRẢ LỜI:**

**Câu 1.** Thể loại Kí

**Câu 2.** Phương thức biểu đạt chính Tự sự.

**Câu 3.** Theo đoạn trích thiên nhiên và con người thay đổi: “Mùa lũ dữ rồi cũng qua, vườn rau xanh trở lại. Những ngày này, dì tôi, bà Lê Thị Thỏa, một trong bao người phụ nữ bình dị đã đi qua chiến tranh, năm nay tròn 80 tuổi.”

**Câu 4.** Tản văn thuộc thể kí. Kí nói chung dựa vào sự thực (người thực, việc thực, …), không hư cấu, tưởng tượng. Đặc điểm chung này được thể hiện khá rõ trong đoạn trích. Cụ thể, tác giả đã dẫn ra các sự kiện như: Trận lụt năm ngoái to “gần bằng trận lụt năm Giáp Thìn” và đặc biệt, phần cuối tác giả nêu rõ tên, tuổi, quê quán thực của dì Bảy: “… bà Lê Thị Thỏa, một trong bao người phụ nữ bình dị đã đi qua chiến tranh, năm nay tròn 80 tuổi, đang ngồi một mình đợi Tết ở ngôi nhà gần cầu Vĩnh Phú thuộc thị trấn Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.”.

**Câu 5.** Có thể thấy, trong đoạn trích có nhiều từ ngữ địa phương Nam Bộ nói chung và nam miền Trung nói riêng. Chẳng hạn: cách gọi tên “dì Bảy”, “ngoại”; từ chỉ phương tiện như “ghe”

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**  Thì ra cô thôn nữ vui vẻ, nhí nhảnh, ưu hát ví vẫn còn sống trong lòng người đánh võng.            Rồi xứ Bắc, với những làng tre xanh trên ruộng lúa, với các cô thôn nữ khăn mỏ quạ, những đêm trăng trai gái hát trống quân, những đêm chèo ngày vào đám, tất cả cuộc sống nhịp nhàng, đơn sơ, đầy thi vị ngoài đồng ruộng, trong thôn xóm, tất cả những cái gì rất đẹp của quê hương đều lần lượt hiện về trong lòng tôi vì câu hát …  Thì ra, cho dù đi quanh thế giới này đi nữa, trong khi Trái Đất mang ta, ta cũng mang trong lòng cả một thế giới.  Dù qua không gian, qua thời gian, ta vẫn còn một chút gì riêng biệt của ta. Tiếng nói có trọ trẹ, giọng có pha, nhưng tâm hồn vẫn vậy.  **Câu 1**. Câu hát ru gợi lên trong lòng tác giả những gì?  **Câu 2.** Đoạn trích này nằm cuối văn bản Trưa tha hương, điều đó có ý nghĩa và tác dụng như thế nào với chủ đề của văn bản?  **Câu 3**. Qua đoạn trích trên, tác giả muốn khẳng định điều gì? |

**GỢI Ý TRẢ LỜI:**

**Câu 1.** Câu hát ru gợi lên tỏng lòng tác giả về quang cảnh quê hương và sinh hoạt của con người xứ Bắc “với những làng tre xanh trên ruộng lúa, với các cô thôn nữ khăn mỏ quạ, những đêm trăng trai gái hát trống quân, những đêm chèo ngày vào đám, tất cả cuộc sống nhịp nhàng đơn sơ đầy thi vị ngoài đồng ruộng, trong thôn xóm, tất cả những cái gì rất đẹp của quê hương đều lần lượt hiện về …”.

**Câu 2.** Đoạn trích này nằm cuối văn bản Trưa tha hương, như là phần kết lại, qua đó, tác giả nêu lên những suy nghĩ, phát biểu khái quát về giá trị và ý nghĩa của điệu hát ru; thể hiện rõ chủ đề của văn bản.

**Câu 3.** Qua đoạn trích trên, tác giả muốn khẳng định: Con người dù có đi đâu, ở đâu và trải qua những đổi thay đi nữa, trong tâm hồn vẫn đọng lại tình cảm quê hương; vẫn in đậm dấu ấn các kí ức tuổi thơ; tâm hồn và tính cách khó mà thay đổi. Hai câu kết của đoạn trích thể hiện rõ điều đó: “Dù qua không gian, qua thời gian, ta vẫn còn một chút gì riêng biệt của ta. Tiếng nói có trọ trẹ, giọng có pha, nhưng tâm hồn vẫn vậy.”.

**2. Dạng Đọc – Hiểu cấu trúc mới**

**ĐỀ SỐ 1**

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm).**

**Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

**CÁNH DIỀU TUỔI THƠ**

*“Tuổi thơ của tôi được nâng lên từ những cánh diều. Chiều chiều, trên bãi thả, đám trẻ mục đồng chúng tôi hò hét nhau thả diều thi. Cánh diều mềm mại như cánh bướm. Chúng tôi vui sướng đến phát dại nhìn lên trời. Tiếng sáo diều vi vu trầm bổng. Sáo đơn, rồi sáo kép, sáo bè,... như gọi thấp xuống những vì sao sớm. Ban đêm, trên bãi thả diều thật không còn gì huyền ảo hơn. Có cảm giác điều đang trôi trên dải Ngân Hà. Bầu trời tự do đẹp như một thảm nhung khổng lồ. Có cái gì cứ cháy lên, cháy mãi trong tâm hồn chúng tôi. Sau này tôi mới hiểu đấy là khát vọng. Tôi đã ngửa cổ suốt một thời mới lớn để chờ đợi một nàng tiên áo xanh bay xuống từ trời và bao giờ cũng hi vọng khi tha thiết cầu xin: “Bay đi diều ơi! Bay đi!”. Cánh diều tuổi ngọc ngà bay đi, mang theo nỗi khát khao của tôi.*

*(Cánh diều tuổi thơ - Tạ Duy Anh, NXB Giáo dục Việt Nam 2017)*

**Câu 1:** Phần ngữ liệu mang đặc trưng thể loại văn học nào?

1. Truyện khoa học viễn tưởng B. Tiểu thuyết

C. Văn bản thông tin D. Tản văn

**Câu 2:** Nối cột A tương ứng với cột B về đặc điểm thể loại của văn bản

|  |  |
| --- | --- |
| **A** | **B** |
| 1.Tùy bút | A. Các tác phẩm tự sự nói chung có nhân vật, cốt truyện và lời kể. |
| 2. Tản văn | B. Là ghi chép lại bằng trí nhớ những sự việc đã xảy ra đối với bản thân trong quá khứ đã để lại ấn tượng mạnh. |
| 3. Truyện | C. Là thể loại thuộc loại hình kí, trong đó tác giả ghi chép lại các sự việc được quan sát và suy ngẫm về cảnh vật, con người xung quanh. |
| 4. Hồi kí | D. Bộc lộ trực tiếp suy nghĩ, cảm xúc của người viết qua các hiện tượng, đời sống thường nhật. |

**Câu 3:** Tuổi thơ của tác giả gắn với hình ảnh nào?

A. Dòng song B.Cánh diều C. Cánh đồng D. Cánh cò

**Câu 4:** Trong câu*“Bầu trời tự do đẹp như một thảm nhung khổng lồ”* có cụm từ *“một thảm nhung khổng lồ”* thuộc cụm từ nào sau đây?

A. Cụm danh từ B. Cụm động từ

C. Cụm tính từ D. Không phải là cụm từ loại

**Câu 5:** Trong các câu sau, câu nào có chứa trạng ngữ?

A. Cánh diều mềm mại như cánh bướm

B. Tiếng sáo diều vi vu trầm bổng.

C. Chiều chiều, trên bãi thả, đám trẻ mục đồng chúng tôi hò hét nhau thả diều thi.

D. Cánh diều tuổi ngọc ngà bay đi, mang theo nỗi khát khao của tôi.

**Câu 6:**Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống:

Thông qua “*Cánh diều tuổi thơ”*, tác giả Tạ Duy Anh muốn nói đến …………….. sống của con người như những cánh diều bay trên bầu trời rộng lớn, thỏa sức mình, nỗ lực chiến đấu cho cuộc đời.

A. Khát vọng B. Nghị lực C. Niềm vui D. Sức mạnh

**Câu 7:** Câu *"Tôi đã ngửa cổ suốt một thời mới lớn để chờ đợi một nàng tiên xanh..."* cho thấy tâm hồn đứa trẻ như thế nào?

A. Trẻ em sẽ có tâm hồn yếu đuối. B. Trẻ em hay dễ ảo tưởng.

C. Trẻ em thấy bản thân luôn nhỏ bé. D. Trẻ em có tâm hồn mộng mơ.

**Câu 8:** Nhan đề văn bản nêu lên nội dung gì?

A. Nêu vấn đề cần phải giữ gìn trò chơi dân gian

B. Nêu lên ý nghĩa của cánh diều đối với tuổi thơ

C. Nêu hình ảnh xuyên suốt văn bản

D. Nêu lên ước mơ của con người lúc tuổi thơ.

**Câu 9:** Tuổi thơ của mỗi đứa trẻ thường gắn với những trò chơi thú vị? Hãy trình bày cảm nhận về một trò chơi đã gắn bó với tuổi thơ em (khoảng 2-3 câu)?

**Câu 10:** Em có đồng ý với ý kiến sau không: *“Cánh diều có thể khơi dậy niềm vui*

*sướng và ước mơ của tuổi thơ”*? Hãy nêu vai trò của ước mơ trong đời sống con người bằng một đoạn văn ngắn (khoảng 4 - 6 câu).

**II. LÀM VĂN (4.0 điểm).**

Em hãy viết bài văn cảm nghĩ về mái trường của em.

**HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6.0** |
|  | **1** | D | 0.5 |
| **2** | 1C,2D,3A,4B | 0.5 |
| **3** | B | 0.5 |
| **4** | A | 0.5 |
| **5** | C | 0.5 |
| **6** | A | 0.5 |
| **7** | D | 0.5 |
| **8** | D | 0.5 |
|  | **9** | - HS có thể trình bày những cảm nhận về trò chơi gắn bó với tuổi thơ em ở những ý khác nhau.  - GV linh hoạt trong quá trình chấm điểm.  **Gợi ý**:  - Giới thiệu được trò chơi.  - Bày tỏ được tình cảm của bản thân với những kỉ niệm gắn bó trò chơi ấy. | 1.0 |
|  | **10** | - HS có thể trả lời đồng tình hoặc không đồng tình, nhưng phải lí giải hợp lí. *(GV linh hoạt trong quá trình chấm điểm)*  - Vai trò của ước mơ: (HS trình bày ngắn gọn theo ý).  + Ước mơ tạo cho con người niềm say mê và thích thú theo đuổi công việc của mình.  + Là mục tiêu phấn đấu để không bao giờ cảm thấy nhàm chán.  + Ước mơ khiến con người trở nên vĩ đại hơn bởi vì được xây dựng bởi lí tưởng và tâm hồn của những con người biết khát khao, biết cố gắng . | 1.0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4.0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm:* cóMở bài giới thiệu về ngôi trường và tình cảm dành cho trường mình, thân bài triển khai được tình cảm của em về vẻ đẹp của ngôi trường, tình cảm gắn bó của em với thầy cô, bạn bè, trường lớp…, kết bài khái quát cảm nghĩ của em dành cho mái trường. | 0.25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: cảm nghĩ cá nhân đối với mái trường của em. | 0.25 |
|  | *c. Triển khai các ý cho bài văn biểu cảm.*  HS triển khai các ý theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt cách bộc lộ cảm xúc thông qua vẻ đẹp của ngôi trường, tình cảm gắn bó của em với thầy cô, bạn bè, trường lớp…  Sau đây là một số gợi ý: |  |
|  | **1. Mở bài:**  - Giới thiệu khái quát về trường em, về thầy cô, bạn bè ...  - Nêu khái quát tình cảm của em với mái trường, với thầy cô, bạn bè...hs có thể nêu một tình huống, một hoàn cảnh cụ thể để trình bày cảm nghĩ, khuyến khích sự sáng tạo của học sinh.  **2. Thân bài:**  - Giới thiệu về mái trường thân yêu của em: Qua miêu tả những hình ảnh cụ thể, sinh động về mái trường: cổng trường, hàng cây, sân trường, lớp học với những dãy bàn ghế thân thuộc gắn bó với em hàng ngày.  - Giới thiệu về thầy cô, bạn bè qua miêu tả, kết hợp kể chuyện, tạo tình huống, hoàn cảnh sinh động để bộc lộ cảm xúc, tình cảm của em với mái trường...  - Trực tiếp trình bày cảm xúc, suy nghĩ của em về mái trường: mái trường trở nên thân thuộc, gắn bó với em, em yêu mái trường nơi có bao nhiêu kỉ niệm tuổi thơ, nơi nâng bước em vào đời...  **3. Kết bài**  - Khẳng định lại cảm xúc, suy nghĩ chung về mái trường thân yêu ...  - Học sinh có thể liên hệ với nội dung Phong trào thi đua xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực đang được thực hiện ... | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.* | 0.5 |
|  | *e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn biểu cảm sinh động, sáng tạo.* | 0.5 |

**ĐỀ SỐ 1:**

**PHẦN I ĐỌC – HIỂU ( 6 điểm)**

**Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới:**

**MỘT THỨ QUÀ CỦA LÚA NON: CỐM**

*Cơn gió mùa thu hạ lướt qua vùng sen trên hồ, nhuần thấm cái hương thơm của lá, như báo trước mùa về của một thức quà thanh nhã và tinh khiết. Các bạn ngửi thấy, khi đi qua những cánh đồng xanh, mà hạt thóc nếp đầu tiên làm trĩu thân lúa còn tươi, ngửi thấy cái mùi thơm mát của bông lúa non không? trong cái vỏ xanh kia, có một giọt sữa trắng thơm, phản phất hương vị mùi hoa cỏ. Dưới ánh nắng, giọt sữa dần dần đông lại, bông lúc càng ngày càng cong xuống, nặng vì cái chất quý trong sạch của Trời.*

*Đợi đến lúc vừa nhất, mà chỉ riêng những người chuyên môn mới định được,người ta gặt mang về. Rồi đến một loạt cách chế biến, những cách thức làm, truyền tự đời này sang đời khác, một sự bí mật trân trọng và khe khắt giữ gìn, các cô gái Vòng làm ra thứ cốm dẻo và thơm ấy. Tất nhiên là nhiều nơi cũng biết cách thức làm cốm, nhưng không có đâu làm được cốm dẻo, thơm và ngon được ở làng Vòng, gần Hà Nội. Tiếng cốm Vòng đã lan khắp tất cả ba kỳ, và đến mùa cốm, các người ở Hà Nội 36 phố phường vẫn thường ngóng trông cô hàng cốm xinh xinh, áo quần gọn ghẽ, với cái dấu hiệu đặc biệt là cái đòn gánh hai đầu cong vút lên như chiếc thuyền rồng ...*

*Cốm là thức quà đặc biệt riêng của đất nước, là thức dâng của những cánh đồng lúa bát ngát xanh, mang trong hương vị tất cả cái mộc mạc, giản dị và thanh khiết của đồng quê nội cỏ Việt Nam. Ai nghĩ đầu tiên dùng cốm để làm quà siêu tết? Không có gì hợp hơn với sự vương vít của tơ hồng, thức quà trong sạch, trung thành như các việc lễ nghi. Hồng cốm tốt đôi ... Và không bao giờ có hai màu lại hòa hợp hơn nữa: màu xanh tươi của cốm như ngọc thạch quý, màu đỏ thắm của hồng như ngọc lựu già. Một thứ thanh đạm, một thứ ngọt sắc, hai vị nâng đỡ nhau để hạnh phúc được lâu bền. (Thật đáng tiếc khi chúng ta thấy những tục lệ tốt đẹp ấy mất dần, và những thức quý của đất mình thay dần bằng những thức bóng bẩy hào nháng và thô kệch bắt chước nước ngoài: những kẻ mới giàu vô học có biết đâu thưởng thức được những vẻ cao quý kín đáo và nhũn nhặn?).*

*Cốm không phải là thức quà của người vội; ăn cốm phải ăn từng chút ít, thong thả và ngẫm nghĩ. Lúc bấy giờ ta mới thấy thu lại cả trong hương vị ấy, cái mùi thơm phức của lúa mới, của hoa cỏ dại ven bờ: trong màu xanh của cốm, cái tươi mát của lá non, và trong chất ngọt của cốm, cái dịu dàng thanh đạm của loài thảo mộc. Thêm vào cái mùi hơi ngát của lá sen già, ướp lấy từng hạt cốm một, còn giữ lại cái ấm áp của những ngày mùa hạ trên hồ. Chúng ta có thể nói rằng trời sinh lá sen để bao bọc cốm, cũng như trời sinh cốm nằm ủ trong lá sen, chúng ta thấy hiện ra từng lá cốm, sạch sẽ và tinh khiết, không có mảy may chút bụi nào. Hỡi các bà mua hàng! Chớ có thọc tay mân mê thức quà thần tiên ấy, hãy nhẹ nhàng mà nâng đỡ, chút chiu mà vuốt ve ... Phải nên kính trọng cái lộc của Trời, cái khéo léo của người, và sự cố tiềm tàng và nhẫn nại của thần lúa. Sự thưởng thức của các bà sẽ được trang nhã và đẹp đẽ hơn và cái vui cũng sẽ tươi sáng hơn nhiều lắm.*

*Cốm để nguyên chất ăn bao giờ cũng ngon và nhiều vị. Tất cả những cách thức đem nấu khác chỉ làm cho thức quà ấy bớt mùi thơm và chất dẻo đi thôi. Tuy vậy, nhiều người ưa cái thứ cốm xào, thắng đường rất quánh. Thành ra một thứ quà ngọt sắc và dính răng. Như vậy tưởng mua bánh cốm mà ăn lại còn thú vị hơn. Ở Hà Nội, người ta còn làm một thứ chả cốm, nhưng cái thanh đạm của vị lúa không dễ ăn với cái béo tục của thịt, mỡ. Tôi thích hơn thứ chè cốm, nấu vừa đường và không đặc. Ít ra ở đây cốm cũng còn giữ được chút ít vị thơm và chất dẻo, và chè cốm ăn cũng mát và lạnh. Nhưng cũng chắng gì hơn là một lá cốm Vòng tươi sạch trong một chiếc lá sen mới hái về.*

**Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại gì?**

A. Truyện cổ tích B. Tùy bút C. Truyện ngắn D. Truyện đồng thoại

**Câu 2. Văn bản đã viết về những phương diện nào?**

A. Nguồn gốc và cách thức làm cốm B. Vẻ đẹp và công dụng của cốm

C. Sự thưởng thức cốm D. Cả 3 phương diện trên

**Câu 3. Theo người viết, ăn cốm phải ăn như thế nào?**

1. Ăn nhanh, ăn lúc còn nóng.
2. Ăn từ từ, mỗi lần ăn nhiều để cảm nhận được vị ngon
3. Ăn nhanh, ăn nhiều, ngẫm nghĩ
4. Ăn từng chút ít, thong thả và ngẫm nghĩ.

**Câu 4. Phó từ “cũng” trong câu “Cốm để nguyên chất ăn bao giờ cũng ngon và nhiều vị” bổ sung ý nghĩa gì?**

A. Quan hệ thời gian B. Sự tiếp diễn tương tự

C. Quan hệ tương phản D. Chỉ mức độ

**Câu 5. Món cốm vòng cho thấy phong cách ăn uống gì của người Hà Nội?**

1. Khẩu vị ăn cay của người Huế
2. Sự chế biến tỉ mỉ, cầu kì của người Huế
3. Khẩu vị ăn cay và sự cầu kì, tỉ mỉ trong chế biến của người Huế
4. Sự vộ vàng, hời hợt trong cách ăn uống

**Câu 6. Câu văn nói rõ nhất giá trị đặc sắc chứa đựng trong hạt cốm?**

A. Cốm là thức quà riêng biệt của đất nước, là thức dâng của những cánh đồng lúa bát ngát xanh, mang trong hương vị tất cả cái mộc mạc, giản dị và thanh khiết của đồng quê nội cỏ An Nam.

B. Không còn gì hợp hơn với sự vấn vít của tơ hồng, thức quà trong sạch, trung thành như các việc lễ nghi.

C. Và không bao giờ có hai màu lại hòa hợp hơn được nữa: màu xanh tươi của cốm như ngọc thạch quý, màu đỏ thắm của hồng như ngọc lựu già.

D. Một thứ thanh đạm, một thứ ngọt sắc, hai vị nâng đỡ nhau để được hạnh phúc lâu bền.

**Câu 7. Nội dung của văn bản trên là gì?**

A. Ca ngợi lúa non, cốm, thức quà ngon và độc đáo

B. Cốm là thức quà riêng biệt của đất nước, những cánh đồng, mang trong mình hương vị mộc mạc, giản dị thanh khiết của đồng quê nội cỏ.

C. Những khám phá, phát hiện ra giá trị độc đáo, đặc trưng của thức quà cốm, giản dị

D. Cả B và C đều đúng

**Câu 8. Câu văn “Cốm là thức quà riêng biệt của đất nước .... đồng quê nội cỏ An Nam.” nói đến vấn đề gì ?**

A. Kể về nguồn gốc của cốm Vòng. B. Ca ngợi giá trị của cốm Vòng.

C. Miêu tả cách thức làm cốm Vòng. D. Bàn về sự thưởng thức cốm Vòng.

**Câu 9.** Theo em, cái tôi của tác giả thể hiện trong văn bản này như thế nào?

**Câu 10.** Thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm qua văn bản là gì?

**PHẦN II VIẾT ( 4 điểm)**

Em hãy viết một bài văn nghị luận về lối sống giản dị của người học sinh.

**HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6.0** |
|  | **1** | A | 0.5 |
| **2** | A | 0.5 |
| **3** | D | 0.5 |
| **4** | B | 0.5 |
| **5** | C | 0.5 |
| **6** | A | 0.5 |
| **7** | A | 0.5 |
| **8** | B | 0.5 |
|  | **9** | **-** Cái tôi của tác giả được thể hiện trong “Chuyện cơm hến” là cái tôi yêu quê hương, yêu những nét văn hóa ẩm thực độc đáo của quê hương mình. | 1.0 |
|  | **10** | Thông điệp: Hãy trân trọng, giữ gìn những đặc sản của địa phương, và nuôi dưỡng những nét đẹp văn hoá của quê hương. | 1.0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4.0** |
|  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận.* | 0.25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề.* | 0.25 |
|  | *c.Giải thích và chứng minh được những biểu hiện về lối sống giản dị trong học sinh hiện nay..*  Học sinh có thể lập luận theo nhiều cách khác nhau nhưng vẫn đảm bảo được các yêu cầu sau: |  |
|  | **1. Mở bài**  **- Giới thiệu về lối sống giản dị của học sinh hiện nay**  - Trong cuộc sống, mỗi người có một tính cách, một lối sống riêng. Có người ưa sự giàu sang, thích sang trọng, lộng lẫy, nổi bật. Nhưng vẫn có người chọn cho mình một lối sống giản dị, bình thường.  **2. Thân bài**  **a. Giải thích ý kiến**  - Giản dị là sống một cách đơn giản, tự nhiên, không cầu kì phô trương trong lối sống.  **b. Biểu hiện của lối sống giản dị**  - Lối sống giản dị bộc lộ ở nhiều phương diện: trang phục, ăn uống, thói quen, giao tiếp, nói năng, phong cách làm việc...  - Trang phục phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện, gọn gàng và tiện dụng, tránh cầu kì, loè loẹt.  - Cách ứng xử lịch sự, đúng mực; cách suy nghĩ và sử dụng ngôn ngữ giản dị, dễ hiểu, không hoa mĩ, cầu kì rắc rối...  - Cách sinh hoạt: hòa đồng với mọi người, tự nhiên và gần gũi trong cách cư xử; không tự coi mình là người đặc biệt, khác người mà cần thấy mình bình thường như những người khác.  - Cốt lõi của lối sống giản dị là sự ý thức sâu sắc về mục đích và cách sống sao cho hoà đồng và thoải mái, tự nhiên để tạo thành một phong cách sống. Sống giản dị cũng là biểu hiện của sự sâu sắc trong nhận thức về cuộc sống.  **c. Tác dụng của lối sống giản dị**  - Giản dị khiến người ta dễ hòa nhập với mọi người, làm cho con người trở nên thân thiện với nhau và giúp ta có thêm bạn bè... góp phần làm sáng lên nhân cách của mỗi con người.  - Giản dị tạo nên sự thanh thản, bình yên trong tâm hồn và sự nhàn nhã, thư thái trong nhịp sống. Khiến con người hòa đồng với tự nhiên, gắn bó sâu sắc với các cá nhân khác.  - Sống giản dị là một trong những cách để mỗi người sống thật, sống có hứng thú, có ý nghĩa.  - Sống giản dị giúp chúng ta hoàn thiện bản thân và tạo cho xã hội sự hòa đồng, bình đẳng, nhân ái.  **d. Mở rộng, phản đề**  - Lối sống giản dị hoàn toàn khác với lối sống cẩu thả, lạc hậu, gò bó, khuôn mẫu; giản dị cũng không đồng nghĩa với tiết kiệm, hà tiện... giản dị phù hợp với điều kiện, với hoàn cảnh vẫn thể hiện được sự tao nhã, thanh lịch, văn hóa.  - Phê phán lối sống xa hoa, đua đòi hay giản dị một cách giả tạo.  - Để sống giản dị, con người phải trải qua sự rèn luyện, cần một năng lực sống, quyết tâm cao, cũng cần hoà mình vào cuộc sống đế sống và cảm nhận, cần loại bỏ lòng tham và bù đắp tình yêu cuộc sống. Đó là cách để tránh mọi cám dỗ, giảm áp lực tinh thần và nâng cao bản lĩnh văn hoá.  **e. Bài học nhận thức và hành động**  - Nhận thức được giản dị là một lối sống đẹp.  - Là học sinh, mỗi chúng ta cần học tập phong cách sống giản dị, chân thành. Ở tuổi học đường, nên chú ý đến việc học tập và tu dưỡng, xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với mọi người và sống cởi mở, chân thành, đơn giản.  **3.. Kết bài**  - Người xưa có câu: “Tốt gỗ hơn tốt nước sơn” để chỉ hình thức bên ngoài không quan trọng bằng bản chất bên trong của con người. Sống khiêm tốn, thật thà, giản dị hay sống xa hoa, bon chen, đua đòi theo vật chất, danh lợi là tùy cách nhận thức của mỗi người. Nhưng sống sao cho đẹp lòng người, sống có ích và không cảm thấy hối tiếc thì thật sự là một điều rất khó. Bởi thế chúng ta hãy chọn cho mình một cách sống tốt nhất bằng cách cùng tạo dựng cho bản thân một “lối sống giản dị” riêng. | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt* | 0.5 |
|  | *e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, tri thức chính xác, cô đọng, miêu tả sinh động hấp dẫn.* | 0.5 |

**ĐỀ SỐ 3:**

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc kỹ phần trích và trả lời các câu hỏi:**

*(...) Mùa xuân của tôi - mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội - là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng...*

*(...) Đẹp quá đi, mùa xuân ơi - mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến. Nhưng tôi yêu mùa xuân nhất là vào khoảng sau ngày rằm tháng giêng, Tết hết mà chưa hết hẳn, đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong, cỏ không mướt xanh như cuối đông, đầu giêng, nhưng trái lại, lại nức một mùi hương man mác. (...)*

*(Trích “Mùa xuân của tôi” - Vũ Bằng)*

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên?

A. Biểu cảm. B. Miêu tả. C. Nghị luận. D. Tự sự.

**Câu 2.** Tác giả đã tái hiện cảnh sắc thiên nhiên và không khí mùa xuân của vùng nào?

A. Miền Bắc. B. Miền Trung. C. Miền Nam. D. Tây Nguyên.

**Câu 3.** Câu văn nào thể hiện rõ nhất tình cảm yêu mến của tác giả đối với mùa xuân Hà Nội?

A. “Mùa xuân của tôi [...] là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh [...]”.

B. “Đẹp quá đi, mùa xuân ơi - mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến”.

C. “Nhưng tôi yêu mùa xuân nhất là vào khoảng sau ngày rằm tháng giêng, Tết hết mà chưa hết hẳn [...]”.

D. “[...] Đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong, cỏ không mướt xanh như cuối đông, đầu giêng

**Câu 4.** Trong câu văn: *“Đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong”* từ *“phong”* có nghĩa là gì?

A. Bọc kín. B. Oai phong. C. Cơn gió. D. Đẹp đẽ.

**Câu 5.** Trong đoạn trích trên, tác giả yêu thích nhất mùa xuân vào thời điểm nào?

A. Vào ngày mùng một đầu năm. B. Trong khoảng vài ba ngày Tết.

C. Sau rằm tháng giêng. D. Trước rằm tháng giêng.

**Câu 6.** Câu nào **không** nêu đúng đặc điểm thiên nhiên mùa xuân ở xứ Bắc trong đoạn trích trên?

A. Gió đông về, báo hiệu mùa xuân mới đã bắt đầu.

B. Ra giêng, trời đã hết nồm, mưa xuân thay thế cho mưa phùn.

C. Trời có mưa riêu riêu và gió lành lạnh.

D. Cỏ tháng giêng nức một mùi hương man mác.

**Câu 7.** Xác định biện pháp tu từ được tác giả sử dụng nổi bật ở trong phần trích trên?

A. Nhân hóa. B. Ẩn dụ. C. So sánh. D. Điệp ngữ

**Câu 8.** Dấu gạch ngang trong câu: “*Mùa xuân của tôi - mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội - là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng...”* dùng để làm gì?

A. Đánh dấu ranh giới giữa các vế của một câu ghép.

B. Đặt ở giữa câu để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu.

C. Đặt ở đầu dòng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật hoặc để liệt kê.

D. Nối các từ nằm trong một liên danh.

**Câu 9.** Vào mùa xuân, đặc biệt dịp lễ, Tết, nhân dân thường có tục lệ dâng những sản vật, thức quý lên bàn thờ ông bà, tổ tiên. Em hãy kể tên một văn bản cũng gợi nhắc đến truyền thống này của dân tộc.

**Câu 10.** Nói về mùa xuân, Vũ Bằng đã viết *"Tự nhiên là thế: ai cũng chuộng mùa xuân. Mà tháng giêng là tháng đầu của mùa xuân, người ta càng trìu mến, không có gì lạ hết. Ai bảo được non đừng thương nước, bướm đừng thương hoa, trăng đừng thương gió; ai cấm được trai thương gái, ai cấm được mẹ yêu con; ai cấm được cô gái còn son nhớ chồng thì mới hết được người mê luyến mùa xuân".* Nêu quan điểm riêng của em về mùa xuân và lí giải điều đó?

**II. VIẾT (4,0 điểm)**

Viết một bài văn trình bày ý kiến của em về vấn đề đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy.

**HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | A | 0,5 |
| **2** | B | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | A | 0,5 |
|  | **9** | Truyền thuyết ”Bánh chưng, bánh giầy”. | 0,5 |
|  | **10** | Học sinh nêu được quan điểm riêng của bản thân: đồng ý/không đồng ý.  Lí giải phù hợp. | 0,5  1,5 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận: Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề. | 0,25 |
|  | b. Xác định đúng yêu cầu của đề: vấn đề đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy. | 0,25 |
|  | c. Nghị luận về hiện tượng đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy.  Học sinh có thể nghị luận theo nhiều cách khác nhau nhưng vẫn đảm bảo được các yêu cầu sau: | 3,0 |
|  | **1. Mở bài: Giới thiệu về vấn đề cần nghị luận**  - Vấn đề đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy*.*  **2. Thân bài**  **- Giải thích**: Vì sao phải đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy.  **- Thực trạng:** Việc đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy.  - **Tác dụng** :Việc đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy.  **- Biện pháp:**  + Bản thân.  + Gia đình.  + Nhà trường và các tổ chức xã hội.  - Phê phán, lên án, xử phạt nghiêm những trường hợp vi phạm  **3. Kết bài**   * Khẳng định lại sự tán thành ý kiến.   Mở rộng, kết luận lại vấn đề. | 0,25 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp:* Chữ viết cẩn thận, rõ ràng, bài văn trình bày sạch sẽ, không mắc lỗi chính tả, lỗi diễn đạt. | 0,25 |

**8. TỤC NGỮ**

**ĐỀ SỐ 1:**

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc kĩ các câu sau và trả lời câu hỏi:**

1. *Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.*
2. *Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng*

*Ngày tháng mười chưa cười đã tối.*

1. *Có công mài sắt có ngày nên kim.*
2. *Có chí thì nên*
3. *Ăn cỗ đi trước, lội nước theo sau.*

**Câu 1**. Số lượng chữ trong các câu trên?

A. Đa số dài B. Rất dài C. Hơi dài D. Thường ngắn gọn

**Câu 2:** Câu “ Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng. Ngày tháng mười chưa cười đã tối.” đã sử dụng cách gieo vần gì?

A. Vần chân. B. Vần lưng.C. Vần liền. D. Vần cách.

**Câu 3**. Xác định biện pháp nói quá trong câu: “Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng. Ngày tháng mười chưa cười đã tối.”?

A. Chưa nằm đã sáng. B. Chưa cười đã tối

C. Chưa nằm đã sáng, chưa cười đã tối. D. Đêm tháng năm, ngày tháng mười.

**Câu 4.**Tại sao ‘Ăn quả phải nhớ kẻ trồng cây” ?

A. Vì ăn quả làm ta no lòng.

B. Vì có người trồng cây mới có quả ta ăn.

C. Vì khi hưởng thụ phải nhớ ơn người tạo ra thành quả.

D. Vì lòng biết ơn.

**Câu 5**. Nội dung câu “ Có công mài sắt có ngày nên kim.” ?

A. Kiên trì, nhẫn nại sẽ thành công.B. Ý chí vượt khó.

C. Chung sức đồng lòng. D. Ai có công mài thì sẽ biến sắt thành kim.

**Câu 6.** Cụm từ nào sau đây diễn tả đúng ý nghĩa của câu “ Ăn cỗ đi trước lội nước theo sau”?

A. Lối sống ích kỉ, nhỏ nhen.

B. Phê phán những người chỉ biết hưởng thụ mà không biết cống hiến.

C. Lòng biết ơn.

D. Lối sống hưởng thụ.

**Câu 7.** Câu “Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng. Ngày tháng mười chưa cười đã tối” nêu lên kinh nghiệm gì của nhân dân ta?

A. Về thời tiết. B. Về thiên nhiên. C. Về sản xuất. D. Về thời gian.

**Câu 8.** Trong câu “ Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng. Ngày tháng mười chưa cười đã tối.”có bao nhiêu số từ?

A. Một B. Hai. C. Ba. D. Bốn.

**Câu 9**. Hãy rút ra bài học mà em tâm đắc nhất sau khi đọc câu “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”.

**Câu 10**.Thông điệp mà câu “ Có chí thì nên” muốn gởi đến là gì?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về câu tục ngữ “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”.

**HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | D | 0,5 |
| **2** | B | 0,5 |
| **3** | C | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
|  | **9** | - HS nêu được cụ thể bài học; ý nghĩa của bài học.  - Lí giải được lí do nêu bài học ấy. | 1,0 |
|  | **10** | - Nói về sự quyết chí bền lòng, có kiên trì nhẫn nại sẽ dẫn đến thành công. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề:*  *Nghị luận về một vấn đề trong đời sống.* | 0,25 |
|  | *c.**Triển khai các nội dung và vận dụng tốt phương pháp viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống .* | 2.5 |
| **a. Mở bài:**  **-** Giới thiệu về hai câu tục ngữ Uống nước nhớ nguồn và Ăn quả nhớ kẻ trồng cây  **b. Thân bài:**  **\* Giải thích nội dung của hai câu tục ngữ***:* Gửi gắm bài học về sự biết ơn, nhớ ơn, kính trọng dành cho các thế hệ đi trước, nguồn cội của mình và dân tộc  **\* Biểu hiện của sự biết ơn:**  - Thể hiện qua các tập tục truyền thống (thờ cúng tổ tiên, tổ chức các ngày giỗ, kị, tảo mộ…)  - Thể hiện qua các ngày lễ truyền thống để tưởng nhớ những người có công ơn với nhân dân, tổ quốc (ngày thầy thuốc, ngày nhà giáo, ngày của cha mẹ, ngày thương binh, liệt sĩ…)  - Thể hiện qua các tác phẩm thơ ca nhạc họa ca ngợi, thể hiện niềm tự hào và lòng biết ơn sâu sắc đến các thế hệ đi trước  - Thể hiện qua hoạt động cố gắng phấn đấu rèn luyện, xây dựng, phát triển đất nước, khẳng định vị thế của dân tộc trên trường thế giới  - Thể hiện qua hành động phê phán, lên án những kẻ phản bội đất nước, có suy nghĩ hạ thấp dân tộc…  **\* Ý nghĩa của lòng biết ơn:**  - Là truyền thống đáng quý, tốt đẹp của dân tộc  - Gắn kết con người lại với nhau, gắn kết các thế hệ lại gần nhau hơn  - Tạo nên giá trị tinh thần tích cực, thúc đẩy mọi người lao động và cống hiến bởi mọi sự cống hiến đều sẽ được ghi nhận, trân trọng  **\* Liên hệ bản thân:**  - Bản thân em đã có những suy nghĩ, hành động gì để thể hiện lòng biết ơn?  - Truyền thống biết ơn đó có thúc đẩy em phải cố gắng rèn luyện học tập tốt hơn không?  **c. Kết bài:**  **-**Cảm nhận chung của em về câu tục ngữ Uống nước nhớ nguồn, Ăn quả nhớ kẻ trồng cây trong xã hội hiện đại ngày nay. |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.* | 0,5 |
|  | *e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo.* | 0,5 |

**ĐỀ SỐ 2:**

**Đọc các câu tục ngữ sau và trả lời các câu hỏi:**

*1. Khoai đất lạ, mạ đất quen*

*2. Chớp đông nhay nháy, gà gáy thì mưa*

*3. Mau sao thì nắng, vắng sao thì mưa.*

*4. Tháng bảy kiến bò, chỉ lo lại lụt*

*5. Thứ nhất cày ải, thứ nhì vãi phân*

*6. Chuồn chuồn bay thấp thì mưa.*

*Bay cao thì nắng bay vừa thì râm”*

*7. Tấc đất tấc vàng*

**Câu 1.** Những câu tục ngữ là một thể loại của bộ phận văn học nào ?

**A. Văn học dân gian.**

B. Văn học viết

C. Văn học thời kì kháng chiến chống Pháp

D. Văn học thời kì kháng chiến chống Mĩ.

**Câu 2: Em hiểu thế nào là tục ngữ ?**

A. Là những câu nói ngắn gọn, ổn định, có nhịp điệu, hình ảnh.

B. Là những câu nói thể hiện kinh nghiệm của nhân dân về mọi mặt.

C. Là một thể loại văn học dân gian

**D. Cả ba ý trên.**

**Câu 3:** Câu nào sau đây không phải là tục ngữ ?

A. Khoai đất lạ, mạ đất quen

B. Chớp đông nhay nháy, gà gáy thì mưa

**C. Một nắng hai sương**

D. Thứ nhất cày ải, thứ nhì vãi phân

**Câu 4:** Nhận xét nào sau đây giúp phân biệt rõ nhất tục ngữ và ca dao ?

A. Tục ngữ là những câu nói ngắn gọn, còn ca dao, câu đơn giản nhất cũng phải là một cặp lục bát (6/8).

B. Tục ngữ nói đến kinh nghiệm lao động sản xuất còn ca dao nói đến tư tưởng tình cảm của con người.

**C. Tục ngữ là những câu nói ngắn gọn, ổn định, thiên về lí trí, nhằm nêu lên những nhận xét khách quan còn ca dao là thơ trữ tình, thiên về tình cảm, nhằm phô diễn nội tâm con người.**

D. Cả A, B, C đều sai.

**Câu 5:** Câu “Chuồn chuồn bay thấp thì mưa. Bay cao thì nắng bay vừa thì râm” thuộc thể loại văn học dân gian nào ?

A. Thành ngữ.     **B. Tục ngữ**

C. Ca dao     D. Vè

**Câu 6:** Nội dung những câu tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất nói về điều gì ?

A. Các hiện tượng thuộc về quy luật tự nhiên

B. Công việc lao động sản xuất của nhà nông.

C. Mối quan hệ giữa thiên nhiên và con người

**D. Những kinh nghiệm quý báu của nhân dân lao động trong việc quan sát các hiện tượng tự nhiên và trong lao động sản xuất.**

**Câu 7**: Những kinh nghiệm được đúc kết trong các câu tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất có ý nghĩa gì ?

**A. Là bài học dân gian về khí tượng, là hành trang, “túi khôn” của nhân dân lao động, giúp cho họ chủ động dự đoán thời tiết và nâng cao năng xuất lao động**

B. Giúp nhân dân lao động chủ động đoán biết được cuộc sống và tượng lai của mình.

C. Giúp nhân dân lao động có một cuộc sống vui vẻ, nhàn hạ và sung sướng hơn.

D. Giúp nhân dân lao động sống lạc quan, tin tưởng vào cuộc sống và công việc của mình.

**Câu 8: Em hiểu câu tục ngữ “Tấc đất tấc vàng” như thế nào ?**

A. Đề cao, khẳng định sự quý giá của đất đai.

B. Cuộc sống và công việc của người nông dân gắn với đất đai đồng ruộng, đất sản sinh ra của cải, lương thực nuôi sống con người, bởi vậy đối với họ, tấc đất quý như vàng.

C. Nói lên lòng yêu quý, trân trọng từng tấc đất của những người sống nhờ đất.

**D. Cả ba ý trên.**

**Câu 9**. Hãy rút ra bài học mà em tâm đắc nhất sau khi đọc câu “Tấc đất tấc vàng”.

**Câu 10**. Kinh nghiệm dân gian nào được rút ra từ câu tục ngữ ? “*Mau sao thì nắng, vắng sao thì mưa”*

**PHẦN II: VIẾT (4 ĐIỂM)**

Có ý kiến cho rằng: *“Sống trải nghiệm là lối sống rất cần thiết cho giới trẻ hôm nay”.* Em hãy viết bài văn bày tỏ quan điểm của mình về ý kiến trên.

**HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I. Đọc**  **hiểu** | **1** | A | 0,5 |
| **2** | D | 0,5 |
| **3** | C | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | B | 0,5 |
| **6** | D | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
|  |  |  |
| **9** | - Khẳng định đề cao sự quý giá của đất do cuộc sống của người nông dân gắn bó với đất đai, đồng ruộng, đất sản sinh ra của cải lương thực nuôi sống con người. Vì vậy đất quý như vàng. Hiểu được tầm quan trọng của đất đai, chúng ta cần chung tay bảo vệ giữ gìn đất sử dụng đất một cách hợp lí, tránh lãng phí. | 1,0 |
| **10** | - “Mau sao thì nắng vắng sao thì mưa” nghĩa là vào đêm hôm trước, khi quan sát trời nhiều (dày) sao thì ngày hôm sau sẽ nắng; trời ít (vắng) sao sẽ mưa. Trời nhiều sao thì ít mây, do đó sẽ có nắng. Ngược lại, trời ít sao thì nhiều mây, vì vậy thường có mưa.  - Trong chùm tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất, câu tục ngữ “Mau sao thì nắng, vắng sao thì mưa” là một tục ngữ hay chỉ thiên nhiên. Nói cách khác, câu tục ngữ là sự đúc kết kinh nghiệm của cha ông ta về hiện tượng nắng mưa của trời. | 1,0 |
| **II. Viết** | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận* | | 0,25 |
| *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Viết bài văn nghị luận trình bày quan điểm về trải nghiệm là sự cần thiết cho giới trẻ hôm nay. | | 0,25 |
| *c. N*ghị luận về vấn đề *“Sống trải nghiệm là lối sống rất cần thiết cho giới trẻ hôm nay”.*  - Hiểu được đề bài yêu cầu những gì, sắp xếp các ý theo trình tự hợp lí.  - HS triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm và mỗi luận điểm viết thành một đoạn văn. | | 2.5 |
| HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:  - Nêu được vấn đề cần nghị luận.  - Giải thích được khái niệm trải nghiệm là gì? (Là tự mình trải qua để có được hiểu biết, kinh nghiệm, tích lũy được nhiều kiến thức và vốn sống…).  - Bình luận và chứng minh về vai trò, ý nghĩa và sự cần thiết của trải nghiệm đối với cuộc sống của con người đặc biệt là tuổi trẻ. (Hiểu biết, kinh nghiệm, có cách nghĩ, cách sống tích cực, biết yêu thương, quan tâm chia sẻ.... Trải nghiệm giúp bản thân khám phá ra chính mình để có quyết định đúng đắn, sáng suốt...; Giúp con người sáng tạo, biết cách vượt qua khó khăn, có bản lĩnh, nghị lực...(dẫn chứng)  - Chỉ ra những tác hại của lối sống thụ động, ỷ lại, nhàm chán, vô ích, đắm chìm trong thế giới ảo (game), các tệ nạn...  - Bài học rút ra: Vai trò to lớn, cần thiết, có lối sống tích cực, có trải nghiệm để bản thân trưởng thành, sống đẹp...  - Đánh giá, khẳng định tính đúng đắn của vấn đề nghị luận. | | 0,5 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp:* Chữ viết cẩn thận, rõ ràng, bài văn trình bày sạch sẽ, không mắc lỗi chính tả, lỗi diễn đạt. | | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Nhận thức sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt sáng tạo, đảm bảo tính hoàn chỉnh văn bản. | |  |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận* | |  |

**ĐỀ SỐ 3:**

**I. PHẦN ĐỌC HIỂU ( 6 điểm)**

**Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:**

*1. Người sống hơn đống vàng*

*2. Đói cho sạch rách cho thơm*

*3. Không thầy đố mày làm nên*

*4. Học thầy chẳng tày học bạn*

*5. Muốn lành nghề, chớ nề học hỏi*

*6. Ăn quả nhớ kẻ trồng cây*

*7. Giấy rách phải giữ lấy lề*

*8. Lời nói chẳng mất tiền mua*

*Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau*

**Câu 1**. Phương thức biểu đạt của những câu tục ngữ trên?

A. Nghị luận B. Tự sự C. Biểu cảm D. Miêu tả

**Câu 2:** Tục ngữ về con người xã hội được hiểu theo những nghĩa nào?

1. Nghĩa đen B. **Nghĩa đen + nghĩa bóng**
2. Nghĩa bóng C. Tất cả đều sai

**Câu 3:** Những câu tục ngữ trái nghĩa là những câu có ý nghĩa như thế nào với nhau ?

**A. Hoàn toàn trái ngược nhau**  B. Bổ sung ý nghĩa cho nhau

C. Hoàn toàn giống nhau D. Mâu thuẫn với nhau

**Câu 4:** Những câu tục ngữ đồng nghĩa là những câu tục ngữ như thế nào ?

A. Có ý nghĩa gần giống nhau B. Có ý nghĩa trái ngược nhau

**C. Có ý nghĩa hoàn toàn giống nhau**  D. Có ý nghĩa mâu thuẫn với nhau.

**Câu 5:** Từ ngữ nào trong câu “Cái răng, cái tóc là góc con người” sử dụng hình ảnh hoán dụ?

A.Cái răng B. Cái tóc

**C. Cái răng, cái tóc** D. Góc

**Câu 6:** Câu tục ngữ nào dưới đây đồng nghĩa với câu “Đói cho sạch, rách cho thơm”?

A. Nhà sạch thì mát, bát sạch ngon cơm

B. Mỗi cây mỗi hoa, mỗi nhà mỗi cảnh

**C. Giấy rách phải giữ lấy lề**

D. Áo rách khéo vá hơn lành vụng may

**Câu 7**: Câu tục ngữ “Lời nói chẳng mất tiền mua/ Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.” phù hợp với nội dung học tập nào sau đây?

**A. Học nói** B. Học ăn C. Học mở D. Học gói

**Câu 8:** Đặc điểm nổi bật về hình thức của tục ngữ về con người và xã hội là gì?

A. Diễn đạt bằng hình ảnh so sánh

B. Diễn đạt bằng hình ảnh ẩn dụ

C. Từ và câu có nhiều nghĩa.

**D. Cả 3 ý trên**.

**Câu 9.** Cho biết nội dung ý nghĩa câu tục ngữ : “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”

**Câu 10.** Viết 4-5 dòng nêu cảm nhận của em về câu tục ngữ:

*“ Lời nói chẳng mất tiền mua*

*Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.”*

**PHẦN VIẾT: (4 điểm)**

Hiện nay môi trường sống quanh ta đang lên tiếng cầu cứu.Viết bài văn trình bày suy nghĩ của em về vấn đề đó

**HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I. Đọc**  **hiểu** | **1** | A | 0,5 |
| **2** | B | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
|  |  |  |
| **9** | - Nghĩa đen Khi được ăn quả ngọt, cần nhớ đến người trồng cây, chăm sóc để tạo ra chúng.  Nghĩa bóng: Nhắc nhở con người phải có lòng biết ơn, có nhớ đến người đã giúp đỡ ta trong lúc khó khăn hoạn nạn. | 1,0 |
| **10** | Giải thích ý nghĩa câu nói: "Lời nói chẳng mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau” có thể hiểu là: khi nói năng, giao tiếp với nhau thì nên thận trọng trong việc sử dụng ngôn ngữ. Lời lẽ trước khi thốt ra cần suy nghĩ kĩ tránh lỡ lời làm xúc phạm hay xấu đi mối quan hệ với mọi người xung quanh.  - Hs cảm nhận theo nội dung trên. | 1,0 |
|  | HS xác định được lời nhắn nhủ của tác giả tới chúng ta là:  - Thiên nhiên xung quanh ta vô cùng tươi đẹp;  - Lắng nghe thiên nhiên, ta thấy lòng mình thật vui tươi, thanh thản;  - Cần phải yêu mến thiên nhiên.  *Lưu ý*: Học sinh nêu được 1 ý cho 0,5. HS có nhiều cách diễn đạt nhưng phải hướng về chủ đề thiên nhiên. | | 0,25 |
| HS nêu được bài học cho bản thân theo cách riêng. Có thể hướng tới các bài học sau:  - Yêu mến thiên nhiên hơn;  - Có ý thức bảo vệ thiên nhiên;  - Dành thời gian để trải nghiệm cùng thiên nhiên;  - Tuyên truyền để mọi người yêu mến và có trách nhiệm với thiên nhiên  *Lưu ý*: Học sinh nêu được 1 bài học cho 0,5  2 bài học cho 0,75 điểm. Nếu từ 3 bài học trở lên cho tối đa. | | 0,25 |
| **VIẾT** | | 2.5 |
| a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận: Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề. | | 0,5 |
| b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Vấn đề bảo vệ môi trường. | | 0,5 |
|  | c. Nghị luận về vấn đề bảo vệ môi trường.  - Hiểu được đề bài yêu cầu những gì, sắp xếp các ý theo trình tự hợp lí.  - HS triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm và mỗi luận điểm viết thành một đoạn văn. | |  |

**CHUYÊN ĐỀ 2 : ÔN TẬP TIẾNG VIỆT**

**BÀI 1: NGÔN NGỮ CÁC VÙNG MIỀN**

**I. Lí thuyết**

**1. Từ địa phương**

**a.** Từ địa phương là những từ ngữ chỉ sử dụng ở một (hoặc một số) địa phương nhất định.

Ví dụ: Từ “mẹ” là từ toàn dân, nhưng người ở các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh thì gọi là “mệ”, người ở các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị thì gọi là “mạ”, người ở các tỉnh Nam Bộ thì gọi là “má”, người ở các tỉnh Trung du Bắc Bộ thì gọi là “bầm”, người ở một số tỉnh đồng bằng Bắc Bộ thì gọi là “u”.

=> Như vậy các từ: mệ, mạ, má, u, bầm là những từ địa phương.

**b.** Từ ngữ địa phương và từ ngữ toàn dân có thể có những quan hệ như sau:

\* *Từ ngữ địa phương không có từ ngữ toàn dân tương đương*

Ví dụ: chôm chôm, măng cụt…

Đó là những từ ngữ biểu thị các sự vật, hiện tượng chỉ có ở địa phương đó. Các từ ngữ này dễ dàng trở thành các từ ngữ toàn dân có sự giao lưu rộng rãi giữa các vùng miền.

\* *Từ ngữ địa phương có từ ngữ toàn dân tương đương*. Ở đây xảy ra hai trường hợp:

- Từ ngữ địa phương và từ ngữ toàn dân tương đương nhau hoàn toàn: mè – vừng, trốc – đầu…

- Từ ngữ địa phương và từ ngữ toàn dân tương đương nhau không hoàn toàn:

+ hòm (từ ngữ địa phương Nghệ-Tĩnh) có các nghĩa khác nhau, ở nghĩa trong “hòm đạn, “hòm phiếu”, nó tương đương với từ “hòm” toàn dân; còn ở nghĩa hòm là “quan tài”, nó không tương đương với từ “hòm” toàn dân.

=> Cần lưu ý cả trường hợp có những từ ngữ địa phương đồng âm với từ ngữ toàn dân nhưng nghĩa khác nhau: “mận” (từ địa phương Nam Bộ) chỉ cây doi, quả doi…

**c. Phân loại từ địa phương**

- Theo vùng miền, từ địa phương được chia làm 3 loại là:

+ Từ ngữ địa phương Bắc Bộ: bố, mẹ, bát, béo, cốc, chăn, cơm rang, dọc mùng, dứa, hoa,…

+ Từ ngữ địa phương Trung Bộ: mi – mày, tau – tao, chủi – chổi, đọi – bát, tru – trâu, bổ – ngã, mần – làm, vô – vào, mô – đâu / nào,…

+ Từ ngữ địa phương Nam Bộ: ba, má, bạc hà, chả lụa, chảnh, bắp, trễ, nói xạo, xỉn,…

- Theo ý nghĩa, từ địa phương được chia làm 2 loại:

+ Từ ngữ địa phương có nghĩa tương ứng với nghĩa của từ toàn dân: tô – bát, tê – kia, honda - xe máy, xỉn – say, trứng gà – hột gà, xà bông – xà phòng,…

+ Từ đồng âm nhưng khác nghĩa so với từ toàn dân: cậu (nghĩa toàn dân là em trai của mẹ, nghĩa địa phương là anh trai của mẹ), té (nghĩa toàn dân là hắt nước, nghĩa địa phương là ngã), râu (nghĩa toàn dân chỉ một bộ phận trên cơ thể, nghĩa địa phương là trâu), lái (nghĩa toàn dân chỉ hành động điều khiển các phương tiện vận tải đi đúng hướng, nghĩa địa phương là lưới – vật thường dùng để ngăn chắn hoặc đánh bắt cá),…

**II. Thực hành tiếng Việt**

**Bài 1.** Tìm và giải thích nghĩa của các từ địa phương trong những câu dưới đây (ở đoạn trích Người đàn ông cô độc giữa rừng của Đoàn Giỏi). Các từ đó được sử dụng ở vùng miền nào và chúng có tác dụng gì trong việc phản ánh con người, sự vật?

a. Tía thấy con ngủ say, tía không gọi.

b. Điều đó, má nuôi tôi quả quyết…

c. Chú em cầm hộ lọ muối chỗ vách kia đưa giùm qua chút!

d. Bả không thua anh em ta một bước nào đâu.

**Gợi ý trả lời:**

- Tìm và giải thích nghĩa:

a. Tía: bố

b. má: mẹ Tài liệu của Nhung tây

c. vách: tường

d. bả: bà ấy

- Các từ địa phương trên được sử dụng ở Nam Bộ.

- Tác dụng: Tô đậm màu sắc địa phương, tầng lớp xã hội và tính cách của nhân vật.

**Bài 2.** Những từ nào trong các câu dưới dây là từ địa phương? Chúng được sử dụng ở vùng miền nào? Giải thích nghĩa của các từ địa phương đó và nêu tác dụng của việc sử dụng chúng trong đoạn trích “Dọc đường xứ Nghệ” của Sơn Tùng.

a. Ai tưởng tượng ra đầu tiên hình dáng các hòn núi nớ hẳn là mắt tiên, cha nhể?

b. Đền ni thờ một ông quan đời nhà Lý đó, con ạ.

c. Việc đời đã dớ dận, mi lại “thông minh” dớ dận nốt.

**Gợi ý trả lời:**

- Từ ngữ địa phương:

a. nớ: kia; nhể: nhỉ

b. ni: này

c. dớ dận: vớ vẩn; mi: mày

- Chúng được sử dụng ở Nghệ An (miền Trung).

- Tác dụng: Tô đậm màu sắc địa phương, tầng lớp xã hội và tính cách của nhân vật.

**Bài 3.** Tìm các từ địa phương trong các câu sau và diễn đạt lại bằng từ ngữ toàn dân:

1. Nó giả vờ nghểnh cổ như phân bua: Ủa! Chớ con giun đâu mất rồi hè?

(Võ Quảng)

2. Một em bé gái bận bộ quần áo bằng xa-tanh màu đỏ, tóc tết quả đào, chân mang đôi hài vải đen bước ra, cúi chào khán giả.

(Đoàn Giỏi)

3. Sáng giăng chia nửa vườn chè

Một gian nhà nhỏ đi về có nhau

Vì tằm tôi phải chạy dâu

Vì chồng tôi phải qua cầu đắng cay.

(Nguyễn Bính, Thời trước)

4. Gió theo lối gió mây đường mây

Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay

Thuyền ai đậu bến sông trăng đó

Có chở trăng về kịp tối nay?

(Hàn Mặc Tử)

5. Mạ non bầm cấy mấy đon  
Ruột gan bầm lại thương con mấy lần.  
 Mưa phùn ướt áo tứ thân  
Mưa bao nhiêu hạt, thương bầm bấy nhiêu!  
 Bầm ơi, sớm sớm chiều chiều  
Thương con, bầm chớ lo nhiều bầm nghe!

(Tố Hữu)

6. Chuối đầu vườn đã lổ

Cam đầu ngõ đã vàng

Em nhớ ruộng nhớ vườn

Không nhớ anh răng được

(Trần Hữu Chung)

7. Trên mấy nhà sàn buồn tênh, ba bốn bà ké nhìn ra, nhớ những ngày vui của các đồng chí đóng tại nhà mình.

(Nguyễn Huy Tưởng)

8. Ngọt thơm sau lớp vỏ gai  
Quả ngon lớn mãi cho ai đẹp lòng  
 Mời cô, mời bác ăn cùng  
Sầu riêng mà hoá vui chung trăm nhà

(Phạm Hổ)

**Gợi ý trả lời**

**Bài 4**:

1. ủ, hè 🡪 Ôi, vậy

2. - bận: mặc

- mang: đi

3. - Giăng: trăng

4. - bắp: ngô

5.- đon: bó

- bầm: mẹ

6. lổ: trổ (Đây là những từ thuộc phương ngữ Trung Bộ. Khi sử dụng, nó đã làm tăng tính địa phương của tác phẩm)

răng: sao

7. - bà ké: bà mẹ ("Bà ké" gợi cho ta hình ảnh bà mẹ người dân tộc thiểu số Việt Bắc. Trong kháng chiến, những người mẹ đó không quản ngại hy sinh, gian khổ giúp bộ đội trên đường hành quân đi chiến dịch)

8. - Sầu riêng: không có từ toàn dân thay thế

**Bài 4.** Tìm các từ địa phương mà em biết tương ứng với từ toàn dân: *tao, mày, nó*

**Gợi ý trả lời**

**Bài 4.**

- tao: tui, tau, ta…

- mày: mi, o…

- nó: hắn…

**Bài 5.** Những từ ngữ sau đây là từ ngữ địa phương, em hãy tìm những từ ngữ tương đương trong vốn từ toàn dân:

a. Từ địa phương Bắc Bộ: *giăng, thấm chớp, thâu róm.*

b. Từ địa phương Trung Bộ: *nác, tru, nỏ, thẹn.*

c. Từ địa phương Nam Bộ: *anh hai, bàn ủi, cây viết, chả lụa, đậu phộng, hột gà.*

**Gợi ý trả lời**

**Bài 6.** Từ toàn dân tương ứng với:

a. Từ địa phương Bắc Bộ: giăng - trăng; thấm chớp - sấm chớp, thâu róm - sâu róm.

b. Từ địa phương Trung Bộ: nác - nước, tru - trâu, nỏ - không, thẹn - xấu hổ…

c. Từ địa phương Nam Bộ: anh hai - anh cả; bàn ủi - bàn là; cây viết - cây bút; đậu phộng – lạc; hột gà - trứng gà….

**Bài 6.** Trong các từ đồng nghĩa: ***cọp, khái, hổ*** từ nào là từ địa phương từ nào là từ toàn dân? Vì sao?

**Gợi ý trả lời**

**Bài 6.** *Gợi ý:* “Khái" là từ địa phương miền Trung Trung Bộ, cọp là từ toàn dân, hổ là từ toàn dân.

**Bài 7.** Đọc bài thơ sau đây của nhà thơ Nguyễn Bùi Vợi tặng vợ và cho biết bài thơ này gợi cho em những cảm nghĩ gì xung quanh vấn đề từ ngữ địa phương và việc sử dụng từ ngữ địa phương.

*Cái gầu thì bảo cái****đài***

*Ra sân thì bảo ra ngoài cái****cươi***

***Chộ****tức là thấy em ơi*

***Trụng****là nhúng đấy đừng cười nghe em.*

*Thích****chi****thì bảo là sèm*

*Nghe ai bảo****đọi****thì đem bát vào*

*Cá quả lại gọi cá****tràu***

***Vo trốc****là bảo gội đầu đấy em…*

*Nghe em giọng Bắc êm êm*

*Bà con hàng xóm đến xem chật nhà*

***Răng****chưa sang****nhởi****nhà****choa***

*Bà****o****đã nhốt con****ga****trong****truồng***

*Em cười bối rối mà thương*

*Thương em một lại trăm đường thương quê*

*Gió lào thổi rạc bờ tre*

*Chỉ nghe giọng nói đã nghe nhọc nhằn*

*Chắt từ đá sỏi đất cằn*

*Nên yêu thương mới sâu đằm đó em.*

*(Báo Văn nghệ, số 28/ 2006)*

**Gợi ý trả lời**

**Bài 7.**

- Nhà thơ Nguyễn Bùi Vợi quê ở Nghệ An. Vợ nhà thơ là người miền Bắc. Trong bài thơ này, có nhiều từ ngữ địa phương Nghệ – Tĩnh đã được tác giả giải thích bằng từ ngữ toàn dân. Nhưng có mấy từ ngữ tác giả không giải thích. Đó là từ *răng* có nghĩa là *sao* (từ nghi vấn), *nhởi* (chơi), *choa* (đại từ ngôi thứ nhất, tự xưng đối với người ngang bậc hoặc ở bậc dưới), *o* (chị hoặc em gái của cha), *ga* (gà), *truồng* (chuồng).

- Qua bài thơ, em cảm nghĩ như thế nào về tình cảm của con người đối với tiếng nói của quê hương; về những khó khăn trong việc giao tiếp do tiếng địa phương gây ra và tầm quan trọng của việc nâng cao trình độ văn hoá ngôn ngữ, nâng cao sự hiểu biết về từ ngữ toàn dân để mọi người ở các địa phương có thể hiểu nhau dễ dàng hơn.

**Bài 8.** Đọc đoạn trích sau *(trong bài thơ Mẹ Suốt của Tố Hữu)* và chỉ ra những từ ngữ địa phương có trong đoạn trích. Những từ ngữ đó thuộc phương ngữ nào? Việc sử dụng những từ ngữ địa phương trong đoạn thơ có tác dụng gì?

*Gan chi gan rứa, mẹ nờ?*

*Mẹ rằng: Cứu nước, mình chờ chi ai?*

*Chẳng bằng con gái, con trai*

*Sáu mươi còn một chút tài đò đưa*

*Tàu bay hắn bắn sớm trưa*

*Thì tui cứ việc nắng mưa đưa đò…*

*Ghé tai mẹ, hỏi tò mò:*

*Cớ răng ông cũng ưng cho mẹ chèo?*

*Mẹ cười: Nói cứng, phải xiêu*

*Ra khơi ông còn dám, tui chẳng liều bằng ông!*

*Nghe ra ông cũng vui lòng*

*Tui đi, còn chạy ra sông dặn dò:*

*“Coi chừng sóng lớn, gió to*

*Màn xanh đây mụ, đắp cho kín mình!”*

**Gợi ý trả lời**

**Bài 8.**

- Trong đoạn trích bài thơ Mẹ Suốt của Tố Hữu có các từ địa phương là: *chi, rứa, nờ, tui, cớ, răng, ưng, mụ.*

 - Đó là các từ thuộc phương ngữ Trung, phổ biến ở các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên – Huế (vùng Bắc Trung Bộ)

- Tác dụng của việc sử dụng các từ địa phương này trong đoạn thơ: góp phần thể hiện chân thực hơn hình ảnh một vùng quê và tình cảm, suy nghĩ, tính cách của người mẹ trên vùng quê ấy; làm tăng sự sống động, gợi cảm cho tác phẩm.

**Bài 9.** Tìm một số biệt ngữ xã hội mà em biết, giải thích nghĩa của những từ đó và đặt câu.

**Gợi ý trả lời**

**Bài 9.**

+ Giới chọi gà: chầu (hiệp), chêm (đâm cựa), chiến (đá khoẻ), dốt (nhát) …

+ Của học sinh: ngỗng (điểm hai), quay (nhìn, sao chép tài liệu), học gạo (học nhiều, không còn chú ý đến việc khác)…

Đặt câu:

[Ví dụ:](http://thcs.daytot.vn/thuat-ngu/Lop-7/Nha-tho-Do-Phu-143.html) Con lông trì và con lông cảo bắt đầu vào chầu hai.

**BÀI 2: ÔN TẬP TIẾNG VIỆT MỞ RỘNG TRẠNG NGỮ**

**CỦA CÂU BẰNG CỤM TỪ**

**I. Lí thuyết**

**1.** Để làm rõ thêm hoàn cảnh thời gian, không gian, nguyên nhân, mục đích, phương tiện, cách thức của sự việc được diễn ra bằng cụm C-V trong câu, người ta thêm trạng ngữ cho câu.

- Thêm trạng ngữ là một cách mở rộng câu thường thấy.

**2.** Trạng ngữ có thể được thêm vào đầu câu, giữa câu hoặc cuối câu. Ranh giới giữa trạng ngữ với chủ ngữ, vị ngữ trong câu thường đánh dấu bằng dấu phẩy khi viết và một quãng nghỉ ngắn khi nói.

(1) Trạng ngữ đứng đầu câu: *Từ sáng đến tối, nó chỉ nhởn nhơ rong chơi*.

(Nguyên Hồng)

(2) Trạng ngữ đứng giữa câu: *Nó, từ sáng đến tối, chỉ nhởn nhơ rong chơi.*

(3) Trạng ngữ đứng cuối câu: *Nó chỉ nhởn nhơ rong chơi, từ sáng đến tối.*

**3.** Để làm sáng tỏ hoàn cảnh cho sự việc được nói đến trong câu, có thể thêm nhiều trạng ngữ. Ví dụ:

***Ngoài sân, trong giờ ra chơi, ở nhà đa năng****, các bạn lớp em chơi đá cầu cùng với các bạn lớp bên.*

**4.** Trạng ngữ, tuy là thành phần phụ của câu, nhưng có tác dụng bổ sung ý nghĩa cho sự việc được nói đến trong câu và có giá trị thông tin nhất định. Do đó, nhiều trường hợp, trạng ngữ không thể vắng mặt.

Ví dụ:

(1) Hôm nào, lớp con đi lao động?

- **Chiều mai, vào lúc 4h**, lớp con đi lao động, mẹ ạ.

=> Trạng ngữ chỉ thời gian

(2) **Ven rừng**, rải rác những cây lim đã trổ hoa vàng, những cây vải thiều đã đỏ ối những quả. Tài liệu của Nhung tây

=> Trạng ngữ chỉ nơi chốn.

**5.** Trạng ngữ có tác dụng thể hiện không gian, thời gian của sự việc được nói đến trong đoạn văn bản. Nhờ trạng ngữ, các câu, các đoạn mới trở nên liên kết với nhau, có tính mạch lạc.

Ví dụ:

***Buổi chiều hôm ấy****, không khí nặng nề như ngâm hơi nước. Trời tối sẫm. Những đám mây đen trông gần ta hơn. Gió trước còn hiu hiu mát mẻ, sau bỗng ào ào kéo đến như tiếng thác chảy nghe tận đằng xa.*

***Đến nửa đêm****, bốn phương trời đều như có gió nổi lên hợp thành một luồng mạnh ghê gớm. Thỉnh thoảng luồng gió đông nam gặp luồng tây bắc quay cuồng vật lộn như giận dũm như hò reo, một lúc lại tan ra như mưa đang to bỗng tạnh. Gió lại im như trốn đâu mất. Rồi đột nhiên lại kéo đến rất mau, chốc chốc lại rít lên những tiếng ghê sợ trên các ngọn cây. Vạn vật đều như sụp đổ dưới cơn bão loạn cuồng.*

***Mãi đến sáng hôm sau****, bão mới ngớt.*

(Hàn Thế Du)

- Nhờ các trạng ngữ chỉ thời gian trong đoạn văn trên mà các sự kiện được liên kết với nhau theo một trình tự xác định.

**6.** Để nhấn mạnh ý, chuyển ý, bộc lộ cảm xúc….ta có thể tách trạng ngữ, đặc biệt là trạng ngữ đứng cuối câu, thành những câu riêng.

- Hiện tượng tách các bộ phận của câu thành câu riêng không phải chỉ xảy ra với trạng ngữ mà xảy ra với cả các thành phần khác của câu.

Ví dụ:

*Nói xong, anh ta vừng đứng lên, giơ tay chào mọi người rồi đi ra cửa. Mọi người nhìn theo anh ta.* ***Im lặng.***

(Nguyễn Thị Ngọc Tú)

- “Im lặng” được tách ra là thành phần vị ngữ của câu cùng loại với nhìn theo: Mọi người nhìn theo, im lặng.

- Hiện tượng tách thành câu riêng này có giá trị tu từ nghệ thuật rất phong phú:

**a. Dùng để nhấn mạnh, cụ thể hóa nội dung của câu:**

*Dung là cô gái rượu bà béo chủ quán.* ***Chẳng đẹp gì nhưng cũng mũm mĩm và trắng trẻo. Mà lại là một. Mà lại diện****. Có diện nhất vùng này.*

(Nam Cao)

**b. Đặc tả trạng thái tâm lí, cảm xúc:**

*Đôi mắt ấy nhìn tôi, ngập ngừng nhiều lần.* ***Lặng im nhiều lần. Rồi mới hỏi.***

(Nguyễn Thị Ngọc Tú)

**c. Tạo nhịp điệu cho câu văn:**

*Huống hồ giá nào cho xứng cái mà cuốn sách chứa đựng, gợi mở.* ***Một tư tưởng khai sáng. Một kiến thức nền tảng. Một cách gọi tên sự vật. Một rung cảm thần tiên. Một phút giây suy tưởng. Một mơ mộng. Một bâng khuâng, một bảng lảng, một khoái cảm được biểu hiện năng lực người của mình.*** Tài liệu của Nhung tây

(Ma Văn Kháng)

**3. Cách mở rộng trạng ngữ và tác dụng của việc mở rộng trạng ngữ**

- Việc mở rộng thành phần chính của câu (chủ ngữ, vị ngữ) bằng cụm chủ vị thường được thực hiện bằng một trong hai cách:

- Dùng cụm chủ vị bổ sung cho từ làm chủ ngữ hoặc vị ngữ

- Dùng cụm chủ vị trực tiếp cấu tạo chủ ngữ hoặc vị ngữ.

+ Cụm chính phụ là cụm từ gồm một thành tố chính và một hay nhiều thành tố phụ ở trước và sau thành tố chính. Cụm từ chính phụ gồm: Cụm danh từ, Cụm động từ và Cụm tính từ .

**II. Xác định thành phần chính của câu**

**a. Khái niệm thành phần chính:**

- Thành phần chính của câu là thành phần bắt buộc phải có để câu có cấu trúc hoàn chỉnh và diễn đạt được ý trọn vẹn.

- Trong câu có hai thành phần chính đó là chủ ngữ và vị ngữ:

***Chủ ngữ của câu*:**

**+** Là bộ phận chính của câu kể tên sự vật, hiện tượng có hoạt động, tính chất, trạng thái, được miêu tả ở vị ngữ v.v .. Chủ ngữ thường trả lời các câu hỏi: *Ai ? Cái gì ? Con gì?* Tài liệu của Nhung tây

+ Chủ ngữ thường là danh từ, đại từ hoặc cụm danh từ. Trong một số trường cụ thể thì động từ, tính từ hoặc cụm động từ, cụm tính từ cũng có thể làm chủ ngữ.

Câu có thể có một hoặc nhiều chủ ngữ.

Ví dụ: Anh trai ấy hát rất hay. Hôm nay, lớp chúng mình sẽ đi xem phim. Bà tôi có mái tóc bạc phê. Mẹ Lan là người quan tâm mình nhiều nhất.

***Vị ngữ của câu:***

+ Là bộ phận chính của câu có thể kết hợp với các trạng ngữ chỉ quan hệ thời gian và trả lời các câu hỏi:*Làm gì? Làm thế nào, cái gì, nó là gì?*

+ Vị ngữ thường là một động từ hoặc một động từ, một tính từ hoặc một cụm tính từ, một danh từ hoặc một cụm danh từ. Trong câu có thể có một hay nhiều vị ngữ.

**b. Cấu tạo thành phần chính:**

- Câu có CN làm CDT:

a. **Con mèo đen kia**/ đã làm đổ lọ hoa.

b. **Những em học sinh**/ đang say sưa học bài.

- Câu có VN làm CĐT:

c. Các bạn học sinh/ **đang hăng hái tiến về lễ đài**.

d. Dòng sông/ **uốn lượn bao bọc làng quê.**

- Câu có VN làm CTT:

e. Cô bé/ **rất đáng yêu**.

g. Bức tranh/ **tuyệt đẹp.**

**c. Rút gọn thành phần chính:**

3. Rút gọn:

a. **Con mèo**/ đã làm đổ lọ hoa.

b. **Học sinh**/ đang say sưa học bài.

- Câu có VN làm CĐT:

c. Các bạn học sinh/ **tiến về**.

d. Dòng sông/ **uốn lượn.**

- Câu có VN làm CTT:

e. Cô bé/  **đáng yêu**.

g. Bức tranh/ **đẹp.**

\*Khi rút gọn thì thành phần câu chỉ còn là một từ, thông tin chứa đựng không phong phú.

**II. CÁC DẠNG BÀI TẬP**

**Bài 1: (SGK)** Xác định trạng ngữ trong các câu sau:

a. Khoảng hai giờ sáng Mon tỉnh giấc.

b. Suốt từ chiều hôm qua, nước bắt đầu dâng lên nhanh hơn.

Hãy thử rút gọn trạng ngữ trong mỗi câu và nhận xét về sự thay đổi nghĩa của câu sau khi rút gọn thành phần trạng ngữ.

**Gợi ý trả lời**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Trạng ngữ** | **Rút gọn trạng ngữ** | **Câu đã rút gọn trạng ngữ** |
| a | Khoảng hai giờ sáng | - Hai giờ sáng  - Sáng | - Hai giờ sáng Mon tỉnh giấc.  - Sáng, Mon tỉnh giấc. |
| b | Suốt từ chiều hôm qua | - Từ chiều hôm qua  - Chiều hôm qua  - Hôm qua | - Từ chiều hôm qua, nước bắt đầu dâng lên nhanh hơn.  - Chiều hôm qua, nước bắt đầu dâng lên nhanh hơn.  - Hôm qua, nước bắt đầu dâng lên nhanh hơn. |

- Nhận xét: Khi rút gọn trạng ngữ trong mỗi câu, ý nghĩa của câu không thay đổi nhưng thông tin cụ thể về về thời gian đã bị mất đi.

**Bài 2: (SGK)**

So sánh các câu trong từng cặp câu dưới đây và nhận xét về tác dụng của việc mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ:

a. - Trong gian phòng, những bức tranh của thí sinh treo kín bốn bức tường.

- Trong gian phòng lớn tràn ngập ánh sáng, những bức tranh của thí sinh treo kín bốn bức tường.

*(Tạ Duy Anh,*Bức tranh của em gái tôi*)*

b. - Thế mà qua một đêm, trời bỗng đổi gió bấc, rồi cái lạnh ở đâu đến làm cho người ta tưởng đang ở giữa mùa đông rét mướt.

- Thế mà qua một đêm mưa rào, trời bỗng đổi gió bấc, rồi cái lạnh ở đâu đến làm cho người ta tưởng đang ở giữa mùa đông rét mướt.

(Thạch Lam, Gió lạnh đầu mùa)

c. - Trên nóc một lô cốt, người phụ nữ trẻ đang phơi thóc.

- Trên nóc một lô cốt cũ kề bên một xóm nhỏ, người phụ nữ trẻ đang phơi thóc.

(Trần Hoài Dương, Miền xanh thẳm)

**Gợi ý trả lời**

a. Câu (2) có trạng ngữ được mở rộng hơn câu (1), giúp miêu tả không gian của nơi chốn được dùng làm trạng ngữ: gian phòng lớn tràn ngập ánh sáng.

b. Câu (2) có trạng ngữ được mở rộng hơn câu (1), giúp cung cấp thông tin về sự việc (mưa rào) đã xảy ra trong đêm hôm trước.

c. Câu (2) có trạng ngữ được mở rộng hơn câu (1), giúp cụ thể hóa nơi chốn được dùng làm trạng ngữ.

**Bài 3. Tìm trạng ngữ trong các câu dưới đây và cho biết tác dụng của chúng?**

1. Tảng sáng, vòm trời cao xanh mênh mông. Gió từ trên đỉnh núi tràn xuống thung lũng mát rượu. Khoảng trời sau dãy núi phía đông ửng đỏ. Những tia nắng đầu tiên hắt chéo qua thung lũng, trải lên đỉnh núi phía tây những vệt sáng màu lá mạ tươi tắn…Ven rừng, rải rác những cây lim đã trổ hoa vàng, những cây vải thiều đã đỏ ối những quả. Tài liệu của Nhung tây

*(Hoàng Hữu Bội)*

2. Có lẽ tiếng Việt của chúng ta đẹp bởi vì tâm hồn của người Việt Nam ta rất đẹp, bởi vì đời sống, cuộc đấu tranh của nhân dân ta từ trước tới nay là cao quý, là vĩ đại, nghĩa là rất đẹp.

(Phạm Văn Đồng)

3. Vì chuôm cho cá bén đăng

Vì chàng thiếp phải đi trăng về mò

*(Ca dao)*

4. Đánh “xoảng” một cái, cái bát ở mâm Lí cựu bay thẳng sang mâm Lí đương và đánh “chát” một cái, cái chậu ở chiếu Lí đương cũng đập luôn vào cây cột bên cạnh Lí cựu.

*(Ngô Tất Tố)*

5. Sọ Dừa chăn bò rất giỏi. Hằng ngày, cậu lăn sau đàn bò ra đồng, tối đến lại lăn sau đàn bò về chuồng. bò con nào con nấy bụng no căng. Phú ông mừng lắm.

Ngày mùa, tôi tớ ra đồng làm cả, phú ông có ba cô con gái thay phiên nhau đưa cơm cho Sọ Dừa.

(Sọ Dừa)

6. Anh không ngờ đời Hạnh tiếp sau đó cho đến ngày lấy chồng đã phải lưu lạc khắp nơi…Bây giờ Hạnh là bác sĩ và con cái đã lớn.

*(Nguyễn Minh Châu)*

7. Y nhớ một lần y ở Hà Nội về quê. Hồi ấy, vợ chồng ý mới ăn riêng

*(Nam Cao)*

8. Dưới gầm trời này, tôi lo gì không thừa chiếc giường hẹp để tôi lăn kềnh tấm thân thước rưỡi. Tài liệu của Nhung tây

*(Nguyễn Công Hoan)*

9. Ngoài miền Bắc, Thăng nghĩ, chắc là gia đình Phật đã biết Phật gặp Thăng và yêu Thăng.

*(Nguyễn Minh Châu)*

10. Dưới vành khăn xếp nhiễu tây, cái mặt phèn phẹt như rơi xuống sân đình đánh “huỵch”.

*(Ngô Tất Tố)*

11. Đó là cái cổng nhà Lợi. Phía trên lối ra vào, nó xây thêm một tầng nữa.

*(Lê Lựu)*

12. Suốt dọc đường, từ ngoài cánh đồng trở về, cô bé và con mèo chỉ đối thoại bằng mấy tiếng đơn giản.

*(Nguyễn Minh Châu)*

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

**Bài 3.** Trạng ngữ được in đậm.

1. **Tảng sáng**, vòm trời cao xanh mênh mông. Gió từ trên đỉnh núi tràn xuống thung lũng mát rượu. Khoảng trời sau dãy núi phía đông ửng đỏ. Những tia nắng đầu tiên hắt chéo qua thung lũng, trải lên đỉnh núi phía tây những vệt sáng màu lá mạ tươi tắn…**Ven rừng,** rải rác những cây lim đã trổ hoa vàng, những cây vải thiều đã đỏ ối những quả.

(Tác dụng chỉ thời gian và nơi chốn)

2. Có lẽ tiếng Việt của chúng ta đẹp **bởi vì tâm hồn của người Việt Nam ta rất đẹp, bởi vì đời sống, cuộc đấu tranh của nhân dân ta từ trước tới nay là cao quý, là vĩ đại, nghĩa là rất đẹp.**

(Tác dụng trạng ngữ chỉ nguyên nhân, giải thích)

3. **Vì chuôm** cho cá bén đăng

**Vì chàng** thiếp phải đi trăng về mò

(Tác dụng trạng ngữ chỉ nguyên nhân, giải thích)

4. **Đánh “xoảng” một cái**, cái bát ở mâm Lí cựu bay thẳng sang mâm Lí đương và **đánh “chát” một cái**, cái chậu ở chiếu Lí đương cũng đập luôn vào cây cột bên cạnh Lí cựu.

(Trạng ngữ chỉ cách thức)

5. Sọ Dừa chăn bò rất giỏi. **Hằng ngày**, cậu lăn sau đàn bò ra đồng, **tối đến** lại lăn sau đàn bò về chuồng. bò con nào con nấy bụng no căng. Phú ông mừng lắm.

Ngày mùa, tôi tớ ra đồng làm cả, phú ông có ba cô con gái thay phiên nhau đưa cơm cho Sọ Dừa.

(Trạng ngữ chỉ thời gian)

6. Anh không ngờ đời Hạnh tiếp sau đó cho đến ngày lấy chồng đã phải lưu lạc khắp nơi…**Bây giờ** Hạnh là bác sĩ và con cái đã lớn.

(Trạng ngữ chỉ thời gian)

7. Y nhớ một lần y ở Hà Nội về quê. **Hồi ấy**, vợ chồng ý mới ăn riêng

(Trạng ngữ chỉ thời gian)

8. **Dưới gầm trời này**, tôi lo gì không thừa chiếc giường hẹp để tôi lăn kềnh tấm thân thước rưỡi.

(Trạng ngữ chỉ không gian)

9. **Ngoài miền Bắc**, Thăng nghĩ, chắc là gia đình Phật đã biết Phật gặp Thăng và yêu Thăng.

(Trạng ngữ chỉ không gian rộng)

10. **Dưới vành khăn xếp nhiễu tây**, cái mặt phèn phẹt như rơi xuống sân đình đánh “huỵch”.

(Trạng ngữ chỉ không gian)

11. Đó là cái cổng nhà Lợi. **Phía trên lối ra vào**, nó xây thêm một tầng nữa.

(Trạng ngữ chỉ không gian)

12. **Suốt dọc đường, từ ngoài cánh đồng trở về**, cô bé và con mèo chỉ đối thoại bằng mấy tiếng đơn giản.

(Trạng ngữ chỉ không gian)

**Bài 4. Biến đổi từng câu sau thành một câu có trạng ngữ:**

Mẫu: Hôm ấy là chủ nhật. Lớp tôi đi tham quan.

=> Hôm chủ nhật, lớp tôi đi tham quan.

1. Mặt biển bao la rực rỡ ánh vàng buổi sớm. Những chiếc thuyền đánh cá nhòe dần trong muôn ngàn tia phản chiếu chói chang.

2. Đêm đã về khuya. Không gian trở nên yên tĩnh.

3. Con đường này dẫn tới biển. Buổi sáng, từng tốp người đi ra biển tắm sớm.

4. Trời nhá nhem tối. Những người bán hàng thu dọn, sửa soạn về nhà.

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

**Bài 4.**

1. Trên mặt biển bao la rực rỡ ánh vàng buổi sớm, những chiếc thuyền đánh cá nhòe dần trong muôn ngàn tia phản chiếu chói chang.

2. Trong đêm khuya, không gian trở nên yên tĩnh.

3. Trên con đường dẫn tới bờ biển, buổi sáng, từng tốp người đi ra biển tắm sớm.

4. Vào lúc trời nhá nhem tối, những người bán hàng thu dọn, sửa soạn về nhà.

**Bài 5. Điền trạng ngữ thích hợp vào chỗ chấm:**

1. /…/ trời mưa tầm tã, /…/ trời lại nắng chang chang.

2. /…/ cây cối đâm chồi nảy lộc.

3. /…/ tôi gặp một người lạ mặt hỏi đường đi chợ huyện.

4. /…/ họ chạy về phía có đám cháy.

5. /…/ em làm sai mất bài toán cuối.

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

**Bài 5.** Tham khảo một vài câu sau:

1. Buổi sáng, trời mưa tầm tã, tới trưa, trời lại nắng chang chang.

2. Mùa xuân, cây cối đâm chồi nảy lộc.

3. Trong quán nước, tôi gặp một người lạ mặt hỏi đường đi chợ huyện.

4. Hiếu kì, họ chạy về phía có đám cháy.

5. Trong bài kiểm tra vừa rồi, em làm sai mất bài toán cuối.

**Bài 6. Tìm các trạng ngữ trong câu sau và cho biết có thể lược bỏ chúng đi được không? Tại sao?**

1. Mùa đông, giữa ngày mùa, làng quê toàn màu vàng – những màu vàng rất khác nhau.

(Tô Hoài)

2. - Hôm qua, ai trực nhật?

- Thưa cô, hôm qua, em trực nhật ạ.

3. Chiều chiều, khi mặt trời gần lặn, chú tôi lại đánh một hồi mõ rồi tung thóc ra sân.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Bài 6.** Các trạng ngữ được in đậm như sau:

1. **Mùa đông, giữa ngày mùa**, làng quê toàn màu vàng – những màu vàng rất khác nhau. Tài liệu của Nhung tây

2. – **Hôm qua**, ai trực nhật?

- Thưa cô, **hôm qua**, em trực nhật ạ.

3. **Chiều chiều, khi mặt trời gần lặn**, chú tôi lại đánh một hồi mõ rồi tung thóc ra sân.

=> Trạng ngữ tuy là thành phần phụ, nhưng có tác dụng bổ sung ý nghĩa cho sự việc được nói đến trong câu và có giá trị thông tin nhất định. Do đó, nhiều trường hợp không thể bỏ trạng ngữ đi được. Trong các câu trên, duy chỉ có câu “Thưa cô, hôm qua, em trực nhật ạ.” là có thể lược bỏ trạng ngữ, vì ý nghĩa về thời gian đã được cả người nói và người nghe biết trước.

**Bài 7. Tìm các trạng ngữ được tách thành các câu riêng trong các đoạn trích sau và cho biết giá trị của chúng.**

a. Những người Pháp muốn thật thà cộng tác với ta thì ta thật thà cộng tác với họ, ích lợi cho cả đôi bên. Để cho thế giới biết rằng ta là một dân tộc văn minh. Để cho người Pháp ủng hộ ta càng thêm đông, sức ủng hộ càng thêm mạnh. Để cho những kẻ khiêu khích muốn chia rẽ không có thể và không có cơ sở mà chia rẽ. Để cho công cuộc thống nhất và độc lập của chúng ta chóng thành công.

(Hồ Chí Minh)

b. Dự định mà còn biết bao ngập ngừng, cả cô Quyên và bà tôi đều im lặng, nghĩ đến các trắc trở ngoài sức cố gắng của mình. Cho đến lúc ngoài sân nhà cô Đại Bàng có hai đứa con gái. Đó là Vàng Anh và con Vành khuyên.

(Ma Văn Kháng)

c. Hoa cúc, có hay là không có?

Trong đầm lầy tuổi nhỏ của ta xưa.

(Xuân Quỳnh)

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Bài 7.** Các trạng ngữ được tách thành câu riêng như sau:

a. Để cho thế giới biết rằng ta là một dân tộc văn minh. Để cho người Pháp ủng hộ ta càng thêm đông, sức ủng hộ càng thêm mạnh. Để cho những kẻ khiêu khích muốn chia rẽ không có thể và không có cơ sở mà chia rẽ. Để cho công cuộc thống nhất và độc lập của chúng ta chóng thành công.

(Tác dụng liên kết và chỉ ý nghĩa mục đích của việc ta cộng tác với người Pháp)

b. Cho đến lúc ngoài sân nhà cô Đại Bàng có hai đứa con gái. (Tác dụng liên kết và có ý nghĩa chỉ thời gian) Tài liệu của Nhung tây

c. Trong đầm lầy tuổi nhỏ của ta xưa. (tác dụng chỉ nơi chốn, không gian)

**Bài 8. Viết đoạn văn ngắn (từ 10 đến 15 câu) có ít nhất một câu có trạng ngữ. Chỉ ra các trạng ngữ trong đoạn văn và cho biết chúng bổ sung ý nghĩa gì cho câu?**

**Bài 9.** Viết đoạn văn ngắn (từ 10 đến 15 câu) có sử dụng trạng ngữ dùng để liên kết các câu trong đoạn.

**Bài 8 và 9:** HS tự luyện tập viết đoạn văn theo yêu cầu

**Bài 10:**

Chỉ ra những trường hợp tách trạng ngữ thành câu riền trong các chuỗi câu dưới đây. Nêu tác dụng của những câu do trạng ngữ tạo thành

a) Bố cháu đã hi sinh. Năm 72.

*(Theo báo Văn nghệ)*

b) Bốn người lính đều cúi đầu, tóc xoã gối. Trong lúc tiếng đờn vẫn khắc khoải vẳng lên những chữ đờn li biệt, bồn chồn.

*(Anh Đức)*

**Gợi ý:**

Câu a:

- Trạng ngữ: *Năm 72.*

- Tác dụng: nhấn mạnh đến thời điểm hi sinh của nhân vật được nói đến trong câu đứng trước.

Câu b:

- Trạng ngữ: *Trong lúc tiếng đờn vẫn khắc khoải vẳng lên những chữ dờn li biệt, bồn chồn.*

- Tác dụng: làm nổi bật thông tin ở nòng cổt câu; nhấn mạnh sự tương đồng của thông tin mà trạng ngữ biểu thị, so với thông tin ở nòng cốt câu.

**Bài 11:** Viết đoạn văn có sử dụng câu đăc biệt , câu rút gọn và câu có thành phần trạng ngữ

**Gợi ý:**

Mùa đông, gió mùa đông bắc tràn về cùng với cái lạnh khắc nghiệt và đường phố cũng vắng vẻ hơn thường lệ. **Buổi sáng**, mặt trời lười biếng vẫn còn đang ngủ, không chịu dậy để ban phát những tia nắng ấm áp cho cỏ cây hoa lá.**Lạnh!** Ra đường, cụ già, trẻ em và cả các thanh niên sung sốc... tất cả đều mặc những chiếc áo len, áo khoác dày, quàng khăn, đội mũ sùm sụp để có thể làm giảm đi cái rét cắt da cắt thịt. Hai hàng bàng ven đường đã trút bỏ bộ cánh già cỗi từ lâu, chỉ còn trơ lại những chiếc cành khẳng khiu nhẫn nại chịu đựng giá rét. Tài liệu của Nhung tây Bên đường, hàng phở tấp nập người ra vào, cô bán hàng làm luôn tay, nào lấy bánh, nào chan nước...**Nụ cười tươi tắn vì bán hàng chạy, các bát phở nóng hổi bốc hơi nghi ngút chờ đợi mọi người thưởng thức**. Dường như họ đã tạm quên đi cái lạnh giá của mùa đông.

- Câu đặc biêt: Lạnh!

- Câu rút gọn:  Nụ cười tươi tắn vì bán hàng chạy, các bát phở nóng hổi bốc hơi nghi ngút chờ đợi mọi người thưởng thức.

- Trạng từ: buổi sáng

**Bài 12:**

Mỗi câu trong từng cặp câu dưới đây trình bày một ý riêng. Hãy gộp các câu cùng cặp thành một câu có cụm C – V làm thành phần câu hoặc thành phần cụm từ mà không thay đổi nghĩa chính của chúng.

a) Chúng em học giỏi. Cha mẹ và thầy cô rất vui lòng.

b) Nhà văn Hoài Thanh khẳng định: “Cái đẹp là có ích”.

c) Tiếng việt rất giàu thanh điệu. Điều đó khiến lời nói của người Việt nam ta du dương, trầm bổng như một bản nhạc.

d) Cách mạng tháng Tám thành công. Từ đó, tiếng Việt có một bước phát triển mới, một số phận mới.

**Gợi ý trả lời:**

- Câu a: Thêm động từ

Chúng em học giỏi làm cha mẹ và thầy cô rất vui lòng.

- Câu b: Dùng lời dẫn trực tiếp làm phụ ngữ cho động từ khẳng định

Nhà văn Hoài Thanh khẳng định rằng cái đẹp là cái có ích.

- Câu c: bỏ cụm từ điều đó

Tiếng Việt rất giàu thanh điệu khiến lời nói của người Việt Nam ta du dương, trầm bổng như một bản nhạc.

- Câu d: thay thế cụm từ từ đó bằng một cụm động từ hoặc têm cụm danh từ đầu câu

Từ khi Cách mạng tháng Tám thành công, tiếng Việt có một bước phát triển mới, số phận mới. Tài liệu của Nhung tây.

**BÀI 3: ÔN TẬP TIẾNG VIỆT**

**MỞ RỘNG THÀNH PHẦN CHÍNH CỦA CÂU BẰNG CỤM CHỦ VỊ**

**I. Kiến thức cơ bản**

- Việc mở rộng thành phần chính của câu (chủ ngữ, vị ngữ) bằng cụm chủ vị thường được thực hiện bằng một trong hai cách:

- Dùng cụm chủ vị bổ sung cho từ làm chủ ngữ hoặc vị ngữ

- Dùng cụm chủ vị trực tiếp cấu tạo chủ ngữ hoặc vị ngữ.

+ Cụm chính phụ là cụm từ gồm một thành tố chính và một hay nhiều thành tố phụ ở trước và sau thành tố chính. Cụm từ chính phụ gồm: Cụm danh từ, Cụm động từ và Cụm tính từ .

#### **d. Cụm danh từ**

- Khái niệm: Cụm danh từ là loại tổng hợp từ do danh từ và một số ít từ ngữ phụ thuộc vào nó tạo thành. Cụm danh từ có ý nghĩa rất đầy đủ hơn và có cấu trúc phức tạp hơn một mình danh từ, nhưng hoạt động giải trí trong câu giống như một danh từ.  
Ví dụ : Những chiếc lá rơi đầy cả một sân.  
+ Cấu tạo cụm danh từ Cụm danh từ gồm ba phần, được phối hợp không thay đổi với nhau theo thứ tự :  
phần phụ trước + danh từ TT + phần phụ sau  
Các phụ ngữ ở phần trước bổ trợ cho danh từ những ý nghĩa về số lượng.  
Các phụ ngữ ở phần sau nêu lên đặc thù của sự vật mà danh từ biểu lộ hoặc xác lập vị trí của sự vật ấy trong khoảng trống hay thời hạn .  
Ví dụ : Một / con mèo / nằm trên đám cỏ. Tài liệu của Nhung tây  
số từ / TT / Phụ sau

#### **e. Cụm động từ**

- Cụm động từ ( còn gọi là động ngữ ) là loại tổng hợp từ do động từ với một số ít từ ngữ phụ thuộc vào nó tạo thành. Trong đó thành tố TT là động từ còn những thành tố phụ có tính năng bổ trợ ý nghĩa về phương pháp, mức độ, thời hạn, khu vực … cho động từ TT đó.  
+ Cấu tạo: Giống như cụm danh từ, cụm động từ cũng gồm ba phần, được phối hợp không thay đổi với nhau theo thứ tự :  
phần phụ trước + động từ TT + phần phụ sau  
Ví dụ : Đang học trực tuyến  
Các phụ ngữ ở phần trước bổ trợ cho động từ những ý nghĩa về quan hệ thời hạn, sự tiếp nối tựa như …  
Các phụ ngữ ở phần sau bổ trợ cho động từ những cụ thể về đối tượng người tiêu dùng, hướng, khu vực, thời hạn, mục tiêu, nguyên do …  
Ví dụ : Chưa / tìm / được ngay câu vấn đáp .  
Phụ trước / Trung tâm / Phụ sau

#### **g. Cụm tính từ**

- Cụm tính từ là loại tổng hợp từ do tính từ với 1 số ít từ ngữ phụ thuộc vào nó tạo thành. Cụm tính từ có ý nghĩa rất đầy đủ hơn và có cấu trúc phức tạp hơn một mình tính từ, nhưng hoạt động giải trí trong câu giống như một tính từ .  
Ví dụ : Thơm dịu ngọt cốm mới .  
+ Mô hình của cụm tính từ gồm :  
phần phụ trước + tính từ TT + phần phụ sau  
Các phụ ngữ ở phần trước biểu thị quan hệ thời hạn, sự tiếp nối tương tự như, mức độ của đặc thù, đặc thù …  
Các phụ ngữ ở phần sau bộc lộ vị trí, sự so sánh, mức độ …

**B. LUYỆN TẬP**

**Bài tập 1**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Vị ngữ là cụm động từ** | **Động từ trung tâm** | **Thành tố phụ là cụm chủ vị trong vị ngữ** |
| **a** | tưởng mình không còn những ước mơ và khát vọng của tuổi thanh niên | tưởng | mình không còn những ước mơ và khát vọng của tuổi thanh niên |
| **b** | cũng làm kí ức ta quay lại với những kỉ niệm của tuổi thơ | làm | kí ức ta quay lại với những kỉ niệm của tuổi thơ. Tài liệu của Nhung tây |

**Bài tập 2**

a. nét mặt hầm hầm.

b. tay cầm một chiếc nỏ lên ngắm nghía...

**Bài tập 3**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Chủ ngữ là cụm danh từ** | **Danh từ trung tâm** | **Thành tố phụ là cụm chủ vị trong chủ ngữ** |
| a | Bộ quần áo bà ba đen mà má nuôi tôi vừa khâu cho tôi | quần áo | má nuôi tôi vừa khâu cho tôi |
| b | Chuyện bác Hai và chú kết bạn rồi cùng nhau đánh giặc | chuyện | bác Hai và chú kết bạn rồi cùng nhau đánh giặc |

**Bài tập 4**

a. trời mưa to

b. Câu nói nghĩa lí của con bé bảy tuổi hình như có một sức mạnh thần bí

**Bài 5:** Đoạn văn tham khảo

Văn bản “Vẻ đẹp của bài thơ Tiếng gà trưa” là một văn bản nghị luận văn học đã phân tích những đặc sắc nghệ thuật và nội dung của bài thơ “Tiếng gà trưa”, giúp người đọc cảm nhận sâu sắc hơn về tác phẩm của nhà thơ Xuân Quỳnh. Tác giả của văn bản - Đinh Trọng Lạc đã lần lượt phân tích nghệ thuật trong các khổ thơ. Sự ấn tượng của tôi dồn cả vào việc tác giả phân tích khổ thơ cuối. Ở khổ thơ cuối, anh chiến sĩ thốt lên tiếng gọi “Bà ơi” thật cảm động. Đó là tình cảm chất chứa lâu ngày nay được phát tiết. Việc Xuân Quỳnh để cho từ “Vì” ở đầu các dòng thơ lặp lại nhiều lần đã góp phần biểu hiện ý chí chiến đấu mạnh mẽ của người cháu - chiến sĩ. Đó là vì Tổ quốc, vì nhân dân mà trong đó bao gồm cả những người thân yêu trong gia đình, mà sâu sắc nhất là người bà với biết bao kỉ niệm tuổi thơ êm đẹp.

- Một vị ngữ được mở rộng bằng cụm chủ vị: "một văn bản nghị luận văn học đã phân tích những đặc sắc nghệ thuật và nội dung của bài thơ Tiếng gà trưa, giúp người đọc cảm nhận sâu sắc hơn về tác phẩm của Xuân Quỳnh.".

- Một chủ ngữ được mở rộng bằng cụm chủ vị: "Việc Xuân Quỳnh để cho từ Vì ở đầu các dòng thơ lặp lại. Tài liệu của Nhung tây

**BÀI 4. ÔN TẬP TIẾNG VIỆT CÁC BIỆN PHÁP TU TỪ**

**A. LÍ THUYẾT**

**I. PHÉP ĐỐI LẬP**

**1. Khái niệm**

**- Phép đối lập**là cách sử dụng những từ ngữ, hình ảnh, các thành phần câu, vế câu song song, cân đối trong lời nói nhằm tạo hiệu quả diễn đạt: nhấn mạnh về ý, gợi liên tưởng, gợi hình ảnh sinh động, tạo nhịp điệu cho lời nói, biểu đạt cảm xúc tư tưởng…

#### **2. Đặc điểm:**

- Số lượng âm tiết của hai vế đối phải bằng nhau.

**Ví dụ:**

“Thuốc đắng dã tật, sự thật mất lòng”

**(Tục ngữ)**

- Các từ ngữ đối nhau phải cùng từ loại với nhau (danh từ đối với danh từ, động từ – tính từ đối với động từ – tính từ).

**Ví dụ:**

“Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ  
Người khôn người đến chốn lao xao”.

**(Nhàn – Nguyễn Bỉnh Khiêm)**

- Các từ đối nhau hoặc phải trái nghĩa với nhau, hoặc phải cùng trường nghĩa với nhau, hoặc phải đồng nghĩa với nhau để gây hiệu quả bổ sung, hoàn chỉnh về nghĩa.

**Ví dụ:**

“Chén rượu hương đưa say lại tỉnh  
Vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn”

**(Hồ Xuân Hương)**

#### **3. Phân loại:**

Có hai loại đối:

+ Tiểu đối (tự đối): Các yếu tố đối xuất hiện trong nội bộ một câu, một dòng.

**Ví dụ:**

“Hoa cười ngọc thốt đoan trang  
Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da”

**(Truyện Kiều – Nguyễn Du)**

**+ Trường đối (bình đối): dòng trên và dòng dưới, đoạn trên và đoạn dưới đối nhau.**

**Ví dụ:**

“Lom khom dưới núi tiều vài chú  
Lác đác bên sông chợ mấy nhà”

**(Qua đèo Ngang - Bà huyện Thanh Quan)**

#### **4. Tác dụng của đối lập:**

- Gợi sự phong phú về ý nghĩa (tương đồng và tương phản).

“Còn tiền, còn bạc, còn đệ tử  
Hết cơm, hết rượu, hết ông tôi”

**(Nguyễn Bỉnh Khiêm)**

- Tạo ra sự hài hoà về thanh: “Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù”

**(Hịch tướng sĩ – Trần Quốc Tuấn)**

- Phép đối lập tạo nên sự hài hòa về âm thanh, tạo nên sự dồn dập, thôi thúc, căm phẫn.

- Nhấn mạnh ý: “Bán anh em xa mua láng giềng gần” **(Ca dao)**

- Phép đối trong câu tục ngữ thường phục vụ cho sự so sánh, đối chiếu để khẳng định, nhân mạnh những kinh nghiệm, những bài học về cuộc sống xã hội hay hiện tượng tự nhiên.

**II. ÔN TẬP SO SÁNH**

**1. Khái niệm:**

- Là việc đối chiếu hai hay nhiều sự vật có những điểm tương đồng nhằm làm nổi bật lên những đặc điểm riêng biệt của đối tượng đó và làm sự diễn đạt trở nên sống động, giàu hình ảnh, cảm xúc. So sánh được phân thành hai loại: so sánh ngang bằng hoặc không ngang bằng.

=>So sánh là sự đối chiếu sự vật, sự việc với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

Ví dụ: *Trẻ em như búp trên cành*

*Biết ăn biết ngủ, biết hoc hành là ngoan.*

So sánh: Trẻ em = búp trên cành =>Đều non tơ, trẻ trung, bụ bẫm, đáng yêu.

**2. Cấu tạo của phép so sánh**

+ Mô hình cấu tạo đầy đủ của một phép so sánh gồm:

- Vế A (nếu lên sự vật, sự việc được so sánh)

- Vế B (nêu tên sự vật, sự việc dùng để so sánh với sự vật, sự việc nói ở vế).

- Từ ngữ chỉ phương diện so sánh

- Từ ngữ chỉ ý so sánh ( gọi tắt là so sánh)

- Trong thực tế, mô hình cấu tạo nói trên có thể biến đổi ít nhiều:

- Các từ ngữ chỉ phương diện so sánh và chỉ ý so sánh có thể được lược bớt.

**3. Các kiểu so sánh**

Có hai kiểu so sánh:

- So sánh ngang bằng

- So sánh không ngang bằng

Ví dụ: "Những ngôi sao thức ngoài kia

Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con

Đêm nay con ngủ giấc tròn

Mẹ là ngọn gió của con suốt đời."

 Những hình ảnh so sánh trong đoạn thơ trên là:

**“Những ngôi sao thức**” – “chẳng bằng” – **“mẹ đã thức”**

=> So sánh ko ngang bằng

Ví dụ 2: Cô giáo như mẹ hiền

Hình ảnh so sánh: Cô giáo với mẹ hiền => So sánh ngang bằng

**4. Tác dụng của so sánh**

- So sánh có tác dụng gợi hình, giúp cho việc miêu tả sự vật, sự việc được cụ thể sinh động

- Vừa có tác dụng biểu hiện tư tưởng tình cảm.

**III. CÂU HỎI TU TỪ**

**1. Khái niệm**

**- Câu hỏi tu từ** là câu hỏi được đặt ra nhưng không nhằm mục đích tìm kiếm câu trả lời hoặc câu trả lời đã nằm ngay trong câu hỏi, nhằm nhấn mạnh nội dung người dùng muốn gửi gắm. Câu hỏi tu từ được đặt ra nhằm tập trung sự chú ý của người nghe, người đọc vào một mục đích cụ thể nào đó. Do đó, câu hỏi tu từ về hình thức là một câu hỏi nhưng thực chất đó là câu phủ định có cảm xúc hay câu khẳng định. Tài liệu của Nhung tây

**-** Loại câu này thường được dùng nhiều trong các văn bản nghệ thuật, có tác dụng làm cho lời văn trở nên sinh động, đem lại cho người đọc những tưởng tượng lý thú.

### **2. Đặc điểm của câu hỏi tu từ**

- Câu hỏi tu từ có những đặc điểm mà bạn cần ghi nhớ để phân biệt so với các dạng câu văn khác, cụ thể bao gồm:

- Câu hỏi tu từ được thể hiện với hình thức nghi vấn với một dấu hỏi ở cuối câu

- Câu hỏi tu từ sẽ luôn ngầm ẩn một nội dung phán đoán phủ định hoặc khẳng định của người đặt câu hỏi.

- Người ta dùng câu hỏi tu từ nhằm mục đích khẳng định, nhấn mạnh ý mà mình muốn nói. Hoặc dùng câu hỏi tu từ theo cách ẩn dụ, nói lái đi để thể hiện ý kiến chê trách điều gì đó.

- Câu hỏi tu từ có chứa từ phủ định nhưng có nội dung khẳng định ngầm với mệnh đề tương ứng. Ngược lại, những câu không có từ phủ định nhưng nội dung lại ngầm thể hiện ý phủ định của mệnh đề tương ứng.

- Câu hỏi tu từ bao gồm câu hỏi tu từ có giá trị phủ định và câu hỏi tu từ có giá trị phủ định.

## **2. Phân biệt câu hỏi tu từ với biện pháp tu từ**

- Nếu câu hỏi tu từ là câu hỏi được đặt ra nhằm mục đích nhấn mạnh vào hàm ý nhất định nào đó mà không đòi hỏi câu trả lời. Trong khi đó, biện pháp tu từ dùng trong văn nói và viết bằng cách sử dụng ngôn ngữ một cách đặc biệt, khác thường trong một đơn vị ngôn ngữ về từ, câu hay văn bản trong ngữ cảnh nhất định nhằm tăng sức gợi cảm, gợi hình cho diễn đạt, tạo ấn tượng với người đọc về một cảm xúc, một hình ảnh hay câu chuyện trong tác phẩm.

**IV. NÓI GIẢM NÓI TRÁNH**

**1. Khái niệm**

- Tên gọi khác: *khiêm dụ, nói nhún.*

- Nói giảm là phép tu từ dùng cách nói giảm nhẹ mức độ hoặc tính chất của sự vật, hiện tượng để tránh gây ấn tượng không hay đối với người nghe hoặc để thể hiện sự khiêm tốn, nhún nhường. Ví dụ:

*Rộng thương* ***cỏ nội hoa hèn***

*Chút thân* ***bèo bọt*** *dám phiền mai sau.*

(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

=> Đây là lời Thuý Kiều nói với Từ Hải tự ví thân phận mình thấp kém, trôi nổi như cỏ nội hoa hèn, như bèo bọt rày đây mai đó.

- Nói giảm là phép tu từ ngược lại với khoa trương.

**2.** **Cấu tạo**

- Nói giảm thường được cấu tạo dựa trên ẩn dụ.

- Thường được thực hiện bằng các cách sau:

**a. Sử dụng hiện tượng chuyển nghĩa thông qua các hình thức ẩn dụ hoặc hoán dụ.** Ví dụ: Tài liệu của Nhung tây

- Bác đã đi rồi sao Bác ơi

- Bác đã lên đường theo tổ tiên.

(Tố Hữu)

**b. Sử dụng các từ đồng nghĩa Hán Việt**. Ví dụ:

- Chết: từ trần, tạ thế, hy sinh…

- Chôn xác: an tang, mai tang…

**c. Phủ định từ trái nghĩa**. Ví dụ:

- Xấu: chưa đẹp, không được đẹp cho lắm…

**d. Tỉnh lược**. Ví dụ:

Lão làm bộ đấy! Thật ra lão chỉ tẩm ngẩm thế, nhưng cũng **ra phết chứ chả vừa đâu**: lão vừa xin tôi một ít bả chó.

(Nam Cao)

**B. LUYỆN TẬP**

**Câu 1.** Trong hai khổ thơ đầu của bài thơ Mẹ (Đỗ Trung Lai), các dòng thơ được bố trí thành từng cặp có sự đối lập (trái ngược) nhau về nghĩa. Hãy chỉ ra điều đó và cho biết cách bố trí như vậy có tác dụng gì.

**Câu 2.** Nêu tác dụng miêu tả, biểu cảm của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong khổ thơ dưới đây:

Một miếng cau khô

Khô gầy như mẹ

Con nâng trên tay

Không cầm được lệ

(Đỗ Trung Lai)

**Gợi ý trả lời:**

**Câu 1.** - Trong hai khổ thơ đầu của bài thơ Mẹ (Đỗ Trung Lai), các dòng thơ được bố trí thành từng cặp có sự đối lập (trái ngược) nhau về nghĩa:

+ Lưng mẹ còng đối lập với cau vẫn thẳng

+ Cau - ngọn xanh rờn đối lập với mẹ - đầu bạc trắng

+ Cau ngày càng cao đối lập với mẹ ngày một thấp

+ Cau gần với giời đối lập với mẹ thì gần đất

- Tác dụng của cách bố trí như vậy cho thấy được sự tương phản giữa hình ảnh cau và mẹ. Theo thời gian, cau càng ngày càng phát triển, cao, xanh tốt, còn mẹ theo thời gian lại già đi. Cách bố trí này làm tăng tính biểu cảm cho hình ảnh người mẹ, cho thấy nỗi niềm của người con khi thấy mẹ mình ngày một già đi, đồng thời khơi gợi cảm xúc trong lòng người đọc.

**Câu 2.** Trong khổ thơ "Một miếng... được lệ", tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ so sánh để miêu tả hình ảnh người mẹ. Hình ảnh mẹ không được miêu tả trực tiếp theo cách: "Mẹ khô gầy", mà là miêu tả gián tiếp bằng cách so sánh. Cụ thể ở đây là so sánh cau với hình ảnh của mẹ. Như vậy mẹ đã trở thành thước đo của sự "khô gầy". Tính từ "khô gầy" cho thấy dáng vẻ già nua, thiếu sức sống. "Khô gầy" hoàn toàn đối lập với "tươi tắn". Hình ảnh mẹ già khiến người con thấy bùi ngùi, xúc động. Nhưng nếu nói thẳng ra là "mẹ đã già" thì thật không còn là thơ và cũng chẳng cho thấy sự tế nhị của người con. Cách so sánh cau "khô gầy như mẹ" là một cách so sánh mang tính miêu tả, để nói rằng người mẹ có dáng vẻ "khô gầy", dáng vẻ đã già đi nhiều rồi. Cái ý tác giả muốn truyền đạt ở đây ẩn đằng sau câu chữ và biện pháp tu từ so sánh. Sự ẩn giấu ấy làm cho khổ thơ trở nên ý tứ và xúc động.

**Bài 3: Chỉ ra và phân tích các biện pháp tu từ trong các câu sau:**

**a.** *Thuyền ơi có nhớ bến chăng*

*Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyề*

(Ca dao)

b. Bây giờ mận mới hỏi đào

Vườn hồng đã cố ai vào hay chưa ?

(Ca dao)

c.

*Thác bao nhiêu thác cũng qua*

*Thênh thênh là chiếc thuyền ta trên đời*

(Tố Hữu)

d. *Con cò mà đi ăn đêm*

*Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao.*

*Ông ơi! Ông vớt tôi nao,*

*Tôi có lòng nào ông hãy xáo măng.*

*Có xáo thì xáo nước trong,*

*Đừng xáo nước đục đau lòng cò con.*

(Ca dao)

e. *Uống nước nhớ nguồn*

**Gợi ý trả lời**

**a.** Ẩn dụ: thuyền, bến  
 - Thuyền: Là vật thường xuyên thay đổi - biểu tượng cho người con trai (tình cảm dễ đổi thay)  
 - Bến : vật cố định - tình cảm thủy chung của ngýời con gái  
Cách nói ẩn dụ làm cho câu ca thêm tế nhị, phù hợp với việc bày tỏ nỗi nhớ, tình cảm thủy chung của người con gái

**b. Ẩn dụ**: *Mận, đào, vườn hồng*.

- *Mận* (chỉ người con trai)

- *Đào* (Chỉ người con gái)

- *Vườn hồng* (Chỉ tình cảm, cảm xúc trong lòng,...)

=>Chàng trai muốn ướm hỏi cô gái liệu xem cô đã có người thương hay chưa, liệu xem tình cảm, ý tứ của cô gái như thế nào.

**c.** Ẩn dụ: “thác”, “thuyền”

Thác: những khó khăn trở ngại.  
 Thuyền : ý chí, nghị lực của con người

**d.** Ẩn dụ:“Con cò" chỉ người nông dân trong xã hội phong kiến xưa.

Tác giả dân gian mượn hình ảnh con có để nói về thân phận của người nông dân trong xã hội phong kiến xưa. Con cò là hiện thân của những người nông dân lao động bình thường: chất phác, siêng năng, cần mẫn, trải nhiều vất vả gieo neo. Bài ca dao Con cò mà đi ăn đêm mượn tiếng kêu thương của con cò khi lâm nạn để nói về [con người](https://vanhaychutot.com/tag/con-nguoi) lao động với phẩm chất vốn có của họ: chết vinh còn hơn sống nhục:  
**e.** Ẩn dụ: “uống nước”, “nhớ nguồn”

+ “Uống nước” là hình ảnh ẩn dụ cho việc hưởng thụ những điều tốt đẹp, những thành quả tốt đẹp mà người khác để lại.

+ "nhớ nguồn" là ẩn dụ của việc tưởng nhớ, khắc ghi những công ơn mà mình nhận được từ người khác. Từ đó, tổng thể nội dung câu tục ngữ truyền tải nội dung về bài học phải khắc ghi công ơn và thành quả mà mình nhận được từ người khác.

**Bài 4:** Viết một đoạn văn tả cảnh bình minh, trong đó có sử dụng phép so sánh.

**Gợi ý:**

**Bài mẫu 1:**

Khi ông mặt trời vén những đám mây thức dậy vươn mình ban phát ánh nắng xuống trần gian, ấy là lúc ngày mới bắt đầu trên quê hương em. Sớm bình minh, những tia nắng mới nhuộm đỏ cả một khoảng trời. Những chú chim bắt đầu cất cao giọng hát chào mừng ngày mới. Những đóa hoa trong vườn thi nhau tỏa hương khoe sắc. Trên những kẽ lá, ***những hạt sương long lanh đọng lại như những viên pha lê, kim cương quý quá, sáng lấp lánh dưới ánh mai.*** Tất cả nhưu bừng sáng, rực rỡ, tươi đẹp trong bình minh

**Bài mẫu 2:**

Bình minh quê em rất đẹp. Bình minh bắt đầu khi chú gà trống cất cao tiếng gáy gọi ông mặt trời thức giấc. Ông mặt trời kéo cỗ xe lửa ban phát ánh nắng xuống trần gian. Líu lo trên cành cây là những chú chim tinh nghịch. Dòng sông đỏ nặng phù sa dưới ánh nắng mai lấp lanh, khẽ đem dòng nước mát lành tưới tiêu cho ruộng lúa vườn cây.**Những anh gọng vó tựa như những nghệ sĩ mua ba lê điêu luyện lướt mình trên mặt nước. Cánh đông lúa chín vàng như tấm thảm khổng lồ trải dài tít tắp đến tận chân trời**. Ngôi làng bắt đầu trở nên tấp nập đón chào ngày mới.

**Bài 5***:* Viết một đoạn văn khoảng 5 đến 7 dòng miêu tả cảnh sân trường em giờ ra chơi có sử ít nhất 2 phép so sánh

**Gợi ý:**

**Bài mẫu 1**:

" Tùng ! Tùng ! Tùng ! " tiếng trống báo hiệu giờ ra chơi đã đến. **Chúng em đứng dậy chào cô rồi ùa ra ngoài như đàn ong vỡ tổ.** Khuôn mặt của đứa nào cũng hào hứng, vui tươi hơn!  Các bạn bắt đầu vui đùa, nhảy dây, đá bóng, chạy nhảy nói cười rộng ràng cả khoảng sân, phá tan đi không gian yên tĩnh trước đó.**Những cành cây như cũng đang vui cười, trò chuyện cùng mấy bạn học sinh**. Ôi ! Giờ ra chơi thật vui !

**Bài mẫu 2**:

Khi tiếng trống trường vang lên báo hiệu giờ ra chơi đã đến, ấy là lúc học sinh chúng em có cho mình những giây phút thư giãn sau những giời học tập mệt mỏi. **Học sinh từ cá lớp ùa ra sân trường như đàn ong vỡ tổ**. Bạn nào bạn nấy vui chơi thỏa thích dưới bóng cây xanh mát. Chỗ này bạn nam đá cầu, chỗ kia bạn nữ nhảy dây, bịt mắt bắt dê,.... **ồn ào như chợ vỡ**. Dưới bóng cây xanh mát, lũ học trò tinh quái bày đủ trò nghịch ngợm cùng nhau . Cảnh vui tươi, nhộn nhịp trở thành những kỉ niệm vô cùng đáng nhớ của tuổi thơ.

**Bài 6:**

Viết một đoạn văn tả cảnh mặt trời lặn, trong đó có sử dụng phép so sánh.

**Gợi ý:**

**Bài mẫu 1:**

Hoàng hôn dần bao trùm cả làng quê. **Những đám mây**trên nền trời không mang màu trắng tươi sáng, trong lành của ban mai mà**dần khoác trên mình tấm áo màu hồng tím sầu buồn của buổi hoàng hôn.** Trên tấm màn to lớn màu hồng tím ấy,  ta có thể thấy rõ**ông mặt trời như trái bóng tròn khổng lồ màu đỏ** từ từ khuất bóng dưới ngọn tre già. Ngay sau đó, từng đàn cò trắng bay thẳng hàng vội vã bay qua. Đồng ruộng màu lúa chín vàng ruộm, ta có thể ngửi thấy mùi lúa chín thơm thoang thoảng, ngọt ngào đưa hương. Hoàng hôn buông xuống, mọi người bắt đầu trở về nhà sau một ngày làm việc vất vả.

Biện pháp so sánh: Ông mặt trời- trái bóng tròn khổng lồ

Biện pháp nhân hóa: Những đám mây- khoác trên mình tấm áo màu hồng tím sầu buồn của hoàng hôn

**Bài mẫu 2:**

Hoàng hôn đang dần buông trên bở biển dài rì rào từng đợt sóng vỗ xô vào bờ cát để lại những vỏ ốc, vò sò lấm tấm trắng trên nền cát nâu sẫm. ***Ông mặt trời*** như hòn than rực đỏ đang từ từ chuyển động chìm dần xuống đại dương sâu thẳm. Phía xa xa, vài chú cá phi trên mặt nước làm nổi lên những từng bọt sóng nhỏ tạo nên một cảnh đẹp hùng vĩ mà rất đỗi thân thuộc. Hoàng hôn, cũng là lúc thủy triều dâng, **những cơn sóng thi nhau xô bờ tựa như những đứa trẻ con nô đùa mãi không bao giờ biết chán**.Tít tắp ngoài khơi xa, những con thuyền đánh cá xa bờ đang trở về sau một ngày dài làm việc với biển cả, những cánh buồm trắng dương cao nổi bật trong không gian. Biển vốn đẹp là thế, nó càng thêm tráng lệ khi chiều về , đẹp đến rung động lòng người.

Biện pháp so sánh: những cơn gióng thi nhau xô bờ - những đứa trẻ nô đùa

Biên pháp nhân hóa: ông mặt trời.

**II. CÁC DẠNG BÀI TẬP NÓI GIẢM NÓI TRÁNH**

**Bài 1**: Tìm biện pháp nói giảm nói tránh trong các câu sau?

1. Kiếp hồng nhan có mong manh

Nửa chừng xuân thoắt gãy cành thiên hương.

(Nguyễn Du, Truyện Kiều)

2. Rải rác biên cương mồ viễn xứ

Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh

Áo bào thay chiếu anh về đất

Sông Mã gầm lên khúc độc hành.

(Quang Dũng)

3. Người nằm dưới đất ai ai đó,

Giang hồ mê chơi quên quê hương.

(Tản Đà)

4. Cậu vàng đi đời rồi ông giáo ạ!

5. Nhưng nói ra làm gì nữa! Lão Hạc ơi! Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt! lão đừng lo gì cho cái vườn của lão. Tôi sẽ cố giữ gìn cho lão.

(Nam Cao)

6. Khuya rồi, mời ông bà đi nghỉ ạ.

7. Cháu bé đã bớt đi ngoài chưa bác?

8. Cậu để kiểu tóc này tớ nhìn chưa ưng ý lắm.

9. Ngục quan cảm động, vái người tù một vái, chắp tay nói một câu mà dòng nước mắt rỉ vào kẽ miệng làm cho nghẹn ngào: “Kẻ mê muội này xin bái lĩnh”.

(Nguyễn Tuân)

10. Dù em nên vợ nên chồng,

Xót người mệnh bạc ắt lòng chẳng quên

Mất người còn chút của tin

Phím đàn với mảnh hương nguyền ngày xưa.

(Nguyễn Du)

11. Vì vậy, tôi để sẵn mấy lời này, phòng khi tôi sẽ đi gặp cụ Các Mác, cụ Lê-nin và các vị cách mạng đàn anh khác, thì đồng bào cả nước, đồng chí trong Đảng và bầu bạn khắp nơi đều khỏi cảm thấy đột ngột.

(Hồ Chí Minh, Di chúc)

12. Lượng con ông Độ đây mà…Rõ tội nghiệp, về đến nhà thì bố mẹ chẳng còn.

(Hồ Phương, Thư nhà)

13. Bài thơ anh viết về ý tứ, hình ảnh thì được, nhưng tình cảm còn chưa đủ sâu.

14. Nói năng như thế là có phần chưa được thiện chí lắm.

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

**Bài 1**. Biện pháp nói giảm nói tránh được in đậm:

1. Kiếp hồng nhan có mong manh

Nửa chừng xuân thoắt **gãy cành thiên hương**.

(Nguyễn Du, Truyện Kiều)

2. Rải rác biên cương mồ viễn xứ

Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh

Áo bào **thay chiếu anh về đất**

Sông Mã gầm lên khúc độc hành.

(Quang Dũng)

3. Người **nằm dưới đất** ai ai đó,

Giang hồ mê chơi quên quê hương.

(Tản Đà)

4. Cậu vàng **đi đờ**i rồi ông giáo ạ!

5. Nhưng nói ra làm gì nữa! Lão Hạc ơi! Lão hãy yên lòng mà **nhắm mắt**! lão đừng lo gì cho cái vườn của lão. Tôi sẽ cố giữ gìn cho lão.

(Nam Cao)

6. Khuya rồi, mời ông bà đi **nghỉ** ạ.

7. Cháu bé đã bớt **đi ngoài** chưa bác?

8. Cậu để kiểu tóc này tớ nhìn **chưa ưng ý lắm**.

9. Ngục quan cảm động, vái người tù một vái, chắp tay nói một câu mà dòng nước mắt rỉ vào kẽ miệng làm cho nghẹn ngào: “**Kẻ mê muội** này xin bái lĩnh”.

(Nguyễn Tuân)

10. Dù em nên vợ nên chồng,

Xót người **mệnh bạc** ắt lòng chẳng quên

Mất người còn chút của tin

Phím đàn với mảnh hương nguyền ngày xưa.

(Nguyễn Du)

11. Vì vậy, tôi để sẵn mấy lời này, phòng khi tôi sẽ **đi gặp cụ Các Mác, cụ Lê-nin và các vị cách mạng đàn anh khác,** thì đồng bào cả nước, đồng chí trong Đảng và bầu bạn khắp nơi đều khỏi cảm thấy đột ngột.

(Hồ Chí Minh, Di chúc)

12. Lượng con ông Độ đây mà…Rõ tội nghiệp, về đến nhà thì bố mẹ **chẳng còn.**

(Hồ Phương, Thư nhà)

13. Bài thơ anh viết về ý tứ, hình ảnh thì được, nhưng tình cảm còn **chưa đủ sâu.**

14. Nói năng như thế là có phần **chưa được thiện chí lắm**.

**Bài 2.** Gạch dưới những từ ngữ thể hiện phép nói giảm:

*Nhưng thần trộm nghĩ, làm cho dân được lợi thì không gì quan trọng hơn nghề nông; mở mang dân trí thì không gì lớn hơn việc giáo hóa. Lại không thể nói công thương không đủ để hưng lợi và mở mang trí tuệ! Thần trộm cho rằng: “Công” tất phải học máy móc, việc chế tạo do đó mới có thể phát triển, “Thương” thì hàng hoá xuất nhập khẩu phải được thông suốt, có thế việc buôn bán mới được mở mang. Thần trộm thấy về công nghệ nước ta, thì nghề thủ công chưa được khéo, việc buôn bán thì hàng hóa xuất ra nước ngoài bị cấm, cả công và thương đều chưa có thể mưu cầu lợi ích một cách nhanh chóng. Vậy, triều đình phải dần dần hướng dẫn, lợi dụng cơ hội để mở rộng ra, ngõ hầu làm cho dân chúng không chịu ở yên trong cảnh tạm bợ, được chăng hay chớ; tạo ra thói quen không chịu bó mình trong cảnh an nhàn, khiến cho công thương có cơ hưng thịnh vậy! Thần trộm thấy có điều đáng lo nữa là dân nước ta đông mà đất hoang hóa ở ven biển, ven núi chưa được khai khẩn, vẫn để nguyên như cũ. Bởi vậy, nếu quan ở địa phương bảo trợ họ, cổ vũ họ, thì không cần đợi đốc thúc gắt gao mà dân chúng sẽ nhanh chóng khai hoang vậy.*

1. *Thần là kẻ bắt đầu học, mới tiến bộ, không biết kiêng dè, nói năng bộc trực trước đấng quân vương, lòng khôn xiết run sợ!*

(Vương Hữu Phu, Bài văn thi đậu đình nguyên. Theo Đào Tam Tỉnh, Tạp chí Văn hoá Nghệ An, 11 Tháng 8 2011)

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

**Bài 2.** Những từ ngữ thể hiện phép nói giảm được gạch chân, in đậm:

*Nhưng thần trộm nghĩ, làm cho dân được lợi thì không gì quan trọng hơn nghề nông; mở mang dân trí thì không gì lớn hơn việc giáo hóa. Lại không thể nói công thương không đủ để hưng lợi và mở mang trí tuệ!* ***Thần trộm cho rằng****: “Công” tất phải học máy móc, việc chế tạo do đó mới có thể phát triển, “Thương” thì hàng hoá xuất nhập khẩu phải được thông suốt, có thế việc buôn bán mới được mở mang.* ***Thần trộm thấy*** *về công nghệ nước ta, thì nghề thủ công chưa được khéo, việc buôn bán thì hàng hóa xuất ra nước ngoài bị cấm, cả công và thương đều chưa có thể mưu cầu lợi ích một cách nhanh chóng. Vậy, triều đình phải dần dần hướng dẫn, lợi dụng cơ hội để mở rộng ra, ngõ hầu làm cho dân chúng không chịu ở yên trong cảnh tạm bợ, được chăng hay chớ; tạo ra thói quen không chịu bó mình trong cảnh an nhàn, khiến cho công thương có cơ hưng thịnh vậy!* ***Thần trộm thấy*** *có điều đáng lo nữa là dân nước ta đông mà đất hoang hóa ở ven biển, ven núi chưa được khai khẩn, vẫn để nguyên như cũ. Bởi vậy, nếu quan ở địa phương bảo trợ họ, cổ vũ họ, thì không cần đợi đốc thúc gắt gao mà dân chúng sẽ nhanh chóng khai hoang vậy.*

1. *Thần là* ***kẻ bắt đầu học, mới tiến bộ****, không biết kiêng dè,* ***nói năng bộc trực*** *trước đấng quân vương, lòng khôn xiết run sợ!*

*(Vương Hữu Phu, Bài văn thi đậu đình nguyên. Theo Đào Tam Tỉnh, Tap chí Văn hoá Nghệ An, 11 Tháng 8 2011)*

**Bài 3**. Thay thế các câu sau thành câu có sử dụng phép nói giảm nói tránh

1. Em hát bài này nghe dở lắm.

2. Mắt của bạn đó bị cận nên phải ngồi gần.

3. Trông bạn dạo này béo quá đấy.

4. Bạn lùn quá không với tới được đâu.

5. Tranh cậu vẽ trông xấu quá.

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

**Bài 3**. Tham khảo cách thay thế sau:

1. Em hát bài này nghe chưa được hay cho lắm

2. Mắt của bạn đó không được tốt nên phải ngồi gần.

3. Trông bạn dạo này có da có thịt hơn đấy.

4. Trông nó cao quá, rất khó để bạn với được.

5. Tranh cậu vẽ chưa được nổi bật cho lắm.

**Bài 4.** Chỉ ra những cách nói thay thế cho từ “chết” trong các câu sau. Hãy lấy thêm những ví dụ cũng giúp nói giảm nói tránh cho việc “chết”.

a. Chỉ đến lúc thân tàn lực kiệt, trả xác cho đời, Thị Kính mới được minh oan và được trở về cõi Phật.

(Trần Lâm Biền)

b. Thế rồi Dế Choắt tắc thở. Tôi thương lắm. Vừa thương vừa ăn năn tội mình.

(Tô Hoài)

c. Bỗng lòe chớp đỏ

Thôi rồi Lượm ơi.

(Tố Hữu)

d. A Di Đà Phật! Không có ngài thì tính mạng con tôi nguy rồi, chúng tôi biết lấy gì đền đáp cho xứng.

(Quỳnh Cư)

e. Chẳng bao lâu, người chồng mất.

(Sọ Dừa)

g. […] Trước kia khi bà chưa về với Thượng đế chí nhân, bà cháu ta đã từng sung sướng biết bao!

(An-đéc-xen)

h. Cách mấy tháng sau, đứa con lên sài lại bỏ đi để chị ở một mình.

(Nguyễn Khải)

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

**Bài 4**. Cách nói thay thế được in đậm:

a. Chỉ đến lúc **thân tàn lực kiệt, trả xác cho đời**, Thị Kính mới được minh oan và được trở về cõi Phật.

(Trần Lâm Biền)

b. Thế rồi Dế Choắt **tắc thở.** Tôi thương lắm. Vừa thương vừa ăn năn tội mình.

(Tô Hoài)

c. Bỗng lòe chớp đỏ

**Thôi rồi Lượm ơi.**

(Tố Hữu)

d. A Di Đà Phật! Không có ngài thì **tính mạng con tôi nguy rồi**, chúng tôi biết lấy gì đền đáp cho xứng.

(Quỳnh Cư)

e. Chẳng bao lâu, người chồng **mất.**

(Sọ Dừa)

g. […] Trước kia khi bà chưa **về với Thượng đế chí nhân**, bà cháu ta đã từng sung sướng biết bao!

(An-đéc-xen)

h. Cách mấy tháng sau, đứa con lên sài lại **bỏ đi** để chị ở một mình.

(Nguyễn Khải)

- Các cách nói khác thay thế cho cách nói “chết”: từ trần, tạ thế, hy sinh, về thiên đường, về với cõi niết bàn, từ giã trần gian, quy tiên, thác, khuất núi, không còn nữa…

**Bài 5**. Có thể thay thế từ “chết” trong các câu sau bằng các cách nói giảm nói tránh giống như ở bài tập 4 được không? Vì sao?

a. Tôi nói chuyện với vợ tôi. Thị gạt phắt đi:

- Cho lão chết! Ai bảo lão có tiền mà chịu khổ! Lão làm lão khổ chứ ai làm lão khổ! Nhà mình sung sướng gì mà giúp lão? Chính con mình cũng đói…

(Nam Cao)

b. Trong những năm qua, số người mắc bệnh truyền nhiễm và chết vì các bệnh truyền nhiễm giảm dần.

(Báo cáo y tế)

c. Sau trận bão, cây cối trong vườn chết hết cả.

d. Quân giặc đã chết như ngả rạ.

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

**Bài 5**.

a. Tôi nói chuyện với vợ tôi. Thị gạt phắt đi:

- Cho lão chết! Ai bảo lão có tiền mà chịu khổ! Lão làm lão khổ chứ ai làm lão khổ! Nhà mình sung sướng gì mà giúp lão? Chính con mình cũng đói…

(Nam Cao)

- Vì câu này là lời trách mắng, than trách nên không cần thiết phải nói giảm nói tránh.

b. Trong những năm qua, số người mắc bệnh truyền nhiễm và chết vì các bệnh truyền nhiễm giảm dần.

(Báo cáo y tế)

- Đây là câu trong văn bản hành chính, báo cáo khoa học nên thường ít dùng và không nên dùng các biện pháp nói giảm nói tránh.

c. Sau trận bão, cây cối trong vườn chết hết cả.

- Đây là cách nói dùng cho đồ vật (cây cối) nên không cần thiết phải nói giảm nói tránh.

d. Quân giặc đã chết như ngả rạ.

- Đây là cách nói về đối tượng quân giặc nên không thể thay thế các từ: hy sinh, từ trần…được vì sẽ làm mất đi sắc thái nghĩa căm giận đối với quân giặc.

**Bài 6**. Đặt 3 câu nói giảm nói tránh bằng cách phủ định từ trái nghĩa.

Mẫu: Bức tranh cậu vẽ xấu quá. 🡪 Bức tranh cậu vẽ chưa được đẹp lắm.

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

**Bài 6**. Tham khảo các câu sau:

1. Giọng hát của cậu nghe chưa có gì nổi bật.

2. Đây chưa phải là một cách giải toán tối ưu cho lắm.

3. Bộ quần áo này của cậu chưa được khác biệt lắm.

**Bài 7**. Chọn một từ ngữ ở cột A để điền vào chỗ trống trong câu ở cột B để được các câu có sử dụng biện pháp nói giảm nói tránh.

|  |  |
| --- | --- |
| **A** | **B** |
| 1. Phúc hậu | a. Anh ấy ... khi nào? |
| 2. Hiếu thảo | b. Em ... đi chơi được nhiều như vậy |
| 3. Hi sinh | c. Bà ta không được ... cho lắm! |
| 4. Không nên | d. Cậu nên ... với bạn bè hơn! |

**Bài 7.** Tham khảo:

1 – c; 2 – e; 3 – a; 4 – b; 5 - d

**Bài 8.** Đặt câu có nội dung tỏ sự khiêm nhường với các từ ngữ sau đây: *thiển nghĩ, món quà nhỏ mọn, rồng đến nhà tôm, tài hèn đức mọn, con ong cái kiến.*

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

**Bài 8.** Tham khảo các câu sau:

1. Tôi thiển nghĩ nên chọn phương án B sẽ tối ưu hơn.

2. Cháu hy vọng món quà nhỏ mọn này sẽ làm vừa lòng bác ạ.

3. Ôi! Sao hôm nay rồng lại đến nhà tôm thế này, vinh hạnh quá!

4. Tôi tài hèn sức mọn không biết có xứng đáng với những kì vọng của các bác hay không?

5. Chúng mình là phận con ong cái kiến, chỉ đâu đánh đấy, biết cái gì mà thắc với chả mắc.

**Bài 9**. Viết đoạn văn ngắn (Từ 13 đến 16 câu). Trong đó có sử dụng ít nhất 1 phép nói quá, 1 phép nói giảm nói tránh. Gạch chân dưới những câu văn có chứa các biện pháp ấy. Tài liệu của Nhung tây

**Bài 9.** Học sinh tự luyện tập theo đề bài.

**BÀI 5: ÔN TẬP TIẾNG VIỆT SỐ TỪ - PHÓ TỪ**

**I. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**1. Phó từ là từ**

a. Luôn đi kèm với động từ, tính từ

b. Bổ sung ý nghĩa cho động từ, tính từ đi kèm đó.Ví dụ: Các em chú ý:

- Phó từ không có khả năng gọi tên sự vật, hành động, tính chất như danh từ, động từ, tính từ. Vì vậy phó từ là một loại hư từ; còn danh từ, động từ,tính từ là những thực từ.

- Phó từ chuyên đi kèm với động từ, tính từ mà không đi kèm với danh từ.Ví dụ:

+ Chỉ nói: đang học, sẽ tốt, luôn luôn cố gắng…

+ Không nói: đan bút, sẽ nhà, luôn luôn phấn…

**2. Các loại phó từ:**

Dựa vào ý nghĩa khi làm yếu tố phụ, phó từ có thể chia thành các nhóm như sau :

a.  Nhóm phó từ chỉ thời gian : đã, sẽ, đang, vừa, mới, từng, sắp,…

Ví dụ : Gươm và rùa đã chìm đáy nước.

(Sự tích Hồ Gươm)

b. Nhóm phó từ chỉ mức độ : rất, hơi, khá, khí thường đứng trước động từ chỉ trạng thái và tính từ có mức độ. Nhóm phụ từ cực kì, cực, vô cùng, quá, lắm thường đứng sau động từ chỉ trạng thái tâm lí và tính từ có mức độ.

c. Nhóm phó từ chỉ sự phủ định : không, chưa, chẳng. Nhóm phó từ chỉ sự tiếp diễn tương tự thường đứng trước động từ, tính từ như : cũng, cùng, lại, vẫn, cứ, còn, đều.

d. Nhóm phó từ chỉ sự cầu khiến đứng trước động từ như : hãy, đừng, chớ ; đứng sau động từ có ý thúc giục như : đi, nào.

-  Nhóm phó từ chỉ sự hoàn thành như xong, rồi; chỉ kết quả như : được, mất, ra ; chỉ sự tương hỗ như nhau ; chỉ sự phối hợp như : với, cùng ; chỉ cách thức thường đi sau động từ như : ngay, liền, nữa, mãi, dần.

Chú ý : Dựa vào vị trí đứng trước hay sau động từ, tính từ, ta cũng có thể chia thành hai nhóm

- Nhóm phó từ đứng trước động từ, tính từ bổ sung các ý nghĩa sau đây : thời gian, mức độ, sự tiếp diễn tương tự, sự khẳng định phủ định, sự cầu khiến.

- Nhóm phó từ đứng sau động từ, tính từ bổ sung các ý nghĩa sau đây : mức độ, khả năng, kết quả, chỉ sự hoàn thành, chỉ tình huống, chỉ cách thức.

Khi có hai phó từ trở lên cùng đứng trước động từ, tính từ thì chúng sắp xếp theo một thứ tự nhất định.

Ví dụ : Tôi vẫn cứ còn nhớ mãi tuổi thơ ấu.  
**3. Ý nghĩa của phó từ**

- Phó từ có thể bổ sung những ý nghĩa khác nhau cho động từ, tính từ. Ý nghĩa bổ sung thường gặp ở phó từ là:

- Bổ sung ý nghĩa thời gian: đang nói

- Bổ sung ý nghĩa tiếp diễn tương tự: vẫn nói

- Bổ sung ý nghĩa mức độ: nói lắm– Bổ sung ý nghĩa phủ định: chẳng nói

- Bổ sung ý nghĩa cầu khiến: đừng nói– Bổ sung ý nghĩa kết quả: nói được

- Bổ sung ý nghĩa khả năng: có thể nói– Bổ sung ý nghĩa tần số: thường nói

- Bổ sung ý nghĩa tình thái: đột nhiên rồi nói  
**4. Số từ**

- **số từ** là các từ để chỉ số lượng và thứ tự của các vật.

- Khi nói về số lượng vật thông thường số từ đứng trước danh từ còn khi biểu thị thứ tự của sự vật số từ thường nằm sau danh từ.

Có một số danh từ chỉ đơn vị mang ý nghĩa biểu thị số lượng, cần phân biệt với số từ.

Ví dụ: Hai chàng trai cùng hăng hái ra mặt giúp đỡ cô gái.

“Hai” đứng trước danh từ “chàng trai” nên là số từ.

**5. Chức năng của số từ**

- Về chức năng ngữ pháp: số từ thường đứng trước danh từ, tính từ, động từ để bổ sung ý nghĩa cho chúng, tạo thành các cụm từ.

VD: Tôi lấy **hai** **con búp bê** từ trong tủ ra đưa cho em.

Số từ (đứng trước danh từ búp bê tạo thành cụm DT)

Năm nay em // **hai mươi** **tuổi**

Số từDanh từ

- Về ý nghĩa: chúng cho biết số lượng và số thứ tự của sự vật trong không gian.

VD:

A: Có bao nhiêu chiếc ghế?

B: **Hai tám** (số từ)

**6. Phân loại số từ**

Số từ trong tiếng Việt được phân thành hai nhóm lớn: số từ chỉ lượng (số đếm) và số từ số thứ tự. Trong mỗi nhóm, căn cứ vào đặc điểm tính chất hoặc ý nghĩa có thể chia chúng ra thành những tiểu loại nhỏ hơn.

**a. Số từ chỉ lượng**

**\* Số từ chỉ lượng chính xác: Tiếng Việt sử dụng hai hệ thống số đếm chính xác là số đếm thuần Việt và số đếm Hán Việt.**

+ Hệ thống số đếm thuần Việt

- Được sử dụng trong tất cả các trường hợp để chỉ số lượng chính xác

VD: Hai trăm linh tám, ba mươi, sáu trăm năm mươi nghìn tỉ...

+ Có sự biến đổi âm của các số lớn hơn mười có hàng đơn vị là năm, mười thành lăm, mươi và các số có tận cùng là một biến thành mốt.

VD: 15 (mười lăm), 20 (hai mươi), 21 (hai mươi mốt), 31 (ba mươi mốt)....

+ Riêng số bốn, còn có thêm dạng số đếm khác là tư

VD: 24 (hai mươi tư), 54 (năm mươi tư), thứ tư, hàng tư,...

- Hệ thống số đếm Hán Việt (nhất, nhị, tam, tứ, ngũ, lục, thất, bát, cửu, thập) chỉ được sử dụng trong một số trường hợp để tăng sự trang trọng cho từ ngữ.

VD: thể thơ song thất lục bát, thất ngôn bát cú; thiên binh vạn mã; mâm ngũ quả, đàn tam thập lục, thiên niên kỉ,...

**\* Số từ chỉ lượng không chính xác (tương đối/áng chừng)**

- Trong tiếng Việt sử dụng một số số từ áng chừng cơ bản: vài, dăm, mươi

VD: dăm ba ngày, vài ba người, mươi mười lăm ngày nữa....

- Ngoài ra còn một vài số đếm gộp là chục, tá

**B. LUYỆN TẬP**

**Bài 1.**Tìm phó từ trong các câu sau. Cho biết chúng đi kèm từ loại nào và bổ sung ý nghĩa gì cho từ trung tâm.

a) Con vật khủng khiếp quá! (Véc-nơ)

b) Đúng là tàu đang đỗ ở chỗ nước trong... (Véc-nơ)

c) Vòi và đuôi bạch tuộc có khả năng mọc lại. (Véc-nơ)

d) ... Anh đừng để tâm đến chuyện hôm nay. (Brét-bơ-ry)

**Trả lời:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Phó từ** | **Đi kèm loại từ** | **Ý nghĩa bổ sung cho từ trung tâm** |
| a | quá | tính từ | bổ sung mức độ cho từ trung tâm: khủng khiếp. |
| b | đang | động từ | bổ sung ý nghĩa tiếp diễn cho hành động đỗ của con tàu. |
| c | lại | động từ | bổ sung ý nghĩa lặp lại cho hành động mọc đuôi của bạch tuộc. |
| d | đừng | động từ | bổ sung ý nghĩa cầu khiến cho động từ để tâm. |

**Bài 2.**Tìm số từ trong những câu dưới đây. Xác định nghĩa mà số từ bổ sung cho danh từ trung tâm. Chỉ ra hiện tượng biến đổi thanh điệu hoặc phụ âm đầu ở một số yếu tố cấu tạo trong các số từ là từ ghép.

a) Ở bên phải cửa sổ xuất hiện bảy con bạch tuộc nữa. (Véc-nơ)

b) Ở đó đã tập hợp chừng hai mươi người cầm rìu sẵn sàng chiến đấu. (Véc-nơ)

c) Cuộc chiến đấu kéo dài mười lăm phút. (Véc-nơ)

d) ... Căn Háp (Hab) có hệ thống liên lạc phụ thứ hai và thứ ba. (En-di Uya)

**Trả lời:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Số từ** | **Nghĩa mà từ bổ sung cho danh từ trung tâm** | **Hiện tượng biến đổi thanh điệu hoặc phụ âm đầu** |
| a | bảy | bổ sung ý nghĩa số lượng | x |
| b | hai mươi | bổ sung ý nghĩa số lượng | mười → mươi |
| c | mười lăm | bổ sung ý nghĩa số lượng | năm → lăm |
| d | hai, ba | bổ sung ý nghĩa thứ tự | x |

**Bài 3.**Viết một đoạn văn (khoảng 5 - 7 dòng) nêu cảm nghĩ của em sau khi học văn bản Bạch tuộc, trong đó có sử dụng phó từ và số từ. Xác định nghĩa mà số từ bổ sung cho danh từ trung tâm trong đoạn văn đó.

**Gợi ý**

 Sau khi học xong văn bản Bạch tuộc, tôi cảm thấy trí tưởng tượng của con người thực là phong phú. Ở thời điểm tác phẩm ra đời, tàu ngầm vẫn đang ở giai đoạn thử nghiệm sơ khai và chúng ta mới chỉ biết sơ qua về loài bạch tuộc. Thế nhưng Véc-nơ, tác giả của Hai vạn dặm dưới đáy biển đã đưa vào tác phẩm của mình những tưởng tượng phong phú đi trước thời gian. Những tưởng tượng đó đã khiến tôi khâm phục sự sáng tạo của con người.

- Phó từ: đang

- Số từ: hai vạn

-  Nghĩa mà số từ bổ sung cho danh từ trung tâm: bổ sung ý nghĩa số lượng của chiều sâu dưới đáy biển.

**Bài 4.** Các tổ hợp "số từ + danh từ" in đậm trong những câu dưới đây giúp em hình dung về loài bạch tuộc như thế nào?

a. Đó là một con bạch tuộc dài chừng tám mét. (Véc-nơ)

b. Thân nó hình thoi phình ở giữa, là một khối thịt nặng chừng hai mươi, hai lăm tấn. (Véc-nơ)

c. Con quái vật có tám vòi thì bảy vòi đã bị chặt đứt. (Véc-nơ)

**Gợi ý**

a. Số lượng và kích thước của con bạch tuộc. (Số lượng: một con; kích thước: tám mét)

b. Số lượng khối thịt và cân nặng của con bạch tuộc. (Số lượng khối thịt: một; cân nặng: hai mươi, hai lăm tấn).

c. Số lượng vòi của bạch tuộc. (Bạch tuộc có tám vòi, trong đó có bảy vòi đã bị chặt đứt).

**Bài tập 5:** **Xác định và phân loại số từ trong các câu sau:**

*Chúng bay chỉ một đường ra :*

*Một là tử địa hai là tù binh [...]*

*Nghe trưa nay, tháng năm mồng bảy*

*Trên đầu bay, thác lửa hờn căm!*

*Trông : bốn mặt, luỹ hầm sập đổ*

*Tướng quân bay lố nhố cờ hàng...*

(Tố Hữu)

**Gợi ý trả lời**

|  |  |
| --- | --- |
| **Số từ chỉ số lượng** | **Số từ chỉ thứ tự** |
| *một (****một*** *đường ra),*  *bốn (****bốn*** *mặt)* | - *Một , hai (****Một*** *là tử địa* ***hai*** *là tù binh ).*  Chú ý: ở câu thơ thứ hai , từ “đường” bị lược bỏ so với câu thứ nhất. HS có thể thêm cụm từ “con đường thứ” vào câu mà không làm thay đổi ý nghĩa của câu thơ: *Con đường thứ nhất (một) là tử địa, con đường thứ hai là tù binh.*  *- năm, bảy (tháng* ***năm*** *mồng* ***bảy*** *)* |

**Bài tập 6:** Xác định số từ trong các câu sau và phân loại:

a. *Một canh... hai canh... lại ba canh,  
 Trằn trọc băn khoăn, giấc chẳng thành;  
 Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt,  
 Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh.*

(Hồ Chí Minh)

b. Tôi làm việc tám giờ một ngày.

c. Bây giờ là tám giờ sáng.

**Gợi ý trả lời**

*a. Một (****một*** *canh), hai (****hai*** *canh), ba (****ba*** *canh*) là những số từ chỉ số lượng.

*Bốn (canh* ***bốn****), năm (canh* ***năm****)* là những số từ chỉ thứ tự.

b. *tám (****tám*** *giờ*) là số từ chỉ số lượng.

c. *tám (t****ám*** *giờ sáng*) là số từ chỉ thứ tự.

**GV giải thích rõ hơn cho HS**: Ngày xưa người ta chia thời gian của một đêm làm năm canh. Cho nên canh bốn, canh năm là số thứ tự. Ngày nay người ta chia một ngày làm 24 giờ. Vậy đồng hồ chỉ 1 giờ hay 8 giờ thì 1 và 8 đều là số thứ tự. Đáng lẽ chúng ta phải nói là “giờ một” và “giờ tám” nhưng đây là cách nói theo thói quen đã được mọi người chấp nhận. Trong ngôn ngữ, cái sai lâu ngày khi được cộng đồng chấp nhận lại trở thành cái đúng.

**Bài tập 7:**

Trong câu sau đây : *Nhất nước. nhì phân, tam cần, tứ giống*(Tục ngữ)

Các từ *nhất, nhì, tam, tứ* là số từ chỉ số lượng hay số từ chỉ thứ tự ? Vì sao ?

**Gợi ý trả lời**

Đây là tục ngữ, phải súc tích, cô đọng nên các từ ngữ đều bị rút gọn lại. Ta phải phục hồi lại để hiểu cho đúng. Câu trên có thể hiểu như sau : Thứ nhất là nước, thứ nhì là phân, thứ ba là chuyên cần, thứ tư là giống tốt.

Do đó, các từ *nhất, nhì, tam, tứ* là các số từ chỉ thứ tự của sự vật.

**Bài tập 8:** Xác định và nêu ý nghĩa bổ sung của các phó từ trong những câu sau đây :

1. Đêm khuya, cháu vẫn cứ thổn thức không sao ngủ được.
2. Em ăn ngay đi cho kịp giờ lên lớp.
3. Bạn Lan đi ra cổng từ lúc nãy.
4. *Ô vẫn còn đây, của các em*

*Chồng thư mới mở, Bác đang xem*.

(Tố Hữu)

e) Em tôi cũng vừa mới đi học.

f) Những ngày nghỉ, tôi thường ngồi nhà đọc sách và nghe nhạc.

g) Nó chẳng bao giờ ăn cơm tối cùng mọi người.

h) Câu chuyện tôi kể làm bà xúc động lắm.

**Gợi ý trả lời**

1. Phó từ “vẫn”, “cứ” chỉ sự tiếp diễn tương tự của hành động “thổn thức”.
2. Phó từ “ngay” chỉ cách thức; phó từ “đi” chỉ sự cầu khiến của hành động “ăn”.
3. Phó từ “ra” chỉ hướng của hành động “đi”
4. Phó từ “vẫn” chỉ sự tiếp diễn tương tự của hành động “còn”;

Phó từ “mới” chỉ thời gian của hành động “mở”;

Phó từ “đang” chỉ thời gian của hành động “xem”

1. Phó từ “vừa”, “mới” chỉ thời gian của hành động “đi học”
2. Phó từ “những” bố sung ý nghĩa về số lượng cho danh từ “ngày nghỉ”
3. Phó từ “chẳng” chỉ sự phủ định của hành động “ăn”
4. Phó từ “lắm” chỉ mức độ của tính từ “xúc động”

**Bài tập 9**:

a)Đặt hai câu có phó từ đứng trước danh từ.

b) Đặt hai câu có phó từ đứng trước và hai câu có phó từ đứng sau động từ hoặc tính từ.

c)Đặt hai câu có hai phó từ đi liền nhau trước động từ.

**Gợi ý trả lời**

a. – **Từng** đàn chim rủ nhau bay về phương nam tránh rét.

- Trên **những** cánh đồng, **từng** đàn cò trắng bay rập rờn.

b. - Chúng ta **hãy** hành động vì Trái Đất xanh.

- Cửa hàng **sẽ** khai trường vào thứ 2 tuần sau.

- Trời hôm nay **hơi** nóng hơn mọi ngày.

- Bạn ấy**rất** chăm học.

- Bông hoa này thơm **lắm.**

**-** Chiếc loa tôi mua cho bố không sử dụng **được** nữa.

**-** Nó **vừa** đi **ra** ngoài.

c. - Tôi **vẫn cứ** nhớ mãi tuổi thơ ấu.

- Tôi **cũng vừa** mới tới trước bạn 5 phút.

**BÀI 6: ÔN TẬP TIẾNG VIỆT NGỮ CẢNH VÀ NGHĨA CỦA**

**TỪ NGỮ TRONG NGỮ CẢNH**

**I. Lý thuyết**

**1. Ngữ cảnh và nghĩa của từ trong ngữ cảnh**

- Ngữ cảnh của một yếu tố ngôn ngữ trong câu hoặc văn bản thường được hiểu là:

+ Những từ ngữ, câu đứng trước hoặc đứng sau yếu tố ngôn ngữ đó. Theo nghĩa này, ngữ cảnh đồng nghĩa với văn cảnh.

+ Hoàn cảnh, tình huống giao tiếp (bao gồm các yếu tố: chủ thế, đối tượng, mục đích giao tiếp; thời gian, nơi chốn diễn ra hoạt động giao tiếp). Theo nghĩa này, từ ngữ cảnh đồng nghĩa với các từ tình huống, bối cảnh.

- Vai trò quan trọng của ngữ cảnh đối với việc xác định nghĩa của từ ngữ thể hiện ở chỗ:

+ Ngữ cảnh giúp người đọc, người nghe xác định nghĩa của thể của các từ đa nghĩa.

+ Ngữ cảnh giúp người đọc, người nghe xác định được nghĩa hàm ẩn của những từ ngữ được sử dụng trong các biện pháp tu từ. Tài liệu của Nhung tây

+ Ngữ cảnh giúp người đọc, người nghe hiểu được hàm ý (thái độ, tình cảm) mà người nói thể hiện qua việc lựa chọn các từ xưng hô.

**2. Dấu chấm lửng**

Dấu chấm lửng (dấu lửng) là dấu câu gồm ba chấm liền nhau (...) được dùng để:

- Phối hợp với dấu phẩy, tỏ ý còn nhiều nội dung tương tự chưa được liệt kê hết.

- Thể hiện lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng vì lí do gì đó.

- Làm giãn nhịp điệu câu thơ, câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm.

Dấu chấm lửng có tác dụng sau:

**a. Phản ánh trạng thái của hiện thực như khoảng cách về không gian, thời gian, âm thanh kéo dài, đứt quãng…**

*Ù…ù…ù…Tầm một lượt.*

(Võ Huy Tâm)

**b. Biểu thị lời nói đứt quãng vì xúc động**

*Chàng chợt nhớ, chạy vùng xuống nhà ngang, gọi vui vẻ:*

*- Cô Nga….*

(Thạc Lam)

**c. Biểu thị lời nói không tiện nói ra.**

*Ô hay, có điều gì bố con trong nhà bảo nhau chứ sao lại…*

(Đào Vũ)

**d. Để chỉ ra rằng người nói chưa nói hết, đặc biệt khi nêu ví dụ, liệt kê:**

*Ngoài ra, biển còn nhiều thứ cá nổi tiếng như cá đé, cá nhụ, cá nục, cá song và nhiều tôm, sò…*

(Trúc Mai)

**e. Biểu thị chỗ ngắt dài giọng với ý châm biếm, hài hước (**biểu thị chỗ dãn nhịp điệu câu văn chuẩn bị cho sự xuất hiện từ ngữ có nội dung bất ngờ, hài hước, châm biếm). Ví dụ:

*Té ra công sự chỉ là công…toi.*

(Tú Mỡ)

**g. Để chỉ rằng lời nói trực tiếp bị lược bớt một số câu.** Trường hợp này, dấu chấm lửng thường đặt trong dấu ngoặc đơn () hoặc dấu ngoặc vuông.

*[…] Tiếng Việt, trong cấu tạo của nó, thật sự có những đặc sắc của một thứ tiếng khá đẹp.*

**II. Luyện tập**

**Bài tập 2 (SGK/95)**

**-** Các từ láy trong bài thơ: *leng keng, lao xao*, *xao xuyến*, *thẹn thò*, ...

**- *Xao xuyến*** (*Gió dìu vương xao xuyến bờ tre*):trạng thái xúc động kéo dài, khó dứt

=> Tác dụng: Giúp cho câu thơ thêm sinh động, gợi hình, gợi cảm. Nhà thơ đã gợi nên được trạng thái bâng khuâng của sự vật, giúp cho sự vật thêm gần gũi với con người, cũng có những nỗi niềm cảm xúc như con người, ...

**Bài tập 3 (SGK/95)**

*Véo von điệu hát cổ truyền*

*(Tre thôi khúc khích, mây chìm lắng nghe)*

- Dấu ngoặc đơn: có công dụng đánh dấu phần bổ sung thêm thông tin cho phần trước đó.

*“- Hò... ơ... Trai Biên Hòa lụy gái Gò Me*

*Không vì sắc lịch, mà chỉ vì mê giọng hò...”.*

- Dấu ngoặc kép: có tác dụng đánh dấu từ ngữ, câu, đoạn dẫn trực tiếp

**Bài 1. Hãy cho biết tác dụng của dấu chấm lửng trong các đoạn trích sau:**

1. Thầy Dần lè lưỡi ra:

- Eo! Mẹ ơi!...

- Thật…không có thể, cứ cổ con mà chặt!

2. Rú…rú…rú…máy bắt đầu mở, bắt đầu xúc than

(Võ Huy Tâm)

3. Thốt nhiên một người nhà quê, mình mẩy lấm láp, quần áo ướt đầm, tất tả chạy xông vào thở không ra lời:

- Bẩm…quan lớn…đê vỡ mất rồi!

(Phạm Duy Tốn)

4. Đứng trước tổ dế, ong xanh khẽ vỗ cánh, uốn mình, giương cặp rang rộng và nhọn như đôi gọng kìm, rồi thoắt cái lao nhanh xuống hang sâu. Ba giây…Bốn giây…Năm giây…Lâu quá!

(Vũ Tú Nam)

5. Thể điệu ca Huế có sôi nổi, tươi vui, có buồn cảm, bâng khuâng, có tiếc thương ai oán.

(Hà Ánh Minh)  
6. – Anh này lại say khướt rồi.

- Bẩm không ạ, bẩm thật là không say. Con đến xin cụ cho con đi ở tù, mà nếu không được thì…thì…thưa cụ.

(Nam Cao)

7. Chim bay vút lên khoe trăm màu áo đan chéo nhau trong không trung: nâu, trắng, mun, vàng, xám, tím biếc…

(Võ Văn Trực)

8. Núp định ra chặn hỏi. Nhưng…có được không?...Nó có bắt mình nộp cho Pháp…chắc không đâu, Pháp làm nó khổ thể này, bụng nó chắc không thương Pháp đâu.

(Nguyên Ngọc)

9. Do đó, tiếng Việt có thể kể vào những thứ tiếng giàu hình tượng ngữ âm như những âm giai trong bản nhạc trầm bổng. […] Giá trị của một tiếng nói cố nhiên không phải chỉ là câu chuyện chất nhạc. Tài liệu của Nhung tây

(Đặng Thai Mai)

**Gợi ý trả lời**

**Bài 1.**

1. Eo! Mẹ ơi!...(biểu thị phần ý không được diễn đạt bằng lời, sự ngắt quãng trong lời nói)

- Thật…

(Biểu thị sự ngắt quãng trong lời nói)

2. Biểu thị sự kéo dài của âm thanh

3. Biểu thị sự ngắt quãng trong lời nói

4. Biểu thị tâm lí chờ đợi

5. Biểu thị sự liệt kê chưa hết.

6. Biểu thị sự ngắt quãng trong lời nói, tạo tâm lí đe dọa.

7. Biểu thị sự liên kết chưa hết.

8. Biểu thị sự ngắt quãng trong lời nói, khoảng cách của những suy nghĩ.

9. Biểu thị sự lược bỏ trong trích dẫn.

**Bài 2:**Nêu tác dụng của dấu chấm lửng trong các ví dụ dưới đây

a, Vài chiếc nhạn mùa thu chao đi liệng lại trên mâm bể sáng dần lên cái chất bạc nén…

b, Thầy Ha men đứng trên bục, người tái nhợt. Chưa bao giờ tôi cảm thấy thầy lớn lao đến thế…

c,

Đến nay tháng sáu

Chợt nghe tin nhà

Ra thế

Lượm ơi!...

d, Chúng tôi chạy ùa ra, con cắt còn ngắc ngoải. Bây giờ tôi mới tận mắt nhìn thấy con cắt…

**Gợi ý**

Tác dụng của dấu chấm lửng:

a, Dấu chấm lửng thể hiện còn nhiều sự vật khác, sự việc khác chưa liệt kê hết.

b, Dấu chấm lửng thể hiện sự xúc động của học trò trước hình ảnh của thầy Ha men trong buổi học cuối cùng

c, Dấu chấm lửng diễn tả nỗi đau kéo dài khi nghe tin Lượm hi sinh.

d, Sự ngạc nhiên khi lần đầu tiên thấy chim cắt của nhân vật “tôi”

**BÀI 7 ÔN TẬP TIẾNG VIỆT THÀNH NGỮ, NÓI QUÁ**

**I. LÍ THUYẾT**

**1.** Thành ngữ là một loại cụm từ có cấu tạo ổn định. Nghĩa của thành ngữ có tính hình tượng, biểu trưng và giàu cảm xúc.

**2.** Thành ngữ có khả năng hoạt động ngữ pháp như từ, tức có thể thay thế cho từ trong câu. Ví dụ:

*- Nó nói****dai****.*

*- Nó nói****dai như đỉa****.*

          Sử dụng thành ngữ, người nói, viết có khả năng thể hiện thái độ, cảm xúc, cách đánh giá của mình đối với sự vật, hiện tượng v.v… So sánh :

          Mắng          **-***mắng như tát nước vào mặt;*

**-***mắng vuốt mặt không kịp.*

**3.** Nghĩa của thành ngữ thường được suy ra từ nghĩa đen của các từ tạo nên thông qua các phép chuyển nghĩa như ẩn dụ, so sánh…

- Đặc biệt, tính biểu trưng hoá, tức lấy tính chất của sự vật, sự việc cụ thể để biểu thị các tính chất, đặc điểm khái quát là đặc trưng ngữ nghĩa nổi bật của thành ngữ. Ví dụ :

- Thành ngữ *Ếch ngồi đáy giếng* với nghĩa đen chỉ một sự việc cụ thể (ếch sống dưới giếng, nhìn lên bầu trời qua miệng giếng, lầm tưởng bầu trời chỉ là một khoảng nhỏ như chiếc vung) được dùng để biểu thị đặc điểm khái quát: “hiểu biết ít, tầm nhìn bị hạn chế, do điều kiện tiếp xúc hạn hẹp”.

 - Thành ngữ *Mèo nhỏ bắt chuột con* có nghĩa đen chỉ một việc cụ thể được dùng để biểu thị việc làm vừa phải, phù hợp với khả năng và sức lực của mình:

- Thành ngữ *Mèo mù vớ cá rán* được dùng để biểu thị sự may mắn bất ngờ, ngoài khả năng.

**4.** Mỗi thành ngữ thường chỉ nêu một khía cạnh nào đó của đặc điểm, tính chất. Ví dụ:

- *Dai như chão* - thiên về biểu thị tính chất dai vật lí, khó kéo đứt;

- *Dai như đỉa* - thiên về sự bền bỉ, đeo đẳng không thôi. Tài liệu của Nhung tây

**5.** Thành ngữ có cấu tạo rất đa dạng.

          Thông thường, thành ngữ có cấu tạo là một cụm từ (nhưng cũng có thể có cấu tạo là một câu, ví dụ: *Ma cũ bắt nạt ma mới*). Ví dụ: *Chậm như rùa, Yếu như sên, Một nắng hai sương, Ruộng cả ao liền v.v…*

**6.** Cấu tạo của thành ngữ có tính ổn định, song, trong sử dụng, một số ít thành ngữ có thể bị biến đổi chút ít. Ví dụ: *học như cuốc kêu* có thể bị biến đổi thành học như *cuốc kêu ra rả mùa hè*  *đi guốc trong bụng* có thể bị biến đổi thành *đi dép trong bụng, lê dép trong bụng v.v…*

**II. NÓI QUÁ**

**1. LÍ THUYẾT**

**1. Khái niệm**

- Tên gọi khác: *ngoa dụ,* *thậm xưng, khoa trương, phóng đại, cường điệu, ngoa ngữ, nói ngoa.*

- Là phép tu từ phóng đại quy mô, tính chất, đặc điểm của đối tượng nhằm làm nổi rõ đặc trưng bản chất của đối tượng miêu tả, gây sự chú ý, tăng cường sức biểu cảm. Tài liệu của Nhung tây

Ví dụ: *Thương em chẳng biết để đâu*

*Để quán* ***quán đổ****, để cầu* ***cầu******xiêu****.*

(Ca dao)

**2. Cấu tạo**

- Nói quá được diễn tả bằng hình ảnh miêu tả có tính chất cường điệu, phóng đại.

- Nói quá chỉ có một vế: vế hình ảnh miêu tả (B). Vế nội dung cần nói tới, cần nhấn mạnh (A) ẩn đi, phải ngẫm nghĩ mới hiểu.

- Nói quá thường được biểu hiện qua hình thức so sánh phóng đại hoặc một sự miêu tả phi thực.

**3. Phân loại**

Xét theo phương diện được phóng đại của đối tượng, chúng ta có các loại sau:

**a. Nói quá quy mô, kích thước của sự vật, hiện tượng**

Con rận **bằng con ba ba**

Nửa đêm **nó ngáy cả nhà thất kinh**.

Hàng xóm vác gậy đi rình

Té ra con rận trong mình bò ra.

(Ca dao)

**b. Nói quá tính chất, đặc điểm của sự vật, hiện tượng**

Ví dụ:

(1) Nói ngọt **lọt đến xương**.

(Tục ngữ)

*(2) Nghe đồn bác mẹ anh hiền,*

***Cắn cơm không bể****,* ***cắn tiền bể hai****.*

(Ca dao)

**4. Tác dụng**

- Nói quá có tác dụng nhận thức, tác dụng biểu cảm và gây ấn tượng.

- Cách diễn tả khác thường, nhiều khi rất vô lý của phép nói quá gây sự chú ý, tạo ra sức hấp dẫn đặc biệt.

Ví dụ: *Tên lửa của chúng tôi có thể* ***bắn trúng mắt một con ruồi bay trong vũ trụ****.*

(Nhikita Khrushôp, Tổng Bí thư ĐCS Liên Xô, trả lời phóng viên phương Tây, 1961)

- Nói quá được dùng nhiều trong sử thi, anh hùng ca, thơ văn trữ tình, thơ văn châm biếm, trào phúng.

Ví dụ: *Độc ác thay,* ***trúc Nam Sơn không ghi hết tội****,*

*Dơ bẩn thay,* ***nước Đông Hải không rửa sạch mùi****!*

(Nguyễn Trãi, *Bình Ngô* *đại cáo*)

- Nói quá cũng hay được dùng trong khẩu ngữ tiếng Việt.

*Nghe hắn ninh* ***sượng*** *cả mặt.*

(Khẩu ngữ)

*Làm* ***mửa mật*** *vẫn không xong.*

(Khẩu ngữ)

**II. CÁC DẠNG BÀI TẬP VỀ THÀNH NGỮ**

**Bài 1:Tìm và giải thích thành ngữ trong các câu sau:**

*a. Hai bên ý hợp tâm đầu*

*Khi than chẳng lọ là cầu mới thân.*

*b. Pha kể đầu đuôi cái tai bay vạ gió mà mình vừa bị cho anh rể nghe.*

**Gợi ý trả lời**

**Bài 1**

**a**. Ý hợp tâm đầu***:*** chỉ sự hòa hợp, đồng lòng trong tính cách, suy nghĩ của hai người, thường nói về tình cảm trai gái

**b.** Tai bay vạ gió: chỉ điều không may xảy đến bất ngờ mà nguyên nhân không do mình trực tiếp gây ra.

**Bài 2: Tìm những thành ngữ có cấu trúc đối xứng trong các thành ngữ sau đây:**

*Một nắng hai sương, dai như đỉa đói, mèo mả gà đồng, miệng hùm gan sứa, ruột để ngoài da, xanh vỏ đỏ lòng, vào sống ra chết, mò kim đáy bể, thầy bói xem voi, quyền rơm vạ đá, đàn gảy tai trâu.*

**Gợi ý trả lời**

**Bài 2: Thành ngữ có cấu trúc đối xứng được in đậm:**

***Một nắng hai sương****, dai như đỉa đói, mèo mả gà đồng,* ***miệng hùm gan sứa****, ruột để ngoài da,* ***xanh vỏ đỏ lòng****,* ***vào sống ra chết****, mò kim đáy bể, thầy bói xem voi,* ***quyền rơm vạ đá****, đàn gảy tai trâu.*

**Bài 3: Em hãy thêm các yếu tố để các thành ngữ sau được hoàn chỉnh.**

*Đem con…; nồi da….; rán sành…; hồn xiêu….; một mất….; chó cắn….;tiến thoái….; thắt lưng….*

**Gợi ý trả lời**

**Bài 3:** *Đem con bỏ chợ; nồi da nấu thịt.; rán sành ra mỡ; hồn xiêu phách lạc; một mất một còn; chó cắn áo rách ;tiến thoái lưỡng nan; thắt lưng buộc bụng.*

**Bài 4: Tìm và nêu ý nghĩa của các thành ngữ trong những câu sau đây:**

a. Sản xuất mà không biết tiết kiệm khác nào gió vào nhà trống. Tài liệu của Nhung tây

b. Năm Thọ vốn là một thằng đầu bò đầu bướu.

a. Mặc dầu bị tra tấn dã man nhưng anh Nguyễn Văn Trỗi vẫn gan vàng dạ sắt không khai nửa lời.

**Gợi ý trả lời**

**Bài 4:**

a. *Sản xuất mà không biết tiết kiệm khác nào* ***gió vào nhà trống.***

*b. Năm Thọ vốn là một thằng* ***đầu bò đầu bướu.***

*c. Mặc dầu bị tra tấn dã man nhưng anh Nguyễn Văn Trỗi vẫn* ***gan vàng dạ sắt*** *không khai nửa lời.*

\* Ý nghĩa

a. Chỉ sự tốn công vô ích

b. Chỉ những đối tượng có tính giang hồ, hay gây gổ.

c. Chỉ sự sắc son, vững chí của con người.

**Bài 5. Hoàn thành những câu thành ngữ sau và giải thích ý nghĩa:**

1. Nam……..nữ tú  
2. Trai tài gái………….   
3. Cầu được ước ……..  
4. Ước của ……….mùa   
5. Đứng núi này………núi nọ.   
6. Non xanh nước ………   
7. Kề vai ……….cánh.   
8. Muôn người như……….   
9. Đồng cam……..khổ   
10. Bốn biển một………

**Gợi ý trả lời**

**Bài 5.**

1. Nam thanh nữ tú  
2. Trai tài gái sắc  
3. Cầu được ước thấy  
4. Ước của trái mùa   
5. Đứng núi này trông núi nọ.   
6. Non xanh nước biếc   
7. Kề vai sát cánh.   
8. Muôn người như một  
9. Đồng cam cộng khổ   
10. Bốn biển một nhà.

**Bài 6:** Hoàn thành những câu thành ngữ, tục ngữ dưới đây, chon 2 câu để đặt câu

1. Đồng ………. hợp lực.  
2. Đồng sức đồng ………….  
3. Một miếng khi ……….. bằng một gói khi no.   
4. Đoàn kết là ……………, chia rẽ là chết.   
5. Thật thà là …….quỷ quái.   
6. Cây ………….không sợ chết đứng.   
7. Trẻ cậy cha, già cậy………..  
8. Tre già ……….mọc  
9. Trẻ người………..dạ  
10. Trẻ trồng na, già trồng ………..

**Gợi ý trả lời**

**Bài 6:**

1. Đồng tâm hợp lực.  
2. Đồng sức đồng lòng  
3. Một miếng khi đói bằng một gói khi no.   
4. Đoàn kết là sống, chia rẽ là chết.   
5. Thật thà là cha quỷ quái.   
6. Cây ngay không sợ chết đứng.   
7. Trẻ cậy cha, già cậy con  
8. Tre già măng mọc  
9. Trẻ người non dạ  
10. Trẻ trồng na, già trồng chuối

**Đặt câu:**

1. Chúng ta phải đồng sức đồng lòng thì mới vượt qua khó khăn trong giai đoạn này.

2. Tôi không lo người ta vu oan, cây ngay không sợ chết đứng mà.

**Bài 7.** Tìm và giải nghĩa các thành ngữ có trong các câu sau :

*a. Rồi đến chiều, tự nhiên chị thấy máy mắt thì đâm lo thành ra ruột nóng như cào.*

*b. Giấy tờ ai dám đưa cho ông cụ ruột để ngoài da ấy.*

(Báo Văn nghệ)

*c. Thật không muốn có chuyện lôi thôi trong nhà, đành nhiều khi phải nhắm mắt làm ngơ.*

(Chu Văn)

**Gợi ý trả lời**

**Bài 7.**Các thành ngữ trong các câu đã cho như sau :

a. *Ruột nóng như cào*: rất sốt ruột, bồn chồn, không yên lòng.

b. *Ruột để ngoài da*: (có tính) đểnh đoảng, hay quên, vô tâm vô tính.

c.  *Nhắm mắt làm ngơ*: cố tình lảng tránh, làm ra vẻ không hay biết gì về sự việc đang diễn ra trước mắt để tránh liên lụy, phiền phức. Tài liệu của Nhung tây

**Bài 8.** Đặt với mỗi thành ngữ cho dưới đây 1 câu: *Mặt nặng mày nhẹ, Mặt hoa da phấn, Mặt sắt đen sì.*

          Tìm thêm một số thành ngữ khác có từ mặt. Giải nghĩa các thành ngữ đã tìm được.

**Gợi ý trả lời**

**Bài 8.**Tham khảo các câu sau:

- *Thà rằng có điều không vừa ý nhau cứ nói toạc móng heo còn dễ chịu hơn là để bụng rồi****mặt nặng mày nhẹ****.* (Trung Đông)

- *Rõ ràng người****mặt hoa da phấn****, ăn nói dịu dàng, đẹp như cái sao băng.* (Vũ Tú Nam)

- *Trông lên****mặt sắt đen sì****/ Lập nghiêm trước đã ra uy nặng lời.* (Nguyễn Du)

Có thể kể thêm một số thành ngữ khác có từ mặt như sau : *Mặt xanh nanh vàng, Mặt vàng như nghệ, Mặt ủ mày chau, Mặt trơ trán bóng, Mặt cắt không còn hột máu, Mặt đỏ như gà chọi, Mặt đỏ như gấc, Mặt đỏ tía tai, Mặt nạc đóm dày, Mặt nặng mày nhẹ, Mặt nặng như chì, Mặt nặng như đá đeo, Mặt người dạ thú, Mặt nhăn như bị, Mặt sứa gan lim…*

**Bài 9.**Cũng yêu cầu như bài tập 2 với các thành ngữ có từ mắt sau đây : *Mắt nhắm mắt mở, Mắt sắc như (hơn) dao (cau), Mắt phượng mày ngài.*

**Gợi ý trả lời**

**Bài 9.**Tham khảo các câu sau:

- *Gà mới gáy độ vài lần đã mải mốt choàng dậy,****mắt nhắm mắt mở****cuốc bộ một mạch năm cây số về Hà Nội.* (Nam Cao)

- *Chị nom rõ dáng người đàn bà lạ mặt, khăn mỏ quạ, áo cánh phin gụ, hai con mắt sắc hơn dao cau.* (Nguyễn Thị cẩm Thạnh)

- *Lưng ong****mắt phượng mày ngài****/ cổ cao ba ngấn kém ai trong đời.* (Hoàng Trừu)

 Có thể kể thêm một số thành ngữ khác có từ mắt như sau : *Mắt cú vọ, Mắt la mày lét, Mắt lơ mày láo…*

**Bài 10.**Dựa vào các văn bản đã học, hãy giải thích các thành ngữ sau : *Con Rồng cháu Tiên, Ếch ngồi đáy giếng, Thầy bói xem voi.*

**Gợi ý trả lời**

**Bài 10.**Đọc lại các truyện: *Con Rồng cháu Tiên, ,* để giải thích nghĩa của các thành ngữ.

**- Con rồng cháu tiên*:*** *Con Rồng cháu Tiên là một huyền thoại về nguồn gốc dân tộc Việt Nam. Con Rồng cháu Tiên là tên xưng hô đầy tính tự hào của tất cả dân tộc Việt Nam xuất phát từ quan niệm của họ về xuất thân liên quan đến truyền thuyết Con Rồng cháu Tiên*

**- Ếch ngồi đáy giếng:** *Đồng nghĩa với câu "ếch ngồi đáy giếng" là câu "coi trời bằng vung". Ý nghĩa câu thành ngữ ếch ngồi đáy giếng nghĩa là không coi ai ra gì tính tình tự cao tự đại luôn luôn cho rằng mình giỏi hơn tất cả và luôn luôn khinh thường người khác tầm nhìn thì hạn hẹp mà luôn luôn tỏ ra thông thái và biết tất cả mọi thứ*

**- Thầy bói xem voi:** Ý chỉ không nên xem xét một việc gì đó chỉ ở một khía cạnh mà cần phải phân tích đa chiều, nhiều mặt của vấn đề.

**Bài 11.** Viết một đoạn văn ngắn từ 10 đến 13 câu có sử dụng ít nhất một thành ngữ.

**(GV yêu cầu học sinh tự viết)**

**II. CÁC DẠNG BÀI TẬP NÓI QUÁ**

**Bài 1**. Tìm biện pháp nói quá trong các câu sau:

1. Giá những cổ tục đã đày đọa mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến chi kì nát vụn mới thôi.

*(Nguyên Hồng)*

2. Nếu người quay lại ấy là người khác thì thật là một trò cười tức bụng cho lũ bạn tôi, chúng nó khua guốc inh ỏi và nô đùa ầm ĩ trên hè. Và cái lầm đó không những làm tôi thẹn mà còn tủi cực nữa, khác gì cái ảo ảnh của một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước mắt gần rạn nứt của người bộ hành ngã gục dưới sa mạc.

*(Nguyên Hồng)*

3. Cai lệ vẫn giọng hầm hè:

- Nếu không có tiền nộp sưu cho ông bây giờ, thì ông sẽ dỡ cả nhà mày đi, chửi mắng thôi à!

*(Ngô Tất Tố)*

4. Tôi nghĩ đến mấy quyển sách quý của tôi. Tôi quý chúng có lẽ còn hơn những ngón tay tôi.

(Nam Cao)

5. Công cha như núi ngất trời

Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển Đông.

(Ca dao)

6. Ngó lên nuộc lạt mái nhà,

Bao nhiêu nuộc lạt nhớ ông bà bấy nhiêu.

(ca dao)

7. Thương em chẳng biết để đâu

Để quán quán đổ, để cầu cầu xiêu.

(Ca dao)

8. Con rận bằng con ba ba

Nửa đêm nó ngáy cả nhà thất kinh.

Hàng xóm vác gậy đi rình

Té ra con rận trong mình bò ra.

(Ca dao)

9. Nói ngọt lọt đến xương.

(Tục ngữ)

10. Nghe đồn bác mẹ anh hiền,

Cắn cơm không bể, cắn tiền bể hai.

(Ca dao)

11. Độc ác thay, trúc Nam Sơn không ghi hết tội,

Dơ bẩn thay, nước Đông Hải không rửa sạch mùi!

(Nguyễn Trãi, Bình Ngô đại cáo)

12. Nghe hắn ninh sượng cả mặt.

(Khẩu ngữ)

13. Làm mửa mật vẫn không xong.

(Khẩu ngữ)

14. [...] Cái cụ bá thét ra lửa ấy lại xử nhũn mời hắn vào nhà xơi nước.

(Nam Cao, Chí Phèo)

**Gợi ý trả lời**

**Bài 1.** Phép nói quá được in đậm:

1. Giá những cổ tục đã đày đọa mẹ tôi là **một vật như hòn đá hay cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến chi kì nát vụn mới thôi.**

(Nguyên Hồng)

2. Nếu người quay lại ấy là người khác thì thật là một trò **cười tức bụng** cho lũ bạn tôi, chúng nó khua guốc inh ỏi và nô đùa ầm ĩ trên hè. Và cái lầm đó không những làm tôi thẹn mà còn tủi cực nữa, **khác gì cái ảo ảnh của một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước mắt gần rạn nứt của người bộ hành ngã gục dưới sa mạc.**

(Nguyên Hồng)

3. Cai lệ vẫn giọng hầm hè:

- Nếu không có tiền nộp sưu cho ông bây giờ, thì ông sẽ **dỡ cả nhà mày đi**, chửi mắng thôi à!

(Ngô Tất Tố)

4. Tôi nghĩ đến mấy quyển sách quý của tôi. Tôi **quý chúng có lẽ còn hơn những ngón tay tôi.**

(Nam Cao)

5. Công cha như **núi ngất trời**

Nghĩa mẹ như **nước ở ngoài biển Đông.**

(Ca dao)

6. Ngó lên nuộc lạt mái nhà,

**Bao nhiêu nuộc lạt nhớ ông bà bấy nhiêu.**

(ca dao)

7. Thương em chẳng biết để đâu

Để quán **quán đổ**, để cầu **cầu** **xiêu**.

(Ca dao)

8. Con rận **bằng con ba ba**

Nửa đêm **nó ngáy cả nhà thất kinh**.

Hàng xóm vác gậy đi rình

Té ra con rận trong mình bò ra.

(Ca dao)

9. Nói ngọt **lọt đến xương**.

(Tục ngữ)

10. Nghe đồn bác mẹ anh hiền,

**Cắn cơm không bể**, **cắn tiền bể hai**.

(Ca dao)

11. Độc ác thay, **trúc Nam Sơn không ghi hết tội**,

Dơ bẩn thay, **nước Đông Hải không rửa sạch mùi**!

(Nguyễn Trãi, Bình Ngô đại cáo)

12. Nghe hắn ninh **sượng** cả mặt.

(Khẩu ngữ)

13. Làm **mửa mật** vẫn không xong.

(Khẩu ngữ)

14. [...] Cái cụ bá **thét ra lửa ấy** lại xử nhũn mời hắn vào nhà xơi nước.

(Nam Cao, Chí Phèo)

**Bài 2.** Tìm các thành ngữ có sử dụng biện pháp nói quá để diễn đạt các ý sau. Đặt câu với mỗi thành ngữ đó.

a. Chắt lọc, lấy cái quý giá, cái tốt đẹp, tinh túy trong những cái tạp chất khác.

b. Cả gan hay làm điều gì kém cỏi, vụng về trước người hiểu biết, tinh thông tài cán hơn mình.

c. Sợ hãi, khiếp đảm đến mức mặt tái mét.

d. Luôn kề cạnh bên nhau hoặc gắn bó chặt chẽ, khăng khít với nhau.

e. Gan dạ, dũng cảm, không nao núng trước khó khăn, nguy hiểm.

g. Giống hệt nhau, đến mức tưởng chừng như cùng một thể chất.

**Gợi ý trả lời**

**Bài 2.** Tham khảo cách đặt câu sau:

a. Thành ngữ: đãi cát tìm vàng

Đặt câu: Tuyển dụng được người giỏi như công việc đãi cát tìm vàng.

b.Thành ngữ: Đánh trống qua cửa nhà sấm

Đặt câu: Tôi chỉ nghĩa sao nói vậy chứ đâu dám đánh trống qua cửa nhà sấm chứ.

c. Thành ngữ: Mặt cắt không còn giọt máu

Đặt câu: Tướng giặc nghe uy danh quân ta thì khiếp đảm mặt cắt không còn giọt máu.

d. Thành ngữ: Như hình với bóng.

- Đặt câu: Chúng tôi luôn bên cạnh nhau như hình với bóng

e. Thành ngữ: Gan vàng dạ sắt. Tài liệu của Nhung tây

- Đặt câu: Hắn ta nổi tiếng là một tay gan vàng dạ sắt trong giới.

g. Thành ngữ: giống nhau như hai giọt nước

- Đặt câu: Hai đứa giống nhau như hai giọt nước.

**Bài 3**. Tìm 5 thành ngữ có sử dụng biện pháp nói quá. Đặt câu với mỗi thành ngữ đó.

**Gợi ý trả lời**

**Bài 3**.

a. Đen như than: Hắn ta ở ngoài đời trông đen như than

b. Lớn nhanh như thổi: Mấy năm không gặp mà con bé đã lớn nhanh như thổi.

c. mạnh như chẻ tre: Khí thế quân ta mỗi lúc một mạnh như chẻ tre.

d. chết như ngả rạ: Trên chiến trường, hàng vạn quân giặc chết như ngả rạ.

e. Nghĩ nát óc: Bài hóa này em nghĩa nát óc mà vẫn không có cách giải.

**Bài 4**. Thay những từ ngữ nói quá trong các câu sau bằng từ ngữ thông thường mà tương ứng về nghĩa cơ bản để thấy rõ tác dụng biểu cảm của câu văn giảm sút do không dùng biện pháp nói quá. Tài liệu của Nhung tây

a. Khi gật xong, sẵn thóc rơi vãi ngoài ruộng, đàn vịt **chóng lớn như thổi.**

b. Thằng ấy vào loại**rán sành ra mỡ** đấy.

c. Năm ấy mất mùa, **gạo châu củi quế**, đời sống nông dân vô cùng khốn khổ.

d. Trại giặc im lìm, chúng đang **ngủ say như chết.**

**Gợi ý trả lời**

**Bài 4.** Tham khảo cách thay sau:

a. *Khi gật xong, sẵn thóc rơi vãi ngoài ruộng, đàn vịt****chóng lớn như thổi.***

**-** Thay bằng**:** lớn rất nhanh

b. *Thằng ấy vào loại****rán sành ra mỡ****đấy.*

- Thay bằng: keo kiệt

c. *Năm ấy mất mùa,****gạo châu củi quế****, đời sống nông dân vô cùng khốn khổ.*

- Thay bằng: giá cả đắt đỏ, đời sống khó khăn

d.*Trại giặc im lìm, chúng đang****ngủ say như chết.***

**-** Thay bằng**:** ngủ rất say

**Bài 5**. Viết đoạn văn ngắn từ 10 đến 15 câu, có sử dụng phép nói quá, gạch chân chú thích dưới câu có chứa phép nói quá đó.

**(** Học sinh tự luyện tập theo yêu cầu đề bài)

**BÀI 8: ÔN TẬP TIẾNG VIỆT NGỮ CẢNH VÀ NGHĨA CỦA TỪ TRONG NGỮ CẢNH, DẤU CHẤM LỬNG**

**I. Lý thuyết**

**1. Ngữ cảnh và nghĩa của từ trong ngữ cảnh**

- Ngữ cảnh của một yếu tố ngôn ngữ trong câu hoặc văn bản thường được hiểu là:

+ Những từ ngữ, câu đứng trước hoặc đứng sau yếu tố ngôn ngữ đó. Theo nghĩa này, ngữ cảnh đồng nghĩa với văn cảnh.

+ Hoàn cảnh, tình huống giao tiếp (bao gồm các yếu tố: chủ thế, đối tượng, mục đích giao tiếp; thời gian, nơi chốn diễn ra hoạt động giao tiếp). Theo nghĩa này, từ ngữ cảnh đồng nghĩa với các từ tình huống, bối cảnh.

- Vai trò quan trọng của ngữ cảnh đối với việc xác định nghĩa của từ ngữ thể hiện ở chỗ:

+ Ngữ cảnh giúp người đọc, người nghe xác định nghĩa của thể của các từ đa nghĩa.

+ Ngữ cảnh giúp người đọc, người nghe xác định được nghĩa hàm ẩn của những từ ngữ được sử dụng trong các biện pháp tu từ. Tài liệu của Nhung tây

+ Ngữ cảnh giúp người đọc, người nghe hiểu được hàm ý (thái độ, tình cảm) mà người nói thể hiện qua việc lựa chọn các từ xưng hô.

**2. Dấu chấm lửng**

Dấu chấm lửng (dấu lửng) là dấu câu gồm ba chấm liền nhau (...) được dùng để:

- Phối hợp với dấu phẩy, tỏ ý còn nhiều nội dung tương tự chưa được liệt kê hết.

- Thể hiện lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng vì lí do gì đó.

- Làm giãn nhịp điệu câu thơ, câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm.

Dấu chấm lửng có tác dụng sau:

**a. Phản ánh trạng thái của hiện thực như khoảng cách về không gian, thời gian, âm thanh kéo dài, đứt quãng…**

*Ù…ù…ù…Tầm một lượt.*

(Võ Huy Tâm)

**b. Biểu thị lời nói đứt quãng vì xúc động**

*Chàng chợt nhớ, chạy vùng xuống nhà ngang, gọi vui vẻ:*

*- Cô Nga….*

(Thạc Lam)

**c. Biểu thị lời nói không tiện nói ra.**

*Ô hay, có điều gì bố con trong nhà bảo nhau chứ sao lại…*

(Đào Vũ)

**d. Để chỉ ra rằng người nói chưa nói hết, đặc biệt khi nêu ví dụ, liệt kê:**

*Ngoài ra, biển còn nhiều thứ cá nổi tiếng như cá đé, cá nhụ, cá nục, cá song và nhiều tôm, sò…*

(Trúc Mai)

**e. Biểu thị chỗ ngắt dài giọng với ý châm biếm, hài hước (**biểu thị chỗ dãn nhịp điệu câu văn chuẩn bị cho sự xuất hiện từ ngữ có nội dung bất ngờ, hài hước, châm biếm). Ví dụ:

*Té ra công sự chỉ là công…toi.*

(Tú Mỡ)

**g. Để chỉ rằng lời nói trực tiếp bị lược bớt một số câu.** Trường hợp này, dấu chấm lửng thường đặt trong dấu ngoặc đơn () hoặc dấu ngoặc vuông [].

*[…] Tiếng Việt, trong cấu tạo của nó, thật sự có những đặc sắc của một thứ tiếng khá đẹp.*

**II. Luyện tập**

**Bài 1. Hãy cho biết tác dụng của dấu chấm lửng trong các đoạn trích sau:**

1. Thầy Dần lè lưỡi ra:

- Eo! Mẹ ơi!...

- Thật…không có thể, cứ cổ con mà chặt!

2. Rú…rú…rú…máy bắt đầu mở, bắt đầu xúc than

(Võ Huy Tâm)

3. Thốt nhiên một người nhà quê, mình mẩy lấm láp, quần áo ướt đầm, tất tả chạy xông vào thở không ra lời:

- Bẩm…quan lớn…đê vỡ mất rồi!

(Phạm Duy Tốn)

4. Đứng trước tổ dế, ong xanh khẽ vỗ cánh, uốn mình, giương cặp rang rộng và nhọn như đôi gọng kìm, rồi thoắt cái lao nhanh xuống hang sâu. Ba giây…Bốn giây…Năm giây…Lâu quá!

(Vũ Tú Nam)

5. Thể điệu ca Huế có sôi nổi, tươi vui, có buồn cảm, bâng khuâng, có tiếc thương ai oán.

(Hà Ánh Minh)  
6. – Anh này lại say khướt rồi.

- Bẩm không ạ, bẩm thật là không say. Con đến xin cụ cho con đi ở tù, mà nếu không được thì…thì…thưa cụ.

(Nam Cao)

7. Chim bay vút lên khoe trăm màu áo đan chéo nhau trong không trung: nâu, trắng, mun, vàng, xám, tím biếc…

(Võ Văn Trực)

8. Núp định ra chặn hỏi. Nhưng…có được không?...Nó có bắt mình nộp cho Pháp…chắc không đâu, Pháp làm nó khổ thể này, bụng nó chắc không thương Pháp đâu.

(Nguyên Ngọc)

9. Do đó, tiếng Việt có thể kể vào những thứ tiếng giàu hình tượng ngữ âm như những âm giai trong bản nhạc trầm bổng. […] Giá trị của một tiếng nói cố nhiên không phải chỉ là câu chuyện chất nhạc. Tài liệu của Nhung tây

(Đặng Thai Mai)

**Gợi ý trả lời**

**Bài 1.**

1. Eo! Mẹ ơi!...(biểu thị phần ý không được diễn đạt bằng lời, sự ngắt quãng trong lời nói)

- Thật…

(Biểu thị sự ngắt quãng trong lời nói)

2. Biểu thị sự kéo dài của âm thanh

3. Biểu thị sự ngắt quãng trong lời nói

4. Biểu thị tâm lí chờ đợi

5. Biểu thị sự liệt kê chưa hết.

6. Biểu thị sự ngắt quãng trong lời nói, tạo tâm lí đe dọa.

7. Biểu thị sự liên kết chưa hết.

8. Biểu thị sự ngắt quãng trong lời nói, khoảng cách của những suy nghĩ.

9. Biểu thị sự lược bỏ trong trích dẫn.

**Bài 2:**Nêu tác dụng của dấu chấm lửng trong các ví dụ dưới đây

a, *Vài chiếc nhạn mùa thu chao đi liệng lại trên mâm bể sáng dần lên cái chất bạc nén…*

b, *Thầy Ha men đứng trên bục, người tái nhợt. Chưa bao giờ tôi cảm thấy thầy lớn lao đến thế…*

c,

*Đến nay tháng sáu*

*Chợt nghe tin nhà*

*Ra thế*

*Lượm ơi!...*

d, *Chúng tôi chạy ùa ra, con cắt còn ngắc ngoải. Bây giờ tôi mới tận mắt nhìn thấy con cắt…*

**Gợi ý**

Tác dụng của dấu chấm lửng:

a, Dấu chấm lửng thể hiện còn nhiều sự vật khác, sự việc khác chưa liệt kê hết.

b, Dấu chấm lửng thể hiện sự xúc động của học trò trước hình ảnh của thầy Ha men trong buổi học cuối cùng

c, Dấu chấm lửng diễn tả nỗi đau kéo dài khi nghe tin Lượm hi sinh.

d, Sự ngạc nhiên khi lần đầu tiên thấy chim cắt của nhân vật “tôi”

**BÀI 9: ÔN TẬP TIẾNG VIỆT MẠCH LẠC VÀ LIÊN KẾT - DẤU CÂU**

**(NHẬN BIẾT CÔNG DỤNG DẤU CHẤM LỬNG)**

**A. LÍ THUYẾT**

**I. Mạch lạc trong văn bản**

**1. Khái niệm**

- Mạch lạc trong văn bản là các câu, các ý, các phần, các đoạn trong văn bản đều phải hướng về một sự thống nhất, một ý hay một chủ đề nào đó. Hay nói một cách đơn giản thì mạch lạc là sợi dây vô hình gắn kết các phần, các ý, các đoạn trong văn bản.

## 2. Những điều kiện để văn bản có tính mạch lạc

- Các phần, các câu, các đoạn trong văn bản đều nói hoặc mô tả về một đề tài cụ thể, xuyên suốt trong đoạn văn bản đó.

- Các đoạn, các câu, các ý phải được trình bày tiếp nối nhau theo một trình tự rõ ràng, hợp lý, logic, trước sau hô ứng nhau làm cho chủ đề liền mạch và gây hứng thú cho người đọc, người nghe.

- Các trình tự này có thể là trình tự thời gian, không gian, diễn biến tâm lý hay các môi quan hệ tương đồng, tương phản, quan hệ nhân quả… Tài liệu của Nhung tây

**II. Liên kết trong văn bản**

**1. Khái niệm**

- Liên kết là một trong những tính chất vô cùng quan trọng của văn bản, làm cho văn bản trở nên có nghĩa, dễ hiểu

- Nếu không có tính liên kết thì nội dung các câu, đoạn không có tính thống nhất, gắn bó với nhau. Đồng thời cần biết kết nối các câu các đoạn bằng phương tiện ngôn ngữ thích hợp

## 2. Những điều kiện để văn bản có tính mạch lạc

- Các phần, các câu, các đoạn trong văn bản đều nói hoặc mô tả về một đề tài cụ thể, xuyên suốt trong đoạn văn bản đó.

- Các đoạn, các câu, các ý phải được trình bày tiếp nối nhau theo một trình tự rõ ràng, hợp lý, logic, trước sau hô ứng nhau làm cho chủ đề liền mạch và gây hứng thú cho người đọc, người nghe.

- Các trình tự này có thể là trình tự thời gian, không gian, diễn biến tâm lý hay các môi quan hệ tương đồng, tương phản, quan hệ nhân quả…

=>Liên kết trong văn bản là việc sử dụng các phương tiện liên kết như từ, ngữ nghĩa, câu để nối kết các câu, các phần, các đoạn… trong văn bản lại với nhau.

**Các phương tiện liên kết gồm có 3 loại sau:**

- Phép lặp: sử dụng các từ ngữ lặp lại nhiều lần để liên kết câu.

- Phép nối: Sử dụng các từ có quan hệ nối câu như các cụm từ tóm lại, bởi vì, nhưng…

- Phép thế: Sử dụng những từ có chung ý nghĩa để tránh lỗi lặp từ quá nhiều lần.

Nói đơn giản thì một đoạn văn thường có phần mở bài, thân bài, kết bài tuy nhiên để người đọc hiểu được nghĩa của toàn bộ đoạn văn thì các phép liên kết trong văn bản là điều kiện cần đoạn văn hoàn chỉnh nhất. Tài liệu của Nhung tây

**1. Liên kết hình thức**

- Liên kết hình thứclà “hệ thống các phương thức liên kết hình thức”, và những cái được liên kết với nhau trong văn bản là các câu (phát ngôn). Cách phân loại các phát ngôn trong văn bản có liên quan đến nhiệm vụ mô tả liên kết hình thức, vì vậy mà trở nên cần thiết. Phương diện liên quan trực tiếp đến liên kết hình thức giữa câu với câu là phương diện nghĩa, về phương diện này, các câu được phân loại thành câu tự nghĩa và câu hợp nghĩa, ngữ ữực thuộc (hay là câu dưới bậc).

**2. Liên kết nội dung**

Liên kết nội dung sẽ được nhận biết rõ hơn thông qua việc xem xét hai bình diện của nó : liên kết chủ đề và liên kết lôgic.

a) Liên kết chủ đề

Trước hết cần chú giải rằng thuật ngữ chủ đề ở liên kết chủ đề được hiểu như đề tài; vật, việc được nói đến. Và như vậy có thể hình dung liên kết chủ đề là sợi dây kết nối hợp lí giữa những vật, việc được nói đến trong các câu có liên kết với nhau. Có thể thực hiện việc vừa nêu theo hai cách:

- Duy trì chủ đề, hiểu một cách giản đơn là nhắc lại cùng một vật, một việc nào đó trong các câu có liên kết với nhau.

- Triển khai chủ đề, là cùng với một (hoặc vài) chủ đề đã cho, đưa thêm vào một hoặc những chủ đề (vật, việc) khác nữa có liên quan với chủ đề ban đầu, theo tiêu chuẩn cần và đủ của lôgic để bảo iên kết lôgíc

Nếu ở liên kết chủ đề, sự chú ý tập trung vào vật, việc được nói đến, thì ở liên kết lôgíc, cái được chú ý trước hết là phần nêu đặc trưng của vật, việc được\* nói đến đó. Có thể xem xét liên kết lôgíc ở hai phạm vi rộng hẹp khác nhau:

- Bên trong một câu

- Giữa câu với câu (hoặc rộng hơn nữa: Giữa cụm câu này với cụm câu khác, giữa phần này của văn bản với phần kia của văn bản).

Như vậy có thể hiểu liên kết lôgíc là sợi dây nối kết hợp lí giữa vật, việc với đặc trưng của chúng trong một câu và giữa đặc trưng này với đặc trưng kia trong những câu liên kết với nhau. Tài liệu của Nhung tây

đảm cho các câu chứa chúng liên kết được với nhau.

**III. Dấu chấm lửng**

**+ Khái niệm:** Dấu chấm lửng, còn gọi là dấu lửng hay dấu ba chấm, là dấu có ba chấm đặt nối tiếp nhau theo hàng ngang.

Dấu chấm lửng có tác dụng sau:

**a. Phản ánh trạng thái của hiện thực như khoảng cách về không gian, thời gian, âm thanh kéo dài, đứt quãng…**

*Ù…ù…ù…Tầm một lượt.*

(Võ Huy Tâm)

**b. Biểu thị lời nói đứt quãng vì xúc động**

*Chàng chợt nhớ, chạy vùng xuống nhà ngang, gọi vui vẻ:*

*- Cô Nga…*

(Thạch Lam)

**c. Biểu thị lời nói không tiện nói ra.**

*Ô hay, có điều gì bố con trong nhà bảo nhau chứ sao lại…*

(Đào Vũ)

**d. Để chỉ ra rằng người nói chưa nói hết, đặc biệt khi nêu ví dụ, liệt kê:**

*Ngoài ra, biển còn nhiều thứ cá nổi tiếng như cá đé, cá nhụ, cá nục, cá song và nhiều tôm, sò…*

(Trúc Mai)

**e. Biểu thị chỗ ngắt dài giọng với ý châm biếm, hài hước (**biểu thị chỗ dãn nhịp điệu câu văn chuẩn bị cho sự xuất hiện từ ngữ có nội dung bất ngờ, hài hước, châm biếm). Ví dụ:

*Té ra công sự chỉ là công…toi.*

(Tú Mỡ)

**g. Để chỉ rằng lời nói trực tiếp bị lược bớt một số câu.** Trường hợp này, dấu chấm lửng thường đặt trong dấu ngoặc đơn () hoặc dấu ngoặc vuông [].

*[…] Tiếng Việt, trong cấu tạo của nó, thật sự có những đặc sắc của một thứ tiếng khá đẹp.*

**2.** Dấu chấm phẩy là dấu câu gồm một dấu chấm ở trên, dấu phẩy ở dưới. Dấu chấm phẩy có tác dụng sau:

**a. Đánh dấu ranh giới các vế của câu ghép có cấu tạo phức tạp:**

*Chị Thuận nấu cơm cho an hem ăn, làm người chị nuôi tần tảo; chị chăm sóc anh em ốm và bị thương, làm người hộ lí dịu dàng.*

(Nguyễn Trung Thành)

**b. Đánh dấu các yếu tố trong chuỗi liệt kê có cấu tạo phức tạp**

*Phải thực hiện bằng được chủ trương hoàn chỉnh các hệ thống thủy nông: đẩy mạnh tốc độ cơ giới hóa nông nghiệp; đẩy mạnh cải tạo giống gia súc và cây trồng nhằm thực hiện thâm canh trên toàn bộ diện tích trồng trọt.*

**2. Mạch lạc và liên kết**

**II. CÁC DẠNG BÀI TẬP**

**Bài 1. Hãy cho biết tác dụng của dấu chấm lửng trong các đoạn trích sau:**

1. Thầy Dần lè lưỡi ra:

- Eo! Mẹ ơi!...

- Thật…không có thể, cứ cổ con mà chặt!

2. Rú…rú…rú…máy bắt đầu mở, bắt đầu xúc than

(Võ Huy Tâm)

3. Thốt nhiên một người nhà quê, mình mẩy lấm láp, quần áo ướt đầm, tất tả chạy xông vào thở không ra lời:

- Bẩm…quan lớn…đê vỡ mất rồi!

(Phạm Duy Tốn)

4. Đứng trước tổ dế, ong xanh khẽ vỗ cánh, uốn mình, giương cặp rang rộng và nhọn như đôi gọng kìm, rồi thoắt cái lao nhanh xuống hang sâu. Ba giây…Bốn giây…Năm giây…Lâu quá!

(Vũ Tú Nam)

5. Thể điệu ca Huế có sôi nổi, tươi vui, có buồn cảm, bâng khuâng, có tiếc thương ai oán.

(Hà Ánh Minh)  
6. - Anh này lại say khướt rồi.

- Bẩm không ạ, bẩm thật là không say. Con đến xin cụ cho con đi ở tù, mà nếu không được thì…thì…thưa cụ. Tài liệu của Nhung tây

(Nam Cao)

7. Chim bay vút lên khoe trăm màu áo đan chéo nhau trong không trung: nâu, trắng, mun, vàng, xám, tím biếc…

(Võ Văn Trực)

8. Núp định ra chặn hỏi. Nhưng…có được không?...Nó có bắt mình nộp cho Pháp…chắc không đâu, Pháp làm nó khổ thể này, bụng nó chắc không thương Pháp đâu.

(Nguyên Ngọc)

9. Do đó, tiếng Việt có thể kể vào những thứ tiếng giàu hình tượng ngữ âm như những âm giai trong bản nhạc trầm bổng. […] Giá trị của một tiếng nói cố nhiên không phải chỉ là câu chuyện chất nhạc.

(Đặng Thai Mai)

**Gợi ý trả lời**

**Bài 1.**

1. Eo! Mẹ ơi!...(biểu thị phần ý không được diễn đạt bằng lời, sự ngắt quãng trong lời nói)

- Thật…

(Biểu thị sự ngắt quãng trong lời nói)

2. Biểu thị sự kéo dài của âm thanh

3. Biểu thị sự ngắt quãng trong lời nói

4. Biểu thị tâm lí chờ đợi

5. Biểu thị sự liệt kê chưa hết.

6. Biểu thị sự ngắt quãng trong lời nói, tạo tâm lí đe dọa.

7. Biểu thị sự liên kết chưa hết.

8. Biểu thị sự ngắt quãng trong lời nói, khoảng cách của những suy nghĩ.

9. Biểu thị sự lược bỏ trong trích dẫn.

**Bài 2. Nêu tác dụng của dấu chấm phẩy trong các câu sau:**

1. Cơn dông tan. Gió lặng. Cây gạo xơ xác hẳn đi, nom thương lắm. Nhưng chẳng có điều gì đáng lo cả; cây gạo bền bỉ làm việc đêm ngày, chuyên cần lấy từ đất, nước và ánh sáng nguồn nghị lực và sức trẻ vô tận.

(Vũ Tú Nam)

2. Tôi rất yêu những bỗng hoa giấy. Chúng có một đặc điểm khác nhiều loài hoa khác: Hoa giấy rời cành khi vẫn còn đẹp nguyên vẹn, hoa rụng mà vẫn còn tươi nguyên; đặt trên lòng bàn tay, những cánh hoa mỏng tàn rung rin, phập phồng run rẩy như đang thở, không có một mảy may biểu hiện của sự tàn úa.

(Trần Hoài Dương)

**Gợi ý trả lời**

**Bài 2.**

a. Tác dụng đánh dấu ranh giới của vế câu có quan hệ bổ sung, giải thích lẫn nhau.

b. Đánh dấu ranh giới của các vế câu có cấu tạo phức tạp.

**Bài 3. Trong những đoạn trích dưới đây, có một số dấu chấm phẩy bị thay thế bằng dấu phẩy. Tìm dấu phẩy đã thay thế cho dấu chấm phẩy đó.**

1. Cần phải nói với bạn rằng, ở xứ pro-văng-xơ theo lệ thường, cứ đến mùa nóng bức là người ta lùa gia súc lên núi An-pơ. Vật và người sống năm sáu tháng liền trên vùng cao ở ngoài trời, cỏ ngập đến tận bụng, rồi vừa mới chớm gió heo may đầu thu là người ta xuống núi, trở về trang trại và bầy gia súc lại quay về gặm cỏ thảnh thơi trên những sườn đồi màu xám thơm nức mùi cây hương thảo.

(A. Đô-đê)

(Đoạn này có một dấu chấm phẩy bị thay thế)

2. Cả con đường cũng dường như rình rịch theo bước chân đi của chúng. Đi đầu là những con cừu đực già, sừng giương ra phía trước, và dữ tợn, đằng sau chúng là đông đảo họ nhà cừu, những cừu mẹ dáng hơi mệt mỏi, lũ cừu con chạy quấn dưới chân, những con la cái đeo ngù trang trí màu đỏ, mang những chiếc giỏ đựng các chú cừu non mới đẻ, chiếc giỏ lắc lư như ru chúng ngủ theo nhịp bước đi, rồi đến những con chó đẫm mồ hôi, lưỡi lè dài sát đất và sau cùng là hai chú chăn cừu lực lưỡng khoác áo choàng bằng len thô màu đỏ hoe, dài chấm gót như chiếc áo thụng. Tài liệu của Nhung tây

**Gợi ý trả lời**

**Bài 3.** Xác định các ý lớn hoặc các nhóm ý lớn. Dấu phẩy giữa các ý lớn cần được thay bằng dấu chấm phẩy. Cụ thể:

1. Cần phải nói với bạn rằng, ở xứ pro-văng-xơ theo lệ thường, cứ đến mùa nóng bức là người ta lùa gia súc lên núi An-pơ. Vật và người sống năm sáu tháng liền trên vùng cao ở ngoài trời, cỏ ngập đến tận bụng [;] rồi vừa mới chớm gió heo may đầu thu là người ta xuống núi, trở về trang trại và bầy gia súc lại quay về gặm cỏ thảnh thơi trên những sườn đồi màu xám thơm nức mùi cây hương thảo.

(A. Đô-đê)

(Đoạn này có một dấu chấm phẩy bị thay thế)

2. Cả con đường cũng dường như rình rịch theo bước chân đi của chúng. Đi đầu là những con cừu đực già, sừng giương ra phía trước, và dữ tợn [;] đằng sau chúng là đông đảo họ nhà cừu, những cừu mẹ dáng hơi mệt mỏi, lũ cừu con chạy quấn dưới chân [;] những con la cái đeo ngù trang trí màu đỏ, mang những chiếc giỏ đựng các chú cừu non mới đẻ, chiếc giỏ lắc lư như ru chúng ngủ theo nhịp bước đi [;] rồi đến những con chó đẫm mồ hôi, lưỡi lè dài sát đất và sau cùng là hai chú chăn cừu lực lưỡng khoác áo choàng bằng len thô màu đỏ hoe, dài chấm gót như chiếc áo thụng.

**Bài 4.**

Tính mạch lạc của văn bản *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta:*

- Các câu văn đoạn văn đều xoay quanh chủ đề yêu nước

Câu chủ đề: Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước.

- Các phần các đoạn được sắp xếp theo một trình tự hợp lí:

+ Phần mở đầu nêu chủ đề bàn luận: dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước.

+ Phần tiếp theo nêu các khía cạnh, nội dung nhỏ của vấn đề, làm rõ chủ đề chung của văn bản:

- Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta.

- Đồng bào ngày nay cũng rất yêu nước

- Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung,...

- Các cụ già, em nhỏ, dân miền ngược miền xuôi…ai cũng yêu nước ghét giặc….

- Bộ đội bám giặc, hậu phương nhịn đói để phần tiền tuyến;

- Công nhân tăng gia sản xuất…

**+ Phần kết thúc vấn đề:**Khẳng định truyền thống yêu nước quý báu của nhân dân, và kêu gọi mọi người hành động, phát huy tinh thần ấy.

**Bài 5**

Điền các từ ngữ thích hợp vào chỗ trống trong đoạn văn dưới đây để các câu liên kết chặt chẽ với nhau:

Bà ơi! Cháu thường về đây, ra vườn, đứng dưới gốc na, gốc ổi mong tìm lại hình bóng của … và nhớ lại ngày nào … trồng cây, … chạy lon ton bên bà. … bảo khi nào cây có quả … sẽ dành quả to nhất, ngon nhất cho …, nhưng cháu lại bảo quả to nhất, ngon nhất phải để phần bà. … bà ôm cháu vào lòng, hôn cháu một cái thật kêu. Tài liệu của Nhung tây

*(Theo Nguyễn Thị Thuỷ Tiên, Những bức thư đoạt giải UPU)*

**Hướng dẫn Trả lời**

Bà ơi! Cháu trường về đây, ra vườn, đứng dưới gốc na, gốc ơi mong tìm lại được hình bóng của "bà", và nhớ lại ngày nào "bà" trồng cây, "cháu" chạy lon ton bên bà. Bà bảo khi nào cây có quả "bà" sẽ dành quả to nhất, ngon nhất cho "cháu", nhưng cháu lại bảo quả to nhất, ngon ngất phải để phần bà. "Thế là" bà ôm cháu vào lòng, hôn cháu một cái thật kêu.

**Bài 6.**

Hãy làm rõ tính mạch lạc của văn bản Tinh thần yêu nước của nhân dân ta (Hồ Chí Minh) bằng cách chứng minh các phần, các đoạn, các câu của văn bản này đều nói về một chủ đề và được sắp xếp theo một trình tự rất hợp lí.

**Gợi ý trả lời**

**Bài 6.** Văn bản nghị luận về tinh thần yêu nước của nhân dân ta/

Câu đầu tiên thâu tóm vấn đề nghị luận: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là truyền thống quý báu của ta”.

Các phần, các đoạn, các câu được sắp xếp theo một trình tự hợp lý, xoay quanh vấn đề đang nghị luận. Cụ thể:

+ Mở bài (Từ “Dân ta…” đến “kẻ cướp nước”): Nêu vấn đề nghị luận: Tinh thần yêu nước là một truyền thống quý báu của nhân dân ta, đó là một sức mạnh to lớn trong các cuộc chiến đấu chống xâm lược.

+ Thân bài (Từ “Lịch sử…. đến “lòng nồng nàn yêu nước”): Chứng minh tinh thần yêu nước trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc và trong cuộc kháng chiến hiện tại.

+ Kết bài (Từ “Tinh thần…” đến hết): Nhiệm vụ của Đảng là phải làm cho tinh thần yêu nước của dân được phát huy mạnh mẽ trong mọi công việc kháng chiến.

**BÀI 10: ÔN TẬP TIẾNG VIỆT TỪ HÁN VIỆT**

**NGHĨA CỦA MỘT SỐ YẾU TỐ HÁN VIỆT THÔNG DỤNG**

**I. LÍ THUYẾT**

**1.** Từ Hán Việt là những từ Việt vay mượn của tiếng Hán, những từ này đã được Việt hóa trong cách phát âm cho phù hợp với hệ thống ngữ âm của tiếng Việt. Ví dụ, có thể đối chiếu cách đọc một số từ theo âm Hán (đời Đường) và âm Hán – Việt (đã được Việt hóa) như sau: (đối chiếu theo chiều dọc)

+ Âm Hán: *tung; xung; cung; xiung; phâng…*

+ Âm Hán Việt: *đông;tống; cung; hùng; phong…*

=> Từ Hán Việt chiếm tỉ lệ cao trong từ vựng tiếng Việt và có tần số xuất hiện rất lớn trong thực tiễn ngôn ngữ, nhất là trong các văn bản viết. Vì vậy, từ Hán Việt có vị trí, vai trò rất quan trọng. Tài liệu của Nhung tây

**2.** Phần lớn các từ Hán Việt có từ hai tiếng trở lên. Các tiếng dùng để cấu tạo từ Hán Việt gọi là các yếu tố Hán Việt. Có rất nhiều yếu tố Hán Việt đa nghĩa hoặc đồng âm. Do đó, cần hết sức lưu ý tìm hiểu kĩ nghĩa của yếu tố Hán Việt. Có hiểu đúng nghĩa của yếu tố Hán Việt mới nắm được nghĩa của từ Hán Việt.

**3.** Giống như từ ghép thuần Việt, từ ghép Hán Việt cũng có loại từ ghép đẳng lập, ví dụ: *giang sơn, sơn hà, quốc gia*… và từ ghép chính phụ, ví dụ : *quốc kì, ái quốc, cường quốc…*

Về trật tự các yếu tố trong từ ghép chính phụ Hán Việt:

+ Có trường hợp giống với trật tự các tiếng trong từ ghép thuần Việt (yếu tố chính đứng trước, yếu tố phụ đứng sau), ví dụ : *hữu ích, phát thanh, bảo mật, phòng hoả…*

+ Có trường hợp ngược với trật tự các tiếng trong từ ghép chính phụ thuần Việt (yếu tố phụ đứng trước, yếu tố chính đứng sau), ví dụ : *thi nhân, đại thắng, tân binh…*

**4.** Nghĩa của các từ ghép Hán Việt

- Đa số từ Hán Việt là từ ghép và các thành ngữ Hán Việt thường hình thành theo phương thức hợp kết, hợp nghĩa và có thể “chiết tự” (tách nghĩa của từng tiếng trong từ ghép hoặc thành ngữ) để hiểu rõ nghĩa của những từ ghép, thành ngữ này.

Ví dụ:

1. Giang sơn: giang là sông, sơn là núi.

2. Phi cơ: phi là bay, cơ là máy.

3. Hải phận: hải là biển, phận là vùng hoặc khu vực.

4. Hải đăng: hải là biển, đăng là đèn.

**\* Chú ý:**

- Khi dùng biện pháp “chiết tự” để tìm hiểu nghĩa của các từ ghép Hán Việt, cần chú ý các điều sau:

a. Biện pháp này chỉ có tác dụng đối với những từ ghép Hán Việt mà nghĩa gốc của từng hình vị Hán Việt (trong từ ghép) còn rõ ràng, dễ nhận biết và việc hiểu nghĩa gốc của các hình vị Hán Việt này có tác dụng giúp ta hiểu được nghĩa chung của cả từ ghép Hán Việt. Ví dụ: từ hỏa xa (xe lửa); ái quốc (yêu nước); danh ca (ca sĩ nổi tiếng)….

b. Đối với các từ ghép Hán Việt mà nghĩa gốc của các hình vị Hán Việt (trong từ ghép đó) bị mờ đi, không rõ ràng, không dễ phân biệt (Ví dụ: tận tụy, tần tảo, náo nhiệt, cường điệu, tráng kiện, giai thoại…) hoặc đối với những từ mà nghĩa gốc của các hình vị không giúp ta hiểu đúng, hiểu chính xác nghĩa chung của cả từ ghép, thì không nên dùng biện pháp “chiết tự”.

Ví dụ: Gia nhân 🡪 người làm, người giúp việc trong nhà, chứ không phải là “người nhà” (gia: nhà; nhân: người).

**5. Sử dụng từ Hán Việt**

 - Sử dụng từ ngữ Hán Việt có tác dụng tạo sắc thái trang trọng, thể hiện thái độ tôn kính. Từ ngữ Hán Việt còn có tác dụng tạo sắc thái trang nhã, tránh được cảm giác thô tục, ghê sợ.

 - Nhiều từ ngữ Hán Việt có các từ ngữ thuần Việt tương đương về ý nghĩa nhưng sắc thái ý nghĩa và phạm vi sử dụng của chúng rất khác nhau. Cần lưu ý lựa chọn từ ngữ Hán Việt và từ ngữ thuần Việt đúng phạm vi giao tiếp, tránh nhầm lẫn. Ví dụ: *Ngoài sân, trẻ em đang vui đùa*. (không dùng *nhi đồng*)

- Khi viết, nói về những sự kiện lịch sử xa xưa, cần sử dụng các từ ngữ Hán Việt tạo sắc thái cổ cho phù hợp. Ví dụ, nhà thơ Tố Hữu, khi nói về truyền thống lịch sử của dân tộc, đã dùng những từ ngữ Hán Việt để tạo sắc thái trang trọng, cổ xưa:

*Cảm ơn Đảng đã cho ta dòng sữa*

*Bốn nghìn năm chan chứa ân tình!*

*Lấy****nhân nghĩa****thắng****hung tàn****,****bạo chúa***

*Kiếp****nô tì****vùng dậy chém****nghê kình****.*

**6. Cách xác định nhanh nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt**

- Tách từng từ đó ra thành các yếu tố riêng biệt để xem xét

- Tập hợp những từ đã biết có một trong các yếu tố của từ được tách ở trên và xếp chúng vào các nhóm khác nhau.

- Dựa vào nghĩa chung của một vài từ đã biết trong mỗi nhóm để suy ra nghĩa của từng yếu tố, từ đó, bước đầu xác định nghĩa của từ có yếu tố Hán Việt muốn tìm hiểu.

- Dựa vaò nghĩa chung của một vài từ đã biết trong nhóm để suy ra nghĩa của từng yếu tố, từ đó bước đầu xác định nghĩa của từ có yếu tố Hán Việt muốn tìm hiểu.

**II. CÁC DẠNG BÀI TẬP**

**Bài 1.**Tìm các từ ghép có các yếu tố sau:

- *Hoa (1)*: cơ quan sinh sản của cây, thường có hương thơm và màu sắc;

- *Hoa (2)*: đẹp

- *Thiên (1)*: trời

- *Thiên (2)*: nghìn

- *Thiên (3)*: lệch.

- *Thiện (1)*: lành, tốt

- *Thiện (2)*: khéo, giỏi.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Bài 1*.***Bài tập này cho trước các nghĩa của các yếu tố Hán Việt, dựa theo các nghĩa đó để tìm từ. Lưu ý từ phải chứa yếu tố Hán Việt đúng với nghĩa đã cho. Ví dụ :

***Hoa 1****: hoa quả, hương hoa… ;****Hoa 2****: hoa mĩ, tinh hoa, hoa lệ…*

**Bài 2.**Sắp xếp các từ: tham lam, tham dự, tham quan, tham vọng, tham chiến theo các nhóm dựa vào các nghĩa khác nhau của yếu tố tham. Giải nghĩa yếu tố tham trong mỗi nhóm từ đó.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Bài 2*.***Giải nghĩa yếu tố tham trong từng từ để rút ra các ý nghĩa chung của yếu tố tham, theo đó mà sắp xếp chúng thành nhóm. Ví dụ :

*Tham1*(ham thích quá đáng, quá lớn): *tham lam, tham vọng*

*Tham2* (dự phần, góp phần): *tham dự, tham quan, tham chiến.*

**Bài 3.**Điền các từ ngữ Hán Việt: thành tích, thành tựu, thành quả, hiệu quả, kết quả, nguyện vọng, hi vọng vào chỗ trống trong các câu sau cho thích hợp :

*a. Nhân dân ta đã đạt được nhiều… trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.*

*b. Nhà trường đã khen thưởng các em học sinh có… học tập tốt.*

*c. Nhân dân Việt Nam cương quyết bảo vệ các… của cách mạng.*

*d. Chúng tôi đã dùng nhiều biện pháp kĩ thuật đối với khu đất này, nhưng đến nay vẫn chưa có…*

*đ. Có chăm chỉ học tập thì… học tập mới cao.*

*e. Bác Hồ suốt đời ôm ấp một… là nước nhà được độc lập, thống nhất, nhân dân được no ấm, tự do.*

*g. Con ngoan ngoãn, chăm chỉ, mẹ… nhiều ở con.*

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Bài 3.**Tìm hiểu nghĩa của các từ: *thành tích, thành tựu, thành quả, hiệu quả, kết quả, nguyện vọng, hi vọng* (nên dựa vào các từ điển để tìm hiểu cho chính xác). Tham khảo cách giải nghĩa sau :

- *Thành tích*: kết quả được đánh giá là tốt do nỗ lực mà đạt được. *Thành tích công tác.*

- *Thành tựu*: cái đạt được có ý nghĩa lớn sau một quá trình hoạt động thành công. *Thành tựu khoa học*.

- *Hiệu quả*: kết quả như yêu cầu của việc làm mang lại. *Hiệu quả kinh tế*.

- *Thành quả*: kết quả quý giá đạt được của cả một quá trình hoạt động, đấu tranh. *Thành quả cách mạng.*

- *Kết quả*: cái đạt được, thu được trong một công việc hoặc một quá trình tiến triển sự việc. *Kết quả học tập*.

- *Nguyện vọng*: điều mong muốn. *Nguyện vọng chính đáng.*

- *Hi vọng*: tin tưởng và mong chờ. *Hi vọng có ngày gặp lại.*

- Sau khi tìm hiểu nghĩa của từng từ, lựa chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống. Có thể điền như sau:

*a) thành tựu; b) thành tích; c) thành quả; d) hiệu quả; đ) kết quả; e) nguyện vọng; g) hi vọng*

**Bài 4.**Phân biệt nghĩa của các cặp từ sau và đặt với mỗi từ một câu.

*a) nồng nhiệt – nồng hậu*

*b) khẩn cấp – khẩn trương.*

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Bài 4.**Dựa vào từ điển để giải nghĩa các từ đã cho.

Tham khảo các câu sau :

*- Chúng tôi cám ơn sự đón tiếp****nồng nhiệt****của các bạn.*

*- Anh là con người****nồng hậu****.*

*- Tình hình rất****khẩn cấp****, chúng ta phải chuẩn bị đối phó.*

*- Chúng ta phải****khẩn trương****triển khai kế hoạch.*

**Bài 5.**Có bạn giải thích nghĩa của từ *yếu điểm* là “điểm chưa tốt, dưới trung bình, cần phải khắc phục”.

          Theo em, giải thích như thế đúng hay sai ? Tại sao ?

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Bài 5*.***HS tự tìm hiểu nghĩa của từ *yếu điểm*. Lưu ý đến trật tự của yếu tố chính và yếu tố phụ. Trật tự đó có phải là trật tự của từ ghép thuần Việt không? Nghĩa của từng yếu tố trong từ đó hiểu theo nghĩa thuần Việt có được không?

🡪 Yếu điểm: Điểm quan trọng, trọng yếu.

**Bài 6.**Phân biệt nghĩa và cách dùng các cặp từ ngữ Hán Việt sau :

*a) cố chủ tịch – cựu chủ tịch*

*b) cương quyết – kiên quyết.*

**Bài 6.**Học sinh tìm hiểu nghĩa của từng từ trong cặp từ (nên dựa vào từ điển). So sánh để tìm ra sự khác nhau giữa chúng về nghĩa và cách sử dụng.

a) *cố chủ tịch* (*cố*: đã qua đời): vị chủ tịch đã chết.

- C*ựu chủ tịch* (*cựu*: cũ): vị chủ tịch trước.

b) *cương quyết (cương*: cứng, cứng rắn: *quyết*: nhất định): giữ vững ý định quyết không thay đổi.

*- Kiên quyết (kiên*: tỏ ra: *quyết*: bền bỉ): quyết tâm làm bằng được điều đã định, dù gặp trở ngại cũng không thay đổi.

  Hai từ *cương quyết* và *kiên quyết* khác nhau về sắc thái ý nghĩa: *cương* *quyết* bộc lộ sự dứt khoát, cứng rắn trong việc quyết định thái độ, hành động (có thể nói: Đối với địch phải *cương quyết* mà không dùng *kiên quyết*) *kiên quyết* bộc lộ ý chí bền bỉ, không gì lay chuyển trong việc thực hiện mục tiêu (có thể nói: *Kiên quyết* đập tan mọi âm mưu của địch mà không dùng *cương quyết*).

**Bài 7.**Phân biệt nghĩa của các cặp từ sau đây:

*a. giáo viên – thầy giáo*

*b. độc giả – người đọc*

*c. thính giả – người nghe*

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Bài 7*.***Dựa vào từ điển để giải thích và phân biệt nghĩa của từ trong mỗi cặp. Tham khảo cách phân biệt như sau:

a. - *giáo viên*: người dạy học ở bậc phổ thông hoặc tương đương.

- *thầy giáo*: người đàn ông làm nghề dạy học, cũng chỉ người làm nghề dạy học nói chung.

Như vậy, phạm vi sử dụng của từ *thầy giáo* rộng hơn.

b. - *độc giả*: người đọc sách báo, trong quan hệ với tác giả, nhà xuất bản, cơ quan báo chí, thư viện.

- *người đọc*: phạm vi rộng hơn *độc giả* (chỉ người đọc nói chung).

c. - *thính giả*: người nghe biểu diễn ca nhạc hoặc diễn thuyết…

 - *người nghe*: phạm vi rộng hơn *thính giả* (chỉ người nghe nói chung).

**Bài 8. Đọc bài thơ sau:**

**CHIỀU HÔM NHỚ NHÀ**

*Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn,  
Tiếng ốc xa đưa vẳng trống đồn.  
Gác mái, ngư ông về viễn phố,  
Gõ sừng, mục tử lại cô thôn.  
Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi,  
Dặm liễu sương sa khách bước dồn.  
Kẻ chốn Chương Đài, người lữ thứ,  
Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn?*

*(Bà Huyện Thanh Quan)*

**a**. Tìm các từ Hán Việt có trong bài thơ trên? Giải thích nghĩa của các từ vừa tìm được?

**b.** Các từ Hán Việt ấy tạo sắc thái biểu cảm gì cho bài thơ?

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Bài 8.**

**a. Các từ Hán Việt trong đoạn thơ và giải nghĩa:**

**-** Hoàng hôn: lúc mặt trời vừa lặn, ánh sáng vàng (hoặc đỏ) và mờ dần.

- Ngư ông: người làm nghề đánh cá.

- Mục tử: chỉ đứa trẻ làm công việc chăn gia súc (trâu, bò)

- Lữ thứ: chỗ tạm nghỉ lại của người đi đường xa, thường chỉ nhà trọ, quán nghỉ.

- Hàn ôn: lạnh và ấm, chỉ sự chuyện trò hỏi thăm nhau ghi gặp lại.

b. Các từ Hán Việt này tạo sắc thái trang trọng, cổ kính cho bài thơ, khiến bài thơ phù hợp để diễn tả những nỗi niềm hoài cổ, u hoài trong thơ của Bà Huyện Thanh Quan.

**Bài 9. Đọc câu thơ sau:**

*Hồn tử sĩ gió ù ù thổi*

*Mặt chinh phu trăng dõi dõi soi.*

(*Chinh phụ ngâm*)

**a**. Xác định từ Hán Việt trong câu thơ.

**b.** Tìm các từ khác có tiếng *tử*, tiếng *sĩ*, tiếng *chinh*, tiếng *phu* cùng nghĩa với các tiếng tương ứng trong câu thơ.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Bài 9.**Trong hai câu thơ của *Chinh phụ ngâm*, có hai từ Hán Việt rõ nhất là:

- *tử sĩ*: người lính bị chết trong chiến trận.

- *chinh phu*: người đàn ông đi ra trận thời phong kiến.

Một số từ có:

- *tiếng tử* (chết): *tử trận, tử vong, tử thần, tử thi, tử thủ,…*

- tiếng sĩ (lính): *sĩ tốt, sĩ quan, tướng sĩ, liệt sĩ, dũng sĩ, quân sĩ,…*

- tiếng chinh (đánh trận): *chinh chiến, chinh phụ, chinh phục, chinh phạt, chinh an,…*

- tiếng phu (đàn ông): *phu quân, phu thê, sĩ phu,…*

**Bài 10.**Tìm 3 từ Hán Việt có sắc thái trang trọng, và 3 từ thuần Việt có nghĩa tương đương. Đặt với mỗi từ một câu để thấy sự khác nhau trong cách sử dụng.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Bài 10*.***Tham khảo các câu sau :

*-****Thi hài****ông đang quàn tại nhà tang lễ. (xác chết)*

*- Chúng ta****chiến đấu****vì độc lập, tự do của Tổ quốc. (đánh nhau)*

*- Tổng thống nước Pháp và****phu nhân****sang thăm Việt Nam. (vợ)*

**Bài 11.**

a. Nhận xét về cách dùng các từ Hán Việt in đậm trong các câu sau:

*- Trong cuộc chạy đua ma-ra-tông hôm ấy, vận động viên Nguyễn Thành Nam****lạc hậu****rất xa. Nhưng anh vẫn cố gắng chạy về đích.*

*- Buổi dạ hội cuối năm thật vui vẻ. Các chàng trai, cô gái mặc những bộ quần áo****tối tân****nhất, đẹp nhất.*

*- Công viên vừa mua về một con thú mới. Người đến xem rất đông. Các****khán giả****đều trầm trồ khen con thú đẹp.*

b. Đặt với mỗi từ sau một câu: lạc hậu, tối tân, khán giả.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Bài 11*.***a. *Lạc hậu* có nghĩa : “bị rớt lại phía sau, không theo kịp sự tiến bộ, phát triển chung của xã hội”, ví dụ : *nền kinh tế lạc hậu, kĩ thuật lạc hậu*,… hoặc có nghĩa : “đã cũ, không thích hợp với điều kiện, hoàn cảnh mới”, ví dụ : *tư tưởng lạc hậu, thông tin lạc hậu*… Lạc hậu không dùng với nghĩa “bị rớt lại phía sau trong các cuộc đua xe đạp, chạy thi…”.

- *Tối tân* có nghĩa “mới nhất” nhưng thường chỉ dùng cho vũ khí hoặc thiết bị với sắc thái nghĩa “hiện đại nhất, tiến tiến nhất”.

- *Khán giả* có nghĩa “người xem” nhưng không phải người xem nói chung mà chỉ người xem các chương trình biểu diễn.

b. Dựa vào ý nghĩa của các từ *lạc hậu, tối tân*, *khán giả*, Học sinh tự đặt câu cho đúng.

**Bài 12.**Đọc đoạn văn sau:

- Hoài Văn Hầu làm trái phép nước, tội ấy đáng lẽ không dung. Nhưng Hoài Văn còn trẻ, tình cũng đáng thương, lại biết lo cho vua, cho nước, chí ấy đáng trọng.

- Vua ***truyền*** cho hai chú cháu đứng dậy và nói tiếp…

*(Nguyễn Huy Tưởng)*

Hãy giải thích nghĩa của các từ dung, truyền. Hai từ này góp phần tạo sắc thái gì cho đoạn văn?

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Bài 12*.****Dung*: tha thứ ; *Truyền*: ra lệnh.

=>Hai từ này góp phần tạo sắc thái trang nghiêm, cổ xưa cho đoạn văn.

**Bài 13. Trong hai câu văn sau đây, những từ nào là từ Hán Việt? Hãy tìm hiểu nghĩa của chúng.**

*“Hiền tài là nguyên khí của quốc gia”, nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh, rồi lên cao, nguyên khí suy thì thế nước yếu, rồi xuống thấp. Vì vậy các đấng thánh đế minh vương chẳng ai không lấy việc bồi dưỡng nhân tài, kén chọn kẻ sĩ, vun trồng nguyên khí làm việc đầu tiên.*

(Thân Nhân Trung, *Hiền tài là nguyên khí của quốc gia*)

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Bài 13.**Những từ Hán Việt trong hai câu văn và nghĩa của chúng là:

- *Nguyên khí*: khí chất ban đầu tạo nên sự sống còn và phát triển của sự vật.

- *Quốc gia*: đất nước.

- *Thịnh*: phát triển tốt đẹp.

- *Thế*: tổng thể các mối tương quan tạo thành điều kiện chung cho sự vật, hiện tượng.

- *Suy*: yếu, không phát triển.

- *Thánh đế*: vua tài năng.

- *Minh vương*: chúa sáng suốt.

- *Bồi dưỡng*: làm cho tăng cường sức lực, trí lực hay phẩm chất.

- *Nhân tài*: người tài giỏi.

- *Sĩ*: người trí thức thời phong kiến.

**Bài 14.**Cái thú vị của vế đối sau (chưa có vế đối lại) là dùng một số từ Hán Việt và từ (hay cụm từ) thuần Việt tương đương về nghĩa. Hãy tìm và giải nghĩa những từ (cụm từ) đó :

*“Cha con thầy thuốc về làng, quảy một gánh hồi hương phụ tử.”*

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Bài 14.**Vế câu đối này nói về cha con thầy thuốc (đông y) nên có dùng hai từ chỉ các vị thuốc: *hồi hương, phụ tử*. Nhưng hai từ này còn có từ đồng âm: *hồi hương* là *về quê*, *phụ tử* là *cha con*.

**BÀI 11: ÔN TẬP TIẾNG VIỆT THUẬT NGỮ**

**BIỆN PHÁP LIÊN KẾT VÀ TỪ LIÊN KẾT**

### **I. LÍ THUYẾT**

### **1. Khái niệm thuật ngữ**

**a. Khái niệm**: Thuật ngữ được đề cập khá rõ ràng, cụ thể ở trong sách giáo khoa ngữ văn 9 đó là: các từ vựng biểu thị các khái niệm trong một số lĩnh vực như khoa học, công nghệ. Thuật ngữ đặc thù riêng và không thể thiếu trong lĩnh vực khoa học, công nghệ.

Ví dụ:

- Các định nghĩa về Lực là gì, thế nào là trọng lực, Lực ma sát… là các khái niệm trong Vật Lý

- Các khái niệm trong địa lý như: Xâm thực, Dân số, Cơ cấu…

### b. Đặc điểm của thuật ngữ

- Thuật ngữ ít được sử dụng, chúng cũng không có tính phổ biến.

- Mỗi thuật ngữ chỉ biểu thị cho 1 khái niệm và mỗi khái niệm chỉ diễn tả cho 1 thuật ngữ.

- Các thuật ngữ không bị thay đổi ở các ngôn ngữ khác nhau, có nghĩa là thuật ngữ mang tính quốc tế.

- Không như các từ khác, thuật ngữ không mang sắc thái biểu cảm.

### **Xây dựng thuật ngữ thế nào?**

Các thuật ngữ đều có những quy tắc riêng đảm bảo sự chính xác, duy nhất trong các ngành nghề khoa học, công nghệ.

- Tính chính xác: 1 thuật ngữ sẽ biểu thị cho 1 khái niệm duy nhất, vì vậy sẽ không có sự đồng âm, nhiều nghĩa.

- Tính quốc tế: các thuật ngữ có thể sử dụng ở bất kì đâu trên thế giới, đơn giản vì thuật ngữ có tính quốc tế.

- Tính hệ thống:

+ Nội dung: 1 thuật ngữ tương ứng với 1 khái niệm, chúng còn có quan hệ với thuật ngữ khác.

+ Hình thức: Phải có kết cấu hoàn chỉnh (ví dụ từ loại một nghĩa, dấu câu chuẩn)

### Các lưu ý:

- Mặc dù mang ý nghĩa đặc biệt và tính khoa học, nhưng nó vẫn nằm trong hệ thống ngôn ngữ chung, vì vậy có vốn từ vựng chung và có thể chuyển hóa qua lại với các lớp nghĩa khác.

- Thường thì thuật ngữ chỉ dùng trong các ngành đặc thù nhưng vẫn có nhưng thuật ngữ được sử dụng rộng rãi, phổ biến. Và cũng có những từ ngữ đang dùng trong cuộc sống hàng ngày trở thành thuật ngữ.

Ví dụ:

+ Com-pu-ter hay internet là những thuật ngữ trong ngành công nghệ thông tin nhưng lại được sử dụng phổ biến trong cuộc sống hàng ngày.

+ Các từ thông thường trong ngôn ngữ hàng ngày như nước, muối, không khí lại được đưa vào như một thuật ngữ trong ngành hóa học.

- Không phải một thuật ngữ chỉ dùng cho một lĩnh vực, mà còn có thể dùng cho nhiều ngành khác nhau. Thậm chí là có thể mượn thuật ngữ của một ngành khác để biểu thị một định nghĩa mới.

Ví dụ: Vi-rút là thuật ngữ dùng trong ngành sinh học chỉ một dạng cá thể sống gây bệnh. Ngoài ra nó còn được dùng trong tin học chỉ những chương trình hay mã đoạn lây nhiễm từ ổ, file…

- Thuật ngữ yêu cầu tính chính xác phải tuyệt đối cao nên cần lưu ý khi sử dụng, phải nắm được khái niệm trong từng lĩnh vực cụ thể, tránh gây nhầm lẫn, khó hiểu.

### **Các ví dụ về thuật ngữ**

Học sinh có thể tìm thêm nhiều hơn các ví dụ về thuật ngữ trong sách giáo khoa, sách tham khảo. Một vài ví dụ như sau:

[Hoán dụ](https://dafulbrightteachers.org/hoan-du-la-gi-lay-vi-du/) được định nghĩa là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác, giữa chúng có mối quan hệ hoặc có điểm tương đồng với nhau với mục đích giúp cho sự biểu đạt, diễn tả cảm xúc tốt hơn.

=> Hoán dụ là thuật ngữ trong môn Ngữ Văn.

Axit là các hợp chất hóa học có thể hòa tan trong nước, axit có đặc trưng bởi vị chua, viết công thức tổng quát là HxA.

=> Axit thuật ngữ môn Hóa học.

Số thực bao gồm tập hợp các số vô tỉ với tập hợp số hữu tỉ.

=> Số thực là thuật ngữ môn toán học.

Xentimét là đơn vị đo khoảng cách thường dùng, 1 xentimet  bằng 1/100 mét.

Xentimet là thuật ngữ toán học.

**2. Biện pháp liên kết và từ liên kết**

**a. Khái niệm liên kết**

- Văn bản không phải là một phép cộng đơn thuần của các câu. Giữa các câu trong văn bản có những sợi dây liên hệ chặt chẽ. Những sợi dây liên hệ đó kéo dài từ câu nọ sang câu kia tạo nên một mạng lưới dày đặc, trong đó mỗi câu riêng biệt gắn bó chặt chẽ với những câu còn lại. Mạng lưới các mối liên hệ giữa các câu trong một văn bản như thế gọi là tính liên kết của nó.

- Liên kết là quan hệ giữa hai yếu tố ngôn ngữ mà muốn hiểu nghĩa cụ thể của yếu tố này thì phải tham khảo nghĩa của yếu tố kia, và trên cơ sở đó hai câu chứa chúng liên kết được với nhau.

Các đoạn văn trong một văn bản cũng như các câu trong một đoạn văn phải liên kết chặt chẽ với nhau về mặt nội dung (phục vụ chủ đề chung của văn bản hay đoạn văn - liên kết chủ đề) và hình thức (phải được sắp xếp theo một trình tự hợp lí - liên kết lô-gíc).

**II. Một số biện pháp liên kết chủ yếu**

Các câu và các đoạn văn có thể được liên kết với nhau bằng một số biện pháp chủ yếu sau:

**1. Phép lặp từ ngữ**: Là việc lặp lại ở câu đứng sau từ ngữ đã có ở câu trước.

Ví dụ:

Tiếng hát của các em lan trên các cánh đồng bay theo gió. Tiếng hát trong như những giọt sương trên bờ cỏ.

*(Nguyễn Thị Ngọc Tú, Buổi sáng)*

- Phép đồng nghĩa, trái nghĩa và liên tưởng: là việc sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ đồng nghĩa, trái nghĩa cùng trường liên tưởng với từ ngữ đã có ỏ câu trước.

Ví dụ: Phép đồng nghĩa:

Nó (ngôn ngữ) là cái “cây vàng” trong câu thơ của Gớt; câu mà Lê-nin rất thích, và tôi cũng rất thích. Nhà thơ lớn của nhân dân Đức đã viết: “Mọi lí thuyết, bạn ơi, là màu xám. Nhưng cây vàng của cuộc sống mãi mãi xanh tươi

*(Phạm Văn Đồng, Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt).*

Ví dụ: Phép trái nghĩa:

Con chó của anh chưa phải nhịn bữa nào. Nhưng xác người chết đói ngập phố phường.

*(Nam Cao, Đôi mắt)*

Ví dụ: Phép liên tưởng:

Mưa vẫn ồ ạt như vỡ bờ đập. Anh chớp loé lên soi rõ khuôn mặt anh trong một giây.

*(Nguyễn Kiên, Anh Keng)*

Người ta không dắt Nghiêu về đơn vị mà dẫn anh đến trạm xá y sĩ Hoàng xem xét vết thương kĩ lưỡng.

*(Nguyễn Trung Thành, Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc)*

**2. Phép thế**: Là việc sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ có tác dụng thay thế từ ngữ đã có ở câu trước.

Ví dụ:

+ Chín giờ có chuyên tàu ở Hà Nội đi qua huyện. Đó là sự hoạt động cuối cùng của đêm khuya.

*(Thạch Lam, Hai đứa trẻ)*

+ Nước ta là một nước văn hiến – Ai củng bảọ thế.

*(Nguyễn Công Hoan, Công dụng của cái miệng)*

**3. Phép nối**: Là việc sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ biểu thị quan hệ với câu trước.

Ví dụ:

+ Hai mụ Bọ Muỗm cứ vừa đánh, vừa kêu, làm cho họ nhà Bọ Muỗm ở gần đấy nghe tiếng. Thế là, cả một bọn Muỗm lốc nhốc chạy ra,

*(Tô Hoài, Dế Mèn phiêu lưu kí)*

+ Cách mạng tiến lên mãi, Đảng tiến lên mãi, cho nên người cách mạng củng phải tiến lên mãi.

*(Hồ Chí Minh, Đạo đức cách mạng)*

## II. LUYỆN TẬP

## Bài 1: Tìm các thuật ngữ và sắp xếp vào các lĩnh vực cụ thể:

- Lĩnh vực văn học: Cốt truyện, từ láy, từ cảm thán, hoán dụ…

- Lĩnh vực sinh học: di truyền, biến dị, đột biến gen…

- Lĩnh vực địa lý: Dân số, Xâm thực, bức xạ mặt trời…

- Lĩnh vực Toán học: phương trình, góc phân giác, tam giác đều…

- Lĩnh vực Vật lý: Am-pe kế, lực Ác-si-mét, Tốc độ, Gia tốc…

**Bài 2:** Tìm một số thuật ngữ mô phỏng thuật ngữ nước ngoài hoặc mượn nguyên thuật ngữ nước ngoài

- Thuật ngữ mô phỏng nước ngoài:

+ Sofeware: phần mềm => trong lĩnh vực tin học

+ Sufixe: Hậu tố => trong lĩnh vực Ngữ Văn

+ Ultrasound: Siêu âm => trong lĩnh vực y học

- Thuật ngữ mượn nguyên nước ngoài: calci, sulfure (trong hóa học); Calxium, axit amin (trong sinh học)…

**Bài 3.** Vận dụng kiến thức đã học ở các môn Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lí, Toán học, Sinh học, Vật lý, Hóa học để tìm thuật ngữ thích hợp vào mỗi chỗ trống. Cho biết mỗi thuật ngữ vừa tìm được thuộc thuật ngữ khoa học nào?

**Gợi ý trả lời**

- Lực: tác dụng đẩy kéo của vật này lên vật khác

- Xâm thực: quá trình phá hủy lớp đất đá phủ trên mặt đất do các tác nhân như gió, sóng biển, băng hà, nước chảy…

- Hiện tượng hóa học: hiện tượng sinh ra chất mới

- Di chỉ: dấu vết người xưa đã cư trú và sinh sống

- Thu phấn: hiện tượng hạt tiếp xúc với nhị hoa

- Lưu lượng: lượng nước chảy qua mặt cắt ngang lòng sông ở một điểm nào đó, trong một giây đồng hồ

- Trọng lực: lực hút của trái đất

- Khí áp: sức nén của khí quyển lên bề mặt trái đất

- Thị tộc phụ hệ: dòng họ trong đó người đàn ông có quyền hơn người phụ nữ

- Đường trung trực: đường thẳng vuông góc với đoạn thẳng tại điểm giữa đoạn ấy

**Bài 4.** Căn cứ vào cách xác định của sinh học, hãy định nghĩa thuật ngữ cá. Có gì khác nhau giữa nghĩa của thuật ngữ này với nghĩa của từ cá theo cách hiểu thông thường của người Việt.

- Cá: là những động vật có dây sống, phần lớn là ngoại nhiệt (máu lạnh), có mang (một số có phổi) và sống dưới nước.

- Trong cách hiểu thông thường của người Việt: Cá (cá sấu, cá voi, cá heo) đều không thở bằng mang nhưng vẫn được gọi là cá. Cách hiểu này không chặt chẽ như trong thuật ngữ.

**Bài 5.**

Sắp xếp thuật ngữ sau vào các lĩnh vực tương ứng: từ ghép, phương trình, truyện cổ tích, động vật, cách mạng, đồng bằng, mặt trận, hình vuông, loài, sinh sản, đại số, số từ, đất liền, vô sản, phương trình, hữu cơ, chiến tranh, kháng chiến, tiểu thuyết, khí hậu, sáng tác, tế bào.

- Ngữ văn

- Lịch sử

- Toán học

- Sinh học

- Địa lí

**Gợi ý trả lời:**

- Ngữ văn: từ ghép, truyện cổ tích, số từ, tiểu thuyết, sáng tác

- Lịch sử: cách mạng, mặt trận, chiến tranh, kháng chiến, cách mạng vô sản

- Toán học: phương trình, hình vuông, đại số

- Sinh học: động vật, loài, sinh sản, hữu cơ, tế bào

- Địa lí: đồng bằng, đất liền, khí hậu

**Bài 6.** Điền các thuật ngữ thích hợp vào chỗ trống. Cho biết mỗi thuật ngữ vừa tìm được thuộc lĩnh vực khoa học nào.

a) /…/ là một phản ứng có toả nhiệt và phát ra ánh súng.

b) /…/ là những từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau.

c) /…/ là thiên thể nóng súng, ở xa Trái Đất, là nguồn chiếu sủng vù sưởi ấm chủ yếu cho Trái Đất.

d) /…/ là bộ phận đất liền nhô ra biển hoặc đại dương, có ba mặt tiếp giáp với nước, còn một mặt gắn với lục địa.

e) /…/ là chất chiếm tỉ lệ lớn trong một dung dịch, có khả năng hoà tan chất khác để tạo thành dung dịch .

f) /…/ là những đặc tính cụ thể về hình thái, sinh lí, hoá sinh của cá thê sinh vật cùng loài hoặc cùng thứ với nhau.

g) /…/ là sự truyền nhiệt năng từ phần này sang phần khác của một vật hoặc từ vật này sang vật khác.

h) /…/ là bộ phận của cây, thường mọc ở cành hay thân và thường có hình dẹt, màu lục, cố vai trò chủ yếu trong việc tạo ra chất hữu cơ nuôi cây.

**Gợi ý trả lời**

**Bài 6.** Cần vận dụng những hiểu biết về các môn Ngữ văn, Vật lí, Hoá học, Địa lí, Sinh học,… để điền các thuật ngữ thích hợp vào chỗ trống, sau đó cho biết mỗi thuật ngữ vừa tìm được thuộc lĩnh vực khoa học nào. Ví dụ:

a. Cháy là một phản ứng cố toả nhiệt và phát ra ánh súng. (Hoá học)

b. Từ đồng nghĩa /…/ ì à những từ cố nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau. (Ngữ văn)

c. Mặt trời là thiên thê nóng sáng, ở xa Trái Đất, là nguồn chiểu sáng và sưởi ấm chủ yếu cho Trái Đất. (Địa lí)

d. Bán đảo là bộ phận đất liền nhô ra biển hoặc đại dương, có ba mặt tiếp giáp với nước, còn một mặt gắn với lục địa. (Địa lí)

e. Dung môi là chất chiếm tỉ lệ lớn trong một dung dịch, có khả năng hợà tan chất khác để tạo thành dung dịch. (Hoá học)

f. Tính trạng là những đặc tính cụ thể về hình thái, sinh lí, hoá sinh của cá thể sinh vật cùng loài hoặc cùng thứ với nhau. (Sinh học)

g. Sự dẫn nhiệt là sự truyền nhiệt năng từ phần này sang phần khác của một vật hoặc từ vật này sang vật khác. (Vật lí)

h. Lá là bộ phận của cây, thường mọc ở cành hay thân và thường có hình dẹt, màu lục, có vai trò chủ yếu trong việc tao ra chất hữu cơ nuôi cây.

**CHUYÊN ĐỀ 3: ÔN TẬP PHẦN TẬP LÀM VĂN**

**BÀI 1: RÈN KĨ NĂNG VIẾT KỂ LẠI MỘT SỰ VIỆC CÓ THẬT LIÊN QUAN ĐẾN NHÂN VẬT HOẶC SỰ KIỆN LỊCH SỬ**

**DÀN Ý THAM KHẢO**

**1. Mở bài:**

+ Nêu được sự việc có thật liên quan đến nhân vật, sự kiện lịch sử mà văn bản sẽ thuật lại

+ Nêu lí do hay hoàn cảnh người viết thu thập tư liệu liên quan

**2. Thân bài**:

Gợi lại bối cảnh, câu chuyện, dấu tích liên quan đến nhân vật, sự kiện

+ Câu chuyện, huyền thoại liên quan đến nhân vật, sự kiện

+ Dấu tích liên quan

Thuật lại nội dung/ diễn biến của sự việc có thật liên quan đến nhân vật, sự kiện lịch sử

+ Bắt đầu - diễn biến - kết thúc

+ Sử dụng được một số bằng chứng (tư liệu, trích dẫn,...); kết hợp kể chuyện với miêu tả

Ý nghĩa, tác động của sự việc đối với đời sống hoặc đối với nhận thức về nhân vật/ sự kiện lịch sử

**3. Kết bài:**

- Khẳng định ý nghĩa của sự việc hoặc nêu cảm nhận của người viết về sự việc.

**Tìm hiểu câu chuyện Nhạc sĩ Văn Cao sáng tác bài tiến quân ca SGK trang 34**

**1. Định hướng**

- Văn bản *Nhạc sĩ Văn Cao sáng tác Tiến quân ca* kể lại sự việc bài hát Tiến quân ca ra đời như thế nào, do tác giả Ngọc An tổng hợp lại.

- Sự việc Tiến quân ca ra đời liên quan đến nhạc sĩ Văn Cao và liên quan đến sự kiện lịch sử là đất nước sắp bước sang một thời kì mới, thời kì kháng chiến chống Nhật năm 1945.

- Những câu văn kết hợp yếu tố tự sự với yếu tố miêu tả là:

+ “Tôi chưa được cầm một khẩu súng, chưa được gia nhập đội vũ trang nào, tôi chỉ biết đang làm một bài hát. Tôi chưa được biết chiến khu, chỉ biết những con đường ga, đường Hàng Bông, đường Bờ Hồ theo thói quen.”

+ Nhưng với tất cả lòng nhiệt huyết của chàng trai trẻ yêu nước, trên căn gác nhỏ… Văn Cao thấy mình như đang sống ở một khu rừng nào đó trên kia.

+ Bài hát Tiến quân ca được hàng ngàn người hòa nhịp cất cao tiếng hát trước Quảng trường Nhà hát Lớn. Tài liệu của Nhung tây

+ Bài Tiến quân ca đã nổ ra như một trái bom. Nước mắt tôi trào ra. Xung quanh tôi, hàng ngàn giọng hát cất vang lên theo những đoạn sôi nổi

+ Ở cánh tay áo mọi người, những băng cờ đỏ sao vàng đã thay băng vàng…Anh là người đã buông cờ đỏ sao trên kia và xuống cướp loa phóng thanh hát.

**2. Thực hành**

Chọn một trong hai đề sau:

**Đề 1:** Các em đã học và đọc nhiều câu chuyện lịch sử, hãy viết bài văn kể lại sự việc liên quan đến một nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em yêu thích.

**Đề 2:** Dựa vào văn bản ở mục “Định hướng”, em hãy đóng vai nhạc sĩ Văn Cao, viết bài văn kể lại sự ra đời của bài hát “Tiến quân ca”.

**a. Chuẩn bị**

- Xem lại cách viết bài văn kể chuyện với các yếu tố thời gian, địa điểm, nhân vật, sự việc, tình tiết, cốt truyện và ngôi kể, ...

- Đọc lại văn bản Nhạc sĩ Văn Cao sáng tác “Tiến quân ca”.

- Xác định ngôi kể, trình tự kể, ghi chép lại các chi tiết, sự việc, lời nói của các nhân vật cần chú ý từ văn bản đã đọc.

**b. Tìm ý và lập dàn ý**

- Tìm ý cho bài viết bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi sau:

+ Ai là người kể chuyện?

- Nhạc sĩ Văn Cao là người kể chuyện, sử dụng ngôi thứ nhất, xưng tôi.

+ Câu chuyện xảy ra ở đâu, khi nào?

- Câu chuyện xảy ra tại căn gác nhỏ ở phố Nguyễn Thượng Hiền - Hà Nội khi đất nước sắp bước sang thời kì mới: khóa quân chính kháng Nhật sắp mở và cần một bài hát cổ vũ tinh thần. Tài liệu của Nhung tây

+ Trong câu chuyện, có những nhân vật nào?

- Câu chuyện, có những nhân vật: Anh Ph.D, Vũ Quý, Nam Cao

+ Những sự kiện nào liên quan đến sự và đời của bài hát Tiến quân ca?

- Trước khi sáng tác bài hát Tiến quân ca tôi (Nam Cao) không còn khát vọng, ước mơ của tuổi thanh niên, cuộc sống buồn chán và thất vọng. Đúng lúc đó gặp được Vũ Quý thông qua người bạn Ph.D, Vũ Quý giao cho Nam Cao sang tác nghệ thuật.

- Khi viết bài hát Tiến quân ca: tôi chưa cầm súng, chưa ra chiến khu, chưa gặp chiến sĩ nhưng tại căn gác nhỏ tại phố Nguyễn Thượng hiền, tôi đã viết lên những lời ca Tiến quân ca.

- Sau khi bài hát Tiến quân ca ra đời, được công bố, chào đón: lần đầu trong ngày 17-8-1945, khi diễn ra cuộc mít tinh của công chức Hà Nội; Lần thứ hai, trong cuộc mít tinh vào ngày 19-8, hàng ngàn người và các em thiếu nhi cùng hát Tiến quân ca.

+ Người kể có suy nghĩ gì về sự kiện bài hát Tiến quan ca ra đời?

- Bài hát được chọn làm Quốc ca Việt Nam cho đến ngày nay.

- Bài hát là niềm tự hào không phải của riêng tôi mà là của cả dân tộc.

- Lập dàn ý cho bài viết bằng cách lựa chọn, sắp xếp các ý theo bố cục ba phần:

*\*Mở bài*

- Nêu lí do kể chuyện.

- Ví dụ: Ngày nay, bài hát Tiến quân ca đã quá quen thuộc và gần gũi với tất cả mọi người dân Việt Nam vì đó là Quốc ca. Những bài hát đó đã ra đời như thế nào thì không phải ai cũng rõ. Tôi xin kể lại câu chuyện về sự kiện lịch sử ấy.

*\*Thân bài*

Dựa vào câu chuyện Nhạc sĩ Văn Cao sáng tác Tiến quân ca, lần lượt kể lại quá trình sáng tác bài hát đó theo một trình tự nhất định.

+ Tôi trước khi sáng tác bài hát Tiến quân ca ...

+ Tôi khi viết bài hát Tiến quân ca ...

+ Tôi sau khi bài hát Tiến quân ca ra đời, được công bố, chào đón,...

- Bài hát được hát lần đầu trong ngày 17-8-1945, khi diễn ra cuộc mít tinh của công chức Hà Nội. Bài hát Tiến quân ca được hàng ngàn người hoà nhịp cất cao tiếng hát trước Quảng trường Nhà hát Lớn. Những kỉ niệm của buổi hôm đó …

- Lần thứ hai, trong cuộc mít tinh vào ngày 19-8, hàng ngàn người và các em thiếu nhi cùng hát Tiến quân ca. Những kỉ niệm của lần thứ hai ...

*\*Kết bài*

Phát biểu suy nghĩ của người kể lại câu chuyện.

+ Bài hát Tiến quân ca đã ra đời như thế. Sau đó, bài hát được chọn làm Quốc ca Việt Nam cho đến ngày nay.

+ Bài hát là niềm tự hào không phải của riêng tôi mà là của cả dân tộc.

*Dựa vào hướng dẫn trên đây các em có thể lập dàn ý cho đề 1 của riêng mình*

**c. Viết**

**\*Đoạn văn mẫu tham khảo đề 2**

Quốc ca thể hiện khí thế, tinh thần của một dân tộc, một đất nước. Mỗi người dân Việt Nam đều tự hào hát vang Quốc ca trong mỗi sự kiện quan trọng, qua đó thấy được niềm tự hào dân tộc. Hôm nay, tôi sẽ kể cho mọi người nghe về sự ra đời của bài hát Tiến quân ca hay chính là Quốc ca của nước Việt Nam ta.

Tuổi thanh niên là tuổi của ước mơ, của hoài bão khát vọng. Ấy vậy mà tôi lúc ấy không còn khát vọng, ước mơ của tuổi thanh niên, buồn chán và thất vọng bủa vây cuộc đời tôi. Đúng lúc tuyệt vọng nhất tôi gặp được Vũ Quý thông qua người bạn thân Ph.D. Khi gặp Vũ Quý tôi mong muốn được tham gia chiến khu cùng các anh em cầm súng giết giặc. Nhưng có lẽ Vũ Quý theo dõi sự nghiệp sáng tác nghệ thuật của tôi nên giao cho tôi sáng tác nghệ thuật để cổ vũ tinh thần cho quân đội cách mạng.

Khi bắt tay viết bài hát Tiến quân ca, tôi chưa được cầm một khẩu súng, chưa được gia nhập đội vũ trang nào; tôi chưa được ra chiến khu, và cũng chưa từng gặp chiến sĩ cách mạng trong khóa quân chính ấy. Nhưng tại căn gác nhỏ ở phố Nguyễn Thượng Hiền, tôi lại hình dung đó là chiến khu, là khu rừng nào đó trên Việt Bắc, và cứ thế lời ca ra đời, con chữ tự nhiên hiện ra dưới ngòi bút. Tại căn gác nhỏ đó Ph.D đã chứng kiến sự ra đời của Tiến quân ca, và Vũ Quý là người đầu tiên biết đến bài hát này.

Bài hát Tiến quân ca ra đời được chào đón rất nồng nhiệt. Bài hát được công bố lần đầu trong ngày 17-8-1945, khi diễn ra cuộc mít tinh của công chức Hà Nội. Tại đây bài hát Tiến quân ca được hàng ngàn người hoà nhịp cất cao tiếng hát trước Quảng trường Nhà hát Lớn. Tại buổi hôm đó bài hát đã nổ ra như một trái bom. Nước mắt tôi trào ra. Xung quanh tôi hang ngàn giọng hát cất vang theo những đoạn sôi nổi. Trong một lúc những tờ truyền đơn in Tiến quân ca được phát cho từng người trong hàng ngũ các công chức dự mít tinh. Lúc này anh bạn Ph.D của tôi đã buông lá cờ đỏ sao vàng trên kia xuống và cướp loa phóng thanh hát vang Tiến quân ca. Con người trầm lặng ấy đã có sức hát hấp dẫn hang vạn quần chúng ngày hôm đó, cũng là người hát trước quần chúng lần đầu tiên và cũng là một lần duy nhất. Lần thứ hai bài hát Tiến quân ca của tôi xuất hiện là trong cuộc mít tinh vào ngày 19-8, hàng ngàn người và các em thiếu nhi cùng cất lời ca, thét lên tiếng căm thù vào mặt bọn đế quốc với sự hào hùng chiến thắng của cách mạng.

Bài hát Tiến quân ca của tôi đã ra đời như thế đấy. Sau đó, bài hát được chọn làm Quốc ca Việt Nam cho đến ngày nay. Bài hát là niềm tự hào không phải của riêng tôi mà là của cả dân tộc Việt Nam.

**\*Đoạn văn mẫu tham khảo đề 1**

Khi Trần Quốc Tuấn còn nhỏ, thân phụ ông với vua Trần Thái Tông, vốn là hai anh em trở nên bất hòa. Năm 1251, trước khi qua đời, Trần Liễu trăng trối với con trai rằng: "Con hãy vì cha mà lấy thiên hạ. Nếu không, nơi chín suối, cha không thể nhắm mắt!". Trần Quốc Tuấn tuy gật đầu, nhưng ông không cho đó là điều phải mà luôn tìm mọi cách xóa bỏ mọi hiềm khích trong hoàng tộc. Tài liệu của Nhung tây

Cuối năm 1284, giặc Nguyên - Mông sắp kéo đại binh sang xâm lược nước ta, Trần Quốc Tuấn được vua Trần Nhân Tông cử làm Tiết chế thống lĩnh. Từ Vạn Kiếp, Vương kéo quân mã về Thăng Long để cùng Triều đình bàn kế chống giặc.

Một hôm, Trần Quốc Tuấn mời Thái sư Thượng tướng quân Trần Quang Khải xuống chiếc thuyền đóng tại Đông Bộ Đầu để đàm đạo. Trần Quốc Tuấn đã dùng nước thơm tắm cho Trần Quang Khải. Vừa dội nước thơm lên người Thái sư, vị Tiết chế Quốc công nói:

Thật hạnh ngộ, tôi được tắm hầu Thái sư.

Diễm phúc biết bao, tôi được Quốc công tắm cho.

Từ đó, mối tị hiềm giữa hai người được xóa bỏ hẳn.

Lúc bấy giờ thế giặc mạnh lắm, ta nên "đánh" hay nên "hòa"? Trần Quốc Tuấn đã xin Thái Thượng hoàng Trần Thánh Tông và vua Trần Nhân Tông mời các bô lão cao tuổi nhất, danh vọng nhất về Thăng Long để bàn kế giữ nước. Tại điện Diên Hồng tiếng hô "Quyết chiến! Quyết chiến!" của các bô lão rung chuyển Kinh thành.

Trần Quốc Tuấn viết "Hịch tướng sĩ" và "Binh thư yếu lược". Tướng sĩ hăm hở luyện tập cung tên, giáo mác, chiến mã. Hàng vạn hùng binh thích vào cánh tay hai chữ "Sát Thát".. Mùa hè năm 1285, 50 vạn quân xâm lược Nguyên - Mông bị đánh tơi tả. Toa Đô bị quân ta chém đầu. Thoát Hoan phải chui vào ống đồng tránh mũi tên tẩm thuốc độc mới thoát chết!

**d. Kiểm tra và chỉnh sửa**

- Đọc lại bài viết, kiểm tra các ý đã đầy đủ và đúng trình tự được nêu ở dàn ý chưa.

- Tự phát hiện và biết cách sửa các lỗi về viết như:

+ Lỗi về ý: thiếu ý, ý lộn xộn, lạc ý, ý tản mạn, …

+ Lỗi về diễn đạt (dùng tử, viết câu), chính tả,...

**Đề 3: Kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử**

Tháng tư vừa rồi, trường em có tổ chức một buổi tham quan nằm trong chuỗi hoạt động ngoại khóa của trường. Điểm đến lần này là Đền Hùng tại Việt Trì-Phú Thọ. Đây là nơi thờ phụng các đời Vua Hùng và tôn thất của nhà vua. Nơi đây gắn với Giỗ tổ Hùng Vương được tổ chức hàng năm vào ngày 10 tháng 3 Âm lịch. Đây là một dịp để thế hệ con cháu đến viếng đền, tưởng nhớ đến những người đã có công dựng nước.

Em đã được nghe nhiều câu chuyện về các Vua Hùng qua các sự tích nổi tiếng như Sự tích bánh chưng bánh dày, Sơn Tinh Thủy Tinh… và thấy được sự uy nghiêm và trí tuệ của các vị vua. Điều đó khiến tôi càng mong đợi chuyến đi này hơn.

Dưới chân núi là khung cảnh uy nghiêm, hùng vĩ của núi Nghĩa Lĩnh với rừng cây và sương mù bao phủ. Nơi thờ các vị vua được đặt trên núi với ba đền chính là đền Hạ, đền Trung và đền Thượng. Đền Hạ tương truyền là nơi mẹ Âu Cơ đẻ ra một bọc trăm trứng. Trăm trứng ấy đẻ ra trăm người con, năm mươi người theo cha xuống biển, bốn chín người theo mẹ lên núi. Người con ở lại làm vua, lấy tên là Hùng Vương (thứ nhất). Đền Trung là nơi các vị vua họp bàn chính sự. Đền Thượng là lăng thờ Hùng Vương thứ sáu. Lễ hội đền Hùng được tổ chức hàng năm bao gồm những hoạt động văn hóa, văn nghệ mang tính chất nghi thức truyền thống và những hoạt động văn hóa dân gian khác… Các hoạt động văn hóa mang tính chất nghi thức còn lại đến ngày nay là lễ rước kiệu vua và lễ dâng hương. Dưới tán lá mát rượi của những cây trò, cây mỡ cổ thụ và âm vang trầm bổng của trống đồng, đám rước như một con rồng uốn lượn trên những bậc đá huyền thoại để tới đỉnh núi Thiêng.

Trước khi đi tham quan các đền, chúng tôi được làm lễ dâng hương và nghe diễn thuyết về các vị Vua Hùng. Không khí trang nghiêm, hào hùng ấy khiến tôi không khỏi tự hào về lịch sử dân tộc mình. Họ đã dựng nước, giữ nước để đời sau con cháu được hưởng thụ nền độc lập, hòa bình ấy. Và nay chúng em đến đây để thể hiện lòng biết ơn, sự tôn trọng của mình đối họ, thể hiện đúng truyền thống đạo lý “ăn quả nhớ kẻ trồng cây”. Họ đã gây dựng nền móng cho nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa hiện tại và chúng em đều biết ơn điều đấy.

Sau đó, chúng em được đi thăm các đền thờ vua trên núi. Cách trang trí, sắp xếp các di vật  đều được bố trí một cách ngay ngắn, trang nghiêm. Em ấn tượng với tấm bia ở đền Hạ khắc dòng chữ của Bác Hồ: “Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta cùng nhau giữ lấy nước.” Nó như một lời hứa hẹn Bác thay thế hệ trẻ nói lên trách nhiệm của thế hệ trẻ đối với đất nước.

Đó thực sự là một chuyến đi đầy bổ ích và ý nghĩa. Mặc dù nó chỉ kéo dài trong một buổi sáng ngắn ngủi nhưng nó đã giúp em hiểu ra trách nhiệm của mình đối với đất nước. Phải biết kính trọng, biết ơn thế hệ đi trước đặc biệt là các vị Vua Hùng và phải ghi nhớ:

*“Dù ai đi ngược về xuôi*

*Nhớ ngày giỗ tổ mùng mười tháng ba.”*

**BÀI 2: RÈN KĨ NĂNG VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM NHÂN VẬT TRONG MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**I**. **LÍ THUYẾT**

**1. Yêu cầu đối với bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học**

- Giới thiệu được nhân vật trong tác phẩm văn học.

- Chỉ ra được đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm.

- Nhận xét được nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn.

- Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật.

a. Phân tích đặc điểm nhân vật là giới thiệu, miêu tả và nêu lên nhận xét về những nét tiêu biểu của một nhân vật như: lai lịch, xuất thân, hình dáng bên ngoài, những suy nghĩ, lời nói, hành động, việc làm,… của nhân vật. Chẳng hạn đoạn văn sau đây:

b. Để viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật, các em cần chú ý:

- Lựa chọn nhân vật sẽ phân tích trong tác phẩm văn học

- Đọc kĩ tác phẩm viết về nhân vật đó

- Ghi chép các chi tiết về nhân vật (lai lịch, xuất thân, hình dáng bên ngoài, nhưng suy nghĩ , lời nói, hành động, việc làm,…)

- Nhân xét, đánh giá về nhân vật.

- Lập dàn ý và viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật theo dàn ý đã lập.

**2. Dàn ý chung của một bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học**

**a Mở bài:**

**-**  Giới thiệu tác phẩm văn học và nhân vật; nêu khái quát ấn tượng về nhân vật.

**b. Thân bài:**

**+** Phân tích đặc điểm của nhân vật:

Lần lượt trình bày hệ thống luận điểm, luận cứ và dẫn chứng theo một trình tự nhất định để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài:

* Chỉ ra các đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm.
* Nhận xét, đánh giá nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn
* Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật.

**c. Kết bài:**

- Nêu ấn tượng và đánh giá về nhân vật..

**II. THỰC HÀNH VIẾT**

**Lập dàn ý rồi viết thành bài văn hoàn chỉnh cho các đề sau:**

**Đề 1:** Hãy viết bài văn phân tích đặc điểm của nhân vật thầy Đuy-sen trong văn bản “Người thầy đầu tiên”(Ai-tơ-mai-tốp)

**Đề 2**: Hãy viết bài văn phân tích đặc điểm của nhân vật người bố trong văn bản “Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ” (Nguyễn Ngọc Thuần)

**Dàn ý tham khảo**

**1. Mở bài:**

Giới thiệu tác phẩm văn học và nhân vật; nêu khái quát ấn tượng về nhân vật.

- Tình cảm thầy trò luôn là một tình cảm cao đẹp, thiêng liêng, được bao áng thơ văn ngợi ca. Có những người thầy đã hết lòng vì học sinh thân yêu, đem lại ánh sáng, thay đổi cuộc đời cho bao học trò. Đến với những trang văn của nhà văn người Cư-rơ-gư-dơ-xtan, Ai-tơ-ma-tốp qua truyện vừa “Người thầy đầu tiên”, người đọc đặc biệt ấn tượng với hình tượng thầy Đuy-sen – một người thầy giáo đáng kính, hết lòng vì học sinh thân yêu.

**2. Thân bài:**

**-** Phân tích đặc điểm của nhân vật:

Lần lượt trình bày hệ thống luận điểm, luận cứ và dẫn chứng theo một trình tự nhất định để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài:

**\*Chỉ ra các đặc điểm của nhân vật thầy Đuy-sen dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm:**

**N**hân vật thầy Đuy-sen hiện lên hiện lên qua lời kể, qua cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật An-tư-nai – nhân vật “tôi”, người kể chuyện. Ngôi kể thứ nhất giúp miêu tả tính cách của nhân vật thầy Đuy-sen qua cảm nhận của nhân vật khác, vừa thể hiện được tình cảm của nhân vật An-tư-nai với người thầy đầu tiên của mình.

**- Ngoại hình:** Hình ảnh thầy Đuy-sen trong kí ức của An-tư-nai: đi chân không đứng giữa dòng suối đá, hai tay để sau gáy và đôi mắt sáng long lanh đăm đăm nhìn theo những đám mây trắng xa tít…

**- Ngôn ngữ:**

* Thầy Đuy-sen trò chuyện, thuyết phục các em nhỏ đi học:

**+** *“Các em ghé vào đây xem là hay lắm, các em chả sẽ học tập ở đây là gì? … Thế nào, các em thích học không, các em sẽ đi học chứ?”*

**+ *“****Các em cứ gọi thầy là thầy. Các em có muốn xem trường không? Vào đây, đừng ngại gì cả.”*

* Động viên, khích lệ An-tư-nai:

*“Dòng suối trong trẻo của thầy, em thông minh lắm… Ôi, ước gì thầy được gửi em*

*ra thành phố lớn. Em sẽ còn khá hơn biết chừng nào”.*

=> Lời nói của thầy Đuy-sen gần gũi, ân cần, đầy yêu thương**.**

**- Hành động:**

* Một mình sửa sang nhà kho cũ thành lớp học, tự tay thầy đắp lò sưởi, dự trữ củi đốt, đi cắt rạ khô lót nền nhà,..
* Thầy bế các em nhỏ qua suối giữa mùa đông buốt giá;
* Không để ý đến những lời lăng mạ, chế giễu của bọn nhà giàu; kể những câu chuyện vui để học trò quên đi mọi sự.
* Cuối buổi học, thầy ở lại lấy đá và đất đắp những ụ nhỏ trên lòng suối để các em nhỏ bước qua không bị ướt chân.
* Lo lắng, chăm sóc ân cần cho An-tư-nai khi cô bé bị chuột rút ở giữa suối.
* Kiên trì day chữ cho các em bất chấp hoàn cảnh thiếu thốn, khắc nghiệt, sự đơn độc;
* Thầy mơ ước về tương lai tươi sáng cho học trò.

=> Những hành động của thầy Đuy-sen vô cùng ấm áp; thầy lo lắng, quan tâm đến học trò như người thân trong gia đình.

**- Lời người kể chuyện nhận xét trực tiếp nhân vật:**

* Đám học trò đứa nào cũng yêu mến thầy vì tấm lòng nhân từ, vì những ý nghĩa tốt lành, vì những ước mơ của thầy về tương lai học trò.
* Học trò bất chấp khó khăn, khắc nghiệt (*phải đi xa, leo đồi lội suối , bạt hơi vì gió rét, chân ngập trong những cồn tuyết*) để tự nguyện đến lớp học nghe thầy giảng bài.
* Nhân vật “tôi” mong ước: “*Ước gì thầy là anh ruột của tôi.*”

**- Mối quan hệ với các nhân vật khác:**

* Với bọn nhà giàu: thầy phớt lờ lời nói, hành động và thái độ coi thường, chế giễu của chúng.
* Với học trò: Thầy coi học trò như người thân trong gia đình.
* Với An-tư-nai: Thầy Đuy-sen hiểu và để tâm cả những hành động nhỏ bé của An-tư-nai (trút lại ki-giắc ở trường); An-tư-nai vô cùng yêu quý và kính trọng thầy Đuy-sen, mong muốn thầy là anh trai của mình.

**\*Nhận xét, đánh giá nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn:**

- Nhân vật thầy giáo Đuy-sen hiện lên qua hành động, cử chỉ, lời nói (đối thoại); được thể hiện qua cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật khác (An-tư-nai).

- Kết cấu truyện truyện lồng truyện; ngôn ngữ truyện giàu hình ảnh, đậm chất thơ.

**\*Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật:**

- ThầyĐuy-sen là người có mục đích sống cao đẹp, cương nghị, kiên nhẫn, nhân hậu, vị tha,... trong đó, nổi bật nhất là tình cảm yêu thương, hết lòng vì học trò.

- Hình tượng thầy Đuy-sen là hình mẫu về người thầy mẫu mực, hết lòng yêu thương học trò, lấy tình yêu thương để cảm hoá học trò. Ngợi ca vẻ đẹp của hình tượng thầy Đuy-sen cùng tình cảm thầy trò cao đẹp giữa thầy Đuy-sen và cô bé An-tư-nai, nhà văn đã làm nảy nở trong lòng người đọc niềm trân trọng những người thầy và bồi đắp trong mỗi chúng ta vươn tới lối sống nhân hậu, vị tha, yêu thương mọi người.

**3. Kết bài:**

- Nêu ấn tượng và đánh giá về nhân vật.

**Bài viết tham khảo:**

Tình cảm thầy trò luôn là một tình cảm cao đẹp, thiêng liêng, được bao áng thơ văn ngợi ca. Có những người thầy đã hết lòng vì học sinh thân yêu, đem lại ánh sáng, thay đổi cuộc đời cho bao học trò. Đến với những trang văn của nhà văn người Cư-rơ-gư-dơ-xtan, Ai-tơ-ma-tốp qua truyện vừa “Người thầy đầu tiên”, người đọc đặc biệt ấn tượng với hình ảnh thầy Đuy-sen – một người thầy giáo đáng kính, hết lòng vì học sinh thân yêu.

       Hình ảnh một người thầy tuyệt đẹp và đáng kính là cảm nhận sâu sắc nhất của mỗi chúng ta khi tìm hiểu về thầy Đuy-sen trong văn bản “Người thầy đầu tiên”. Thầy Đuy-sen hiện lên qua lời kể, qua cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật An-tư-nai – nhân vật “tôi”, người kể chuyện. Ngôi kể thứ nhất giúp miêu tả tính cách của nhân vật thầy Đuy-sen qua cảm nhận của nhân vật khác một cách chân thực, khách quan, vừa thể hiện được tình cảm của cô bé An-tư-nai với người thầy đầu tiên của mình.

Nhà văn Ai-tơ-ma-tốp đã xây dựng nhân vật thầy Đuy-sen chủ yếu qua các chi tiết về ngoại hình, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ và mối quan hệ với các nhân vật khác. Khi đến vùng núi quê hương của cô bé An-tư-nai, thầy Đuy-sen còn trẻ lắm. Học vấn của thầy lúc đó tuy không cao, nhưng trái tim thầy dạt dào tình nhân ái và sôi sục nhiệt tình cách mạng. Một mình thầy lao động hàng tháng trời, phạt cỏ, trát lại vách, sửa cánh cửa, quét dọn cái sân..., biến cái chuồng ngựa của phú nông hoang phế đã lâu ngày thành một cái trường khiêm tốn nằm bên hẻm núi, cạnh con đường vào cái làng nhỏ nghèo nàn lạc hậu. Thầy tự tay thầy đắp lò sưởi, dự trữ củi đốt, đi cắt rạ khô lót nền nhà,.. Tất cả những việc làm đó nhằm tạo điều kiện cơ sở vật chất cho lớp học của các em trong hoàn cảnh nghèo khó của địa phương.

       Khi An-tư-nai và các bạn nhỏ đến thăm trường với bao tò mò “xem thử thầy giáo đang làm gì, ở đấy cũng hay” thì thấy thầy “từ trong cửa bước ra, người bê bết đất”. Thầy Đuy-sen “mỉm cười, niềm nở” quệt mồ hôi trên mặt, rồi ôn tồn hỏi: *“Đi đâu về thế, các em gái”.* Trước các “vị khách” nhỏ tuổi, thầy hiền hậu nói: “*Các em ghé vào đây xem là hay lắm, các em chả sẽ học tập ở đây là gì? Còn trường của các em thì có thể nói là đã xong đến nơi rồi..*.?”. Đuy-sen đúng là một người thầy vĩ đại, cử chỉ của thầy rất hồn nhiên. Thầy hiền hậu nói lên những lời ấm áp lay động tâm hồn tuổi thơ. Mới gặp các em nhỏ xa lạ lần đầu mà thầy đã nhìn thấy, đã thấu rõ cái khao khát muốn được học hành của các em: “Các em chả sẽ học tập ở đây là gì?” Thầy “khoe” với các em về chuyện đắp lò sưởi trong mùa đông..., thầy báo tin vui trường học đã làm xong “có thể bắt đầu học được rồi”. Thầy mời chào hay khích lệ? Thầy nói với các em nhỏ người dân tộc miền núi chưa từng biết mái trường là gì bằng tất cả tình thương mênh mông: “*Thế nào, các em có thích học không? Các em sẽ đi học chứ*?”. Thầy Đuy-sen quả là có tài, giàu kinh nghiệm sư phạm. Chỉ sau một vài phút gặp gỡ, vài câu nói nhẹ nhàng, thầy đã chiếm lĩnh tâm hồn tuổi thơ. Thầy đã khơi dậy trong lòng các em nhỏ người miền núi niềm khao khát được đi học. Với An-tư-nai, thầy nhìn thấu tâm can em, cảm thông cảnh ngộ mồ côi của em, thầy an ủi và khen em một cách chân tình: “*An-tư-nai, cái tên hay quá, mà em thì chắc là ngoan lắm phải không*?”. Câu nói ấy cùng với nụ cười hiền hậu của Đuy-sen đã khiến cho cô gái dân tộc thiểu số bé nhỏ, bất hạnh “thấy lòng ấm hẳn lại”. Những buổi đến trường, thầy Đuy-sen gắn bó với những đám trẻ bằng thứ tình cảm nhân hậu, yêu thương. Thầy bế các em nhỏ qua suối giữa mùa đông buốt giá. Bị bọn nhà giàu chế giễu, coi thường, thầy không để ý, thầy còn kể những câu chuyện vui để học trò quên đi mọi sự. Cuối buổi học, thầy ở lại lấy đá và đất đắp những ụ nhỏ trên lòng suối để các em nhỏ bước qua không bị ướt chân. Thầy vô cùng lo lắng và chăm sóc ân cần cho An-tư-nai khi cô bé bị chuột rút ở giữa suối. Lũ trẻ hiểu hết những cử chỉ và hành động yêu thương của người thầy đáng kính nên vì yêu quý thầy, chúng đã tự nguyện đến trường mặc cho đường xa, phải leo đèo, lội suối, bạt hơi vì gió rét, chân ngập trong những cồn tuyết. Tấm lòng nhân hậu và những ý nghĩ tốt lành của thầy đã cảm hoá được lũ trẻ, thổi bùng lên khát khao học tập của chúng. Thật đẹp đẽ biết bao hình ảnh thầy trò cùng nhau chia sẻ chiếc lò sưởi giữa cảnh trời buốt giá. Những hành động của thầy Đuy-sen vô cùng ấm áp; thầy lo lắng, quan tâm đến học trò như người thân trong gia đình. Với riêng An-tư-nai, thầy động viên, khích lệ: “*Dòng suối trong trẻo của thầy, em thông minh lắm… Ôi, ước gì thầy được gửi em ra thành phố lớn. Em sẽ còn khá hơn biết chừng nào”.* Thầy Đuy-sen luôn sống mãi trong kí ức của An-tư-nai với hình ảnh đi chân không đứng giữa dòng suối đá, hai tay để sau gáy và đôi mắt sáng long lanh đăm đăm nhìn theo những đám mây trắng xa tít…

Thầy Đuy-sen còn hiện lên qua lời người kể chuyện nhận xét trực tiếp nhân vật:“*Chắc chắn tất cả đám học sinh chúng tôi đứa nào cũng yêu mến thầy vì tấm lòng nhân từ, vì những ý nghĩa tốt lành, vì những ước mơ của thầy về tương lai chúng tôi.* Cô bé An-tư-nai mong muốn thầy Đuy-sen là anh trai của mình: *“Lúc bấy giờ cuộn tròn trong chiếc áo choàng của thầy Đuy-sen, tôi thầm nghĩ: “Ước gì thầy là anh ruột của tôi. Ước gì tôi được bá cổ thầy, nhắm nghiền mắt lại và thủ thỉ với thầy những lời đẹp đẽ nhất! Trời ơi, ước gì thầy Đuy-sen là anh ruột tôi!”.*

Như vậy, bằng nghệ thuật xây dựng nhân vật đặc sắc qua qua hành động, cử chỉ, lời nói (đối thoại); được thể hiện qua cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật khác (An-tư-nai); kết cấu truyện truyện lồng truyện; ngôn ngữ truyện giàu hình ảnh, đậm chất thơ, văn bản truyện “Người thầy đầu tiên” đã xây dựng thành công hình tượng nhân vật thầyĐuy-sen là người có mục đích sống cao đẹp, cương nghị, kiên nhẫn, nhân hậu, vị tha,... trong đó, nổi bật nhất là tình cảm yêu thương, hết lòng vì học trò. Thầy hiền hậu, thầy yêu thương tuổi thơ. Thầy đã đốt cháy lên trong lòng các em nhỏ vùng quê nghèo ngọn lửa của khát khao tri thức. Hình tượng thầy Đuy-sen là hình mẫu về người thầy mẫu mực, hết lòng yêu thương học trò, lấy tình yêu thương để cảm hoá học trò. Ngợi ca vẻ đẹp của hình tượng thầy Đuy-sen cùng tình cảm thầy trò cao đẹp giữa thầy Đuy-sen và cô bé An-tư-nai, nhà văn đã làm nảy nở trong lòng người đọc niềm trân trọng những người thầy và bồi đắp trong mỗi chúng ta vươn tới lối sống nhân hậu, vị tha, yêu thương mọi người.

Ai-tơ-ma-tốp đã viết nên một truyện ngắn dưới dạng hồi ức chân thực, cảm động. Hình ảnh Đuy-sen – người thầy đầu tiên được tác giả nói đến với tất cả sự ca ngợi, với niềm thương mến bao la. Người thầy trong truyện ngắn là người thầy của tình thương đến với tuổi thơ, đem ánh sáng cách mạng làm thay đổi mọi cuộc đời. Ngọn lửa tình thương như toả sáng trang văn Ai-ma-tốp, mãi mãi làm ấm áp lòng người. Những trang viết của nhà văn Ai-tơ-ma-tốp cùng hình ảnh thầy Đuy-sen sẽ có sức sống lâu bền, neo đậu lâu dài trong lòng mỗi chúng ta.

**Đề 2: Hãy viết bài văn phân tích đặc điểm của nhân vật người bố trong văn bản “Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ” (Nguyễn Ngọc Thuần)**

**Dàn ý**

**1. Mở bài:**

- Giới thiệu tác phẩm văn học và nhân vật; nêu khái quát ấn tượng về nhân vật.

Văn học từ cổ chí kim luôn tồn tại một mạch nguồn xuyên suốt, đó là tình cảm thiêng liêng giữa cha mẹ và con cái. Đã có biết bao áng thơ văn ca ngợi tình cảm thiêng liêng đó. “Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ” của Nguyễn Ngọc Thuần cũng là một bài ca đẹp về tình phụ tử thiêng liêng, để lại bao niềm sâu lắng trong lòng bạn đọc. Đến với những trang văn của nhà văn trẻ Nguyễn Ngọc Thuần, người đọc đặc biệt ấn tượng với hình tượng người bố - một người rất mực yêu thương con với tâm hồn phong phú và trái tim nhân hậu.

**2. Thân bài:**

- Phân tích đặc điểm của nhân vật:

Lần lượt trình bày hệ thống luận điểm, luận cứ và dẫn chứng theo một trình tự nhất định để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài:

(1) Chỉ ra các đặc điểm của nhân vật người bố dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm:

**-** Nhân vật người bố hiện lên chủ yếu qua lời kể củangười con – nhân vật “tôi”, người kể chuyện ở ngôi thứ nhất.

Tác dụng:

+ Miêu tả tính cách của nhân vật người bố qua cảm nhận của nhân vật khác (người con).

+ Vừa thể hiện được tình cảm của nhân vật “tôi” với bố.

**\*Hành động, cử chỉ, thái độ, ngôn ngữ:**

- Hàng ngày người bố thường dẫn con ra vườn hoa, làm đồ dùng cho con tưới cây cùng.

- Bố sáng ra các trò chơi thú vị để chơi cùng con:

*+ Trò chơi nhắm mắt đoán tên các loài hoa trong vườn:*

Người bố hướng dẫn con nhắm mắt lại và chạm từng bông hoa 🡪 Cảm nhận bằng xúc giác

*+ Trò chơi nhắm mắt để tìm kiếm một vật giấu trong nhà; đố nhắm mắt đoán khoảng cách:*

+Người con nhắm mắt vẫn có thể đi mà không chạm vật gì, vẫn biết được bố đứng cách mình bao xa.

+ Nhờ trò chơi đoán khoảng cách mà người con có thể giúp bố cứu được bạn Tí suýt đuối nước.

+ *Trải nghiệm đọc tên để nghe âm thanh tuyệt diệu tên gọi:*

Bố bảo con mỗi cái tên là một âm thanh tuyệt diệu; người càng thân với mình bao nhiêu thì âm thanh đó nghe càng tuyệt diệu bấy nhiêu.

+ *Trò chơi ngửi rồi gọi tên các loài hoa:*

Hướng dẫn người con cảm nhận được mùi của các loài hoa 🡪 cảm nhận bằng khứu giác.

=>Các trò chơi ngày càng khó hơn, tạo ra được sự hấp dẫn với đứa con.

- Thái độ của người bố khi cùng con chơi trò chơi:Cùng con chơi một cách vui vẻ

- Ngôn ngữ: Người bố luôn theo dõi, động viên, khích lệ để con tiến bộ hơn: “*Bố cười khàkhà khen tiến bộ lắm”; “Phen này con sẽ đoán được hết các loại hoa của bố mất thôi”; “bố nói tôi có cái mũi tuyệt nhất thế giới*” => Lời nói âu yếm, trìu mến, đầy yêu thương.

* Ý nghĩa những trò chơi của bố:

+ Hướng con đến những niềm vui, giá trị của cuộc sống.

+ Người bố muốn con được trải nghiệm từ thực tế cuộc sống để hình thành thói quen, sự gắn bó và biết trân trọng, nâng niu những giá trị của cuộc sống, cho dù là điều nhỏ nhất.

**=>**Người bố đã thể hiện tình yêu thương lớn lao với người con thông qua việc dành thời gian cùng con làm những công việc, chơi những trò chơi lí thú để từ đó giúp con nhận ra những bài học sâu sắc từ cuộc sống, biết yêu thương, lắng nghe và thấu hiểu từ thiên nhiên, biết trân trọng mọi thứ xung quanh mình. Tài liệu của nhung tây

**\*Lời người kể chuyện (người con) nhận xét trực tiếp nhân vật:**

*+ “Bố tôi bơi giỏi lắm”*

*+ “Bố nháy mắt và chúng tôi cười ồ… Một bí mật giữa bố và tôi*”.

+ Với “tôi”, bố là món quà “bự” nhất.

=> Người con rất tự hào về bố và thích thú với những bí mật của hai bố con.

**\*Mối quan hệ với các nhân vật khác:** Thái độ của người bố trước món quà của bạn Tí:

- Người bố vốn không thích ăn ổi nhưng vẫn đón nhận những trái ổi mà Tí tặng một cách trân trọng.=> Cho thấy thái độ trân trọng, nâng niu, biết ơn của người bố khi nhận món quà của Tí.

- Ý nghĩa câu nói của người bố: “*Một món quà bao giờ cũng đẹp. Khi ta nhận hay cho một món quà, ta cũng đẹp lây vì món quà đó”*

+ Món quà thể hiện tình cảm, tấm lòng của người nên món quà dù lớn hay nhỏ đều đẹp và có ý nghĩa. Cách chúng ta nhận và trân trọng món quà của người tặng cũng thể hiện nét đẹp của chính mình. Dù thích hay không thích món quà, chúng ta cũng không nên từ chối hay khước từ người tặng bởi đó là tình cảm, tâm huyết mà họ đã dành cho chúng ta. Tài liệu của nhung tây.

+ Từ đó, mỗi người đều rút ra được bài học cho mình trong cách ứng xử: cần trân trọng, biết ơn tình cảm, tấm lòng của người khác dành cho mình.

\*Nhận xét, đánh giá nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn:

- Nhân vật người bố hiện lên qua hành động, cử chỉ, lời nói (đối thoại); được thể hiện qua cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật khác (người con)

- Ngôn ngữ truyện giàu hình ảnh, đậm chất thơ.

**\***Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật:

**-** Tính cách của người bố qua văn bản:

**+** Kiên nhẫn dạy con cách cảm nhận Tài liệu của nhung tây về vẻ đẹp và sự sống trong khu vườn;

+ Gần gũi, chia sẻ nhiều cảm xúc, suy nghĩ với con như một người bạn thân thiết; coi con là “món quà” quýgiá nhất của cuộc đời;...

+ Yêu thương Tí, trân trọng đón nhận món quà đơn sơ của Tí,...

+ Thích trồng hoa, luôn chăm sóc và biết lắng nghe “tiếng nói” của khu vườn, nhịp sống thiên nhiên,...

- Có thể thấy, nhân vật người bố là một người rất yêu thương con, luôn quan tâm, gần gũi với con và có tâm hồn phong phú, sâu sắc; có trái tim nhân hậu.

- Xây dựng hình ảnh người bố rất mực tâm lí, nhà văn gửi gắm đến người đọc thông điệp về tình cảm cha con thân thiết. Nhà văn cũng muốn nhắn nhủ tới những bậc làm cha làm mẹ: Hãy yêu quý trẻ em, hãy chia sẻ, gần gũi với con cái, hãy bước với thế giới của con bằng tình yêu thương và trái tim nhân hậu.

**3. Kết bài:**

**-**  Nêu ấn tượng và đánh giá về nhân vật.

|  |
| --- |
| **Đề 3:**  [**Viết bài văn phân tích nhân vật Võ Tòng trong đoạn trích “Người đàn ông cô độc giữa rừng” (trích tiểu thuyết “Đất rừng phương Nam”) của nhà văn Đoàn Giỏi.**](https://vietjack.com/soan-van-lop-7-cd/viet-bai-van-phan-tich-nhan-vat-vo-tong-trong-doan-trich-nguoi-dan-ong-co-doc-giua-rung.jsp) |

**a. Chuẩn bị**

- Đọc kĩ lại đoạn trích Người đàn ông cô độc giữa rừng và xem lại nội dung đọc hiểu văn bản này (Bài 1)

- Xem mục Định hướng nêu trên để nắm vững các yêu cầu về viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật

- Ghi chép về nhân vật Võ Tòng theo yêu cầu của bài văn phân tích đặc điểm nhân vật.

**b. Tìm ý và lập dàn ý:**

- Tìm ý cho bài viết bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi sau:

- Lập dàn ý cho bài viết bằng cách lựa chọn, sắp xếp các ý theo bố cục ba phần:

**1. Mở bài:**

- Giới thiệu khái quát về nhân vật Võ Tòng (đó là nhân vật trong tác phẩm nào, của ai? Nhân vật ấy là người thế nào?...)

**2. Thân bài:**

- Phân tích và làm sáng tỏ đặc điểm nhân vật Võ Tòng qua các phương diện:

+ Lai lịch: Chú tên là gì, quê ở đâu cũng không rõ. Võ Tòng là tên mọi người gọi chú từ một sự tích trong truyện Tàu.

+ Ngoại hình: Hai hố mắt sâu hoắm và từ trong đáy hố sâu thẳm đó, một cặp tròng mắt trắng dã, long qua, long lại, sắc như dao;…

+ Lời truyền tụng: Ra tù, Võ Tòng không trả thù kẻ phá hoại gia đình mình, chỉ ngửa mặt cười lớn rồi vào rừng làm nghề săn bẫy thú;…

+ Hành động và việc làm:

- Nhận xét về nhân vật Võ Tòng: Trình bày những suy nghĩ, cảm xúc của em về các đặc điểm đã phân tích về chú Võ Tòng.

**3. Kết bài**

- Nêu đánh giá khái quát về nhân vật Võ Tòng (Đó là một con người như thế nào?)

- Liên hệ với những con người Nam Bộ bình thường, giản dị mà anh dũng, bất khuất trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ; từ đó rút ra bài học cho mình và thế hệ trẻ hôm nay

**c. Viết**

- Dựa vào dàn ý đã làm, thực hành viết với những yêu cầu khác nhau:

+ Luyện tập viết đoạn mở bài và kết bài

+ Viết đoạn văn phân tích một đặc điểm nào đó của nhân vật Võ Tòng

+ Viết đoạn văn phân tích toàn bộ các đặc điểm của nhân vật Võ Tòng

- Chú ý: Trong khi viết, bám sát vào những chi tiết (lời nói, hành động, suy nghĩ của nhân vật và những nhận xét của nhân vật khác về Võ Tòng. Người viết có thể nêu lên những suy nghĩ, cảm xúc của mình về nhân vật được phân tích.

**BÀI MẪU THAM KHẢO**

Nhân vật Võ Tòng trong tác phẩm "Người đàn ông cô độc giữa rừng" của nhà văn Đoàn Giỏi, có tính cách phóng khoáng, trượng nghĩa, lại pha lẫn chút ngang tàng, bụi bặm. Nhân vật này đã để lại trong tôi những ấn tượng, tình cảm sâu sắc.  
 Nhân vật này được khắc họa qua lời kể của cậu bé An trong tình huống theo tía nuôi đến thăm Võ Tòng. Tài liệu của nhung tây Trước tiên, về tên tuổi, không ai biết tên thật của Võ Tòng là gì, người dân ở đây chỉ biết rằng từ mười mấy năm về trước, chú đã một mình bơi xuồng đến dựng lều giữa khu rừng đầy thú dữ. Người ta vẫn truyền nhau kể lại việc một mình Võ Tòng đã giết chết hơn hai mươi con hổ. Có lẽ nguồn gốc cái tên Võ Tòng cũng bắt đầu từ đó. Về ngoại hình, chú thường cởi trần, mặc chiếc quần kaki còn mới nhưng coi bộ đã lâu không giặt chiếc quần lính Pháp có những sáu túi. Bên hông chú đeo lủng lẳng một lưỡi lê, nằm gọn trong vỏ sắt. Qua đây, có thể thấy được tính cách phóng khoáng của chú, thể hiện sự mạnh mẽ gan dạ.

Ẩn sâu trong vẻ bên ngoài dị thường là một tính cách hiền lành, tốt bụng. Cuộc đời của Võ Tòng đã phải trải qua nhiều bất hạnh. Trước đây, chú cũng từng có một gia đình như ai. Vợ chú là một người đàn bà xinh xắn, lúc mang thai đứa con đầu lòng cứ kêu thèm ăn măng. Yêu quý vợ hết mực, chú liều xách dao đến bụi tre đình làng xắn một mụt măng. Khi về ngang qua bờ tre nhà địa chủ liền bị hắn vu cho tội ăn trộm. Võ Tòng một mực cãi lên nhưng bị tên địa chủ quyền thế lại ra sức đánh, khiến chú chém trả. Tài liệu của nhung tây Nhưng chú không trốn chạy mà đường hoàng chịu tội, đó là sự dũng cảm, dám làm dám chịu của một đáng nam nhi. Sau khi đi ở tù về thì nghe tin vợ đã lấy tên địa chủ, còn đứa con trai độc nhất thì đã chết, Võ Tòng liền bỏ làng đi, vào trong rừng sống. Ở trong rừng lâu, chú càng trở nên kì hình dị tướng. Nhưng mọi người đều quý mến chú bởi tính tình chất phác, thật thà, luôn sẵn sàng giúp đỡ mọi người xung quanh mà không nghĩ đến chuyện nhận được đèn đáp.

Võ Tòng cũng là một người gan dạ, giàu lòng yêu nước thể hiện qua cuộc trò chuyện với tía nuôi của An về chuyện đánh giặc Pháp. Từ việc chú chuẩn bị những mũi tên tẩm thuốc độc, rồi chia cho tía nuôi của An, cũng như việc kể lại chiến công giết chết tên giặc Pháp với vẻ hào hứng, sung sướng.

Nhân vật Võ Tòng trong tác phẩm Đất rừng phương Nam của Đoàn Giỏi được xây dựng với vẻ ngoài hung dữ, nhưng ẩn chứa bên trong lại là những vẻ đẹp rất người. Đó là sự chân thành, thật thà, thẳng thắn, Tài liệu của nhung tây là sự quan tâm, chăm sóc, lo nghĩ chu đáo; là sự hào phóng, tốt bụng; là lòng yêu nước nhiệt thành. Nhân vật này đã đại diện cho hình ảnh con người Nam Bộ giàu sự phóng khoáng, tốt bụng và tình cảm.

**d. Kiểm tra và chỉnh sửa**

- Kiểm tra lại đoạn văn và bài văn đã viết, phát hiện các lỗi về nội dung (thiếu ý, trùng lặp ý,…) và hình thức (chính tả, ngữ pháp, liên kết câu,…)

- Xác định những chỗ mắc lỗi và nêu cách sửa chữa.

**II. Tìm hiểu chung về bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong truyện ngụ ngôn.**

**1. Phân tích đặc điểm nhân vật là gì?**

- Phân tích đặc điểm nhân vật là nêu lên nhận xét về các đặc điểm của nhân vật và làm sáng tỏ các đặc điểm ấy.

- Đặc điểm của nhân vật thường được thể hiện qua những nét tiêu biểu như: lai lịch, hoàn cảnh, hình dáng, cử chỉ, hoạt động, lời nói, ý nghĩ….

2. Yêu cầu đối với kiểu bài phân tích đặc điểm nhân vật trong truyện ngụ ngôn:

- Giới thiệu được nhân vật cần phân tích:

Nhân vật trong truyện ngụ ngôn có thể là con người, có thể là sự vật hoặc các con vật được nhân hoá, có đặc điểm như con người.

- Nêu nhận xét về đặc điểm nhân vật và phân tích, làm sáng tỏ đặc điểm ấy thông qua những chi tiết tiêu biểu.

- Bố cục của bài viết cần đảm bảo:

+ *Mở bài:* Giới thiệu cần phân tích và khái quát đặc điểm nổi bật của nhân vật.

*+ Thân bài:* Lần lượt phân tích và làm sáng tỏ từng đặc điểm của nhân vật thông qua các chi tiết cụ thể trong tác phẩm ( lai lịch, hoàn cảnh, cử chỉ, hành động, suy nghĩ…)

*+ Kết bài:* Khái quát lại đặc điểm của nhân vật, nêu ý nghĩa hoặc rút ra bài học sâu sắc.

**Đề bài: Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật người thợ mộc trong truyện ngụ ngôn “Đẽo cày giữa đường”.**

**1. Bước 1: Chuẩn bị**

- Đọc và xác định yêu cầu của bài tập

- Đọc lại truyện, xem lại nội dung đọc hiểu truyện ngụ ngôn “Đẽo cày giữa đường”

(=> Nội dung: Kể về một anh thợ mộc dốc hết vốn mua gỗ về đẽo cày bán. Khi đẽo cày ai khuyên gì anh ta cũng làm theo và kết quả là không có tác dụng gì và vốn liếng đi đời nhà ma)

- Xác định đặc điểm nhân vật mà em định viết ( có thể theo bảng sau:

|  |  |
| --- | --- |
| Nhân vật cần phân tích: ……………….  Truyện: ……………………………… | |
| Phương diện | Biểu hiện trong truyện |
| Hoàn cảnh |  |
| Cử chỉ, hành động |  |
| Suy nghĩ |  |
| …. |  |
| =>**Đặc điểm nhân vật:** Một người không có chính kiến lập trường riêng; người thiếu kiến thức, thiếu bản lĩnh. | |

**2**. **Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý**

**- HS tìm ý cho bài viết bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi:**

**+** Truyện viết về sự kiện gì, có những nhân vật nào, ai là nhân vật chính?

+ Nhân vật chính là người như thế nào? (Nêu các đặc điểm của nhân vật và các biểu hiện cụ thể trong tác phẩm).

+ Em có nhận xét, đánh giá gì về nhân vật? (Nêu lên những cảm xúc, suy nghĩ về đặc điểm của nhân vật...)

**- Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba phần lớn của bài văn, gồm:**

**a. Mở bài:** Giới thiệu đặc điểm nổi bật của nhân vật người thợ mộc trong truyện ngụ ngôn Đẽo cày giữa đường.

**b. Thân bài:**

+ Lần lượt phân tích và làm sáng tỏ từng đặc điểm của nhân vật người thợ mộc thông qua các chi tiết cụ thể (hoàn cảnh, cử chỉ, hành động, ý nghĩ...)

+ Nêu nhận xét của em về nhân vật người thợ mộc.

**c. Kết bài:** Qua việc phân tích đặc điểm nhân vật người thợ mộc, nêu lên ý nghĩa hoặc bài học sâu sắc.

**3. Bước 3: Viết**

Dựa vào dàn ý, viết thành bài văn

**4. Bước 4: Kiểm tra, chỉnh sửa bài viết**

- Kiểm tra lại xem bài viết đã đầy đủ, chính xác như yêu cầu của để bài hay chưa.

- Tự phát hiện và biết cách sửa các lỗi về viết như:

+ Lỗi về ý: Thiếu ý (ý sơ sài, chưa nêu hết được những điều cần nói), ý lộn xộn (các ý không được sắp xếp theo một trình tự hợp lí), lạc ý (nếu các ý không liên quan đến nội dung bài yêu cầu), ý tản mạn (nếu các ý không tập trung vào nội dung chính của bài viết)...

+ Lỗi về diễn đạt (dùng từ, viết câu), chính tả...

|  |
| --- |
| **Đề 4: Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật người thợ mộc trong truyện ngụ ngôn "Đẽo cày giữa đường".** |

**Bài viết tham khảo**

   Trong cuộc sống, sẽ có lúc con người ta phải đưa ra các lựa chọn, quyết định của riêng mình. Những lựa chọn, quyết định đó sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống của ta. Vì vậy phải nghĩ cho kĩ càng và có chính kiến không phải là dễ. Tôi nhớ đến nhân vật người thợ mộc trong truyện ngụ ngôn *Đẽo cày giữa đường*. Đó là một người không có chính kiến, có phần ba phải để rồi khi nhận được bài học cho bản thân thì đã quá muộn.

   Người thợ mộc trong truyện *Đẽo cày giữa đường* cũng có những tính chất tốt đẹp. Trước khi anh chọn nghề đẽo cày thì cũng đã có cả một gia sản. Không ai biết gia sản của anh do đâu mà có. Nhưng có thể thấy, anh đã dám bỏ ra cả gia sản để chọn một cái nghề và hy vọng vào sự thành đạt ngày sau. Nói cách khác, anh là một người có chí tiến thủ, có chí làm ăn. Anh ta đã chọn cái nghề đẽo cày phù hợp với danh xưng "thợ mộc" của mình. Ở đây, ta thấy được hai đặc điểm tốt ở anh. Tài liệu của nhung tây Anh thợ mộc là một người có tay nghề đồng thời đã biết chọn công việc phù hợp là đẽo cày.

   Tuy đã có quyết định đúng đắn bước đầu, nhưng các quyết định phía sau của anh lại là những sai lầm. Năm lần bảy lượt anh đều nghe theo ý kiến của những người qua đường. Cả gia sản trong tay mà anh lại dùng nó thiếu tính toán kỹ Tài liệu của nhung tây lưỡng để rồi những gia sản ấy đi đời nhà ma. Có thể thấy ở đây, không những anh thợ mộc là người ba phải, mà còn cho thấy anh có mong muốn làm giàu nhưng lại thiếu kiến thức, thiếu hiểu biết nên không có suy nghĩ và hành động đúng, dẫn đến kết quả thất bại thảm hại.

   Truyện *Đẽo cày giữa đường* hướng đến đặc điểm một kiểu người trong xã hội. Đó là những người thiếu hiểu biết nên dễ thay đổi, thiếu chủ kiến và quá bị động. Nhan đề của truyện ngụ ngôn *Đẽo cày giữa đường* đã trở thành một thành ngữ. Đó có lẽ là một cách để con người thận trọng hơn trong việc lắng nghe những ý kiến góp ý của người khác, phải biết cân nhắc, chọn lọc được ý kiến phù hợp, đúng đắn.

|  |
| --- |
| **Đề 5: Phân tích nhân vật Võ Tòng trong đoạn trích Người đàn ông cô độc giữa rừng** |

**Dàn ý tham khảo:**

**a. Mở bài**

- Giới thiệu khái quát về nhân vật Võ Tòng (Đó là nhân vật trong tác phẩm nào, của ai? Nhân vật ấy là người như thế nào?...)

**b. Thân bài**

- Phân tích và làm sáng tỏ đặc điểm nhân vật Võ Tòng qua các phương diện:

+ Lai lịch: “Chú tên là gì, quê ở đâu cũng không rõ. Võ Tòng là tên mọi người gọi chú từ một sự tích trong truyện Tàu”

+ Ngoại hình: Hai hố mắt sâu hoắm, Tài liệu của nhung tây và từ trong đáy hố sâu thâm đó, một cặp tròng mắt trắng dã, long qua, long lại sắc như dao…

+ Lời truyền tụng: Ra từ, Võ Tòng không trẻ thù kẻ đã phá hoại gia đình mình, chỉ kêu trời một tiếng, cười nhạt rồi bỏ làng vào rừng sinh sống...

+ Hành động và việc làm…

- Nhận xét về nhân vật Võ Tòng: trình bày những suy nghĩ, cảm xúc,... của em về các đặc điểm đã phân tích về chú Võ Tòng

**c. Kết bài**

- Nêu đánh giá khái quát về nhân vật Võ Tòng

- Liên hệ với những con người Nam Bộ bình thường, giản dị mà anh dũng, bất khuất trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ; từ đó, rút ra bài học cho mình và thế hệ trẻ hôm nay

**BÀI MẪU THAM KHẢO**

Tiểu thuyết “Đất rừng phương Nam” được coi là một tiểu thuyết xuất sắc viết về thiên nhiên và con người vùng sông nước miền Tây. Đặc biệt là đoạn trích “Người đàn ông giữa rừng” đã làm nổi bật lên hình ảnh những con người giản dị, chất phác nhưng dũng cảm. Trong đó, em ấn tượng nhất là nhân vật Võ Tòng.

Theo lời kể của tác giả, Võ Tòng không có lai lịch rõ ràng. Tài liệu của nhung tây Chẳng ai biết tên thật là gì, quê quán gốc gác ở đâu. Võ Tòng chỉ là cái tên mà mọi người gọi chú theo một sự tích trong truyện Tàu thường nghe. Ngoại hình khá kỳ dị, khác người. Hai hố mắt sâu hoắm với tròng mắt trắng dã long qua long lại, sắc lẹm như dao. Mái tóc hung hung giống bờm ngựa dài tới gáy. Gò má bên phải của chú có tới năm cái sẹo dài như đầu móng cọp cào. Bắt gặp một dáng dấp như thế, một con người như thế, dù là ai cũng sẽ thấy sợ hãi nếu chưa quen biết chú thật thân thiết.

 Nhân vật Võ Tòng là một người có ngoại hình cao lớn và kì lạ. “Chú cởi trần, mắc chiếc quần ka ki còn mới, nhưng coi bộ đã lâu không giặt (chiếc quần của lính Pháp có những sáu túi). Bên hông chú đeo lủng lẳng một lưỡi lê nằm gọn trong vỏ sắt, đúng như lời má nuôi tôi tả. Lại còn thắt cái xanh-tuya-rông nữa chứ!” Qua lời kể của cậu bé An trong truyện, ta thấy nhân vật Võ Tòng là một người rất thằng tính, xuề xòa và không coi trọng hình thức. Đó là biểu hiện cho sự chân chất, thật thà của người dân miền Tây.

Không chỉ vậy, chú còn là một người rất bất hạnh. Không ai biết Võ Tòng tên là gì, đến từ đâu, họ chỉ biết mấy năm về trước gã một mình bơi chiếc xuồng nát đến che lều ở giữa khu rừng đầy thú dữ. Chú sống đơn độc một mình. Là một người dụng cảm, không sợ sệt và dám đương đầu với thú dữ. Trước kia, chú cũng có gia đình đàng hoàng nhưng vì đánh tên địa chủ, hú bị bắt đi tù. Sau khi ra tù, chị vợ hắn đã là vợ lẽ của gã địa chủ kia và con trai của Võ Tòng. Sau đó Võ Tòng bỏ vào rừng, làm nghề săn thú nguy hiểm. Tình cảnh đó gợi cho người đọc một niềm cảm thông về một con người cô đơn, bất hạnh nhưng không sợ trời, không sợ đất, luôn thẳng thắn và là một người tử tế, dám làm dám chịu. Tài liệu của nhung tây

Võ Tòng còn là một người tốt bụng, có tình nghĩa, là một người chất phác, thật thà, lúc nào cũng sẵn sàng giúp đỡ mọi người mà không hề để ý đến chuyện người ta có đền đáp mình hay không. Chú rất yêu quý tía nuôi của An và thường gọi bằng cái tên thân mật “anh Hai”. Chi tiết trao con dao găm và cánh nỏ của Võ Tòng cho anh Hai thể hiện sự có tình nghĩa, giúp đỡ người khác của nhân vật Võ Tòng. Trong thời buổi loạn lạc, ai cũng lo sợ bọn giặc Pháp vậy mà Võ Tòng lại trao vũ khí cho người khác để bảo vệ họ thay vì mình. Điều đó thể hiện tinh thần quả cảm, gan dạ và tấm lòng lương thiện của Võ Tòng. Tài liệu của nhung tây

Như vậy, ta thấy, đây là một nhân vật tuy bất hạnh nhưng vẫn mang trong mình bản tính lương thiện, tinh thần quả cảm đầy gan dạ của một người đàn ông to lớn giữa thời buổi loạn lạc. Qua đó, em càng cảm thấy ngưỡng mộ và khâm phục tính cách của nhân vật này hơn.

**BÀI 3: RÈN KĨ NĂNG VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC SAU KHI ĐỌC XONG MỘT BÀI THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ**

**I. Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ:**

- Giới thiệu được bài thơ và tác giả. Nêu được ấn tượng, cảm xúc chung về bài thơ.

- Diễn tả được cảm xúc về nội dung và nghệ thuật, đặc biệt chú ý tác dụng của thể thơ bốn chữ hoặc năm chữ trong việc tạo nên nét đặc sắc của bài thơ.

- Khái quát được cảm xúc về bài thơ.

\* Phân tích bài viết tham khảo:

- Giới thiệu về bài thơ và tác giả: Từ đầu.. sau một trận chiến ác liệt.

- Nêu ấn tượng, cảm xúc chung về nét đặc sắc nổi bật nhất của bài thơ:

+ Câu chuyện đã làm rung động sâu xa tâm hồn người đọc.

- Diễn tả cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ:

+ Sự hi sinh của anh được nhà thơ miêu tả rất xúc động

+ Hình ảnh thơ bình dị

+ Biện pháp tu từ so sánh…

- Khái quát cảm xúc về bài thơ: như một khúc đồng dao thấm đượm cảm xúc tự hào, ngợi ca, chứa chan lòng biết ơn thế hệ cha anh.

\* Thực hành viết theo các bước

**2. Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ.**

**Bước 1: Tìm hiểu về đối tượng cần cảm nghĩ**

- Việc phân tích và phát biểu cảm nghĩ về một tác phẩm văn học đòi hỏi học sinh phải là người có kiến thức và kỹ năng thì mới có thể viết tốt được. Cũng như vậy việc lập dàn ý cũng vậy, để lập dàn ý tốt thì học sinh cần phải nắm rõ những kiến thức về tác phẩm cầm cảm nghĩ. Việc nắm rõ nội dung và nghệ thuật của tác phẩm thì sẽ giúp cho học sinh cảm nhận tốt được tác phẩm văn học. Đây là một bước vô cùng quan trọng mà khi làm bất cứ một tác phẩm nào học sinh cũng đều phải thực hiện.

**Bước 2: Tìm ra những nét đặc sắc nổi bật của đối tượng cảm nghĩ**

- Sau khi tìm hiểu kĩ về đối tượng cần cảm nghĩ thì bước tiếp theo là tìm ra những nét nổi bật của tác phẩm cần cảm nghĩ. Việc tìm ra những nét nổi bật trong tác phẩm sẽ tạo nên độ sâu cho bài văn. Xác định được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật trong phần gạch ý sẽ giúp cho các em không bị quên ý và sẽ tạo được hệ thống cho bài văn khi viết, không bị tràn lan, loãng ý.

**Bước 3: Xác định luận điểm cho bài văn**

Đối với bài văn cảm nghĩ về tác phẩm văn học việc xác định luận điểm rất quan trọng. Khi lập dàn ý, cần nêu rõ các luận điểm cần viết trong bài văn. Luận điểm rất quan trọng đối với tất cả các bài văn trong đó có bài cảm nghĩ về tác phẩm văn học.

**Bước 4: Tiến hành lập dàn ý**

Sau khi đã tìm hiểu kỹ các bước trên các em tiến hành lập dàn ý ra giấy. Khi lập dàn ý cần chú ý sắp xếp các luận điểm theo thứ tự để đảm bảo các ý được sắp xếp khoa học có hệ thống. Tài liệu của Nhung tây

Lập dàn ý là một bước vô cùng quan trọng đối với quá trình viết văn. Đối với bài văn phát biểu cảm nghĩ về tác phẩm văn học việc lập dàn ý lại càng chiếm vị trí quan trọng. Khi lập dàn ý người viết sẽ không bị sa vào cảm xúc của bài văn và viết được hay và đủ ý

**a. Yêu cầu**

- Phát biểu cảm nghĩ về một tác phẩm thơ đòi hỏi người viết phải nên lên những cảm xúc suy nghĩ của mình trên cơ sở cảm thụ bài thơ đó.

- Phải nêu được cảm xúc đối với cảnh, đối với người, với hình ảnh độc đáo, câu chữ hay trong bài thơ.

- Cần vận dụng linh hoạt các cách lập ý để bài làm có sự mạch lạc.

**b. Gợi ý**

- Đọc kỹ bài thơ, nắm vững thời điểm ra đời, tác giả, nội dung chính và nét đặc sắc về nghệ thuật.

- Cảm nhận và hình thành ấn tượng, cảm xúc chung nhất về bài thơ.

- Đi sâu vào hình ảnh tâm trạng, câu chữ, nhịp điệu mà bài thơ gợi lên cảm xúc và ấn tượng.

- Có thể tham khảo các ý kiến phân tích đánh giá bài thơ nhưng cần chú ý trình bày cảm xúc, ấn tượng của riêng mình chứ không nhắc lại ý kiến người khác.

**1. Trước khi viết**

a. Lựa chọn bài thơ

Có thể chọn bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ viết về những đề tài như tình cảm gia đình, tình yêu con người, thiên nhiên, quê hương, đất nước,..

b. Tìm ý

Em hãy thực hiện những thao tác sau đây để tìm ý:

- Đọc bài thơ nhiều lần để có được cảm nhận chung về bài thơ.

- Nêu cảm xúc của em về những nét đặc sắc trên hai phương diện nội dung và nghệ thuật (thể thơ, vần, nhịp, yếu tố tự sự, yếu tố miêu tả, hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ,...) của bài thơ.

- Ghi lại cảm xúc chung của em về bài thơ.

**c. DÀN Ý CHUNG**

**1. Mở bài:**

- Giới thiệu sơ lược về bài thơ và cảm nhận chung

**2. Thân bài:**

- Cảm xúc về hoàn cảnh ra đời bài thơ  
- Cảm xúc về hình ảnh trong bà thơ, tâm trạng của tác giả  
- Cảm xúc và suy nghĩ về câu thơ.  
- Cảm xúc về tiết tấu, nhịp điệu, các biện pháp tu từ  
- Cảm nghĩ về giá trị nội dung và nghệ thuật của bài

**3. Kết bài:**

- Tình cảm của người viết, dự cảm về sức sống của bài thơ.

**2. Viết bài**

Dựa vào dàn ý đã lập, em viết thành một đoạn văn hoàn chỉnh. Trong quá trình viết, hãy lưu ý: Tài liệu của nhung tây

- Đoạn văn cần có đầy đủ ba phần Mở đoạn, Thân đoạn, Kết đoạn.

- Các câu trong đoạn tập trung thể hiện nội dung chính của đoạn.

- Lựa chọn từ ngữ phù hợp để thể hiện cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

- Trình bày đúng hình thức đoạn văn.

**3. Chỉnh sửa**

Hãy rà soát bài viết của em theo những yêu cầu ở cột trái và gợi ý chỉnh sửa ở cột phải.

|  |  |
| --- | --- |
| **Yêu cầu** | **Gợi ý chỉnh sửa** |
| Giới thiệu được tác giả và bài thơ, nêu ấn tượng, cảm xúc chung về bài thơ. | Nếu còn thiếu, hãy bổ sung. |
| Diễn tả được những cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ. | Đối chiếu với mục tìm ý xem đoạn văn đã nêu được cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ chưa. Nếu còn thiếu hoặc diễn đạt chưa rõ, chưa phù hợp, hãy bổ sung, điều chỉnh. |
| Khái quát được cảm xúc về bài thơ. | Đọc lại câu văn cuối đoạn, kiểm tra xem đã khái quát được cảm xúc về bài thơ chưa. Hãy bổ sung nếu còn thiếu. |
| Đảm bảo yêu cầu về chính tả và diễn đạt. | Rà soát lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,... và chỉnh sửa nếu phát hiện lỗi. |

**II. LUYỆN TẬP**

**Đề 1: Em hãy viết đoạn văn phát biểu cảm nghĩ về một trong các bài thơ bốn chữ, năm chữ đã học (Ông đồ - Vũ Đình Liên).**

**Dàn ý tham khảo**

**1. Mở đoạn:**

- Giới thiệu tác giả Vũ Đình Liên, bài thơ Ông đồ (Vì viết đoạn văn nên học sinh lưu ý viết mở đoạn ngắn gọn): Mỗi dịp tết đến xuân về, trong mỗi chúng ta không khỏi thổn thức, có những tục lệ tốt đẹp đang dần bị mai một đi, trong đó phải kể đến tục cho chữ. Tác giả Vũ Đình Liên đã tái hiện thành công ý nghĩa này qua bài thơ Ông đồ.

**2. Khái quát nội dung bài thơ:**

- Bài thơ kể về câu chuyện ông đồ những năm tháng ngày xưa được xã hội và mọi người tôn trọng, kính mến, mỗi năm tết đến xuân về lại bày mực viết chữ với đường nét đẹp đẽ. Nhưng càng ngày khi xã hội càng phát triển, con người lãng quên đi ông và không còn tôn vinh tục xin chữ nữa, ông đồ bơ vơ giữa đất trời lúc xuân về.

Nêu cảm nghĩ về bài thơ qua nội dung: bài thơ nói về tục cho chữ trong bản sắc văn hóa dân gian, vốn là một truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta nhưng đang bị con người lãng quên và mai một đi. Sự mai một này là niềm tiếc nuối cho bao thế hệ con người không chỉ lúc đấy mà còn đến cả thế hệ sau này. Tài liệu của Nhung tây

Bài học rút ra: Hãy biết bảo vệ những tục lệ truyền thống tốt đẹp của đồng bào, dân tộc ta để dù cho đất nước, xã hội có phát triển thế nào cũng không bị mai một đi và con cháu thời sau cũng luôn nhớ về, biết đến những truyền thống đó.

**3. Kết đoạn:**

- Khái quát lại tầm quan trọng của các truyền thống văn hóa đồng thời liên hệ đến trách nhiệm của bản thân: bài thơ đã cho chúng ta cái nhìn chân thực về một khía cạnh văn hóa trong đời sống. Từ đây, mỗi chúng ta cần tự nhìn nhận lại trách nhiệm của bản thân trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và đưa đất nước phát triển tích cực hơn.

**BÀI MẪU THAM KHẢO**

Mỗi dịp tết đến xuân về, trong mỗi chúng ta không khỏi thổn thức, có những tục lệ tốt đẹp đang dần bị mai một đi, trong đó phải kể đến tục cho chữ. Tác giả Vũ Đình Liên đã tái hiện thành công ý nghĩa này qua bài thơ Ông đồ.

*"Hoa tay thảo những nét*  
*Như phượng múa rồng bay"*

Hoa đào nở tươi đẹp. Giấy đỏ đẹp, mực Tàu đen nhánh. Nét chữ bay lượn tài hoa. Còn gì vui sướng hơn:

*"Bên phố đông người qua*  
*Bao nhiêu người thuê viết*  
*Tấm tắc ngợi khen tài".*

Thời thế đã đổi thay. Hán học lụi tàn trong xã hội thực dân nửa phong kiến: "Thôi có ra gì cái chữ Nho - Ông Nghè, ông Cống cũng nằm co..." (Tú Xương). Ông đồ già là một khách tài tử sinh bất phùng thời. Xưa "phố đông người qua ", nay “mỗi năm mỗi vắng". Xưa kia "Bao nhiêu người thuê viết", bây giờ "Người thuê viết nay đâu?". Một câu hỏi cất lên nhiều ngơ ngác, cảm thương. Nỗi sầu, nỗi tủi từ lòng ông đồ như làm cho mực khô và đọng lại trong "nghiên sầu", như làm cho giấy đỏ nhạt nhòa "buồn không thắm". Giấy đỏ, nghiên mực được nhân hóa, thấm bao nỗi buồn tê tái của nhân tình thế sự:

*"Giấy đỏ buồn không thắm*  
*Mực đọng trong nghiên sầu..."*

Cảnh vật buồn. Lòng người buồn. Vũ Đình Liên đã xuất thần viết nên hai câu thơ tuyệt bút lay động bao thương cảm trong lòng người.

Nỗi buồn từ lòng người thấm sâu, tỏa rộng vào không gian cảnh vật. Dưới trời mưa bụi "Ông đồ vần ngồi đáy" như bất động. Lẻ loi và cô đơn: "Qua đường không ai hay". Cái vàng của lá, cái nhạt nhòa của giấy, của mưa bụi đầy trời và cơn mưa trong lòng người. Một nỗi buồn lê thê:

"*Lá vàng rơi trên giấy*  
*Ngoài trời mưa bụi bay".*

Thơ tả ít mà gợi nhiều. Cảnh vật tàn tạ mênh mang. Lòng người buồn thương thấm thìa.

Khép lại bài thơ là một câu hỏi diễn tả một nỗi buồn trống vắng, thương tiếc, xót xa. Hoa đào lại nở. Ông đồ già đi đâu về đâu…

*"Năm nay đào lại nở*  
*Không thấy ông đồ xưa*  
*Những người muôn năm cũ*  
*Hồn ở đâu bây giờ?"*

Thương ông đồ cũng là thương một lớp người đã vĩnh viễn lùi vào quá khứ. Thương ông đồ cũng là xót thương một nền văn hóa lụi tàn dưới ách thống trị của ngoại bang. Sự đồng cảm xót thương của Vũ Đình Liên đối với ông đồ đã trang trải và thấm sâu vào từng câu thơ, vần thơ. Thủ pháp tương phản, kết hợp với nhân hóa, ẩn dụ, đã tạo nên nhiều hình ảnh gợi cảm, thể hiện một bút pháp nghệ thuật điêu luyện, đậm đà.

Ông đồ không còn nhưng hồn có nghĩa là linh hồn ông vẫn còn phảng phất đâu đây. Hồn, cách gọi đến chính xác lạ lùng những gì đã qua không thể mất, hồn là bất tử vì thác là thể phách, còn là tinh anh. Hồn có lẽ cũng có thể hiểu là vẻ đẹp tâm hồn Việt, văn hoá Việt chỉ có thăng trầm chứ không bao giờ mất. Bài thơ đã chạm đến những rung cảm sâu xa nhất thuộc về tâm linh của giống nòi nên còn tha thiết mãi.

**Mẫu 2: Đoạn văn tham khảo**

Bài thơ Ông đồ của Vũ Đình Liên là một bài thơ năm chữ bình dị ghi lại hình ảnh ông đồ. Trong bài thơ, hình ảnh: "Giấy đỏ buồn không thắm/ Mực đọng trong nghiên sầu" gây ấn tượng đối với em. Khi đọc hai câu thơ này, người ta dễ dàng nhận thấy ở đây có sử dụng biện pháp tu từ nhân hóa. Tài liệu của nhung tây Vì giấy, mực nghiên là những vật vô tri, vô giác giờ đây lại cũng biết buồn. Vậy là những vật dụng liên quan đến thư pháp, liên quan đến một vẻ đẹp truyền thống của ông cha đã trở thành một điều gì đó thiêng liêng, tinh túy, vì chúng có "hồn". Đấy có lẽ là một trong những nét nghĩa đầu tiên của hai câu thơ này. Vậy còn nét nghĩa thứ hai? Nếu để ý, ta sẽ thấy hai câu thơ chỉ thuần tả cảnh mà không tả người. Cảnh vật ở đây có hồn, như nhuốm màu tâm trạng. Tài liệu của nhung tây Không có một từ ngữ nào nói về con người và trạng thái tâm lí của họ, nhưng "người buồn cảnh có vui đâu bao giờ"! Chính là vì thế, vì người không vui nên cảnh mới buồn. Nói cách khác, bóc lớp nghĩa sử dụng biện pháp nhân hóa, ta sẽ thấy được nghệ thuật tả cảnh ngụ tình. Hai câu thơ đã khái quát được tâm trạng của ông đồ khi những giá trị xưa cũ dần bị quên lãng. Tài liệu của Nhung tây

**Đề 2: Đoạn văn ngắn về tình bà cháu trong bài thơ Tiếng gà trưa**

Trong số những tác phẩm văn họ ,bài thơ "tiếng gà trưa" đã để lại trong em nhiều ấn tượng sâu sắc nhất. Nổi bật ở đây là vẻ đẹp bình dị, gần gũi của tình bà cháu. Bà chăm chút, nâng niu từng quả trứng cho con gà mái ấp để cuối năm bán gà, dành dụm tiền để mua cho cháu bộ quần áo mới cho cháu mặc Tết. Sự tần tảo, yêu thương của bà đã in đậm vào trong tâm trí của người cháu. Chỉ một tiếng gà nhảy ổ thôi nhưng đã gợi về bao kỉ niệm đẹp thời thơ ấu đc sống trong tình yêu thương bao la của bà. Những kỉ niệm đó như tiếp thêm động lực chiến đấu cho anh chiến sĩ chiến đấu vì Tổ quốc, vì bà, vì xóm làng. Tóm lại, bằng những hình ảnh gần gũi và lời thơ bình dị, bài thơ đẫ cho em thấy được tình cảm bà cháu thiêng liêng, đẹp đẽ.

**Đề 3: Đoạn văn nêu cảm nghĩ của em về tình bà cháu trong bài thơ Tiếng gà trưa**

Xuân Quỳnh là cây bút xuất sắc của nền văn học hiện đại Việt Nam, thuộc thế hệ những nhà thơ trưởng thành trong thời kì kháng chiến chống Mỹ. Thơ Xuân Quỳnh là tiếng nói của một tâm hồn phụ nữ giàu lòng trắc ẩn và khao khát hạnh phúc bình dị đời thường. Bài thơ "Tiếng gà trưa" là một trong những thi phẩm nổi tiếng của bà. Bài thơ viết về tình bà cháu thiêng liêng và cảm động. Trong một buổi hành quân, người cháu đã nghe được tiếng gà trưa và những kỉ niệm về bà ùa về trong kí ức. Cả một tuổi thơ gắn bó bên bà, được bà yêu thương chăm sóc. Tài liệu của nhung tây Bà dành dụm, chắt chiu từng quả trứng, chăm đàn gà từng con một kể cả khi trời gió rét mưa dầm. Những gì thu được từ đàn gà, bà đều dành cho cháu: nào là cái quần chéo go, ống rộng dài quét đất, nào là cái áo cánh trúc bâu... Tình yêu của bà thể hiện qua những điều giản dị, bình thường. Chính tình yêu thương của bà đã trở thành động lực để người cháu chiến đấu. Qua bài thơ, người đọc cảm nhận tình bà cháu thắm thiết, đồng thời đó cũng là tình yêu gia đình, yêu Tổ quốc. Đúng như một nhà văn nước ngoài đã nói: Tình yêu Tổ quốc bắt đầu từ những tình cảm nhỏ bé, thiêng liêng, đó là yêu những gì gần gũi nhất với mình.

**Đề 4: Nêu cảm nghĩ của em về tình bà cháu trong bài thơ Tiếng gà trưa**

Có lẽ đi cùng với tuổi thơ của nhiều người. Từ trước đến nay,tiếng 'bà' vẫn luôn là một tiếng nói hết sức bình dị và thân thương. Nó chan chứa nhiều loại cảm xúc, trìu mến, dịu dàng mà thấm đẫm trong tim của mỗi người đọc, mỗi người nghe. Bà vốn dĩ là một người rất đặc biệt, người mang những giấc mơ của cháu qua tiếng quạt gió mát, bà mang theo ước mơ, theo hi vọng cho cháu qua từng câu chuyện cổ tích đầy mơ mộng nhưng cũng chất chứa bao nhiêu điều nhân văn. Mà sau khi đọc bài thơ Tiếng Gà Trưa của tác giả Xuân Quỳnh thì trong em lại còn gợi thêm một cảm xúc đặc biệt về bà. Về tình cảm của bà cháu, nó đẹp đẽ và thiêng liêng biết nhường nào. Bằng thể thơ tự do 5 chữ, tác giả cho em đi qua từng kỉ niệm đẹp về tình bà cháu của anh chiến sĩ và người bà của mình. Cho em thấy được lòng yêu nước nồng nàn của anh chiến sĩ. Tài liệu của nhung tây Dòng cảm xúc trong em lại càng ùa về khi từng câu chữ của bài thơ gợi nhớ những kỉ niệm sâu sắc thời thơ ấu sống trong tình yêu thương tuy giản dị nhưng lại vô cùng to lớn của bà của người bà. Những lần bị bà la mắng "yêu" một cách chân thật, tuy mắng nhưng có thể thấy được rõ ràng hơn tình yêu của bà dành cho người cháu của mình. Qua từng nét miêu tả của Xuân Quỳnh, em lại càng thêm khâm phục những người chiến sĩ đã chiến đầu vì cách mạng và hơn nữa là những thanh âm kỉ niệm gợi lên trong em hình ảnh về tình bà cháu đẹp đẽ đến nao lòng. Quả thật là một bài thơ giàu cảm xúc và dạt dào những tình cảm đáng quý.

**Đề 5. Đoạn văn cảm nghĩ về tình bà cháu trong bài thơ Tiếng gà trưa**

Tiếng "Bà" là một tiếng gọi rất dỗi bình dị, giản đơn nhưng lại chan chứa đầy tình yêu thương. Từ thuở nhỏ, hình ảnh người bà đã trở thành một hình ảnh quen thuộc trong lòng mỗi người. Bà hiền hậu ôn tồn dạy bảo con cháu, người bà kể chuyện cổ tích dưới ánh trăng, người bà chở che trước những trận đòn của ba... Tài liệu của nhung tây Tất cả hình ảnh đó là một phần tuổi thơ tôi. Ta cũng tìm được một người bà như vậy Tiếng gà trưa của Xuân Quỳnh, nó đã để lại cho tôi nhiều ấn tượng sâu sắc, nhiều cảm xúc đọng lại trong lòng tôi về tình bà cháu.

Bài thơ năm chữ tự do đã cho ta thấy những kỉ niệm đẹp của tuổi thơ, tình bà cháu nồng hậu và lòng yêu nước sâu nặng của một người chiến sĩ xa nhà. Trên đường hành quân xa, người chiến sĩ dừng chân bên xóm nhỏ. Nghe tiếng gà “cục tác…cục ta”, anh xúc động và nhớ nhà. Dòng cảm xúc từ hiện tại trôi về quá khứ với bao kỉ niệm cảm động lại tràn về.

Bài thơ cũng đã gợi nhớ những kỉ niệm sâu sắc thời thơ ấu sống trong tình yêu thương bình dị của người bà. Những lần bị bà la, những lời mắng chân thật, giản dị mà chan chứa tình thương của bà. Bà chăm sóc đàn gà, mong sao cuối năm bán gà mua quần áo mới cho cháu, cái ước muốn giản đơn vậy thôi và dù ống quần rộng, áo trúc bâu thì người cháu cũng không chê vì hiểu được tình yêu thương và sự vất vả mà bà đã dành cho mình. Người chiến sĩ trong bài không chỉ là chiến đấu cho tổ quốc, mà còn là vì bà, vì tiếng gà, vì ổ trứng hồng tuổi thơ.

Tiếng gà trưa là một âm thanh giản dị mà lại gần gũi, quen thuộc, nó làm âm vang kỉ niệm, gợi nhớ những kỉ niệm đẹp. Hình ảnh người bà trong bài thơ đã làm tôi xúc động, tôi chỉ có thể nói rằng bài thơ này quá hay!

**Đề 6: Cảm nhận về bài thơ Mẹ của Đỗ Trung Lai**

Bài thơ Mẹ là lời của người con, bộc lộ cảm xúc xót xa thương cảm khi thấy mẹ ngày một già đi, tuổi cao sức yếu, không còn khỏe mạnh minh mẫn như ngày xưa. Bao nỗi đắng cay, buồn vui cuộc đời của mẹ đều được miếng trầu cau chứng kiến. Nhà thơ Đỗ Trung Lai đã chọn hình ảnh cây cau để ví von so sánh với mẹ là một phát hiện khá tinh tế, nhiều biểu cảm, không chỉ về hình thể bên ngoài mà cả sự sâu lắng bấm đốt thời gian thân phận của một đời người. Mẹ thì bao mong mỏi nhưng rồi thời gian khắc nghiệt như một quy luật luân hồi muôn đời: “Lưng mẹ còng rồi - Cau thì vẫn thẳng” và “Cau - ngọn xanh rờn, Mẹ - đầu bạc trắng”. Hai sắc màu trái ngược nhau, hai hình dáng tương phản nhau tạo ra một ám ảnh cho tiếng thơ tiếng lòng quặn bao nỗi thắt khi “Cau gần với trời - Mẹ thì gần đất”. Chỉ qua hình ảnh miếng cau: “Một miếng cau khô - Khô gầy như mẹ” cũng đủ bao cảm thông héo hắt khi “Con nâng trên tay - Không cầm được lệ”. Hai chữ “nâng” và “cầm” đều chỉ động thái của tình cảm. Nếu “nâng” trang trọng kính trọng biết bao thì “cầm” lại nén bao đắng cay bấy nhiêu. Từng cặp biểu cảm được song hành tạo ra bao chất chứa, lời ít mà vọng xa. Chính đây cũng là sự vận động cảm xúc của bài thơ “Mẹ” dồn nén để buột ra câu cảm thán mang âm hưởng điệu hành trong thơ văn cổ: “Ngẩng trời hỏi vậy - Sao mẹ ta già”. Tài liệu của nhung tây Câu hỏi tự vấn đất trời cũng chính là tự vấn lòng mình. Thơ đã chạm được đến nỗi người, cõi người vừa đăm đăm vừa trống trải. Một sự cô đơn ngỡ như vô vọng: “Không một lời đáo - Mây bay về xa”. Như vậy, bài thơ là nỗi xót xa thưởng cảm của người con trước hình ảnh gầy guộc già nua của mẹ theo năm tháng.

**Đề 7:** Viết đoạn văn cảm nhận về tiếng gà trưa của tác giả Xuân Quỳnh

Bài thơ Tiếng gà trưa của Xuân Quỳnh là một bài thơ nói về những kỉ niệm đẹp đẽ của tuổi thơ và tình bà cháu. Tình bà cháu trong bài thơ, nói rộng hơn là tình cảm gia đình đã làm sâu sắc thêm tình quê hương đất nước. Người cháu ra đi chiến đấu vì lòng yêu Tổ quốc. "Tổ quốc" là một từ thật thiêng liêng nhưng cũng hết sức trừu tượng. "Tổ quốc" có trong mình "xóm làng thân thuộc". "Tổ quốc" có trong mình những kỉ niệm với bà, giản dị như tiếng gà cục tác. Như vậy, có thể nói "Tổ quốc" thiêng liêng, trừu tượng nhưng cũng thật giản dị, gần gũi. Bài thơ Tiếng gà trưa đã nói về tình cảm và kỉ niệm đẹp đẽ của người cháu với bà của mình. Chính vì tình cảm, kỉ niệm đó mà người cháu "chiến đấu hôm nay". Tình cảm đã khiến người ta có sức mạnh để bảo vệ những điều bình dị mà thiêng liêng. Đó là điều được gợi ra trong tôi sau khi đọc bài thơ. Tài liệu của nhung tây

**Đề 8**:**Viết đoạn văn nêu cảm xúc của em sau khi đọc bài thơ Những cánh buồm (Hoàng Trung Thông).**

**Đoạn văn tham khảo**

Bài thơ Những cánh buồm của Hoàng Trung Thông là một bài thơ viết về hình ảnh cha con để nói lên những ước mơ, khát vọng. Nhiều người khi đọc bài thơ này hẳn sẽ ấn tượng với hình ảnh cánh buồm, nhưng em lại ấn tượng với hình ảnh ánh nắng in lên vai hai cha con: "Ánh nắng chảy đầy vai". "Chảy" vốn là một từ được dùng cho chất lỏng, không phải cho ánh sáng. Vậy mà nhà thơ lại sử dụng nó để miêu tả sự chiếu sáng của ánh nắng. Vậy là từ một thứ không cầm nắm được, giờ đây ánh sáng đã được cụ thể hóa. Chính việc sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ này đã làm cho câu thơ gợi cảm hơn, khiến cho người đọc có nhiều liên tưởng hơn. Bài thơ Những cánh buồm của Hoàng Trung Thông không chỉ có ý nghĩa về mặt nội dung, mà ở hình thức nghệ thuật của nó cũng thật ý nghĩa vì đã tạo nên những liên tưởng gợi cảm. Tài liệu của nhung tây

**Đề 9:** **Viết đoạn văn nêu cảm xúc của em sau khi đọc bài thơ Mây và sóng (Ta-go).**

**Đoạn văn tham khảo**

Bài thơ Mây và sóng của Ta-go là một bài thơ giàu hình ảnh ẩn dụ và đề cao tình mẫu tử thiêng liêng. Hẳn nhiều người sau khi đọc xong bài thơ này sẽ ấn tượng với tình mẫu tử của hai mẹ con trong bài thơ, nhưng với tôi, tôi lại ấn tượng bởi cách tác giả tạo lập bài thơ. Đó là cách tác giả sử dụng hình ảnh ẩn dụ như mây, sóng để nói đến những điều kì thú của thiên nhiên, những điều hấp dẫn của thế giới. Tài liệu của nhung tây Đó là cách tác giả tạo nên cấu trúc hai đoạn thơ đầu trong bài. Chúng được sắp xếp theo một trình tự: Những điều hấp dẫn đang mời gọi đứa trẻ; Đứa trẻ rất háo hức nhưng nghĩ đến tình cảm mẹ dành cho mình nên đã từ chối. Việc lặp lại hình thức hai đoạn thơ đầu trong bài cũng là một cách lặp rất... thơ! Người đọc tưởng như đến đoạn ba, cũng sẽ tiếp tục là một sự "cám dỗ" nào đó và em bé sẽ vượt qua. Nhưng không, ở đoạn thơ thứ ba, đó là sự thay đổi, em bé đã chủ động nghĩ ra những trò chơi thú vị và chơi cùng mẹ. Chính ở đoạn thơ này, tình mẫu tử được thể hiện rõ nét nhất, và đó cũng là thông điệp mà cả bài thơ hướng đến. Ai đó đã từng nói: "Nội dung là nội dung của hình thức. Hình thức là hình thức của nội dung". Cấu trúc trong bài thơ Mây và sóng quả thực đã góp phần thể hiện thành công tư tưởng của chính nó. Tài liệu của Nhung tây

**Đề 10: Viết đoạn văn nêu cảm xúc của em sau khi đọc bài thơ Mẹ và quả (Nguyễn Khoa Điềm).**

**Đoạn văn tham khảo**

Sau khi đọc xong bài thơ Mẹ và quả của Nguyễn Khoa Điềm, tôi đặc biệt ấn tượng với khổ thơ cuối trong đó. Tài liệu của nhung tây Ở khổ thơ cuối, ta có thể thấy được tình cảm của chủ thể trữ tình dành cho mẹ. Đó là sự yêu thương xen lẫn với lo lắng. Sự lo lắng ở đây là chỉ sợ khi mẹ đã già yếu mà "lũ chúng tôi" vẫn chưa lớn khôn, vẫn chưa trở thành nơi để cho mẹ cậy nhờ, trông đợi. Tình mẫu tử luôn là một đề tài hay, nhưng nói cái gì trong đó mới tạo nên ấn tượng? Sự lo lắng khi mẹ già mà mình chưa lớn, chưa thành chỗ dựa cho mẹ là một nội dung cảm động và mới mẻ. Tài liệu của nhung tây Chưa cần nói đến hình thức nghệ thuật của bài thơ này, chỉ với nội dung, bài thơ Mẹ và quả của Nguyễn Khoa Điềm cũng đã đủ để chúng ta đọc và suy ngẫm.

**BÀI 4: RÈN KĨ NĂNG VIẾT BÀI VĂN BIỂU CẢM**

**VỀ CON NGƯỜI HOẶC SỰ VIỆC**

**1. Yêu cầu đối với bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc**

- Khái niệm: Viết bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc là nêu lên những tình cảm, cảm xúc, những suy nghĩ và thái độ của người viết về con người, sự việc nào đó trong cuộc sống hoặc trong tác phẩm văn học.

**Yêu cầu:**

+ Xác định đối tượng biểu cảm: Con người, sự việc em định viết bài văn biểu cảm là ai hay là gì? Đó là một con người, một sự việc trong đời sống hay trong tác phẩm văn học?

+ Suy nghĩ và trả lời câu hỏi: Con người hoặc sự việc ấy gợi cho em những cảm xúc, tình cảm và những suy nghĩ, bài học gì?

+ Lập dàn ý cho bài viết.

+ Viết bài văn theo một dàn ý hợp lí; nêu lên những tình cảm, cảm xúc và những suy nghĩ, thái độ của em một cách trung thực.

**Dàn ý bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc**

**1. Mở bài**

- Giới thiếu người và sự việc mà em muốn bày tỏ tình cảm, suy nghĩ.

- Bày tỏ tình cảm, ấn tượng ban đầu của em về người, sự việc đó.

**2. Thân bài**

- Giới thiệu chung:

- Người đó là ai? Sự việc đó là gì?

- Người hoặc sự việc đó có đặc điểm nào nổi bật?

- Trình bày cảm xúc, suy nghĩ về những đặc điểm nổi bật của người hoặc sự việc:

- Nêu ấn tượng và người hoặc sự việc.

**3. Kết bài**

- Khẳng định lại tình cảm, suy nghĩ của em đối với người, sự việc được nói tới.

**Đề 1: Cảm nghĩ về thầy cô để lại cho em nhiều ấn tượng nhất**

Từ xưa đến nay, dân tộc Việt Nam vẫn có truyền thống “tôn sư trọng đạo”. Thầy có là những người có công ơn dạy dỗ, dìu dắt chúng ta trong hành trình tìm đến với tri thức. Trong cuộc đời, mỗi người hẳn đều có một người thầy, cô giáo mà bản thân rất kính trọng. Và tôi cũng như vậy. Tài liệu của Nhung tây

Người giáo viên mà tôi yêu quý và kính trọng nhất là cô Nguyễn Thu Hà. Cô là giáo viên chủ nhiệm của lớp tôi, cũng là giáo viên dạy môn Ngữ văn. Năm nay, cô ba mươi sáu tuổi. Khuôn mặt của cô trông rất hiền dịu. Nước da trắng hồng, cùng mái tóc dài ngang vai. Đôi mắt với ánh nhìn dịu dàng. Nụ cười của cô luôn rạng rỡ trên môi. Mỗi khi đến lớp, cô thường mặc những trang phục đơn giản, nhưng toát lên vẻ thanh lịch. Tôi cảm thấy cô rất xinh đẹp, trẻ trung. Tài liệu của nhung tây

Trong giờ học, cô là một giáo viên rất nghiêm khắc. Dù vậy, cô cũng rất tâm lí. Cô luôn dành thời gian để truyền đạt cho học sinh kiến thức của môn học một cách tốt nhất. Giọng nói của cô vừa truyền cảm, vừa ấm áp. Tôi rất yêu thích giọng nói của cô. Mỗi khi có bạn không chú ý nghe giảng, cô đều nhắc nhở nhẹ nhàng. Cô rất hay ở lại lớp trong những giờ ra chơi để trò chuyện cùng chúng tôi. Cô tâm sự với cả lớp rất nhiều điều: từ việc học tập, đến vấn đề trong cuộc sống. Nhờ có cô, tôi cảm thấy học được rất nhiều điều bổ ích.

Tôi còn nhớ mãi một kỉ niệm về cô. Hôm đó, cô gọi tôi lên bảng để kiểm tra bài cũ. Nhưng tối hôm trước, tôi đã không học bài do mải xem phim. Khi nghe cô hỏi, tôi không trả lời được câu hỏi. Lúc đó, tôi nhìn thấy ánh mắt của cô rất buồn. Từ trước tới nay, tôi luôn là một học sinh chăm chỉ. Việc xảy ra ngày hôm nay có lẽ đã khiến cô cảm thấy thất vọng. Cô không trách mắng, mà yêu cầu tôi về chỗ. Cả buổi học hôm đó, tâm trạng của tôi rất nặng nề. Tôi tự trách bản thân. Cuối buổi học, tôi đã chủ động lên xin lỗi cô. Lời nhắc nhở của cô khiến tôi còn nhớ mãi. Nhờ có cô, tôi mới ý thức học tập chăm chỉ hơn. Tài liệu của nhung tây

“Một chữ là thầy, nửa chữ cũng là thầy” - Đó là câu tục ngữ đề cao vai trò của người giáo viên. Bởi vậy, tôi luôn tự nhắc nhở bản thân phải yêu quý và kính trọng cô giáo của mình.

### **Đề 2: Cảm nghĩ về tình bạn**

**Dàn ý tham khảo:**

**a. Mở bài:**

- Nêu lên cảm xúc chung về tình bạn: Tình bạn là thứ tình cảm cao quý, thiêng liêng của mỗi con người.

**b. Thân bài:**

- Cảm nhận về một người bạn tốt.

- Hồi ức lại kĩ niệm về tình bạn thuở nhỏ và liên hệ tới tương lai.

- Tinh bạn gắn với những kí niệm vui buồn trong học tập và trong cuộc sống.

- Niềm hạnh phúc khi có một người bạn tốt.

**c. Kết bài:**

- Suy ngầm của em về tình bạn.

#### **Bài mẫu tham khảo:**

Con người, đặt bản thân là trung tâm, luôn có rất nhiều mối quan hệ xoay quanh. Có những người, những mỗi quan hệ chỉ thoáng qua nhưng cũng có những người hay những mối quan hệ bằng một cách nào đó luôn gắn bó với ta, đi theo ta trong suốt cuộc đời. Tình bạn là một mối quan hệ như vậy.

Trong cuộc đời mình, ai cũng có ít nhất là một vài người bạn. Tình bạn không đến từ một người, nó là sự sẻ chia, thông cảm, là sự thấu hiểu về nhau giữa hai người. Một tình bạn đẹp phải xuất phát từ sự chân thành, trong sáng, vô tư  và tin tưởng. Những điều này tưởng như đơn giản nhưng đó lại là điều kiện tiên quyết để khởi đầu một tình bạn đẹp. Con người luôn sợ cô đơn, luôn muốn có người đáng tin tưởng để có thể sẻ chia, tâm sự nhưng cũng luôn dè chừng, cảnh giác với những người muốn chạm vào cảm xúc của họ. Cũng phải thôi, thật tồi tệ nếu một người bạn coi là bạn, Tài liệu của nhung tây lắng nghe những điều họ sẻ chia biết đâu sau đó lại đem những câu chuyện của bạn ra làm trò đùa. Tình bạn cũng không thể bền vững nếu không trong sáng, có mục đích hay để lợi dụng lẫn nhau. Chúng ta không thể gọi một người là bạn mà luôn phải đề phòng họ. Tài liệu của nhung tây

Để hai người khác nhau trở thành bạn của nhau cần rất lớn sự thấu hiểu. Bởi mỗi người sẽ có một tính cách khác nhau. Dẫu có thể có nét tương đồng nhưng điểm khác nhau sẽ vẫn rất lớn. Sự thấu hiểu đối với nhau không dễ dàng có được, nó cần phải có thời gian để vun đắp, có khó khăn hoạn nạn để thử thách và trưởng thành. Phải có sự sẻ chia, thông cảm và giúp đỡ lẫn nhau giữa hai người bạn mới có thể khiến họ hiểu nhau hơn. Mặt khác, con người không hoàn hảo, luôn có những thói quen xấu bên cạnh những cái tốt. Muốn tình bạn được bền lâu, ta không được bao che dung túng trước những thói quen xấu này.

Rất khó để có được một tình bạn nhưng một tình bạn đẹp sẽ khiến cuộc sống của ta thi vị hơn rất nhiều. Thật  bình yên khi gặp khó khăn mà luôn có người sẵn sàng đưa tay giúp đỡ hay khi có tâm sự có người yên lặng ngồi bên lắng nghe. Cũng thật hạnh phúc khi có tin tưởng chia sẻ với ta những điều giản dị. Và thật ấm áp khi có người luôn nhớ những thói quen nhỏ nhặt của ta để khi ta đi đâu, làm gì họ sẽ lại quan tâm, nhắc nhở. Nếu tìm được một người bạn như thế bạn sẽ cảm thấy hạnh phúc và đầy đủ vì bạn sẽ không phải lo Tài liệu của nhung tây âu hay đối mặt với những nỗi cô đơn hay sợ hãi trước cuộc sống tẻ nhạt.

Tình bạn là một món quà thiêng liêng và cao quý mà chúng ta cần trân trọng. Phải có tình bạn thì cuộc sống của chúng ta mới thật sự có ý nghĩa. Coi trọng tình bạn, nó sẽ đơm hoa kết trái và nảy nở mãi mãi không tàn lụi, là một vi thuốc tinh thần giúp ta luôn vững vàng trong cuộc sống hay khi đối mặt với khó khăn thử thách.

### **Đề 3: Cảm nghĩ về một món quà mà em được nhận thời thơ ấu**

**Dàn ý tham khảo:**

**1. Mở bài**

- Giới thiệu khái quát về món quà nhận được thời thơ ấu (Đó là món quà gì? Do ai tặng? Được tặng nhân dịp nào?...)

**2. Thân bài**

- Miêu tả đôi nét về món quà: Hình dáng bên ngoài, tác dụng trong cuộc sống…

- Ý nghĩa của món quà: Người tặng quà với tình cảm như thế nào? Mong muốn điều gì qua món quà tặng?

- Cảm nhận về món quà: Khi nhận quà cảm xúc của em như thế nào? Em có những thay đổi gì sau khi nhận quà?

**3. Kết bài**

Cảm nghĩ của em về món quà, cũng như người tặng.

**Bài mẫu tham khảo**

Tuổi thơ là những ngày tháng rong chơi không lo nghĩ, là những nụ cười trong trẻo ngày nắng, những âm thanh vui vẻ lắng đọng ngày mưa. Tuổi thơ của tôi gói gọn trong một kỉ vật đến giờ vẫn được cất giữ trên vị trí đẹp nhất của tủ kính nơi phòng khách: con gấu bông.

Con gấu bông này tôi được mẹ tặng vào dịp sinh nhật sáu tuổi, khi mà ngày khai trường vào lớp một đã cận kề. Tôi vẫn còn nhớ cảm giác hạnh phúc đến vỡ òa khi bóc từng lớp giấy bọc quà, nhìn thấy chiếc tai gấu lấp ló phía trong hộp bìa carton. Cảm giác nghẹn ngào, xúc động đến mức tôi nhảy cẫng lên hò reo khiến cả nhà nhìn tôi thích thú trêu chọc. Tôi đã thích gấu bông từ rất lâu rồi, khi sang nhà chị họ chơi và thấy chị có một chú gấu Teddy để trên bàn học, tuy nhiên tôi biết gia đình mình không quá khá giả, mẹ và bố phải làm việc vất vả để kiếm tiền trang trải học phí và những lần ốm đau của tôi. Do đó, tôi không hề năn nỉ hay xin bố mẹ mua bất cứ món quà nào cả. Tuy nhiên, có lẽ vì nhìn thấy sự thích thú của tôi với chú gấu bông kia và muốn động viên tôi học tốt nên mẹ đã mua tặng tôi vào ngày sinh nhật món quà tuyệt vời đến vậy. Tài liệu của nhung tây

Tôi rất thích chú gấu mẹ tặng và đặt tên nó là Nhỏ, vì em cũng nhỏ xinh thôi, không quá to, vừa đủ để tôi ôm đi ngủ. Từ khi có chú gấu Nhỏ, tôi luôn mang theo em khi sang nhà hàng xóm chơi trò gia đình, em sẽ là em bé, tôi chăm em, cho em ăn, dỗ dành em khi ngủ... Tôi may áo cho em mặc, làm mọi thứ từ những tờ giấy lịch hay bất kể thứ gì tôi nghĩ ra để em có "một cuộc sống sung túc nhất".

Nhỏ toàn thân có màu nâu xám, đôi mắt đen láy như hai hạt nhãn và chiếc mũi xinh xinh hình tam giác. Tôi luôn cố gắng giữ gìn em, tuy nhiên có một ngày tôi ôm em sang nhà hàng xóm chơi như thường lệ, thì tôi làm em rách bục chỉ ở tay vì bị mắc vào đinh ở trên tường. Tôi lúc đó rất sợ, sợ vì mẹ sẽ trách mắng, lại buồn, buồn vì đây là món quà mẹ tặng, tôi không muốn em bị hỏng chút nào. Tài liệu của nhung tây

Tôi và một chị hàng xóm đã lấy kim chỉ và khâu lại nhưng vẫn bị lòi bông ra ngoài. Tôi càng trở nên lo lắng. Khi mẹ biết chuyện, mẹ đã khâu lại giúp tôi, cười và nói: mẹ rất tự hào khi tôi biết tự khâu lại vì lúc đó tôi còn nhỏ, nhưng cũng lưu ý tôi không nên quá lo lắng về những chuyện vô tình xảy ra, cứ thoải mái đón nhận và chuyện gì cũng có cách giải quyết. Khi ấy, tôi vẫn chưa hiểu rõ lời mẹ nói, nhưng giờ đây nhớ lại, tôi đã có thể hiểu phần nào. Tôi đã không còn luống cuống khi gặp phải tình huống bất ngờ nữa. Thay vào đó, tôi bình tĩnh hơn và suy nghĩ tìm cách giải quyết, nếu việc nào khó quá, tôi sẽ đi tìm người nào đó có thể giúp mình. Tài liệu của Nhung tây

Đó là bài học đầu tiên mẹ dạy tôi - một đứa trẻ nhỏ luôn lo lắng, luôn sợ hãi. Giờ đây, khi tôi đã lớn hơn, em gấu Nhỏ được mẹ cất trong ngăn tủ ở phòng khách, thỉnh thoảng được mẹ mang đi giặt cho đỡ bụi bặm. Mỗi khi nhìn thấy em gấu, tôi luôn tự nhủ với bản thân phải cố gắng, không được làm mẹ phiền lòng, phải mạnh mẽ và luôn bình tĩnh, lạc quan.

**Đề 4: Viết bài văn biểu cảm về một sự việc hoặc nhân vật mà em yêu thích trong đoạn trích "Bạch tuộc: (Véc-nơ) đã học.**

**ĐOẠN VĂN THAM KHẢO**

    Trong đoạn trích Bạch tuộc, nhân gây ấn tượng nhất đối với em là thuyền trưởng Nê-mô, một người vừa có vẻ đẹp của thể lực lẫn tinh thần.

    Thuyền trưởng Nê-mô trong đoạn trích Bạch tuộc hiện lên là một người sẵn sàng chiến đấu với lũ bạch tuộc, nói cách khác, ông là một người quyết đoán, gan dạ. Ông đã sẵn sàng chiến đấu với những con bạch tuộc bằng rìu và đã đã chém đứt các vòi của chúng. Khi Nét Len bị một con bạch tuộc quật ngã, giáo sư A-rôn-nác đã lao tới cứu anh ta. Nhưng Nê-mô đã đến trước giáo sư. Lưỡi rìu của Nê-mô cắm phập vào mồm quái vật, và thế là Nét thoát chết trong gang tấc. Ở chi tiết này, có thê thấy sức mạnh cùng sự nhanh nhẹn của một thuyền trưởng. Phải có sức khỏe về thể chất, Nê-mô mới có thể sẵn sàng chiến đấu với lũ "quái vật" này và có những hành động vô cùng nhanh như vậy.

   Nê-mô không chỉ là một người có vẻ đẹp về thể lực mà còn có cả vẻ đẹp về tinh thần. Vì sao ông phải chiến đấu với lũ bạch tuộc? Đó không chỉ còn là vì lũ bạch tuộc khiến con tàu No-ti-lớt không đi được mà còn vì những con người trên chiếc tàu ấy. Nếu không chiến đấu với lũ bạch tuộc, sẽ không có cơ hội nào để cứu người thủy thủ kia, không có cơ hội nào để cứu Nét Len. Việc Nê-mô chặt đứt vòi bạch tuộc hay rìu của ông cắm phập vào mồm quái vật vừa cho thấy sức mạnh thể chất của ông, nhưng cũng nói lên sự giận dữ của ông với lũ "quái vật" dám động vào những người trên tàu. Nói cách khác, đó là tình cảm giữa người với người, tình cảm của những người đã thân thiết dành cho nhau. Tôi nhớ nhất là chi tiết mắt Nê-mô ứa lệ khi nghĩ về "biển cả vừa nuốt mất một người đồng hương của mình". Tôi ấn tượng bởi đó là sự xúc động của một con người dành cho một con người, của người có quê hương dành cho đồng hương của mình, của một thuyền trưởng dành cho thuyền viên. Tài liệu của nhung tây Tôi còn ấn tượng bởi ông không khóc nức nở, không khóc thành tiếng hay một sự xúc động thái quá. Ở đây, Nê-mô chỉ "ứa nước mắt", những giọt nước mắt của ông cứ trào ra, ông không hề kêu lên hay cố tình thể hiện mà nó là cảm xúc chất chứa đến hồi bộc phát. Chi tiết này là một chi tiết đắt giá nói lên vẻ đẹp tinh thần của Nê-mô.

    Nhân vật Nê-mô với sự gan dạ, quyết đoán và tình thương người đã để lại trong tôi sự cảm phục và ngưỡng mộ. Ông cũng cho tôi hiểu về sức mạnh của con người, sức mạnh của tinh thần đồng đội. Chính Nê-mô đã cho tôi biết cách cần phải rèn luyện bản thân cả về thể chất lẫn tinh thần. Tài liệu của Nhung tây

**BÀI 5: VIẾT BÀI VĂN THUYẾT MINH VỀ QUY TẮC, LUẬT LỆ TRONG MỘT HOẠT ĐỘNG HAY TRÒ CHƠI**

**1. Định hướng**

**a. Khái niệm**

- Viết bài văn thuyết minh về quy tắc, luật lệ trong một hoạt động hay trò chơilà giới thiệu những quy định mà các thành viên tham gia hoạt động hay trò chơi ấy cần tôn trọng và tuân thủ

**b. Mục đích**

- Cung cấp thông tin về quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động

**c.Các thao tác chính**

- Xác định hoạt động hay trò chơi cần thuyết minh

- Tìm thông tin về hoạt động hay trò chơi đó ở các nguồn khác nhau; chọn lọc thông tin quan trọng, tập trung vào các thông tin liên quan đến các quy tắc, luật lệ của hoạt động hay trò chơi đã xác định

- Xác định bố cục bài văn; lựa chọn trật tự sắp xếp các thông tin chính, chú ý làm nổi bật các thông tin về quy tắc, luật lệ của hoạt động hay trò chơi

- Xác định hình thức trình bày: chữ viết kèm theo hình vẽ hoặc tranh, ảnh để giới thiệu, minh họa về quy tắc, luật lệ của hoạt động hay trò chơi

- Có thể trình bày bài văn bằng cách viết tay hoặc thiết kế trên máy vi tính

**2. Thực hành**

**Đề bài**: Dựa vào các văn bản đã học (“Ca Huế, “Hội thi thổi cơm”, “Những nét đặc sắc trên đất vật Bắc Giang”), hãy viết bài văn thuyết minh về một số quy tắc, luật lệ cho một trong các hoạt động hay trò chơi đã được giới thiệu hoặc các hoạt động hay trò chơi tương tự của địa phương em.

**a. Chuẩn bị**

- Xác định hoạt động hay trò chơi được em thuyết minh về quy tắc, luật lệ

- Xem lại các văn bản đọc hiểu về các hoạt động hay trò chơi đó

- Tìm hiểu thông tin và thu thập tranh, ảnh về hoạt động hay trò chơi mà em định viết bài văn thuyết minh. Tài liệu của Nhung tây

**b.Tìm ý và lập dàn ý**

\*Tìm ý: (trả lời các câu hỏi)

- Đó là hoạt động hay trò chơi gì? Diễn ra ở đâu?

- Mục đích của hoạt động hay trò chơi ấy là gì? Đối tượng tham gia là ai?

- Trình tự tiến hành hoạt động hay trò chơi ấy như thế nào?

- Có những quy định gì về hoạt động hay trò chơi ấy?

- Giá trị và ý nghĩa của hoạt động hay trò chơi ấy là gì?

\*Lập dàn ý:

- Mở bài: Giới thiệu hoạt động hay trò chơi

- Thân bài: Giới thiệu chi tiết các quy tắc, luật lệ của hoạt động hay trò chơi theo một trật tự nhất định

- Kết bài: Nêu giá trị và ý nghĩa của hoạt động hay trò chơi

**c.Viết**

- Viết một đoạn văn(mở bài, kết bài hoặc một ý lớn trong phần thân bài) mà em thấy tâm đắc

- Viết bài văn thuyết minh hoàn chỉnh

**d.Kiểm tra và chỉnh sửa**

- Đọc lại

- Xem xét bố cục và nội dung các ý nêu trong đoạn văn, bài văn thuyết minh đã hợp lí và đầy đủ chưa

- Rà soát, phát hiện và sửa các lỗi trong trình bày, diễn đạt.

**THAM KHẢO ĐẤU VẬT VIỆT NAM LỊCH SỬ RA ĐỜI GẮN VỚI TRUYỀN THỐNG VĂN HÓA VIỆT**

**Đấu Vật Việt Nam chính là một nét đẹp trong văn hóa truyền thống, tất cả những ai muốn tham gia sẽ đều có đặc quyền là được thi đấu hết mình và được xem là những đô vật thực thụ. Hình thức thi đấu của môn này còn thể hiện được thực hiện theo “tín ngưỡng”, cầu nguyện cho mọi người sẽ đều gặp được những điều tốt đẹp đến với địa phương mình.**

## 1. Đấu vật là gì?

Khái niệm về môn thể thao đấu vật là môn đối kháng giữa hai người chơi. Nhiệm vụ của họ là cố gắng kiểm soát bằng cách nắm chặt, xoay và ép. Tùy theo quy định của từng luật từng địa phương mà người thắng sẽ thu được nhiều lợi ích. Tài liệu của nhung tây Bằng cách chống lại đối thủ hoặc là đối thủ thua hoặc là bị đẩy ra khỏi đấu trường. Những vận động viên khi tham gia môn thể thao này sẽ được gọi là đo vật. Đây là môn thể thao có lịch sử lâu đời và được nhiều quốc gia trên thế giới áp dụng với phong cách sống khác nhau.

## 2. Lễ hội đấu vật ở Việt Nam

Tại Việt Nam môn đấu vật là trò chơi dân gian truyền thống phổ biến ở hầu hết các tỉnh phía Bắc. Những làng nghề đấu vật nổi tiếng là : Vị Thanh (Vĩnh Yên), Gia Lâm (Gia Lâm), Mai Động (Hà Nội), Phong Châu, Thục Vu (Nam Định), Đoan Hùng (Vĩnh Phú),… Đây là những địa phương vẫn thường xuyên tổ chức lễ hội đấu vật nhằm tạo ra được sân chơi lành mạnh cho các đô vật. Cũng như là một hình thức tế lễ, cầu nguyện. Tùy từng địa phương khác nhau mà sẽ có hình thức thi đấu cũng như mục đích tổ chức khác nhau. Tài liệu của nhung tây

### a. Cách thắng đấu vật

Một trận đấu giữa hai người đánh nhau tại Việt nam ta gọi là keo vật. Những thế để vật đối phương gọi là miếng. Một đô vật giỏi không chỉ cần phải khỏe mà còn phải nhanh nhẹn để có thể thi đấu những pha bất ngờ hạ gục đối phương. Tài liệu của Nhung tây

Theo phong tục Việt Nam, muốn thắng thì phải giành hạ đối thủ bằng cách “lấm lưng trắng bụng” hoặc “ngã ngựa trắng bụng” hay nhấc bổng đối thủ lên.

Hội vật ở Việt Nam thường được bố trí vào tháng Giêng âm lịch. Đấu vật có nhiều giải thưởng phụ và ba giải thưởng lớn. Giải thưởng phụ được gọi là giải hàng được trao cho bất kỳ ai giành được 1 keo vật thắng. Giải thưởng chính hàng năm do một người đảm nhiệm, và điều kiện là giải thưởng đó phải được trao trong thời gian diễn ra lễ hội.

Người chiến thắng phá giải là người đã giành được chiến thắng trước người đã thắng của năm trước. Nhưng phải đánh bại nhiều đô vật tham gia khác mới được gọi là người chiến thắng.

### b. Diễn biến của 1 keo vật điển hình

Đô vật tham gia sẽ đóng khố và cởi trần. Trước khi đấu vật, hai đối thủ sẽ cùng nhau lên đài, trình diễn những động tác tay chân để rình miếng của nhau. Sau đó họ lao vào nhau, ôm nhau và vật lộn.

Khi đối thủ đang giằng co, vật nhau thì có hai người làm nhiệm vụ phất cờ, đánh trống rất náo nhiệt. Người đánh trống cầm dùi ghé vào tai vận động viên đánh nhịp ba tiếng một lần như động viên, thúc giục. Vẫy cờ cán dài để ngăn người xem xâm phạm sân, và trong trường hợp khuyến khích người thắng cuộc, họ vẫy cờ theo nhịp trống.

Trong một trận đấu vật, khi đô vật biết mình bị “bắt bài” (lỡ miếng), mặc cho đối thủ vằn vện, đô vật ngay lập tức nằm xuống đất, tránh bị ngã và chỉ khi đối thủ sơ hở mới đứng lên.

Hai kiểu tấn công đối tượng chính của Việt Nam là đệm, ngáng làm đối phương ngã và bóc nâng đối phương lên. Tài liệu của Nhung tây

Đối với ba giải chính thì việc phá xong mỗi giải hay do người giữ giải đã tiến hành vật đủ số người theo lệ quy định. Hoặc có thể là do người phá giải toàn thắng thì những người dân làng sẽ thường đốt 1 bánh pháo toàn hồng để chúc mừng.

*(Dẫn theo Bóng đá 365.com)*

**CA TRÙ DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ VIỆT NAM TẠI THẾ GIỚI**

**Ca trù được định hình với tư cách là một thể loại ca nhạc có đặc trưng, phong cách riêng vào khoảng thế kỷ 15. Tuỳ từng địa phương, từng không gian diễn xướng mà hát Ca trù còn được gọi là hát ả đào, hát cửa đình, hát cửa quyền, hát cô đầu, hát nhà tơ, hát nhà trò hay hát ca công.**

### **1. Lịch sử**

Ca trù được bắt nguồn từ dân ca, dân nhạc cùng với một số trò diễn và múa dân gian. Chính vì vậy, Ca trù là một **bộ môn nghệ thuật tổng hợp** với nét độc đáo là sự phối hợp đa dạng, tinh tế, nhuần nhuyễn giữa thi ca và âm nhạc, đôi khi có cả múa.

Xuất hiện sơ khai vào đầu thế kỷ 11, bắt đầu thịnh hành trong nước từ thế kỷ 15 nhưng đến nửa cuối thế kỷ 20, Ca trù mới được thế giới biết đến lần đầu tiên qua tiếng hát của **nghệ nhân Quách Thị Hồ** (1909 – 2001). Dần dần sau đó, Ca trù còn được nhiều nhạc sĩ, nhạc học gia nước ngoài theo học, tìm hiểu, nghiên cứu và giới thiệu tại nhiều trường đại học nổi tiếng trên thế giới. Trải qua quá trình phát triển thăng trầm cùng với những biến cố của lịch sử, cho tới nay, Ca trù đã đạt đến trình độ thẩm mỹ cao, khẳng định được vị trí quan trọng không chỉ của Việt Nam mà còn của cả nhân loại.

Ca trù hiện có ở 14 tỉnh, thành trong cả nước: miền Bắc (Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Dương, Hải Phòng, Hưng Yên, Nam Định, Thái Bình, Phú Thọ, Vĩnh Phúc); miền Trung (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình); miền Nam (Thành phố Hồ Chí Minh).

Bên cạnh đó, nhiều nơi trước đây có giáo phường Ca trù ở châu thổ Bắc Bộ hiện vẫn có đền thờ tổ Ca trù như làng Lỗ Khê (xã Liên Hà, huyện Đông Anh, Hà Nội) có đình ca công; làng Cổ Đạm (huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh) có đền Tổ Cô đầu hay đền Bạch Hoa công chúa; làng Phượng Cách (xã Phượng Cách, huyện Quốc Oai, Hà Nội) cũng có di tích đền thờ tổ Ca trù.

### **2. Đặc điểm nghệ thuật của Ca trù**

Hát Ca trù có 5 **không gian trình diễn** chính: hát cửa đình (hát thờ), hát cửa quyền (hát cung đình hay hát chúc hỗ), hát tại gia (hát nhà tơ), hát thi và hát ca quán (hát chơi). Mỗi không gian có một lối hát và cách thức trình diễn riêng. Ca trù xưa được tổ chức chặt chẽ thành phường, giáo phường, do trùm phường và quản giáp cai quản. Ca trù có qui định về sự truyền nghề, cách học đàn, học hát, việc cho phép đào nương vào nghề (lễ mở xiêm áo), việc chọn đào nương đi hát thi…

Tham gia biểu diễn Ca trù có ít nhất 3 người: một nữ ca sĩ gọi là “đào nương” hay “ca nương” hát theo lối nói và gõ phách lấy nhịp (phách là một nhạc cụ làm bằng gỗ hoặc tre, được gõ bằng 2 que); một nam nhạc công gọi là “kép” đệm đàn đáy cho người hát (đàn đáy là một loại đàn cổ, dài, có 3 sợi dây tơ và 10 phím đàn), một người điểm trống chầu gọi là “quan viên”. Trong đó, **ca nương** là một trong 3 thành phần quan trọng. Để trở thành một người ca nương được mọi người công nhận, người nghệ sỹ phải trải qua quá trình học hỏi, luyện tập, trau dồi và vượt qua rất nhiều thử thách.

Trong Ca trù có các thể cách chỉ các làn điệu hát, hình thức diễn xướng múa, diễn, nghi lễ, việc thi cử trong Ca trù. Khi thể cách là làn điệu hát, thì “thể cách” hoàn toàn trùng hợp với “làn điệu” (ví dụ thể cách Hát nói, Bắc phản,…). **Một điệu có thể là một bài hát nhưng cũng có thể bao gồm nhiều bài**; mỗi bài bao giờ cũng chỉ có một lời ca với tên gọi riêng của nó. Thể cách cũng chỉ một tiết mục múa hoặc diễn xướng, thậm chí một nghi lễ trong trình diễn Ca trù, một trình diễn kỹ thuật về sử dụng trống hoặc đàn. Tài liệu của nhung tây Trong nghệ thuật biểu diễn Ca trù, số thể cách có sự thêm bớt thành các biến cách, làm phong phú thêm cho thể cách Ca trù. Tư liệu Hán Nôm hiện đã ghi nhận được 99 thể cách Ca trù; có thể chia thành 3 nhóm: nhóm hát thuần túy gồm 66 làn điệu, bao gồm 5 nhóm nhỏ là hát, đọc, nói, ngâm, thổng; nhóm kết hợp hát - múa - diễn gồm 19 thể cách; nhóm nghi lễ và trình diễn nghề trong thi cử gồm 14 thể cách.

Trong Ca trù, thơ giữ một vị trí rất quan trọng. Nhiều nhà nghiên cứu âm nhạc cho rằng hát **Ca trù là hát thơ với một hệ bài bản phong phú quy định cho từng lối hát**. Lời lẽ, ca từ của Ca trù mang tính uyên bác, ít lời mà nhiều nghĩa, giàu chất thơ, mang nhiều cảm xúc, trầm ngâm, sâu lắng. Kỹ thuật hát rất tinh tế, công phu, đòi hỏi phải nắn nót, chau chuốt từng chữ. Khi hát, đào nương không cần há to miệng, không đẩy mạnh hơi từ buồng phổi mà ém hơi trong cổ, ậm ự mà lời ca vẫn rõ ràng, tròn vành rõ chữ.

Ca trù có nhiều điệu hát, thể hát sử dụng các thể thơ quen thuộc và thuần Việt như: lục bát (điệu Bắc phản, Chừ khi, Cung bắc, Nhịp ba cung bắc, Đại thạch, Hãm, Hồng hạnh, Non mai, Thư phòng, Mưỡu, Ngâm vọng, Thổng…); song thất lục bát. Ngoài ra còn có các thể thơ 7 chữ và 1 câu lục cuối bài, thể thơ 7 chữ và 1 câu lục bát cuối bài, thể thơ Đường luật, thể phú, thơ Đường luật trường thiên. Đặc biệt, thể hát nói (thơ 8 chữ) là thể thơ dành riêng cho Ca trù. Hát nói có thể coi là một sáng tạo độc đáo của Ca trù bởi trong các làn điệu dân nhạc Việt Nam, chỉ có Ca trù mới hình thành nên thể thơ này. Hát nói sử dụng thể thơ độc đáo không chỉ ở nội dung và hình thức mà còn ở chỗ nó vừa là một điệu hát của Ca trù vừa là một thể loại văn học. Hát nói có một cấu trúc hoàn chỉnh, ổn định và mang tính đặc thù, khu biệt với các thể thơ khác. Trong hát nói, các yếu tố khuôn khổ, câu kết thúc, cách tổ chức vần luật… được quy định rất chặt chẽ. Một bài hát nói không phụ thuộc vào bài nhạc nhất định. Nghệ nhân hát nói, khi biểu diễn, hoàn toàn chịu sự chi phối của lời thơ.

Cùng với thơ, **múa cũng là một trong những nhân tố quan trọng góp phần tạo nên nét đặc sắc, riêng biệt của nghệ thuật hát Ca trù**. Có nhiều điệu múa được sử dụng trong Ca trù như: múa Bài Bông (thường được biểu diễn trong hát cửa đình), múa Đại Thạch (thường được biểu diễn trong hát thờ và hát thi), múa Bỏ Bộ và múa Tứ Linh (chỉ có trong hát thờ)...

### **3. Giá trị nổi bật của Ca trù**

Ca trù đã được Hội đồng thẩm định di sản của UNESCO đánh giá như sau:

- Ca trù đã trải qua một quá trình phát triển ít nhất từ thế kỷ 15 đến nay, được biểu diễn trong không gian văn hóa đa dạng gắn liền, ở nhiều giai đoạn lịch sử khác nhau. Ca trù thể hiện một ý thức về bản sắc và sự kế tục trong nghệ thuật biểu diễn, có tính sáng tạo, được chuyển giao từ thế hệ này sang thế hệ khác thông qua các tổ chức giáo phường. Những giáo phường này đã duy trì các cộng đồng có quan hệ mật thiết, tạo nên nét đặc trưng cho Ca trù. Mặc dù trải qua nhiều biến động lịch sử, xã hội nhưng Ca trù vẫn có một sức sống riêng bởi giá trị nghệ thuật độc đáo của nó đối với văn hóa Việt Nam.

**- Ca trù độc đáo ở không gian nghệ thuật riêng, nhạc cụ và thể thơ riêng biệt.** Theo các nghệ nhân dân gian, Ca trù có rất nhiều thể thức hoặc giai điệu khác nhau, mỗi loại này được gọi là thể cách. Kỹ thuật hát rất tinh tế, công phu. Từ Ca trù, một thể thơ độc đáo đã ra đời và có vị trí sáng giá trong dòng văn học chữ Nôm của dân tộc, đó là thể hát nói với hàng nghìn bài thơ chữ Nôm chứa đựng rất nhiều tâm trạng và biến thái tinh tế của tâm hồn Việt Nam qua nhiều thế kỷ. Về âm nhạc, ba loại nhạc cụ là đàn đáy, phách và trống, trải qua quá trình sử dụng lâu dài đã trở nên những nhạc khí đặc trưng của Ca trù, góp phần đưa Ca trù trở thành một thể loại thanh nhạc kinh điển của Việt Nam. Trên thế giới, ít có một bộ môn nghệ thuật nào mà chỉ có ba người cùng với nhạc cụ đàn đáy, cỗ phách, trống chầu phối hợp lại mà thành cả thơ, nhạc, tiết tấu, thể điệu… làm mê hoặc lòng người như Ca trù.

Mặc dù Việt Nam đã có nhiều cố gắng và có sự hỗ trợ của một số tổ chức quốc tế trong việc bảo vệ Ca trù song sức sống của Tài liệu của nhung tây Ca trù hiện nay vẫn chưa phải ở mức cao và vẫn cần phải được bảo vệ hơn nữa để tăng khả năng tồn tại và phát triển. Việc duy trì thường xuyên các buổi biểu diễn Ca trù tại các Câu lạc bộ và nâng cao chất lượng nghệ thuật của loại hình này là vấn đề đặt ra đối với công việc bảo vệ Ca trù. Bên cạnh đó, cần phải nâng cao nhận thức về Ca trù để có thêm nhiều công chúng thưởng thức, khẳng định vị thế trong xã hội hiện đại; đồng thời cần phải hỗ trợ các nghệ nhân lớn tuổi và khuyến khích những ca nương, kép đàn trẻ học hỏi và tham gia truyền dạy Ca trù cho các thế hệ sau.

Với sự đồng thuận, tự nguyện và hiểu biết đầy đủ của các cộng đồng hát Ca trù tại Việt Nam, cùng các kế hoạch hành động, trách nhiệm, cam kết, ủng hộ và hỗ trợ của các cơ quan nhà nước đối với việc bảo vệ Ca trù, ngày **01/10/2009**, tại Abu Dhabi, Các Tiểu vương quốc Ả-rập thống nhất, Ca trù của Việt Nam đã chính thức được ghi danh vào danh sách**di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp của nhân loại.**

**(Nguồn internet)**

**BÀI 6: RÈN KĨ NĂNG VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ VẤN ĐỀ**

**TRONG ĐỜI SỐNG**

**I. LÍ THUYẾT**

**a. Lựa chọn đề tài**

- Đề tài được chọn phải thoả mãn các điều kiện: phải là vấn để mình thực sự quan tâm và hiểu biết, có những ý kiến khác nhau khi nhìn nhận, đánh giá; có thể xác định thái độ dứt khoát đối với vấn đề đó.

Ví dụ: Tài liệu của Nhung tây

- Thành công và thất bài.

- Ham mê trò chơi điện tử.

- Đồ dùng bằng nhựa.

**b. Tìm ý**

- Vấn đề bàn luận: Ham mê trò chơi điện tử, nên hay không nên?

- Giải thích thế nào là trò chơi điện tử.

- Trình bày thực trạng ham mê trò chơi điện tử.

- Nguyên nhân hiện tượng ham mê trò chơi điện tử.

- Hậu quả ham mê trò chơi điện tử.

- Lựa chọn nên hay không nên ham mê trò chơi điện tử.

- Những lí lẽ và bằng chứng: trong cuộc sống, …

**c. Lập dàn ý**

- Dàn ý là kết quả của việc sắp xếp hợp lí các ý đã tìm được ở trên, phân bố chúng vào từng phần khi viết bài.

**DÀN Ý THAM KHẢO**

**Đề bài 1: Ham mê trò chơi điện tử, nên hay không nên?**

**1. Mở bài:**

- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: Ham mê trò chơi điện tử, nên hay không nên?

**2. Thân bài:** Tài liệu của Nhung tây

a. Giải thích

+ Trò chơi điện tử là gì

+ Hiện tượng học sinh quá đam mê trò chơi điện tử

b. Thực trạng

+ Học sinh ham mê trò chơi điện tử bỏ bê học tập, nói dối phụ huynh

+ Ham mê trò chơi điện tử trên diện rộng, học sinh bắt chước nhau

+ Các quán net mọc lên như nấm từ cổng trường cho đến các khu dân phố, mở cửa 24/7 luôn sẵn sàng phục vụ

c. Nguyên nhân

+ Do mải chơi

+ Do quá căng thẳng việc học tập

+ Do bị dụ dỗ

d. Hậu quả

+ Học hành chểnh mảng

+ Nói dối để được đi chơi điện tử

+ Hành vi ăn cắp, ăn trộm tiền để đi chơi điện tử

+ Đàn đúm, đua đòi, tốn thời gian tiền bạc, dễ bị lừa bởi tội phạm công nghệ cao

e. Mở rộng vấn đề: Chơi giỏi game cũng là nghề kiếm tiền

**3. Kết bài**: Khái quát lại vấn đề nghị luận

**2. Viết bài**

- Triển khai các ý đã có trong dàn ý.

## Đề bài: Viết bài văn trả lời cho câu hỏi: "Thế nào là lối sống giản dị?"

**1. Mở đoạn**

Bên cạnh đức tính khiêm tốn thì giản dị cũng là lối sống được nhiều người đề cao trân trọng vì nó có ý nghĩa rất quan trọng trong đời sống.

**2. Thân đoạn**

a. Giải thích

- Sống giản dị là một lẽ sống phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của bản thân, gia đình và xã hội, giản dị là không xa hoa, lãng phí, không cầu kì, kiểu cách, không chạy theo, không a dua với những nhu cầu lớn về vật chất và hình thức bên ngoài. Tài liệu của Nhung tây

- Sự giản dị không chỉ thể hiện qua hình thức bên ngoài mà còn thể hiện qua lời ăn, tiếng nói, quan điểm, cách nghĩ, cách ứng xử của con người trong mọi hoàn cảnh và trước mọi vấn đề.

*b. Ý nghĩa của lối sống giản dị*

- Lối sống giản dị giúp con người không bị lệ thuộc vào những ham muốn vật chất, biết tự kiềm chế bản thân, hòa hợp mọi vấn đề trong cuộc sống đẻ từ đó sống vui khỏe và thanh thản.

- Lối sống giản dị giúp con người hòa đồng với thiên nhiên và mọi người có khả năng và điều kiện để quan tâm nhiều hơn đến thế giới xung quanh. Tài liệu của Nhung tây

- Lối sống giản dị có một sức hấp dẫn riêng và tạo ra giá trị bền lâu.

- Lối sống giản dị của mỗi người có khả năng tạo dựng một xã hội văn minh có chiều sâu. Trong một xã hội mọi người đều có ý thức xây dựng lẽ sống giản dị thì xã hội sẽ bớt cái xấu , hướng tới một xã hội văn minh tốt đẹp. tài liệu của nhung tây

*c. Chứng minh*

- Bác Hồ vị lãnh tụ muôn vàn kính yêu của dân tộc Việt Nam người là tấm gương sang về lối sống giản dị, mặc dù là một vị là một vị lãnh tụ nhưng người sống giản dị như bao người Việt Nam khác từ bữa cơm, đồ dung, cái nhà, lối sống…Bác còn giản dị trong lời nói, bài viết hang ngày. Chính lối sống giản dị đã làm lên một vĩ nhân như Bác

*d. Phản đề*

- Nếu sống giản dị là lối sống đẹp dược mọi người ngợi ca trân trọng thì trong xã hội vẫn còn không ít những người chạy theo lối sống vật chất, ham hưởng thụ mà lười lao động, thích ăn chơi đua đòi, xa hoa, lãng phí. Đây là một trong những nguyên nhân khiến con người dễ rơi vào cám dỗ, vi phạm pháp luật

*d. Bài học nhận thức*

- Nhận thức: Lối sống giản dị có vai trò vô cùng quan trọng trong cuộc sống nó mang lại nhiều giá trị to lớn cho con người và xã hội

- Bài học: là một học sinh chúng ta cần rèn luyện đức tính giản dị hang ngày ngay từ những việc nhỏ nhất, giản dị trong ăn mặc, thực hiện tốt nội quy nhà trường, không đua đòi, sống phù hợp với lứa tuổi và hoàn cảnh gia đình

**3. Kết đoạn**

Sống giản dị không chỉ thể hiện sự văn minh, mà còn là lối sống cho tương lai phát triển bền vững. Có thể khẳng định sống giản dị là chìa khóa dẫn đến sự thành công.

**ĐOẠN VĂN THAM KHẢO**

Bên cạnh đức tính khiêm tốn thì giản dị cũng là lối sống được nhiều người đề cao trân trọng vì nó có ý nghĩa rất quan trọng trong đời sống.Vậy giản dị là gì? Giản dị là không xa hoa, lãng phí, không cầu kì, kiểu cách, không chạy theo, không a dua với những nhu cầu lớn về vật chất và hình thức bên ngoài. Sự giản dị không chỉ thể hiện qua hình thức bên ngoài mà còn thể hiện qua lời ăn, tiếng nói, quan điểm, cách nghĩ, cách ứng xử của con người trong mọi hoàn cảnh và trước mọi vấn đề. Tài liệu của Nhung tây Lối sống giản dị giúp con người không bị lệ thuộc vào những ham muốn vật chất, biết tự kiềm chế bản thân, hòa hợp mọi vấn đề trong cuộc sống để từ đó sống vui khỏe và thanh thản, giúp con người hòa đồng với thiên nhiên và mọi người có khả năng và điều kiện để quan tâm nhiều hơn đến thế giới xung quanh. Lối sống giản dị của mỗi người có khả năng tạo dựng một xã hội văn minh có chiều sâu. Trong một xã hội mọi người đều có ý thức xây dựng lẽ sống giản dị thì xã hội sẽ bớt cái xấu , hướng tới một xã hội văn minh tốt đẹp. Bác Hồ vị lãnh tụ muôn vàn kính yêu của dân tộc Việt Nam người là tấm gương sáng về lối sống giản dị, mặc dù là một vị là một vị lãnh tụ nhưng người sống giản dị như bao người Việt Nam khác từ bữa cơm, đồ dung, cái nhà, lối sống…. Chính lối sống giản dị đã làm lên một vĩ nhân như Bác. Tài liệu của Nhung tây Tuy nhiên trong xã hội hiện nay còn không ít những người chạy theo lối sống vật chất, ham hưởng thụ mà lười lao động, thích ăn chơi đua đòi, xa hoa, lãng phí. Đây là một trong những nguyên nhân khiến con người dễ rơi vào cám dỗ, vi phạm pháp luật. Lối sống giản dị có vai trò vô cùng quan trọng trong cuộc sống nó mang lại nhiều giá trị to lớn cho con người và xã hội. Là một học sinh chúng ta cần rèn luyện đức tính giản dị hàng ngày ngay từ những việc nhỏ nhất, giản dị trong ăn mặc, không đua đòi, sống phù hợp ví lứa tuổi và hoàn cảnh gia đình. Sống giản dị không chỉ thể hiện sự văn minh, mà còn là lối sống cho tương lai phát triển bền vững. Có thể khẳng định sống giản dị là chìa khóa dẫn đến sự thành công.

## 2. Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm

**Đề 1: Hiện tượng bàn luận Trò chơi điện tử: lợi hay hại?**

Hiện nay, với sự phát triển của công nghệ, các trò chơi điện tử ngày càng đa dạng và phổ biến hơn. Đây là một hình thức giải trí vừa có ưu và nhược điểm rõ rệt.

Trò chơi điện tử chính là giúp người chơi được giải trí, thư giãn đầu óc. Sau các giờ học tập, làm việc mệt nhọc, thì việc được chơi trò chơi yêu thích sẽ giúp giảm bớt căng thẳng, đem đến cảm giác vui vẻ và dễ chịu. Tài liệu của Nhung tây Đặc biệt là khi chơi trò chơi cùng lúc với những người bạn bè của mình. Tình cảm bạn bè sẽ theo đó trở nên gắn bó và gần gũi hơn.

Ngoài ra, các trò chơi điện tử còn giúp chúng ta làm quen và kết bạn thêm với những người bạn mới, ở các khoảng cách địa lí xa xôi, hiểm trở. Chỉ cần cùng chơi một trò chơi, tham gia cùng một hoạt động đoàn đội, là những con người ở những nơi khác nhau, chưa từng gặp gỡ cũng có thể trở nên thân thiết hơn. Điều đó giúp cho người chơi không cần phải đi xa mà vẫn có thể có thêm nhiều bạn bè. Tài liệu của Nhung tây

Đặc biệt, các trò chơi điện tử hiện nay còn giúp phát triển trí tuệ cho người chơi, đặc biệt là các bạn thanh thiếu niên. Bởi vì các trò chơi điện tử cũng cần có sự tư duy, sắp xếp, nghiên cứu làm sao để phát triển nhân vật, và chiến thắng trong các cuộc thi. Vì vậy, chơi trò chơi giúp cho người chơi phát triển tư duy và phản xạ. Đồng thời còn giúp tăng khả năng hợp tác, làm việc nhóm với người khác.

Trò chơi điện tử có rất nhiều lợi ích tốt nhưng bên cạnh đó, nó cũng tồn tại nhiều tác hại cần phải lưu ý. Tài liệu của Nhung tây Đầu tiên, việc chơi trò chơi điện tử có thể tiêu tốn rất nhiều thời gian của người chơi. Đặc biệt, nó còn dễ khiến người chơi bị sa vào, không thể kiểm soát được. Từ đó, khiến cho thời gian dành cho trò chơi tăng lên, và thời gian cho các công việc khác trong ngày bị thu hẹp lại, khiến cho hiệu suất học tập, làm việc bị giảm đi.

Đồng thời, các trò chơi với sự hấp dẫn lớn sẽ dễ dàng chiếm trọn tâm trí người chơi. Khiến họ lúc nào cũng nghĩ về trò chơi, về những điều sắp xảy ra, về chiến lược làm sao để nhanh tăng cấp. Từ đó vô tình khiến cho họ luôn nghĩ về trò chơi mà chểnh mảng trong học tập và rèn luyện. Khiến hiệu quả của việc học giảm sút. Tài liệu của Nhung tây

Cùng với đó, cũng không ít người còn tiêu tốn tiền bạc vào các trang bị, sự kiện của trò chơi. Và số tiền đó nhiều khi là không hề nhỏ. Đôi khi nó khiến người chơi - nhất là các bạn nhỏ có các hành vi không đúng để có tiền nạp game. Như trộm tiền mẹ, cướp tiền của bạn học, ghi nợ… Đó đều là những điều vô cùng tiêu cực.

Đặc biệt, nhiều người chơi trò chơi điện tử vì quá đắm chìm vào thế giới ảo đó, mà quên đi cuộc sống thực tại bên ngoài. Họ thỏa mãn với nhân vật trong trò chơi, với những người bạn ở trên đó dù chưa gặp một lần. Rồi ít nói và giao tiếp với những người xung quanh hơn, lúc nào cũng cắm mặt vào điện thoại, máy tính. Dần dần trở nên o bế và cô độc.

Như vậy, trò chơi điện tử có những tác hại đáng ngại nhưng cũng có nhiều lợi ích tốt. Vì vậy chúng ta phải biết cân đối giữa việc chơi game và cuộc sống thực, để phát huy tối đa các lợi ích tốt và giảm thiểu hết mức các tác hại mà nó đem lại.

**Đề 2: Ham mê trò chơi điện tử mà sao nhãng học tập trong học sinh hiện nay**

**Ham mê trò chơi điện tử mà sao nhãng học tập trong học sinh đang là vấn đề khá nhức nhối, được rất nhiều người quan tâm, đặc biệt là các bậc phụ huynh có con nhỏ "nghiện" điện tử.**Tài liệu của Nhung tây

Hiện nay, trò chơi điện tử đã trở thành món ăn tinh thần không thể thiếu của các bạn trẻ trên toàn thế giới. Bất kì nơi nào, bất kì ở đâu, các quán cho thuê máy tính để chơi game với giá vài nghìn đồng, hay còn gọi là quán net, cũng hoạt động hết sức công khai và rầm rộ. Trong quán net thậm chí còn phục vụ cả đồ ăn thức uống, chỗ ngủ qua đêm cho những thượng đế được hoàn toàn tập trung vào công cuộc "cứu thế giới". Từ cổng trường tập trung nhiều học sinh đến những con ngõ nhỏ hẻo lánh, hình thức kinh doanh này đều có đất làm ăn. Với bản tính tò mò, muốn tìm hiểu, thử nghiệm cái hay, cái mới, cùng áp lực học tập từ trường lớp, các bạn học sinh tìm đến trò chơi điện tử với mong muốn xây dựng hình tượng và có cơ hội thể hiện bản thân qua game.

Việc chơi trò chơi điện tử quá nhiều sẽ dẫn tới hành động như gian lận, trốn học lẻn ra quán net, nhịn ăn sáng để có tiền chơi game, thậm chí là lừa đảo, ăn cắp tiền đi chơi. Chơi với một nhóm bạn nghiện game, chắc chắn học sinh cũng sẽ đua đòi giống nhau, dẫn đến một hệ thống bao che, dối trá để được cùng nhau trót lọt. Cách đây gần một thập kỉ, cụm từ "cứu net" đã mang lại nỗi ám ảnh kinh hoàng đối với các bậc phụ huynh khi những thành phần bất hảo như My Sói, Hùng Gấu cầm đầu nhóm học sinh lớp 8, lớp 9 đi gây sự, đánh nhau, bắt ép những học sinh cả nam và nữ không đủ tiền trả tiền net, ép nữ sinh bán dâm trả nợ. Đã có biết bao nhiêu nạn nhân của băng nhóm xã hội đen mới lớn này, và hơn thế nữa, những học sinh được cứu net lại quay lại làm đồng bọn, tay sai cho dân anh chị để được bảo kê, lên mặt với đời. Tài liệu của Nhung tây

Nghiện trò chơi điện tử bắt nguồn từ bản thân ý thức mỗi học sinh. Có những bạn vì học hành áp lực, quá căng thẳng mệt mỏi hoặc cảm thấy bản thân bất tài, vô dụng thường tìm đến game như một con đường giải thoát. Sau một màn hình máy tính, các bạn được thoải mái, mặc sức đâm chém, xây dựng cả một đế chế cho mình. Nắm bắt được tâm lý này, các nhà phát triển game không ngừng trau chuốt hình ảnh, đồ họa, mở thêm nhiều cấp độ mới, đồ dùng, trang thiết bị ảo mà phải dùng tiền mới mua được, khiến các bạn ngày càng hiếu thắng, lún sâu vào con đường nghiện ngập. Sự mải chơi, bị dụ dỗ bởi bạn bè xấu cùng tính hấp dẫn của trò chơi điện tử khiến hiếm học sinh nào có thể từ chối được. Giống như một loại ma túy tinh thần, các bạn chơi game sẽ không thể sống nếu không được chơi, được thỏa mãn đam mê giao đấu, chiến thắng trong thế giới ảo.

Hậu quả của việc nghiện game đã quá rõ ràng. Từ thể chất, các bạn học sinh sẵn sàng bỏ ăn, bỏ ngủ, nhịn ăn sáng lấy tiền chơi game, ảnh hưởng nghiêm trọng tới sức khỏe. Về mặt tinh thần, người chơi game quá nhiều thường có dấu hiệu ảo tưởng, choáng váng do tiếp xúc với máy tính quá lâu, không thể phân biệt thật giả. Chắn hẳn không ai quên được vụ án thương tâm tại An Giang, cháu cắt cổ bà ngoại vì nghĩ bà có thể hồi sinh như trong trò chơi điện tử. Đó là dấu hiệu của bệnh tâm thần phân liệt, con người không thể sống là chính bản thân mình. Ngoài ra, những sự việc như ăn cắp ăn trộm, cướp của giết người để có tiền chơi game, những người nghiện game tập trung sống thành bầy đàn, quan hệ tập thể, ăn uống và phóng uế tại chỗ,... vẫn ngày ngày được đưa lên các mặt báo để cảnh tỉnh về việc nghiện game vô độ. Ai dám khẳng định bản thân sẽ không bao giờ có thể nghiện game và chỉ chơi một lần cho biết? Sức hấp dẫn của trò chơi điện tử có thể đánh gục bất cứ một ai đã sa chân vào nó. Ngoài ra, việc tương tác với những người chơi khác trên mạng rất dễ dẫn đến việc bị dụ dỗ, lừa đảo chiếm đoạt tài sản vì nhẹ dạ cả tin, cung cấp thông tin cá nhân mà không hề đề phòng rủi ro có thể gặp phải. Tài liệu của Nhung tây

Nghiện game là một căn bệnh, muốn chấm dứt cần có sự can thiệp về tâm lý của cả gia đình, nhà trường và xã hội. Các bậc phụ huynh cần quản lý giờ giấc và thói quen sinh hoạt của con em chặt chẽ, nhà trường cần quán xuyến, đồng thời tổ chức những trò chơi, giao lưu hoạt động thể chất lành mạnh thu hút sự chú ý của các em. Đặc biệt, mỗi học sinh cần tự có ý thức tiết chế bản thân, tìm đến game với đúng mục đích giải trí, tăng cường tư duy của nó. Game không có tội, người nghiện game mới có tội nên hãy nhìn lại bản thân, uốn nắn và điều chỉnh kịp thời trước khi quá muộn.

Phải thừa nhận, trò chơi điện tử có cả mặt lợi và mặt hại, tuy nhiên, việc quá đam mê điện tử để sao nhãng học tập thì hoàn toàn sai, nhất là lứa tuổi học sinh, độ tuổi còn cần tập trung rèn luyện kĩ năng sống và học tập. Là công dân toàn cầu tương lai, là mầm non của xã hội, đừng núp mình và làm nô lệ cho công nghệ, hãy chinh phục game và áp dụng nó vào đời sống, để trò chơi điện tử trở thành đúng bản chất giải trí lành mạnh ban đầu.

**Đề 3: Bảo vệ môi trường là bảo vệ cuộc sống của chúng ta**

Bảo vệ môi trường thiên nhiên chính là bảo vệ cuộc sống của chúng ta. Đây là một ý kiến hết sức đúng đắn.

    Môi trường thiên nhiên là toàn bộ điều kiện tự nhiên xung quanh như đất, nước, không khí, hệ sinh thái... Bảo vệ môi trường thiên nhiên nghĩa là bảo vệ các yếu tố này và đồng thời đóng vai trò vô cùng quan trọng trong cuộc sống con người. Tài liệu của Nhung tây

    Môi trường thiên nhiên đem lại rất nhiều lợi ích cho con người. Không khí đem lại nguồn thí thở vô tận cho con người, cung cấp khí oxi duy trì sự sống cho vạn vật. Nguồn nước sạch phục vụ con người sinh hoạt hằng ngày, đóng vai trò chính trong nông nghiệp, ngư nghiệp. Rừng giúp cân bằng hệ sinh thái, ngăn lũ, xói mòn, điều hòa khí hậu. Đất cung cấp nơi ở, nơi trồng trọt chăn nuôi. Cuộc sống của con người sẽ bị đe dọa khi môi trường dần bị hủy hoại. Trái đất nóng lên khiến băng tan, mực nước biển dâng cao có thể nhấn chìm một số nơi. Tầng ozone bị chọc thủng ngăn cản việc bảo vệ con người khỏi các tia bức xạ. Đất đai, nguồn nước bị ô nhiễm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của con người. Tài nguyên rừng có nguy cơ bị cạn kiệt do nạn chặt phá rừng bừa bãi, gây ra hiện tượng lũ quét, sạt lở đất đe dọa đến tính mạng của con người.

   Để bảo vệ cuộc sống của con người, chúng ta cần phải ý thức bảo vệ môi trường cao hơn. Trồng cây, gây rừng, phủ xanh đồi trọc. Thu gom rác thải, đổ rác đúng nơi quy định, tái chế rác thải đúng cách. Tài liệu của Nhung tây Sử dụng điện nước tiết kiệm, vệ sinh nơi ở thật sạch sẽ. Tích cực tham gia các hoạt động tuyên truyền bảo vệ môi trường.

    Như vậy, bảo vệ môi trường chính là bảo vệ cuộc sống của con người. Là một học sinh, em ý thức rõ được trách nhiệm của bản thân cần phải giữ gìn và bảo vệ môi trường ngày càng xanh sạch đẹp hơn. Tài liệu của Nhung tây

**Đề 4: Nếu khi còn trẻ ta không chịu khó học tập thì lớn lên sẽ chẳng làm được việc gì có ích**

Việc học hành có tầm quan trọng đặc biệt với mỗi người. Nhưng một số bạn học sinh lại lơ là không biết được rằng: nếu khi còn trẻ ta không chịu khó học tập thì lớn lên sẽ chẳng làm được việc gì có ích! Những bạn học sinh ấy cần sửa đổi chịu khó học hành để giúp ích cho cuộc sống. Tài liệu của Nhung tây

Như chúng ta đã biết, ai sinh ra và lớn lên cũng đều mong sau này sẽ trở thành người có ích. Để làm được điều đó, con người cần phải có tri thức - lĩnh vực đòi hỏi con người phải học tập chăm chỉ, không ngừng tích lũy mới có được. Vậy chúng ta cần hiểu: học tập là gì? “Học tập” là quá trình tiếp tu tri thức, kĩ năng,… vốn có của nhân loại thông qua nhà trường và cuộc sống. Mục đích của việc học là không ngừng nâng cao trình độ hiểu biết nhằm phục vụ cho bản thân, gia đình và xã hội. “Học” còn là quá trình bồi đắp tâm hồn, rèn giũa nhân cách của mỗi cá nhân. Việc học phải tiến hành ngay từ khi ta còn trẻ. Bởi có tri thức và nhân cách tốt, sau này mới có thể làm được việc có ích, đáp ứng nhu cầu xã hội.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy, trong lớp có nhiều bạn đã xác định đúng đắn mục đích học tập, đạt thành tích cao khiến cha mẹ, thầy cô vui lòng. Tài liệu của Nhung tây Nhưng bên cạnh đó còn một số bạn chưa hiểu hết ý nghĩa của việc học dẫn đến chểnh mảng, lơ là trong học tập. Các bạn còn mải chơi, bỏ học, trốn tiết, ham đánh điện tử, lười làm bài tập,… nên kết quả ngày càng thấp kém, làm mọi người buồn lòng. Các bạn ấy phải nhanh chóng thay đổi, nếu không sau này sẽ hối tiếc.

Bởi lẽ, tuổi trẻ là lứa tuổi mà cha mẹ, xã hội tạo mọi điều kiện để cho ta học tập. Tuổi trẻ cũng là lứa tuổi nhanh nhạy, dễ dàng tiếp thu kiến thức, cái mới nhất. Càng lớn tuổi, việc học sẽ càng trở nên khó khăn hơn. Ví dụ cứ thử so sánh việc học ngoại ngữ của một em bé Tiểu học với một người lớn tuổi sẽ thấy sự khác biệt lớn như thế nào. Cha ông ta thường nói: “Ấu bất học, lão hà vi” (Trẻ không học, già chẳng làm được gì). Học tập lúc còn trẻ chính là rèn luyện, tao khả năng học tập sau này. Tài liệu của Nhung tây Hay nói cách khác, tuổi trẻ mà không học sẽ khó trở thành người có ích. Nếu lơ là học tập khi còn nhỏ, lớn lên, ta sẽ không có đủ kiến thức vào đời. Thử hỏi cuộc sống của một người trưởng thành sẽ ra sao nếu không tự mình viết nổi một lá đơn xin việc hay thực hiện những phép tính đơn giản? Học tập là một quá trình lâu dài theo một hệ thống từ thấp đến cao, từ dễ đến khó, từ cơ bản đến phát triển nâng cao. Trong đó, các lớp dưới là gốc rễ, là nền tảng. Nếu ta không nắm bắt được kiến thức cơ bản thì càng học cao, ta lại càng không hiểu gì. Chính vì vậy, ngay từ đầu, ta phải chịu khó học tập vì nếu ta lơ là thì kiến thức sẽ bị mai một dần, không có nền tảng. Thực tế, có rất nhiều bạn đến lớp không chú ý nghe giảng, không chịu khó đầu tư suy nghĩ, phụ thuộc nhiều vào những bài làm mẫu dẫn đến đầu óc trì trệ, thiếu tính sáng tạo. Trình độ học vấn thấp dẫn đến trình độ suy nghĩ, tiếp thu kém, do đó không có khả năng làm tốt bất cứ công việc nào. Ví như người nông dân dù cần mẫn trên đồng ruộng đến đâu, nếu không có tri thức về cách gieo trồng, chăm sóc cây, cải tạo đất đai, không biết áp dụng khoa học kĩ thuật thì không thể đạt được năng suất cao, thậm chí mất mùa, đói kém. Tài liệu của Nhung tây Trong thời đại khoa học kĩ thuật phát triển nhanh chóng như hiện nay, nếu không học, chúng ta sẽ không thể đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội, không thể khẳng định được bản thân. Tuổi trẻ thiếu kinh nghiệm, thường dễ sa ngã. Học hành không tới nơi tới chốn, bị bạn xấu rủ rê, sa vào tệ nạn xã hội dần dần sẽ hạn chế trong cách sống, cách giao tiếp, ứng xử với mọi người xung quanh, thậm chí dần mất đi nhân cách, mất khả năng làm việc, trở thành gánh nặng cho gia đình và xã hội. Thế hệ trẻ là chủ nhân tương lai của đất nước. Mỗi cá nhân nếu tích cực học tập ngay từ khi còn trẻ sẽ góp phần rất lớn vào sự phát triển của nước nhà. Có biết bao tấm gương ham học, chủ động sáng tạo đã thành công , mang lại vinh quang cho cá nhân và là niềm tự hào của gia đình, quê hương, đất nước. Ở nước ta, thời Trần có Nguyễn Hiền vốn chỉ là một cậu bé nhà nghèo nhưng vì ham học, biết tận dụng mọi thời gian, kiên trì vươn lên để học tập mà mười ba tuổi đã đỗ Trạng nguyên, trở thành Trạng nguyên trẻ tuổi nhất nước ta. Gần đây, năm 2005, Ngô Bảo Châu đã được phong hàm vị giáo sư. Vị giáo sư trẻ tuổi nhất Việt nam này còn được tặng giải thưởng Fields – giải thưởng Toán học cao quý nhất thế giới. Thành công ấy cũng nhờ sự siêng năng tìm tòi sáng tạo, lòng nhiệt huyết trong học tập, nghiên cứu mà có được. Nhìn ra thế giới cũng có nhiều tấm gương rất đáng khâm phục về tinh thần tự học, tự vươn lên trong học tập như: nhà khoa học người Pháp Lu-i Pa-xtơ lúc học phổ thông chỉ là một học sinh trung bình, về môn Hóa ông đứng hạng 15 trong số 22 học sinh của lớp. Nhưng với lòng kiên trì, ham học, ông đã trở thành một nhà khoa học nổi tiếng – người đặt nền móng cho ngành vi sinh vật học cận đại. Một tấm gương nữa là Lep Tôn-xtôi, tác giả của bộ tiểu thuyết nổi tiếng “Chiến tranh và hòa bình” bị đình chỉ học đại học vì “vừa không có ý chí học tập, vừa không có năng lực” nhưng vẫn vươn lên trở thành một nhà văn vĩ đại. Ngày nay, yêu cầu học tập đặt ra với tất cả mọi người, kể cả người tàn tật. Ở nước ta không thiếu những tấm gương sáng về tinh thần hiếu học, ham học hỏi và ý chí vươn lên trở thành người có ích. Tài liệu của Nhung tây Anh Nguyễn Ngọc Kí bị liệt cả hai tay từ thủa nhỏ nhưng nhờ kiên trì vượt khó, nỗ lực học tập mà đã trở thành nhà giáo ưu tú, được bao thế hệ học trò quý trọng, mến yêu.Cô gái Việt Anh bị hỏng cả hai mắt nhưng không cam chịu số phận, đã tự mình vươn lên đã trở thành chủ nhân của hai chiếc bằng đại học loại giỏi và là chuyên gia công nghệ thông tin của Hội người mù tỉnh Hà Tĩnh. Như vậy, nỗ lực học tập ngay từ khi còn trẻ sẽ mang lại thành công lớn cho cuộc đời.

Từ những dẫn chứng trên, chúng ta có thể thấy rằng thế hệ trẻ phải chủ động, tích cực học tập. Không học tập sẽ không thể tự trang bị cho mình bất kì kiến thức nào để tự tin bước vào đời. Mỗi tấm gương là một bài học để chúng ta học tập và noi theo. Bản thân mỗi người cần thấy rõ việc học tập là thường xuyên, suốt đời. Có nhiều con đường để học tập thành công: học ở thầy, học ở bạn, học từ thực tế cuộc sống, tự học…Bản thân chúng ta cần thấy rõ việc học tập để trở thành người có ích cho tương lai vừa là quyền lợi, trách nhiệm vừa là nghĩa vụ của bản thân, đặc biệt trong thời đại nhân loại bước vào nền kinh tế tri thức và đất nước đang đẩy mạnh công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tóm lại, việc học là rất cần thiết để sống có ích, có ý nghĩa. Thế hệ trẻ ngày nay cần phải học tập tự giác, tích cực, xây dựng phong trào học tập không ngừng… để khẳng định được giá trị của bản thân, góp phần vào sự tiến bộ của quê hương, đất nước.

**Đề 5: Hiện tượng bàn luận: Thần tượng một ai đó nên hay không nên?**

Văn hóa thần tượng hiện nay vô cùng phát triển ở nước ta cũng như trên toàn thế giới, đặc biệt là với lứa tuổi thanh thiếu niên. Tài liệu của Nhung tây Như vậy, thì việc thần tượng một ai đó là nên hay không nên?

Việc chúng ta thần tượng một người nào đó là việc nên làm, bởi nó đem đến rất nhiều lợi ích cho bản thân mình. Bởi thường những người được chọn để thần tượng sẽ là người đạt được thành tích nào đó nổi bật trong cuộc sống. Như một diễn viên nổi tiếng, một học sinh giỏi xuất sắc, một cô công an tài giỏi… Sự thành công của họ khiến chúng ta ngưỡng mộ và kính mến, nên dần thần tượng họ. Việc này khiến chúng ta trở nên khao khát được lại gần và trở nên tài giỏi như thần tượng của mình. Từ đó, thôi thúc chúng ta học tập và rèn luyện chăm chỉ hơn, đạt được các thành tích tốt hơn để có thể xứng đáng với thần tượng của mình.

Ngoài ra, việc có một thần tượng xuất chúng, còn khiến các bạn trẻ có động lực học tập, làm việc hơn trong cuộc sống. Họ sẵn sàng học hành chăm chỉ hơn, làm việc hiệu suất hơn trước để có thể nhận được những phần quà, phần thưởng là các món đồ lưu niệm liên quan đến thần tượng, hay được đến các buổi giao lưu, gặp gỡ thần tượng. Hiệu ứng ấy vô tình khiến cho hiệu suất và hiệu quả của việc học tập, làm việc tăng lên đáng kể. Điều này rất dễ gặp ở xung quanh chúng ta. Như các em học sinh vì muốn được bố mẹ mua cho album của thần tượng, mà quyết tâm học tập ngày đêm để đạt được điểm cao trong kì thi theo mục tiêu bố mẹ đề ra. Đây thực sự là một kết quả tích cực. Tài liệu của Nhung tây

Cùng với đó, việc có một thần tượng cho bản thân mình. Để hâm mộ, yêu thương và theo dõi bước chân của họ mỗi ngày cũng giúp chúng ta có thêm niềm vui trong cuộc sống. Nó giống như một hoạt động giải trí, đem đến những giờ phút vui vẻ rất riêng biệt. Đồng thời, nó còn giúp chúng ta có thêm nhiều bạn bè hơn nữa - đó là những người cùng chung thần tượng với chúng ta. Việc cùng yêu thích một người nổi tiếng, sẽ giúp gắn kết mọi người lại với nhau, trở nên thân thiết hơn.

Bên cạnh các lợi ích như vậy, việc có một thần tượng cũng đem đến một số tác hại đáng kể đến. Đầu tiên, là việc tiêu tốn thời gian và tiền bạc. Việc có một thần tượng để yêu quý và theo dõi, sẽ khiến chúng ta mất khá nhiều thời gian trong ngày để nắm bắt các hoạt động và sự kiện mà họ tham gia. Đặc biệt là các mùa giải mà họ thi đấu, cần cạnh tranh với các đối thủ khác. Khi đó các cuộc cạnh tranh về lượt xem, lượt bình chọn diễn ra quyết liệt khiến các người hâm mộ tốn nhiều công sức, thời gian. Đồng thời, việc mua các món đồ lưu niệm, món đồ do thần tượng tham gia đại ngôn cùng các vé xem sự kiện, buổi biểu diễn của thần tượng cũng tốn không ít tiền bạc. Khiến rất nhiều bạn trẻ lâm vào hoàn cảnh khó khăn, dẫn đến trộm cắp tiền của bố mẹ, hay lấy tiền học, tiền sinh hoạt để sử dụng.

Cùng với đó, có một bộ phận các bạn trẻ đã có sự thần tượng quá mức, đến không thể kiểm soát được bản thân. Trở thành fan cuồng có các hành động tiêu cực khiến người xung quanh khó chịu. Như sưu tầm mọi đồ vật liên quan đến thần tượng mặc kệ giá cả. Bảo vệ thần tượng bất chấp lí do, hậu quả, dù họ đã làm sai chuyện gì. Xem thường, chửi mắng, hạ thấp thần tượng của người khác để nâng cao thần tượng của mình lên. Các hành động ấy đều khiến cho bản thân chúng ta bị mọi người chán ghét. Tài liệu của Nhung tây

Như vậy, việc có một thần tượng cho bản thân vừa có ưu vừa có nhược điểm. Vì vậy, chúng ta vẫn nên có một thần tượng nhưng cần phải biết kiểm soát bản thân để các ưu điểm được phát huy hết mức có thể và giảm tải tối đa những nhược điểm của nó.

**3. Chỉnh sửa bài viết**

Rà soát, chỉnh sửa các phần, các đoạn của bài viết theo những gợi ý trong bảng sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung rà soát** | **Hướng dẫn chỉnh sửa** |
| Ý kiến về vấn đề đời sống đã nêu rõ ràng chưa? | Nếu ý kiến chưa nêu rõ trong phần mở bài thì phải bổ sung. |
| Đã khẳng định được sự tán thành ý kiến chưa? | Nếu sự tán thành ý kiến thể hiện chưa rõ thì phải chỉnh sửa về cách diễn đạt. |
| Việc tán thành ý kiến đã có sức thuyết phục chưa? Lí lẽ và bằng chứng được nêu có phù hợp với nội dung nghị luận không? | Bổ sung, thay đổi nếu thấy lí lẽ và bằng chứng chưa làm cho sự tán thành đủ sức thuyết phục. Tài liệu của nhung tây |
| Đã rút ra được ý nghĩa của việc tán thành ý kiến chưa? Tài liệu của nhung tây | Bổ sung nếu thấy ý nghĩa của việc tán thành ý kiến còn mờ nhạt. |
| Việc sử dụng từ ngữ, câu văn, cách liên kết các câu trong đoạn và các đoạn trong bài đã đạt yêu cầu chưa? | Chỉnh sửa những lỗi về từ ngữ, ngữ pháp, bổ sung từ ngữ liên kết nếu thấy giữa các câu, các đoạn còn rời rạc. |

**BÀI 7: RÈN KĨ NĂNG TÓM TẮT VĂN BẢN THEO YÊU CẦU**

**KHÁC NHAU VỀ ĐỘ DÀI**

**I. LÍ THUYẾT**

## 1. Yêu cầu đối với văn bản tóm tắt

- Phản ánh đúng nội dung của văn bản gốc.

- Trình bày được những ý chính, những nội dung quan trọng của văn bản gốc.

- Sử dụng các từ ngữ quan trọng của văn bản gốc.

- Đáp ứng được những yêu cầu khác nhau về độ dài của văn bản tóm tắt.

**2. Trước khi tóm tắt**

- Đọc kĩ văn bản gốc

- Xác định nội dung chính cần tóm tắt

+ Xác định nội dung khái quát, cốt lõi của toàn văn bản

+ Tìm ý chính của từng phần hoặc đoạn và xác đinh quan hệ giữa các phần hoặc các đoạn

+ Tìm các từ ngữ quan trọng

+ Xác định ý chính của văn bản

+ Xác định đúng nội dung khái quát, cốt lõi

+ Xác định các phần trong văn bản

- Tìm ý chính của từng phần

- Xác định yêu cầu về độ dài của văn bản tóm tắt

+ Xác định ý lớn và ý nhỏ của văn bản gốc

+ Tùy theo yêu cầu về độ dài của văn bản tóm tắt mà lựa chọn ý lớn hay ý nhỏ từ văn bản gốc

**3. Viết văn bản tóm tắt**

- Sắp xếp các ý chính của văn bản gốc theo một trình tự hợp lí

- Dùng lời văn của em kết hợp với những từ ngữ quan trọng trong văn bản gốc để viết văn bản tóm tắt

- Chú ý bảo đảm yêu cầu về độ dài của văn bản tóm tắt

**4. Chỉnh sửa**

Rà soát, tự chỉnh sửa văn bản tóm tắt của em

**BÀI TÓM TẮT MẪU**

**Đề 1: Tóm tắt văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng”**

An được tía nuôi đưa đến gặp chú Võ Tòng. Mười mấy năm về trước, chú một mình bơi xuồng đến che lều ở nơi rừng hoang nhiều thú này và từng đánh bại một con hổ. Chú cũng có một gia đình đàng hoàng. Một lần, Võ Tòng bị tên địa chủ vu oan cho tội ăn trộm. Chú một mực cãi lại, bị tên địa chủ đánh. Tài liệu của nhung tây Chú vô tình chém bị thương tên địa chủ, nhưng không trốn chạy mà đường hoàng đến chịu tội. Đi tù về, chú nghe tin vợ đã lấy tên địa chủ kia, còn đứa con trai độc nhất thì đã chết, Võ Tòng liền bỏ làng đi. Sống trong rừng lâu, chú càng trở nên kì hình dị tướng, nhưng ai cũng quý mến chú bởi tính tình thật thà, hay giúp đỡ mọi người.

**Đề 2: Tóm tắt văn bản “ Buổi học cuối cùng”**

Như thường lệ, buổi sáng hôm ấy cậu bé Phrăng đến lớp học, trên đường đi cậu thấy có rất nhiều sự khác lạ so với mọi hôm, cả khi vào trường cũng vậy, sân trường bỗng dưng yên ắng như một ngày chủ nhật. Bước vào lớp cậu càng ngạc nhiên hơn vì thấy mọi người im phăng phắc, thầy Ha-men ăn mặc rất trang trọng, trong lớp lại còn có cả các cụ già cùng đến học. Qua lời nói xúc động của thầy giáo, cậu mới hiểu rằng hôm nay là buổi học cuối cùng bằng tiếng Pháp. Tài liệu của nhung tây Phrăng vô cùng ân hận vì sự ham chơi trước đây của mình, xấu hổ vì mình đã không đọc được bài như mong muốn. Thầy Ha-men nói về vẻ đẹp của tiếng Pháp về sự quý giá của tiếng nói dân tộc, ai nấy đều xúc động thiêng liêng... Cuối buổi học thầy giáo Ha-men viêt lên bảng dòng chữ “Nước Pháp muôn năm”.

**Đề 3: Tóm tắt văn bản Dọc đường Xứ Nghệ**

Trên đường cùng cha và anh qua địa phận Diễn Châu, cậu bé Côn hỏi cha về ngôi đền thờ Thục Phán và được cha kể cho nghe câu chuyện về Mỵ Châu – Trọng Thuỷ. Nghe xong cậu cảm kích trước cách vua Thục chém con rồi tự vẫn để giữ trọn chữ tín. Quan Phó bảng Sắc còn kể cho con nghe câu chuyện người xưa lí giải về hính dáng núi Hai Vai, núi Trống Thủng, núi Cờ Rách làm cậu bé Côn thêm thấm thía khát vọng của cha ông xưa. Khi đi qua đền Quả Sơn, cậu bé Côn rất thắc mắc về sự uy nghi của ngôi đền và công trạng của vị quan được thờ. Ông Sắc đã kể lại cho các con nghe công trạng của Uy Minh hầu Lí Nhật Quang giúp con không chỉ biết rõ hơn về vị tướng mà còn hiểu ra ý nghĩa sâu xa trong câu vè dân gian bà ngoại từng đọc cho nghe. Hai anh em Khiêm, Côn được cha dẫn qua nhiều nơi có phong cảnh đẹp, những di tích lịch sử của Nghệ An rồi qua Hà Tĩnh, thăm mộ cụ Nguyễn Du. Côn tần ngần không hiểu vì sao người tài thơ văn như vậy mà không được lập đền thờ, còn kẻ ăn trộm bị đánh chết thì lại có miếu thờ thật trang nghiêm…